N° 163

Juin 1931

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ QUỐC-HỌC

... Or cette notion de l'objectivité, cette habitude de la précision, c'est précisément ce qui manque, semble-t-il, à la connaissance orientale, d'ailleurs substantiellement si riche, spirituellement si profonde. Serait-il impossible d'appliquer la forme de la science occidentale au contenu de la connaissance orientale?..

RENÉ GILLOUIN (*Questions politiques et religieuses*)

Cái học của Đông-phương vẫn có cái bản-chất phong-phú, cái tinh-thần thâm-trầm thật, nhưng chính là thiếu mất cái quan-niệm về khách-quan, không quen biết sự diễn-xác là gì. Nay há lại không thể đem cái hình-thức của khoa-học Tây-phương mà ứng-dụng về nội-dung của học-thuật Đông-phương được ư?

(*Lời của một nhà phê-bình Pháp*).

. . .

Nước Nam ta có một nền quốc-học chân-chính không?

Câu hỏi đó gần đây đã làm đầu đề cho một cuộc tranh-luận rất thú-vị. Ông Lê Dư trong báo *Đông-tây* ở Hà-nội thì quyết rằng có, ông Phan Khôi trong báo *Phụ-nữ* ở Sài-gòn thì quyết rằng không.

Quốc-học không phải là một vật có thể giấu-giếm đi được, hay là cần phải tìm-tòi mới ra. Nếu quả có thật thì nó sờ-sờ rõ-rệt ra đó, ai còn chối được, mà phải đến người nọ nói có, người kia nói không! Sở-dĩ phải khởi ra câu hỏi đó, đủ biết rằng nếu nước ta đã từng có một nền quốc-học, thì cái quốc-học ấy cũng là nhỏ-nhen eo-hẹp, không có gì đủ đem khoe với thiên-hạ.

Nay chứng xét lịch-sử, thấy quả như vậy. Nước Nam ta mấy mươi thế-kỷ theo học nước Tàu, chỉ mới là một người học-trò khá, chưa hề thấy dám thoát cửa thầy mà lập nên môn-hộ riêng. Không những thế, lại cũng thường không lọt được ra ngoài vòng « giáo-khoa » mà bước lên tới cõi « học-thuật » nữa. Như vậy thì làm sao cho có quốc-học được?

Anh-hùng ta có, liệt-nữ ta có, danh-sĩ cao-tăng ta cũng có; nhưng trong cõi học nước ta, cổ-kim chưa có người nào có tài sáng-khởi, phát-minh ra những tư-tưởng mới, thiết-lập ra những học-thuyết mới đủ có cái vẻ độc-lập một «nhà» đối với các «nhà» khác, như bách-gia chư-tử bên Tàu ngày xưa. Hay thảng-hoặc cũng có mà mất một đi mất, sử-sách không truyền chăng? Nhưng phàm đã gọi là một cái học-phái thì phải có cảm-hóa người ta sâu-xa, phải có ảnh-hưởng trong xã-hội, phải gây ra một cái phong-trào tư-tưởng, không thể tịch-mịch ngay đi mà không còn tăm hơi gì nữa. Cho nên

dù nay kê-cứu trong các sách cổ, tìm kiếm ra được giăm ba cái ý-kiến lạ hay cái tư-tưởng kỳ của một vài bậc tiền-bối lỗi-lạc, như vậy cũng chưa đủ chứng rằng nước ta có quốc-học đặc-biệt với cái học cố-hữu của bên Tàu truyền sang.

Ngay cái học mượn của người đó, ta học cũng chửa đến nơi. Nhà nho ta, ngoài mấy bộ kinh-truyện là sách giáo-khoa của phái Khổng Mạnh, mấy ai đã từng thiệp-liệp đến bách-gia chư-tử, ai đã từng nghiên-cứu đến học-thuyết họ Mặc họ Dương, đến Lão Trang, đến Phật-học? Ngay trong Nho-giáo, cũng chỉ biết đến Tống-nho là cùng, còn Minh-nho thì mang-nhiên không hiểu chi hết. Như Vương Dương-minh phản-đối cái Nho-học hẹp-hòi của các thầy nhà Tống mà phát-minh ra một cái thuyết mới có ý-vị thâm-trầm hơn, ở nước ta hầu như không ai biết đến. Ở Nhật-bản thì phái Vương-học lại thịnh-hành lắm, không những có ảnh-hưởng trong học-giới mà lại tiêm-nhiễm cả phong-tục, có người cho là cái võ-sĩ-đạo của nước ấy chính sở-đắc ở Vương học nhiều. Nhật-bản cũng là học-trò của Tàu, cũng mô-phỏng văn-hóa của Tàu trong mấy mươi đời, nhưng họ biết lựa-lọc kén-chọn, họ không có phóng-chép một cách nô-lệ như mình. Cho nên tuy về đường tư-tưởng học-thuật họ vẫn chịu ảnh-hưởng của Tàu nhiều, nhưng họ cũng có một nền quốc-học của họ, dù không được rực-rỡ cho lắm, mà vẫn có đặc-sắc khác người.

Đến như ta thì khác hẳn. Ta học của Tàu mà chỉ học thuần về một phương-diện cử-nghiệp, là cái học rất thô-thiển, không có giá-trị gì về nghĩa-lý tinh-thần cả. Mài-miệt về một đường đó trong mấy mươi đời, thành ra cái óc tê-liệt đi mà không sản-xuất ra được tư-tưởng gì mới lạ nữa.

Dù thế nào mặc lòng, người phụng-sự cái chủ-nghĩa quốc-gia, đoái nhìn lại cõi học của nước nhà, thấy vắng-vẻ tịch-mịch, không khỏi rầu lòng mà lấy làm than-tiếc. Gặp những lúc trong lòng bối-rối, trong trí băn-khoăn, mở đống sách cũ của tiền-nhân để lại, muốn tìm kiếm lấy một vài cái tư-tưởng hoặc cái học-thuyết gì thiết-tha thâm-trầm đủ đem ra đối-phó với đời, thì chỉ thấy các cụ ngâm hoa vịnh nguyệt, dặm lại mấy câu sáo cũ của người Tàu, ôn lại những bài học cũ từ xưa đến giờ, không khám-phá được điều gì mới lạ về vũ-trụ nhân-sinh cả, thật lấy làm thất-vọng vô-cùng.

Nói thế không phải là bội-bạc với tiền-nhân, nhưng sự thực thế nào ta phải công-nhận như thế. Ta vẫn có nước, nước ta vẫn có tiếng là hàm học, nhưng cả nước ví như một cái trường học lớn, cả năm thầy trò chỉ cùng nhau ôn lại mấy quyển giáo-khoa cũ, hết năm ấy đến năm khác, già đời vẫn không khỏi cái tư-cách làm học-trò! Ấy cái tình-trạng sự học ở nước ta từ xưa đến nay vẫn hiện ngay bây giờ cũng vẫn thế. Vì ta đừng có tưởng rằng cái tâm-lý học-trò đó, ngày nay ta đã gột rửa được sạch đi đâu. Trước kia học sách tàu thì làm học-trò tàu, ngày nay học sách tây cũng chỉ làm học trò tây mà thôi. Duy có khác, là cái nghiệp làm học trò tàu thì đã kinh-qua mấy mươi đời, mà cái kết-quả « tiêu-cực » của nó đã rành-rành ra đó; còn cái nghiệp làm học-trò tây thì mới trên dưới năm sáu mươi năm mà thôi, còn có thể mong rằng sau này có lẽ thành được cái kết-quả « tích-cực » chăng. Song cứ xem gương như bây giờ, thì cũng không lấy gì làm vui lòng cho lắm: xét những tay xuất-sắc trong làng tây-học, phần nhiều cũng còn chưa thoát được cái tâm-lý học-trò đó; bọn đàn anh khi xưa thì dặm lại mấy câu sáo cũ

của Tàu, bọn đàn em bây giờ cũng lại đậm lại mấy câu sáo mới của Tây đó mà thôi, chưa mấy ai là rõ-rệt có cái tư-cách, — đừng nói đến tư-cách nữa, hẳng nói có cái ui-vọng mà thôi, — muốn độc-lập trong cõi học-vấn tư-tưởng cả.

Như vậy thì ra giống ta chung-kiếp chỉ làm nô-lệ về đường tinh-thần hay sao? Hay là tại thần-trí của ta nó bạc-nhược quá, không đủ cho ta có cái óc tự-lập? Hay là bởi những duyên-cớ gì khác nữa?

Cái đó cần phải xét cho tường.

Từ xưa đến nay, nước ta quả không có quốc-học thật. — Bởi tại làm sao?

Từ nay về sau, ta có thể gây được một nền quốc-học không? — Phải làm thế nào?

Tuy nói quốc-học ai cũng hiểu, song cũng nên định nghĩa qua cho khỏi lầm. Quốc-học là gồm những phong-trào về tư-tưởng học-thuật trong một nước, có đặc-sắc khác với nước khác, và có kết-tinh thành những sự-nghiệp trước-tác lưu-truyền trong nước ấy và ảnh-hưởng đến các học-giả trong nước ấy.

Cứ nghĩa tuyệt-đối thì không nước nào hẳn có quốc-học đặc-biệt, nghĩa là tự mình gây dựng ra, không phải nhờ mượn của người, trừ ra mấy nước tổ văn-minh trong thế-giới như Tàu, Ấn-độ, Ai-cập, Hi-lạp không kể.

Nhưng cứ nghĩa tương-đối thì mỗi dân-tộc hấp-thụ được cái văn-minh học-thuật của ngoài, tất có biến-hóa theo tinh-thần riêng của mình, mà thành hẳn của riêng mình. Bởi thế nên nước Pháp, nước Anh, nước Đức, v.v., tuy về đời trước thời nguồn-gốc vẫn là do ở Hi-lạp La-mã mà ra, mà về sau thời thường chịu ảnh-hưởng lẫn của nhau nhiều, nhưng nước nào cũng có cái văn-minh học-thuật riêng của nước ấy, không giống với các nước kia; học-thuật riêng đó, tức là quốc-học của mỗi nước. Như nước Nhật ở Á-đông ta cũng vậy, thật là «con tinh-thần» (*fils spirituel*) của nước Tàu, đồng-văn đồng-hóa với Tàu, nhưng vẫn có một cái lối học riêng của họ, tuy cũng xuất ở Tàu mà ra, mà có cái đặc-sắc khác với Tàu, có thể gọi là quốc-học của Nhật-bản được.

Đến như ta thì mượn cái học của người mà không hóa được theo tinh-thần của mình, không gây được thành một nền quốc-học cho mình, là bởi cớ sao vậy?

Nói rằng vì giống mình kém hèn hẳn, thì có lẽ phụ cái óc thông-minh của các cụ đời trước, và cũng không đúng với sự thực chăng. Nhưng nói rằng vì tình-thế khiến nên mà sau tạo-thành một cái tâm-lý riêng không lợi cho sự học-vấn tư-tưởng tự-do, thì có lẽ đúng hơn.

Tình-thế ấy thuộc về địa-lý, thuộc về lịch-sử, lại cũng thuộc về chính-trị nữa.

Thuộc về địa-lý là nước ta tiếp-cận ngay với nước Tàu, đối với Tàu, dù sau khi ta độc-lập rồi, vẫn coi như một nước phụ-dung, một nước phiên-thuộc. Ta chỉ là một bộ-phận trong cái thế-giới Chi-na mà thôi. Thông-tục thường có câu: Nước Tàu như cái áo, nước ta như cái giải. Thật thế: nước ta,—nhất là xứ Bắc-kỳ là nơi phát-tích của nước ta, — chẳng qua là một tỉnh Quảng-đông lạc về phía nam mà thôi, người dân vốn cũng là một giống trong các giống Bách-Việt như người Quảng-đông, nhờ đất liền nên sự giao-thông lại càng thân-mật lắm. Người Tàu tiện đường tràn sang nước ta, hoặc bằng cách chiến-tranh, hoặc bằng cách hòa-bình, cứ luôn luôn, hết đời ấy sang đời khác, không hồi nào là không. Cho nên nước ta, dù có biệt-lập thành nước, nhưng về đường địa-lý vẫn là tùy thuộc nước Tàu. Khác

với Nhật-bản, là một đảo-quốc cách bể, người Tàu không trực-tiếp sang được, nên không bị xâm-lấn bao giờ. Có giữ được độc-lập về thổ-vũ, mới giữ được độc-lập về tinh-thần.

Thuộc về lịch-sử thì sự quan-hệ của ta với Tàu lại mật-thiết hơn nữa. Giống Giao-chỉ ta, từ khi mới thành bộ-lạc đã bị người Tàu thống-trị rồi. Trong mười thế-kỷ, ta sống ở trong vòng khuôn nước Tàu, không khác gì như một bộ-phận của Tàu vậy. Đến khi lập thành nước, tự thế-kỷ thứ 10, thì cái dấu-vết của người Tàu đã hình như in sâu vào trong trí-não ta rồi. Tự bấy giờ tiếng gọi là một nước, được độc-lập về đường chính-trị, nhưng nào đã hoàn-toàn độc-lập đâu, chỉ những lo-lắng, những khó-nhọc, những chất-vật đối với cái nước láng giềng mạnh kia nó chỉ lăm-le định tràn sang mà chiếm lấy mình, mà thực nó cũng đã tràn sang đến mấy mươi lần, lần nào mình cũng cực-khổ, dùng hết nỗ-lực mới đuổi nó đi được. Thành ra cả cuộc lịch-sử của nước Nam ta là một cuộc chiến-đấu vô-hồi vô-hạn đối với người Tàu, hoặc bằng võ-lực, hoặc bằng ngoại-giao, hằng ngày chỉ nơm-nớp sợ lại bị nội-thuộc lần nữa. Cái công của các tiên-dân ta chống giữ cho non-sông đất-nước nhà, can-đảm vô-cùng, kiên-nhẫn vô-cùng, thật là đáng cảm-phục. Nhưng cả tinh-lực trong nước đều chuyên-chủ về một việc cạnh-tranh để sinh-tồn đó, cạnh-tranh với một kẻ cường-lân hằng ngày nó đàn-áp, để cố sinh-tồn cho ra vẻ một nước độc-lập, còn có thời-giờ đâu, còn có dư sức đâu mà nghĩ đến việc khác nữa. Cái quan-niệm quốc-gia bị nguy-hiểm luôn nên thường lo sợ luôn, chiếm mất cả tâm-tư trí-lự, không còn để thừa chỗ cho những quan-niệm khác về văn-hóa, về mĩ-thuật gì nữa. Nói riêng về học-thuật thì đã sẵn cái học của Tàu đó, tiêm-nhiễm vào sâu từ thủa mới thành dân thành nước, không thể tưởng-tượng rằng ngoài sách-vở của thánh-hiền còn có nghĩa-lý gì khác nữa; sau đời Lý đời Trần là hồi Phật-học còn thịnh-hành, rồi chỉ độc-tôn có một phái Nho-học cho là đạo chính-truyền, ngoại-giả không dám có tư-tưởng gì khác, sợ bị mang tiếng là «dị-đoan». Cái lệ «con chiên» theo đạo nước người thường hay «ngoan đạo» hơn là chính người nước phát-hành ra cái đạo ấy. Thường nghiệm người Nam mình theo đạo Gia-tô lại mộ đạo hơn người Tây nhiều. Xưa kia theo đạo Nho có lẽ cũng sùng đạo hơn người Tàu vậy. Vả lại học-thuật mà đã đời có tính-cách tôn-giáo thì không thể sao tấn-tới được nữa. Không những ở nước ta, ở ngay nước Tàu cũng vậy: từ khi cái học của Khổng Mạnh, trước bị Hán-nho, rồi sau đến Tống-nho, lập thành đạo có tín-điều, có giáo-lý, có lễ-nghi hình-thức phân-minh, thời không phải là học-thuật nữa, mà nghiễm-nhiên thành tôn-giáo rồi. Người theo đạo đâu có dám nghị-luận về lẽ đạo nữa. Nếu còn dám dị-nghị điều gì, hay là ăn ở khác với lẽ đạo, thì là có tội với danh-giáo, ắt phải trục-xuất ra ngoài giáo-hội rồi!

Thuộc về chính-trị thì cái tình-thế cũng khốn-nạn như vậy. Nho-học lợi cho cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế, nên các đế-vương nước ta lại càng tôn-sùng lắm. Đời Lý đời Trần, cái phong Phật-học còn thịnh, nên nhân-tài trong nước, thường-thường vẫn có người xuất ở trong hàng tăng-lữ. Tự cuối Trần đầu Lê trở về sau, thì bao nhiêu nhân-tài là đúc theo cái khuôn khoa-cử của Nho-giáo cả. Cái chế-độ khoa-cử thật là một cái quả rất hại mà nước Tàu đã tặng cho ta. Ở ngay bên Tàu nó đã hại mà sang đến ta cái độc của nó lại gấp mấy lần nữa. Bao nhiêu kẻ anh-tuấn trong nước đều phải đúc

vào cái khuôn ấy cả, nếu không thì không thể ra thi-thố gì với đời được nữa. Nhưng đã đúc vào cái khuôn ấy rồi thì thần-trí eo-hẹp lại, sao mà còn có tư-tưởng, có học-vấn tự-do được nữa? Người Nhật-bản họ hơn mình chính là vì họ không mắc phải cái vạ khoa-cử như mình. Họ bắt-chước cái gì của Tàu thì bắt-chước, chứ đến cái lối khoa-cử thì họ không chơi. Đời Đức-xuyên (*Tokugawa*) cũng đã có một hồi thi-hành cái chế-độ hãm-hại nhân-tài, nô-lệ thần-trí đó, nhưng mà sĩ-phu trong nước họ không chịu, nên cũng không thể bền được. Ở nước ta thì đến năm sáu trăm năm sinh-trưởng trong cái chế-độ ấy, trách nào cái khí tinh-anh trong nước chẳng đến tiêu-mòn đi hết cả. Ở Văn-miếu Hà-nội còn mấy dẫy bia kỷ-niệm các cụ đỗ tiến-sĩ về đời Hậu-Lê: trong đó chắc có nhiều bậc nhân-tài lỗi-lạc, nhưng vì mải-miệt về đường khoa-cử, nên đều mai-một mất cả, tên còn rành-rành trên bia đá đó, mà có sự-nghiệp về đường học-vấn tư-tưởng được những ai?

Nói tóm lại thời địa-lý, lịch-sử, chính-trị đều như hiệp sức nhau lại mà gây cho nước ta một cái tình-thế rất bất lợi cho sự học-vấn tư-tưởng. Bao nhiêu những người khá trong nước đều bị cái tình-thế ấy nó áp-bách trong mấy mươi đời, nên dần-dần tập thành một cái tâm-lý riêng, là cái tâm-lý ỷ-lại vào người, chứ không dám tự-lập một mình; trong việc học-vấn thì cái tâm-lý ấy tức như trên kia gọi là cái tâm-lý làm học trò suốt đời vậy.

Nước ta ở ngay cạnh nách nước Tàu, từ hồi ấu-trĩ cho đến lúc trưởng-thành đều nấp bóng nước Tàu mà sinh-trưởng cả, khác nào như một cái cây nhỏ mọc bên cây lớn, bị nó «cớm» không thể nào nẩy-nở ra được.

Nhưng trước kia mọc dưới bóng cây đa phương Đông, đã bị «cớm» mà không lên cao được, chỉ sợ nay mọc dưới bóng cây «sên» phương Tây, cũng lại bị «cớm» mà cằn-cọc hẳn lại, thì thôi, còn mong-mỏi gì nữa!

Song nay ta đã tỉnh-ngộ rồi, thì ta nên kíp tìm phương bổ-cứu.

Mới đây tôi có viết một bài luận bằng pháp-văn đăng trong báo tây nói về sự đồng-hóa. (Bài ấy nguyên-văn chữ Pháp có lục-đăng vào phần Phụ-trương kỳ *Nam-Phong* trước, kỳ này đăng bản dịch ra quốc-ngữ ở ngay sau đây). Tôi nói rằng đồng-hóa có nhiều cách: có cách đồng hóa đến không còn cốt-cách tinh-thần gì của mình nữa, mà biến hẳn theo người; có cách đồng-hóa lấy những cái hay của người mà vẫn giữ được cốt-cách tinh-thần của mình, lại bồi-bổ vào cho mạnh-mẽ thêm lên. Cách đồng-hóa trên là cách ta đồng-hóa với Tàu ngày xưa đó, kết-quả đến ngày nay anh em ta phải than rằng nước ta không có quốc-học. Gương trước còn đó, ta phải soi đấy mà liệu đường đi sau này. Nếu ngày nay ta lại đồng-hóa theo Tây như ngày xưa đồng-hóa theo Tàu, thì giả-sử có thành-công nữa cũng phải đến mấy mươi đời, mà rút cục lại cũng chỉ thành một bản phỏng mờ của nước Pháp, chứ chẳng có tinh-thần cốt-cách gì cả. Rồi hai trăm, ba trăm năm về sau này, lại có ông Phan Khôi nào hậu-sinh đó, trông thấy cõi học nước nhà vẫn vắng-vẻ tịch-mịch, không khỏi thở dài mà than rằng: «Quái! nước ta học tây đến ba bốn trăm năm mà vẫn chưa có một nền quốc-học riêng!» — Bấy giờ không phải là trong nước không có lắm tay làm thơ làm văn tây giỏi, chẳng kém gì người Tây, tức như các cụ ta ngày xưa cũng lắm tay làm thơ làm văn tàu, chẳng kém gì người Tàu; nhưng cũng chỉ đến thế thôi, chứ ngay trong làng thơ văn xưa kia chưa cụ nào được bằng Lý Đỗ Tô Hàn, thì sau này có lẽ cũng

không ai bằng VICTOR HUGO hay ANATOLE FRANCE được, vì cái nghiệp học muốn viết nhờ có đời kiếp nào cho bằng hẳn người ta ; thơ văn còn thế, đến học-vấn tư-tưởng tất lại còn kém hơn nữa.

Vậy thời ngày nay nếu ta phải đồng-hóa theo Tây, — mà cái đó là tất-nhiên, vì lẽ chính-trị, lẽ kinh-tế, lẽ văn-hóa bắt-buộc ta càng ngày càng phải giao-tiếp với người Tây, — ta nên đồng-hóa một cách có ý-thức, có nghĩa-lý, nên kén chọn lấy những cái hay của người ta mà bắt-chước, nên xét xem mình thiếu những gì mà học-tập lấy của người ta để bồi-bổ cho mình.

Nói riêng về đường học-thuật, — mà học-thuật là chủ não của văn-minh, — thì học-thuật của Đông-phương ít tấn-tới, học-thuật của Tây-phương mau phát-đạt, là vì người Tây họ có cái quan-niệm về khoa-học, mà người Đông-phương mình thì không có vậy.

Khoa-học đây là nghĩa rộng, không phải là nói về các khoa chuyên-môn, như lý-học, hóa-học, thiên-văn-học, địa-lý-học đâu. Khoa-học đây là nói về cái phương-pháp, cái tinh-thần của sự học do người Thái-Tây khởi-xướng ra. Khoa-học là lối học phân ra khoa-loại, đặt thành phương-pháp, để cầu lấy kết-quả đích-xác, tìm lấy chân-lý sự-vật. Khoa-học là phép học chỉ châu-tuần trong cõi thực-tế, không mơ-tưởng những sự huyền-vi. Khoa-học là sự học lấy lý-luận làm tiên-phong, lấy thực-nghiệm làm hậu-kính, lấy sự-thực hiển-nhiên làm căn-cứ, lấy lẽ phải tất-nhiên làm mục-đích.

Lối học như vậy thì Đông-phương ta thật không có. Đông-phương chỉ có *đạo-học*, chứ không có *khoa-học*. Đạo-học với khoa-học khác nhau thế nào, Lương Khải-Siêu trong bài tựa bản tiết-yếu sách *Minh-nho học-án* có phân-biệt như sau này, tưởng cũng xác-đáng lắm :

« Đạo-học với Khoa-học, phải nên phân-biệt cho rất rõ. Đạo-học là cái học thụ-dụng, tự mình tìm lấy được, chứ không phải đợi ở ngoài, cổ kim đông tây cũng chỉ có một, chứ không có hai. Khoa-học là cái học ứng-dụng, nhờ cách biện-luận tích-lũy mà thành ra, tùy cái trình-độ văn-minh trong xã-hội mà tiến-hóa. Cho nên khoa-học chuộng mới, đạo-học thời những lời nói cũ tự trăm nghìn năm về trước, kẻ hiền-triết đời nay vị-tất đã nói được hay hơn ; khoa-học chuộng rộng, đạo-học thời một lời nói một nửa câu, có thể đem ra mà thụ-dụng suốt cả đời không hết. Lão-tử nói rằng : *Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn* (làm việc học thì ngày càng nhiều lên, làm việc đạo thì ngày càng ít đi). *Học* ấy là nói khoa-học, mà *đạo* ấy là nói đạo-học vậy. »

(道學與科學。界線最當分明。道學者受用之學也。自得而無待於外者也。通古今中外而無二者也。科學者應用之學也。精辨論積累而如成者也。隨社會文明程度而進化者也。故科學尚新。道學則千百年以上之陳言。當世哲人無以過之。科學尚博。道學則一言半句可以畢生受用不盡。老子曰。爲學日益。爲道日損。學謂科學也。道謂道學也。)

Lương Khải-Siêu nói mấy câu đó, kể cũng là khám-phá lắm vậy. Đông-phương với Tây-phương khác nhau chính là ở cái quan-niệm về sự học đó.

Cái học của Đông-phương là đạo-học, là cái học « thụ-dụng » nghĩa là dùng cho mình, là cái học « nhật-tổn » nghĩa là càng nhập-diệu bao nhiêu thì những cái chi-tiết bề ngoài nó càng bớt đi bấy nhiêu, mà chỉ còn lại cái tôn-chỉ thâm-trầm cao-thượng, là cái tôn-chỉ học làm nhà đạo-đức, làm ông thánh-hiền ở đời. Đã là « thụ-dụng » thì là thuộc về phương-diện chủ-quan, người nào tâm-đắc là người ấy được,

không cần mà cũng không thể đem tuyên-truyền ban-bố ra cho thiên-hạ được. Đã là « nhật-tồn » thì học càng thâm, càng qui-nạp lại mấy điều cốt-yếu, tự mình giác-ngộ là đủ, không cần phải suy-diễn ra cho nó rờm-rà bề-bộn làm gì.

Nay ta làm án cổ-nhân mà buộc cho cái tội không gây nổi một nền quốc-học cho nước nhà, ta cũng phải nghĩ lại mà lượng xét cái quan-niệm về sự học của các cụ là thuộc về đạo-học như vừa giải nghĩa đó. Các cụ đã có cái quan-niệm như vậy thì học là chủ để thụ-dụng, cốt là trau-dồi cái nhân-cách mình thế nào cho có thể hi thánh hi hiền được, chứ không phải cốt lập ra học-thuyết để truyền cho đời vậy. Các cụ dạy học trò cũng là đem cái tâm-thuật mà truyền cho học trò, khiến cho người nào có tư-cách thì tự mình tâm-đắc lấy, mà lại đem thụ-dụng cho mình. Vậy muốn phán-đoán về các cụ cho công-bằng thì phải xét các cụ về cái chỗ thụ-dụng đó, nghĩa là xét các cụ làm người thế nào, ra đời thế nào, xử-trí những lúc lâm-nguy thế nào, chứ không phải xét cái lý-thuyết của các cụ hay hay dở, có hay không vậy. Nếu xét ở cách học để làm người của các cụ, thì ta thật đáng thờ các cụ làm ông cha, chứ không phải vì các cụ mà xấu-hổ vậy.

Song đạo-học là cái học để làm thánh-hiền, ở vào đời nay, có đâu được bằng cái học cho được giàu mạnh. Khoa-học tức là cái học cho được giàu mạnh đó. Lấy về công dụng mà xét thì khoa-học đích hẳn là thích-hợp với đời này hơn là đạo-học. Các nước Thái-Tây được phú-cường như bây giờ là nhờ ở khoa-học. Ta muốn sinh-tồn được ở đời này, ta cũng phải cần có khoa-học.

Nhưng đó là đứng về phương-diện duy-lợi mà nói. Bàn về học-thuật, không nên thiên về sự lợi-ích, chỉ nên nói về nghĩa-lý mà thôi.

Nói về nghĩa-lý thời khoa-học cũng có lắm cái hay lắm. Những cái hay đó, người Âu-Tây cũng không phải là một sớm một mai mà tìm ngay được. Hi-lạp La-mã đời xưa cũng chưa biết khoa-học là cái gì. Cái học cổ của họ cũng chỉ là đạo-học mà thôi, mà trong khoảng đời Trung-cổ thời cũng là phiền-toái lôi-thôi lắm; lại thêm quyền áp-chế của Giáo-hội Gia-tô nữa, có lẽ còn tệ-hại độc-ác hơn là cái quyền chuyên-chế của Nho-giáo ở Đông-phương ta. Nhưng tự thế-kỷ thứ 16, ở Âu-châu họ có một cuộc cách-mệnh về tinh-thần, đề-xướng lên cái quyền tự-do phê-phán, đem cả các học-thuyết cổ sát-hạch lại, rồi dần dần mới nảy ra cái quan-niệm về khoa-học đời nay.

Như vậy thời cái quan-niệm về khoa-học của Thái-Tây mới mầm-mống ra tự thế-kỷ thứ 16 mà thôi, mà cũng còn hun-đúc mãi đến thế-kỷ thứ 19 mới thật là xuất-hiện ra một cách rực-rỡ. Tự đấy thời mỗi ngày một phát-đạt, thiên-biến vạn-hóa, đổi mới cả mặt địa-cầu, có trong khoảng một thế-kỷ mà làm cho thế-giới tiến-hóa mau bằng mấy nghìn năm về trước.

Nay chúng ta tiếp-xúc cái văn-minh của Thái-Tây, mới biết đến cái giá-trị cùng cái sức mạnh của khoa-học, thì ngoảnh lại xét mình, thấy cái óc mình dường hãy còn như cái óc của người Tây về trước thế-kỷ thứ 16 vậy. Vậy nếu ta có muốn tiến-hóa cho bằng người, thì ta cũng phải làm một cuộc cách-mệnh về tinh-thần, như người Âu-Tây về thế-kỷ thứ 16, cách-mệnh một cách hòa-bình mà thôi, vì đường lối người ta đã đi qua, mình cứ việc theo, không phải khó-nhọc gì.

Mục-đích của sự cách-mệnh đó, không phải là phá cái đạo-học cố-hữu của mình đi đâu, nhưng cốt là gây lấy cái quan-niệm khoa-học mà bồ thêm

vào. Hai đàng tuy khác nhau, nhưng không tất-nhiên là phản-trái nhau. Cái học thụ-dụng với cái học ứng dụng có thể kiêm cả cũng được. Duy cái học thụ dụng là thuộc về cá-nhân, thuộc về chủ-quan, là phần riêng của mỗi người, không cần và cũng không thể truyền dạy được; cái học ứng-dụng là thuộc về phổ-thông, thuộc về khách-quan, là của chung của xã-hội, có thể dùng làm cái lợi-khí để giao-hoán tri-thức, để xúc-tiến tư-tưởng, để bồi-đắp lấy một cái nền quốc-học cho sau này được.

Vậy thời việc cần-cấp bây giờ là phải đem cái quan-niệm về khoa-học của Âu-Tây ra mà phân-tích cho tinh-tường. Khi đã đò được đến nơi, tìm được mánh-mối rồi, thì phải tập dùng cái phương-pháp của khoa-học mà nghiên-cứu những nghĩa-lý cổ của Đông-phương mình. Vì cái khoa-học sẵn có của Thái-Tây, thì đã biên-chép cả trong sách tây rồi, ta cứ việc theo đấy mà học, không cần phải bàn làm chi. Nhưng cái học đó là cái học « vô-ngã », thuộc về cái kho tri-thức chung của cả loài người, dẫu có học được hết đi nữa, cũng vẫn không bao giờ thành quốc-học riêng của mình được. Muốn cho gây được thành một cái quốc-học riêng của mình, thì phải dùng phương-pháp phê-bình khảo-cứu của khoa-học mà phân-tích những học-thuyết cùng nghĩa-lý cũ của Á-đông ta, rồi đem ra nghiền-ngẫm, suy-nghĩ, đối-chiếu với những điều chân-lý cùng những sự phát-minh của khoa-học Thái-Tây. Kết-quả của sự phân-tích cùng tổng-hợp đó, tức là tài-liệu để gây ra quốc-học sau này vậy.

Việc gây dựng ra quốc-học, không phải là việc một vài người, cũng không phải là việc một đời người mà làm xong được. Nhưng nếu các học-giả trong nước đều có cái chí về việc đó, thì trước hết có thể gây ra được một cái « học-phong » để làm hoàn-cảnh cho quốc-học sau này có chỗ mà sinh-nở ra được.

Chí đó chính là cái chí muốn tự-lập về đường tinh-thần. Muốn tự-lập thì không thể làm mất cái cốt-cách tinh-thần của mình đi mà đồng-hóa theo người cả được. Phải mượn phương-pháp của người để tự bồi-bổ cho mình.

Trên đầu bài này có tiêu-đề một câu của nhà phê-bình nước Pháp bàn về cách Đông-phương và Tây-phương có thể bổ-trợ lẫn cho nhau thế nào. Ý tác-giả là Tây-phương ngày nay đã đem khoa-học đến cực-điểm, nên quay về mà hỏi cái bài đạo-học của Đông-phương; còn như Đông-phương thì bấy lâu triền-miên trong cõi đạo-học mơ-màng, ngưng-trệ lại mà không tiến-hóa được nữa, thì nên mượn phương-pháp của khoa-học Tây-phương để mà chấn-chỉnh lấy cái cổ-học của mình cho có vẻ hoạt-bát hơn. Nhà phê-bình tóm-tắt cái ý-kiến ấy bằng một câu rằng: « Đem hình-thức của khoa-học Tây-phương mà ứng-dụng về nội-dung của học-thuật Đông-phương » (*appliquer la forme de la science occidentale au contenu de la connaissance orientale*).

Nay cũng xin lấy câu ấy để kết-luận bài này.

PHẠM QUỲNH

GIẢI NGHĨA ĐỒNG-HÓA (1)

Lấy đồng-hóa làm một cái kế-hoạch chính-trị, một cái kế-hoạch giáo-dục, để mưu biến đổi hẳn một dân-tộc cho theo về một dân-tộc khác, thì thực là một sự hão-huyền, không thể nào thành-công được. Nhưng có một cách đồng-hóa tự-nhiên, do sự kén chọn tự-do, hay là do cái thanh-khí thâm-trầm mà biến-đổi tự trong cõi trí-tuệ, trong cõi tỉ-tính, thì lại rất là bổ-ích và đáng nên cầu lấy lắm. Cách đồng-hóa này khiến cho thần-trí được phong-phú thêm ra, không những không hại cho cái « bản-ngã » của mình, mà lại đem nó ra đối-chiếu với cái bản-ngã của người ngoài, giúp cho tự nhận-chân mình, và nhân đó làm cho vững-vàng mạnh-mẽ thêm lên.

Người ta cũng như dân-tộc, nếu cứ đóng cửa ngồi trong nhà, sinh-hoạt theo cái lề-lối riêng của mình, thì không những đến cách-biệt hẳn với người đồng-loại mình cùng cả thế-giới bên ngoài, mà lại đến suy-đồi tiêu-tụy đi nữa, vì không tiếp-thụ được những cái tài-liệu tốt ở ngoài đem vào để bồi-bổ thêm cho mình. Như vậy thì cần phải có ảnh-hưởng ở ngoài mới phát-siển được hết những cái đặc-sắc của cá-nhân cùng của dân-tộc. Ảnh-hưởng ngoài tức là thứ thuốc mạnh để bồi-bổ cùng kích-thích cho mình, nếu biết khéo dùng, thì ích-lợi không biết bao nhiêu mà kể.

Mượn của người những cái mình còn thiếu, lựa chọn lấy cái hay cái tốt của người để sáp-nhập vào trong bản-chất mình, cho nó được thêm giàu thêm mạnh hơn lên, ấy đó là cách đồng-hóa tự-nhiên và tự-do, ta nên đem mà đối lại với cách đồng-hóa cưỡng-bách, tự ngoài bắt-buộc vì cái mục-đích tư-kỷ của người, chứ không phải tự ta thuận-nhận để làm cách cải-lương tinh-tiến cho ta.

Đồng-hóa theo nghĩa sau đó thì vừa hay hơn, lợi hơn, lại vừa thiết-thực, thâm-trầm hơn. Chính vì được tự-do, không phải cưỡng-bách, cho nên nó có hiệu-quả hơn và cũng dễ tới được chỗ sâu-xa hơn.

Người ta thường nói người An-Nam vốn có cái thiên-tính dễ đồng-hóa, nghĩa là có tư-cách dễ am-hiểu, dễ thu-nạp lấy những cái gì khác lạ với mình, dễ đem những điều hay điều dở của người ngoài mà hóa làm của mình; nhưng cái tài đồng-hóa đó thường-thường chỉ là cái khéo tính biết xem-xét và bắt-chước của người, chỉ phảng-phất ở bề ngoài, chứ không thấu-triệt được đến chỗ căn-để, chỗ tinh-túy. Tỉ như thợ An-nam thì phỏng chép tài lắm; những hình-dáng kỳ đến đâu, những kiểu-cách lạ đến đâu, họ bắt-chước cũng được như hệt cả.

Cái cách đồng-hóa dễ-dàng thô-thiển đó, thiết-tưởng không phải là cái tính tốt, có thể cho là cái tính xấu được, mà nghiệm ngay trong bọn học-hành tri-thức cũng vậy. Như học trò ta học rất mau, nhớ cũng rất mau, nhưng chưa chắc đã hiểu được thấu, đã hóa được hẳn những cái người ta dạy mình. Chưa chắc cái học tiếp-thụ được dễ-dàng như vậy, nó đã làm cho óc được khôn ra, người được chín ra chút nào. Các nhà chính-trị, các nhà ngôn-luận của ta cũng vậy. Tôi còn nhớ đọc thấy

(1) Bài luận này nguyên viết bằng pháp-văn, đề là *Assimilation*, đăng trong báo *France-Indochine* ngày 29 tháng 5 năm 1931. Có lục-đăng nguyên-văn vào phần Phụ-trương kỳ trước (N.-P. số 162). — Nay dịch ra quốc-ngữ.

trong một quyển sách của nhà ngoại-giao nước Ý tên là bá-tước SFORZA, *sách đề là « Sự bí-hiểm của nước Tàu »* (L'énigme chinoise), *sách tuy nói về Tàu, nhưng cũng có một thiên nói về việc Đông-dương ta, tả rõ cái nỗi bất-bình trong dân-gian, có một câu phê-bình về các nhà ngôn-luận An-Nam ta như sau này :*

« Các nhà ngôn-luận An-Nam, họ phàn-nàn về những nỗi bất-bình của họ, họ cũng phàn-nàn theo lối tây, đồng-hóa đến thế là cực..... Những kẻ bất-bình ngày nay, họ bất-bình ra lối tây, dường như theo lý-lẽ của tây cả..... » (...Les publicistes annamites se plaignent à la française, ce qui est le comble de l'assimilation... Les mécontents d'aujourd'hui sont mécontents à la française, pour des raisons françaises, si je puis dire.....)

Kể như vậy thì cũng là đồng-hóa đến cực vậy. Nhưng mà đồng-hóa một cách cấp-tốc, một cách vô-độ như vậy, thì há chẳng phải là hại hơn lợi dư ? Há chẳng phải là làm cho thiên lệch cái óc đi, làm cho mờ-ám cái trí đi, chứ không phải là giúp cho được sáng-sủa phong-phú thêm lên dư ? Đồng-hóa như vậy có khác gì cách đồng-hóa của những người kia, mặc thì mặc theo đúng «mốt» tối-tân ở Paris, *cách-bộ thì nói-năng ba-hoa, đi đứng đường-đột, trái hẳn với cách lễ-phép lịch-sự của nước nhà ; bề ngoài thì như vậy mà đến bề trong thì nghị-luận mơ-hồ, tư-tưởng lộn-xộn, không có thống-hệ, không có trật-tự, không biết bắt-chước lấy cái lối nói-năng gẩy-gọn, biện lẽ phân-minh như người Tây.*

Cái cách đồng-hóa ở ngoài mặt, chỉ phỏng-chép cái bề ngoài của văn-minh Tây-phương mà thôi, thì thiết-tưởng ta cũng không cần chi cho lắm. Cái đó nó không thiết-yếu gì mà nó cũng không bổ-ích gì cho ta lắm.

Nhưng có cách thật ích-lợi cho ta, thật làm cho trí-não ta được khỏn mạnh thêm ra, chứ không làm cho nó tiêu-hư mất đi, là cách đồng-hóa lấy mấy cái tính tốt trong tinh-thần người Pháp, làm sao cho nó sáp-nhập được vào trong tâm-lý của ta.

Nếu đồng-hóa một cách vô-ý-thức, muốn làm cho dân mình mất cả cái quan-niệm về chủng-tộc đi, mà biến thành như một bản phóng mờ hay một tên tiểu-tốt của nước Pháp, cho cái văn-minh của Thái-Tây là chỉ ở cái bề mặt rực-rỡ mà hão-huyền, cách đó thì ta rất nên phản-đối. Đến như cách đồng-hóa như sau này, có ý-thức, mà thật thâm-trầm, thì ta lại nên hoan-nghênh lắm : là đồng-hóa làm sao cho tiếp-thụ được cái phần tinh-vi, mạnh-mẽ, cao-thượng trong tâm-lý người Tây, như cái lòng ham biết sự-thực của nhà khoa-học, nhà thám-hiểm, cái bụng quả-cảm của nhà võ-sĩ, cái đức xả-thân của nhà truyền đạo, cái trí sáng-khởi của nhà doanh-nghiệp, cái lòng danh-dự của người công-dân, cùng những tính cần-cơ, cần-mẫn, biết lo xa, biết tiết-kiệm của từng người dân nhỏ mọn trong nước người ta, những cái ấy thì rất nên học-tập mà bắt-chước lắm.

Đồng-hóa với người một cách khôn-ngoan như vậy, thì không có gì là trái với sự bảo-tồn những cái đức-tính cố-hữu của giống Việt-Nam ta. Ta thiếu cái gì thì ta mượn của người, bất-tất phải phá-hoại cả cái gốc cũ của ta, hay là khinh rẻ coi thường. Không phải là cứ bài-bác cả những cái của ông cha ta để lại đã từ mấy mươi đời đến giờ, không phải là cứ khinh-thường cái gốc văn-hóa cổ của Á-đông nó còn di-truyền lại những lề-lối về đạo xử-thế, về mĩ-thuật, văn-chương, tôn-giáo, cái nguồn nó sâu-xa chưa phải đã cạn hết cả ; không phải cứ thế mới tỏ ra rằng mình ham mến khoa-học, văn-minh cùng phương-pháp của Thái-Tây đâu.

Không những thế : muốn đồng-hóa được hẳn cái tinh-hoa của văn-minh Tây phương, thì tự mình cũng phải đã có một cái gốc văn-minh tinh-túy rồi, nó mới khiến cho mình trực-tiếp được với những cái hay cái tốt của Tây-phương.

Một người trí-não khô-cạn, hay là vì không được tiêm-nhiễm những cái tinh-hoa của nòi giống mình nữa mà thành ra trí khô-cạn đi, thì không thể nào hiểu thấu được cái tinh-thần của Tây-phương. Có đồng-hóa chỉ đồng-hóa được bề ngoài, chỉ bắt-chước được cái hình-thức mà thôi, chứ chưa phải là hiểu được đến nơi, chỉ phỏng chép của người chứ không thực bồi-bổ cho mình.

Vậy thì đối với văn-minh khoa-học Thái-Tây, đối với những cái tinh-hoa thâm-thúy của người Tây, người Nam ta nếu quả có cái biệt-tài đồng-hóa, thì cứ đem ra mà ứng-dụng. Nhưng muốn cho được thật bổ-ích cho mình, thì phải đồng-hóa làm sao cho thu-hoạch được về mình, chứ không phải chỉ mô-phỏng mà thôi, làm sao cho thấu đến căn-để sự-vật, chứ không phải chỉ phảng-phất ở ngoài mà thôi.

Nói tóm lại, ta không nên phỏng chép của người, không nên làm như con nghé trông thấy người ta làm cái gì cũng bắt-chước, cái dở cái hay cũng bắt-chước, thành ra chỉ tập được cái biểu-diện văn-minh của người Tây mà thôi ; ta không nên bắt-chước như thế, mà nên đồng-hóa lấy cho mình những cái tinh tốt đã làm cho người Tây được tài được giỏi, được khôn được mạnh, được có cái giá-trị cao-qui, được có cái thế-lực hùng-cường ở đời.

Nhưng chính cái cách đồng-hóa thâm-trầm, thiết-thực, có ý-thức, có nghĩa-lý đó, lại là cách khó-khăn hơn cả, không phải là ai ai cũng có thể làm được. Mặc quần áo tây, theo lối-lăng tây, cho chi ăn-ở ra cách tây nữa, cái đó thì ai cũng có thể làm được, không cần phải khó-nhọc, không cần phải công-phu gì mấy. Bến như đồng-hóa lấy những cái cách hành-sự, cách tư-tưởng, cái trí sáng-khởi, cái tài tổ-chức, cái năng-lực phê-bình phán-đoán, cái sức mạnh sáng-tạo, cái nghị-lực cương-cường của người Tây, thì thật là ít người có thể làm được.

Đây chính là cái chức-vụ quan-trọng của bọn thượng-lưu nước ta. Sự đồng-hóa theo như cái nghĩa ta hiểu đó, là phải hóa từ trên, chứ không phải hóa từ dưới. Phải có một hạng thượng-lưu lọc-lõi, đủ tư-cách thấu hiểu được cái ý-nghĩa thâm-trầm của văn-minh Tây-phương, mới có thể làm được. Kẻ bình-dân công-chúng thì chỉ tiến-hóa chậm-chạp mà thôi ; không nên làm phiền-nhiễu đến cách sinh-hoạt cùng những thói quen hằng ngày của họ ; muốn cho họ trực-tiếp mà nhận lấy những cái hay của văn-minh Thái-Tây thì tất họ làm cho sai-lạc đi, làm cho giảm mất giá-trị, giảm mất hiệu-quả đi. Phải có kẻ thượng-lưu làm mối-giới mới được ; những cái hay cái tốt do ảnh-hưởng ở ngoài truyền lại, phải qua bọn thượng-lưu rồi mới truyền xuống dân-gian được. Thượng-lưu ví như cái rây hay cái lọc, phàm chất gì ở ngoài vào phải qua đó đã, rồi mới lọt vào trong toàn-thể quốc-dân được.

Công-việc của bọn thượng-lưu đó rất là khó-khăn, muốn làm cho được trọn vẹn thì phải chuyên-tâm chú-ý luôn luôn, phải khéo-léo khôn-ngoan, điều-hòa tiết-độ mới được. Phải có tự-do, có ý-thức mới được.

Nay kẻ thượng-lưu nước Nam ta phải tỏ ra rằng mình đủ có tư-cách làm nổi việc đó, chính là cái sự-nghiệp biến-hóa cả tâm-tình một dân-tộc, thâu-thái lấy những cái hay của người mà mình không có.

Ấy cái mục-đích của sự đồng-hóa theo như ý ta hiểu và ta ước-ao như

vậy. Đồng-hóa là tăng-bổ cho mình, chứ không phải tiêu-nhập vào người, cũng không phải ruồng-bỏ của mình. Đồng-hóa không tất-nhiên là phải bài-trừ cả những cái cốt-cách tinh-thần của nòi giống mình đâu. Trái lại, muốn đồng-hóa cho thiết-thực, cho bổ ích thì phải có một cái căn-bản chắc-chắn của đời trước để lại, rồi mới nhân đó mà tài-bồi, mà tăng-bổ thêm lên, tập lấy những cái tinh hay tinh tốt của người để giúp cho cái gốc của mình tiến-hóa lên, khác nào như tiếp cho một cái chất men mới, để nó nảy-nở ra vậy.

Như vậy thời đồng-hóa lấy tư-tưởng, tinh-thần, phương-pháp của Thái-Tây, chính là một cách rất mạnh để cải-tạo cho giống Việt-Nam ta về đường tri-thức tinh-thần vậy. Sự đồng-hóa mà hiểu nghĩa như thế, thì không có gì khiến cho ta phải ngần-ngại cả. Trái lại, ta lại nên thiết-tha mà cầu lấy cho được, kiên-nhẫn mà theo đuổi cho cùng.

Sự đồng-hóa dùng làm một cái kế-hoạch chính-trị để cứu-cánh đến tiêu-nhập hẳn vào một dân-tộc khác, hay là sự đồng-hóa vô-ý-thức, chỉ căn-cứ ở cái tính bắt-chước mà thôi, thì ta rất nên phản đối. Nhưng cái cách đồng-hóa cao-thượng, tự-do, thuộc về tri-tuệ, về lý-tính, chẳng qua là một sự trao-đổi tinh-thần của giống nọ với giống kia, ngõ-hầu cho cả nhân-loại thế-giới được đại-đồng, cho cá-nhân cùng dân-tộc được tấn-tới, thì ta rất nên tinh-nguyện mà ước-ao cho được.

Vậy thì đồng-hóa cũng có nhiều nghĩa. Nếu đồng-hóa là hóa cho chúng ta thành một lũ Tây giả cả, là phá-hoại mất cái cốt-cách tinh-thần của nòi-giống ta, thì đồng-hóa như thế là nguy-hiểm, là tai-hại. Nếu trái lại, đồng-hóa là cốt để tăng-bổ cho tâm-trí ta, thu-hoạch cho cái « bản-ngã » của ta được những cái tinh hay tinh tốt của chung người Âu-châu và riêng người nước Pháp, thì đồng-hóa như thế là tốt-lành, là lợi-ích, ta có thể cứ vững lòng mà theo, không phải ăn-năn lo ngại gì.

PHẠM QUỲNH

LUẬN VỀ PHƯƠNG-PHÁP (1)

Không phải là vô-cớ mà ông tổ triết-học nước Pháp DESCARTES làm bộ sách kiệt-tác thứ nhất của ông bằng chữ Pháp (2) để là « Phương-pháp luận ». Chủ-ý ông là muốn dạy cho người ta cái cách trông-nom coi-sóc lấy tư-tưởng của mình.

Tư-tưởng cho đúng, há chẳng phải là cái mục-đích mà mọi người có ý-thức phải mong cho đạt tới dư? Nay theo như chính lời DESCARTES đã nói, ý-thức hay là lương-tri (*le bon sens*) là vật ở đời chia đều hơn cả, vậy thời phần nhiều người phải có cái chi đạt cho tới mục-đích đó mới phải.

Nhưng thực ra thì thường không phải như vậy: nhiều người có cần chi tư-tưởng cho đúng, đến tư-tưởng không nữa cũng không cần.

Những kẻ cho câu cách-ngôn của DESCARTES rằng: « Tôi tư-tưởng, vậy thời tôi có đây » (*Je pense, donc je suis*) là vô-nghĩa, vì họ không tư-tưởng mà họ vẫn có đấy, thời có cần chi phải có phương-pháp. Nhưng phàm người nào muốn dùng đến cái năng-lực biết

(1) Xem nguyên-văn bằng chữ Pháp đề là *La Méthode* ở phần Phụ-trương dưới này.
(2) Trước sách này ông toàn viết bằng chữ la-tinh cả.

quan-niệm, biết lý-giải, biết tư-nghị phán-đoán, biết đối với cõi thế-gian cùng cõi thực-tế trừu-tượng ra được những ý-tưởng phân-minh và đích-xác, năng-lực ấy theo như DESCARTES chính là cái đặc-tính của loài người, người ta sở-dĩ là người cũng vì đó, thời những người ấy chắc là vui lòng được có người chỉ dạy cho một cái phương-pháp để làm việc đó cho phải đường và hợp lẽ.

Cũng nên vì danh-giá của loài người mà ước mong cho hạng người đó được thật nhiều. Nhưng thực ra thì hạng người đó vẫn là vô-số, vì người ta ai cũng tư-tưởng cả, và DESCARTES nói rằng tư-tưởng là đặc-tính của loài người là nói phải lắm. Duy chỉ có nhiều người tư-tưởng sai đường, mà ít người tư-tưởng được đúng mà thôi. Có người biết sử-linh cái tư-tưởng của mình cho có phương-pháp, có người thì để cho nó tự-do phóng-phiếm, phó mặc cho sự ngẫu-nhiên sai-khiến vậy.

Vậy thời phương-pháp cũng cần cho tư-tưởng như cần cho hết-thảy mọi sự khác. Cái danh-giá bất-hủ của tác-giả sách « Phương-pháp luận » là đã chứng-giải điều đó một cách tuyệt-đối vậy.

Sự cần có phương-pháp đó vả cũng là một cái đặc-tính của người phương Tây. Người Đông-phương hay người Á-đông thường không biết cái đó. Nếu ta quả có tài đồng-hóa thời nên đồng-hóa lấy cái tính tốt đó trước nhất.

Cái trí trọng phương-pháp, diễn ra thực-tế thời là cái tài khéo tổ-chức, ấy đó chính là cái phần ta thiếu hơn cả, và đó chính là cái ta phải mượn của Tây-phương.

Các nhà tư-tưởng ở Đông-phương cùng ở Á-đông là những bậc hiền-triết, trực-giác mà hiểu lẽ đạo. Thường khiến cái tư-tưởng của mình bằng những phương-tiện mầu-nhiệm của linh-hồn cùng tình-cảm, và những bậc siêu-việt thời tự giác-ngộ mà đạt tới cõi đạo-lý. Trầm-tư mặc-tưởng để dự-bị cho tâm-hồn mình được trong-sạch mà đón tiếp lấy cái ánh sáng của thần-minh. Như đạo Phật thì gọi là định-thiền nhập-ngộ; đạo Lão thời là thu-thập tinh-thần để tiêu-nhập vào trong toàn-thể; đến đạo Nho, tuy bề ngoài có vẻ thực-tiễn, nhưng tựu-trung cũng có tính-cách thần-bí.

Các bậc đó thời không tự khiến lấy tư-tưởng mình, để cho một cái mối huyền-vi siêu-việt nó sai-khiến vậy. Các bậc đó là nhà tôn-giáo, không phải là nhà triết-học. Đứng trong nhân-loại, biệt-lập thành một đẳng-hạng riêng: là hạng các người có chịu cảm-ứng của thần-minh, như các bậc tiên-tri, các nhà đạo-sĩ vậy. Thánh GANDHI ở Ấn-độ ngày nay, ấy là thuộc về giòng-dõi những bậc đó, tức là cái chứng hiển-nhiên cho cái tâm-lý đó. Những người đó thời tư-tưởng đã siêu-việt ra ngoài vòng lý-luận, tiêu-dao ở trên cõi thuần-lý, còn cần chi phải có phương-pháp để tổ-chức, để qui-định cho tư-tưởng mình nữa?

Nhưng ở ngoài và ở dưới hạng những người không cần đến phương-pháp đó, vì thần-trí muốn tiêu-dao nơi nào cũng được, thời còn đại-đa-số những người khác là người câu-nệ cố-chấp, nhất-thiết chỉ biết bằng ở phép-tắc cũ của ông cha, ở lề-lối cũ đã thành sáo, nhắm mắt mà theo hoài cái vết xe của đời trước. Những người ấy thì cũng chẳng cần gì đến phương-pháp, sợ nó làm sai mất cái thói cũ đi. Tư-tưởng của họ đã như đúc vào cái khuôn cổ-lệ rồi, có cần chi mà phải chủ-trương độc-suất nữa.

Cái gì cũng đã có lề-lối nghi-thức cả rồi, người bình-thường cứ việc mà theo đó thôi. Gặp cái tình-trạng gì ở đời, cũng cứ chiều theo cổ-lệ của ông cha mà làm. Ông Khổng chẳng có câu nói rằng: « *Dân khả sử do chi, bất khả sử*

tri chi » (Dân chỉ nên cho họ theo, không nên cho họ biết ? Câu đó xét về một phương-diện khác không phải là không có lý, nhưng ở đây thời nghĩa nó là dân không cần phải có sáng ý, không phải tự mình phán-đoán, không phải tự mình lý-giải điều gì cả

Như vậy thì từ trên đến dưới, không ai là thấy phải cần có một cái phương-pháp để sử-linh tư-tưởng của mình cùng tự chủ-trương mình nữa. Những người siêu-việt hơn người thời theo những con đường trực-giác, người thường không thể tới được. Còn những người khác thì lấy lề-lối làm phương-pháp ; mà phàm cái gì lâu ngày đã thành lề-lối thì nó diệt mất cả phương-pháp, vì lề-lối là thuộc về thụ-động, phương-pháp là thuộc về chủ-động ; phương-pháp là sự ham biết, sự tìm-tòi ; lề-lối là cái sức hạn-chế, cái nghi-thức bề ngoài, nó ngăn-cấm người ta lại, nó khiến cho trí-tuệ thành ra lười-biếng mà vẫn được cái danh-giá là biết theo Phép-tắc, biết tuân Kỷ-luật.

Tình-trạng đó rất là thiệt-hại cho sự phát-đạt của thần-trí cùng tư-tưởng. Lan rộng ra trong xã-hội, thời tức là cái nguyên-nhân đệ-nhất làm cho các dân-tộc Á-đông bị ngưng-trệ lại, không tiến-hóa được bằng các dân Tây-phương.

Trong trường sinh-hoạt của loài người, về đường nào các dân Tây-phương cũng thấy tấn-tới được nhiều như vậy, là nhờ họ có phương-pháp, họ biết tổ-chức, họ có kỹ-thuật, tức là phương-pháp cùng tổ-chức đem ứng-dụng ra việc quản-lý cùng thu-lợi về đường vật-chất.

Nay ta nên mượn của Tây-phương không phải là mượn cái tinh-thần của họ, tinh-thần ấy tuy không phải là tuyệt-nhiên ta không đồng-hóa được, nhưng nó khác ta quá, không bao giờ có thể thích-hợp được hẳn ; không phải là mượn cái tâm-hồn tình-tình của họ, có nhiều phần mình không thể hiểu được ; không phải là mượn những phong-tục tập-quán của họ, cách sinh-hoạt, cách ăn-ở của họ, nó không hợp với ta, vả cũng không có giá-trị tuyệt-đích ; ta mượn là phải mượn cái phương-pháp của họ, mượn cách tổ-chức của họ, và thuộc về các chuyên-môn thì mượn những cái kỹ-thuật của họ đã sáng-nghĩ ra để khéo lợi-dụng các sức mạnh cùng các vật-chất vậy.

Phương-pháp, đó là cái yếu-tố làm cho Tây-phương được phú-cường ; không có phương-pháp, không biết tổ-chức, ấy là cái nhược-điểm đệ-nhất của Đông-phương

Thần-trí của người Đông-phương, hễ không bị lề-lối phép-tắc nó kiềm-chế, thì tự-nhiên sinh ra loạn. Muốn cho tự tổ-chức, tự qui-định được, thì phải mượn phương-pháp của Tây-phương.

Dùng phương-pháp của Tây-phương để chỉnh-đốn lại cái óc loạn của Đông-phương, đó là cái sự-nghiệp lớn về đường tiến-hóa đời nay.

Sự-nghiệp ấy, hiện nay có một dân-tộc bán Âu bán Á, là dân Nga, họ đã thử làm đó, nhưng họ làm ra cái phương-diện riêng của họ, để thực-hành một cái chủ-nghĩa tiêu-cực, một cái chủ-nghĩa phá hoại, mà xem ra họ làm được thành-công thì đủ biết rằng người nào biết khéo dùng cái phương-pháp của Tây-phương để chủ-trương những đám công-chúng vô-ý-thức của Đông-phương, thì được cái sức mạnh biết đường nào ! Phương-pháp là một con dao có hai lưỡi : người Nga họ biết dùng để phá-hoại, để thi-hành một cái chủ-nghĩa nguy-hiểm, thời sao ta lại không thể dùng để đưa dân ta vào một cõi sinh hoạt điều-hòa êm-ái, là cái mộng của sinh-dân tự mấy mươi đời, chỉ vì có kẻ muốn xui-giục cái lòng ghen-ghét của

công-chúng lên để họ lợi-dụng nên mới muốn cho công-chúng bỏ cái hi-vọng thiết-tha đó mà thôi.

Dù thế nào mặc lòng, sự thí-nghiệm của người Nga, tuy xét về phương-diện khác thì cái kết-quả nó tai-hại thật, nhưng nó cũng đủ chứng rằng cái phương-pháp của Tây-phương mà dùng để chi-phối cho các dân-chúng Đông-phương thời nó mãnh-liệt vô-cùng. Mãnh-lực đó có thể hoặc lợi hoặc hại, tùy theo dùng nó về cái chủ-nghĩa nào.

Duy có một điều nên biết, là phương-pháp chính là một sức mạnh. Sức mạnh đó không có, ta phải mượn của Tây-phương. Tây-phương khuyên dạy cho ta, có điều đó là cái ơn-huệ đệ-nhất. Ta phải nên biết hưởng-thụ lấy để tự kinh-doanh về trí-thức, về tinh-thần, cũng như về chính-trị, về kinh-tế.

Ta không nên mơ-tưởng rằng ta có thể đồng-hóa được hẳn cái tinh-thần, cái tâm-tính của người Tây. Vả cũng không phải là sự đáng ước-ao. Giống nào có cốt-cách tinh-thần của giống ấy, nếu biến hẳn theo giống khác, — là nói giả-thiết có thể làm được, — thời tức là tự mình phản-bội mình, tự mình không nhận mình. Nhưng ta vẫn có thể đồng-hóa được những phương-pháp của Tây-phương, nhờ đó mà có thể tự nhận-chân được mình, tự phát-đạt được các năng-lực cùng cái «bản-ngã» (*personnalité*) của mình, thu-hoạch được những cái tính tốt mà ta không có, lợi-dụng những cái ta sẵn có, nói tóm lại là ta có thể nhờ đó mà tự cải-tạo về đường trí-thức cùng về đường tinh-thần được.

Chỉ thấy người ta nói phải khai-thác xứ này về đường kinh-tế. Nhưng còn một việc « khai-thác người dân về đường tinh-thần » (*mise en valeur morale des hommes*) nữa, cũng quan-hệ bằng, phải khởi-hành trước hoặc đồng-thời với mọi sự cải-cách về chính-trị hay kinh-tế vậy. Nếu nhẵng bỏ về đường ấy, thời các việc cải-cách khác đều hỏng cả.

Một nhà danh-sĩ nọ đã nói rằng: Cái giá-trị lớn nhất của loài người, chính là người ta vậy. Vậy thời chính người ta là phải mở-mang ra trước nhất, vì người ta là cái động-cơ để sáng-tạo và để biến-hóa cả các cái giá-trị khác về vật-chất cùng về tinh-thần. Việc mở-mang giá-trị cho người ta, là việc cần-cấp cốt-yếu hơn cả; là việc đáng phải để ý chăm-chút hơn cả; việc này có thể nhờ phương pháp của Tây-phương giúp được mạnh lắm.

Phương-pháp ấy thế nào? Có thể tóm-tắt lại như sau này: Phương-pháp là có trật-tự, có sáng-sủa, có hợp lẽ, có lương-tri minh-thức, biết trông suốt cái mục-đích phải đạt tới cùng những kế-hoạch phải cần-dùng, rồi lần lần tiến lên, chậm mà chắc, biết dùng phép phân-tích cùng phép tổng-hợp, biết quan-sát đích-xác về tình-tiết cùng hoàn-cảnh, biết thường thường đối-chiếu với thực-tế, có tâm-lý, có trực-giác, và cao hơn hết cả là có cái trí-tuệ sáng-tạo, có thể điều-hòa dung-hợp cả các chất tạp đó thành một toàn-thể có sinh hoạt và có thống-hệ.

Vì phương-pháp không phải là một mớ những lề-lối mẹo-mực ở bên ngoài, có thể truyền đi, dạy được như những cái sào sẵn đâu; phương-pháp là một cái toàn-thể có sinh-hoạt, muốn cho thu-hoạch được thì phải có mấy cái tính tốt về thần-trí cùng về tâm-lý: như cái tính ưa rõ-ràng, đích-xác, biết thuận theo sự thực, biết phục-tòng lẽ phải.

Mấy cái tính đó, người An Nam ta đã có chưa? Cứ xét ra thì có lẽ chưa có đủ. Vì cái tật thông-thường của người mình, là cái tính hàm-hồ cẩu-thả, không biết cách lý-luận phân-minh, trong khi cãi lẽ cũng như trong khi

làm việc, không biết thuận theo sự thực, không biết phục-tòng lẽ phải.

Vậy thời phải tập lấy những cái tính đó đã mới có thể mong có phương-pháp được.

Nhưng đến khi đã có phương-pháp rồi, thời trong tay như có một cái lợi-khí rất mạnh để khám-phá được những sự bí-mật của khoa-học cùng văn-minh Thái-Tây, và vừa giữ được cốt-cách mình, vừa cải-tạo được cho nước nhà cùng nòi giống.

PHẠM QUỲNH

Orient et Occident

La première impression qu'on retire d'un rapide examen comparatif des deux civilisations orientale et occidentale, c'est que, si l'Occident est beaucoup plus avancé que l'Orient dans la connaissance et la maîtrise de l'univers matériel, l'Orient est beaucoup plus avancé que l'Occident dans la connaissance et la maîtrise de l'univers spirituel, ou du moins d'une certaine région de cet univers, de celle précisément qui est accessible à l'empire de l'intelligence et de la volonté humaine.

... Prises dans leur généralité, les deux méthodes ont des avantages et des inconvénients assez faciles à discerner. Dans son assidue et presque exclusive familiarité avec la matière, l'esprit occidental risque de s'oublier et de se perdre, de ne plus pouvoir reprendre possession, ni même conscience de lui-même; de sorte que quand il s'essaiera à passer du matériel au spirituel, son effort dans son nouveau domaine se trouvera gêné, sinon paralysé par la hantise du spatial et du quantitatif; nous nous bornons à indiquer ce thème de réflexion sur lequel M. Bergson a brodé les éblouissantes variations que l'on connaît. En revanche, l'esprit occidental s'est ouvert, dans l'ordre des phénomènes de la nature une carrière qui paraît illimitée; et d'autre part, à vivre ainsi dans les choses plus qu'en lui-même, il s'est formé une notion claire de l'objectivité, tandis qu'à mesurer constamment des quantités il prenait l'habitude de

Đông-phương với Tây-phương

Mới xét qua so-sánh hai văn-minh Đông-Tây, thời cái cảm-giác thứ nhất là Tây-phương tấn-tới hơn Đông-phương về đường quan-sát cùng chi-phối cái thế-giới vật-chất, còn Đông-phương thời tấn-tới hơn Tây-phương về đường quan-sát cùng chi-phối cái thế-giới tinh-thần, hay không được toàn cả cái thế-giới ấy thời cũng là một bộ-phận trong thế-giới ấy, chính là cái bộ-phận có thể dùng trí-tuệ cùng ý-chí mà đạt tới được.

... Cứ đại-để mà xét, thời hai lối văn-minh đó đều có cái sở-trường sở-đoản cả, cũng dễ phân-biệt được. Thần-trí người Tây-phương, chỉ quanh-quẩn tiếp-xúc với vật-chất, có cái nguy đến quên những mình đi, mà rồi đến không thể nhận-chân được mình nữa; thành ra đến khi muốn qua từ cõi vật-chất đến cõi tinh-thần, thời thấy như ngăn-trở không tiến lên được, vì không thoát ra khỏi thời-gian cùng không-gian; đây ta gọi là chỉ qua về cái vấn-đề đó mà thôi, vấn-đề này nhà đại-triết-học BERGSON đã bày tỏ ra một cách sáng-sủa rực-rỡ biết dường nào! Trái lại thời trong cõi hiện-tượng của thế-gian, thần-trí người Tây đã khai ra một cái sự-nghiệp vô-cùng-tận; và lại thường sinh-hoạt với sự-vật nhiều hơn là với bản-thể mình, cho nên có một cái quan-niệm phân-minh về « khách quan », lại thường đo lường các phân-lượng luôn, cho nên tập quen cái tính ưa đích-xác; hai cái đó mới coi dường như không quan-hệ gì,

la précision, ce qui n'a l'air de rien et ce qui, comme l'a démontré le même M. Bergson, a peut-être marqué le progrès le plus décisif de l'intelligence humaine.

Or, cette notion de l'objectivité, cette habitude de la précision, c'est précisément ce qui manque, semble-t il, à la connaissance orientale, d'ailleurs substantiellement si riche, spirituellement si profonde. Serait-il impossible d'appliquer la forme de la science occidentale au contenu de la connaissance orientale ?

En tout cas, si cette conjonction des deux disciplines était réalisable, il n'est pas douteux que ce serait pour leur plus grand profit à toutes deux. Déjà nos méthodes historiques n'ont elles pas puissamment aidé certains peuples de l'Orient à reprendre contact avec leur être essentiel, à retrouver le sens de leurs destinées ?

Nos méthodes philologiques ne permettent elles pas à nos orientalistes d'expliquer à l'Inde et à la Chine de très vieux textes dont elles avaient perdu l'intellection ?

Est il interdit d'espérer qu'un jour l'Orient pourra et voudra à son tour articuler son apport avec le nôtre, et lester des trésors de sa spiritualité notre connaissance, qui, dans son état actuel, bascule terriblement du côté de la matière ?

RENÉ GILLOUIN

(*Questions politiques et religieuses*, pages 260-262)

nhưng theo như chính ông BERGSON đã chứng-giải rõ, chính hai cái đó đã giúp cho trí-tuệ loài người tấn-bộ được một bước rất lớn vậy.

Nay học-thuật của Đông-phương, cái bản-chất nó vẫn rất phong-phú, cái tinh-thần nó vẫn rất thâm-trầm, nhưng chính nó thiếu mất cái quan-niệm chủ-quan cùng cái thói quen đích-xác đó. Vậy thời há lại không thể đem cái hình-thức của khoa-học Tây-phương mà ứng-dụng về nội-dung học-thuật Đông-phương được hay sao ?

Dù thế nào mặc lòng, nếu hai cái phạm-vi đó mà có thể hòa-đồng với nhau được, thì quyết là có bổ-ích cả cho hai đàng. Hiện nay, phép sử-học của Tây-phương há chẳng đã có công to giúp cho nhiều dân-tộc Đông-phương trực-tiếp được cái cốt-cách tinh-thần của họ, nhận-chân được cái ý-nghĩa thâm-trầm của cuộc đời họ dư?

Các phương-pháp khảo-cổ của ta há chẳng đã giúp cho nhiều nhà Đông-phương-học giải nghĩa được những sách cổ của Ấn-độ, của Chi-na, mà người hai nước ấy đã quên đi không hiểu nữa dư ?

Vậy ta có thể mong rằng một ngày kia đến lượt Đông-phương cũng sẽ đem phần cống-hiến của mình mà hiệp với phần ta, đem những cái kho báu tinh-thần của họ mà bổ cho sự học-thuật của ta, cứ như bây giờ thì cũng thiên về vật-chất quá thật.

(Trích trong sách ông RENÉ GILLOUIN, là một nhà phê-bình Pháp)

THẢO-TRẠCH ANH-HÙNG

草澤英雄

Tục có câu : « Nước mô chẳng có anh-hùng, nước mô chẳng có đứa khùng đứa điên.» *Thật vậy, nhưng những kẻ anh-hùng hay là khùng hay là điên, thật là khó phân-biệt ra lắm ; vì có khi gọi là anh-hùng cũng được, có khi gọi là khùng là điên cũng được, chỉ ta cho là anh-hùng thì anh-hùng, cho là khùng điên là khùng điên đấy thôi. Suốt cả thế-giới không luận nước nào, đều có nhân-vật ấy cả, nước ta cũng vậy, mà cái tước-hiệu là anh-hùng hay là khùng điên, vẫn cũng lộn-xộn như các nước. Tôi cho thế là bất-bình lắm, vậy nên tôi sưu-tập hết cả những bậc anh-hùng khùng điên của nước nhà từ xưa đến nay, biên thành một tập, danh là* Thảo-trạch anh-hùng, *để bảo-tồn những dật-sự và lịch-sử của các bậc nhân-vật ấy. Còn những chỗ thị-phi thế nào, tôi chưa muốn hạ một câu định-bình, xin để chất-chính với các bậc cao-minh.*

Giặc châu chấu

(*Truyện Cao Bá-Quát* 高伯适)

Ông Cao Bá-Quát hiệu là Mẫn-hiên, 敏軒, lại hiệu là Chu-thần 周臣, con một ông đồ người làng Phú-thị 富市 huyện Gia-lâm 嘉林, tỉnh Bắc-ninh.

Ông với ông Cao Bá-Đạt 高伯達 là anh em sinh đôi. Khi sinh ra thì ông Đạt ra trước, nhưng khi ông còn bé không chịu gọi ông Đạt là anh, ông thường nói vì ở trong bụng mẹ thì ông ngồi trên, nên ông mới ra sau.

Đến lúc lớn hai anh em đều thông-minh lạ thường, mà ông lại có phần thông - minh hơn, mới lên bảy tám tuổi đã nổi tiếng là thần-đồng. Có một hôm ông đi tìm thầy đến học, gặp hôm ông thầy ra bài kinh-nghĩa đầu đề là « *Tử tại Tề văn thiều* », ông thầy bảo ông làm, ông hạ bút làm xong ngay, có câu rằng : « *Bình thủy tương phùng, tử thị tha - hương chi khách,* 萍水相逢子是他鄉之客; *quan-sơn nan việt, tử vi thất-lộ chi nhân* 關山難越子爲失路之人, *cố tử tại Tề văn thiều* 故子在齊聞韶.» Trình lên ông thầy học rất khen ngợi.

Năm ông mười-ba tuổi, một hôm ra đồng chơi về, gặp các học trò ở trường về, ông hỏi rằng : « Hôm nay thầy ra bài gì? » Học trò nói : « Thầy ra bài phú *Hàn Tín điếu ngư* 韓信釣魚賦, lấy vần là *thời vị ngộ hề* 時未遇兮.» Ông về nhà liền cầm bút viết ngay một bài, bài phú ấy đến nay vẫn còn truyền-tụng, mà các bậc danh-nho đời bấy giờ, cũng đều phải phục là một bài kiệt-tác.

Năm ông mười-bốn tuổi, bấy giờ đương đời vua Thiệu-trị, gặp có khoa thi hương, anh em ông cùng vào thi ; lúc vào kỳ đệ - nhất, làm văn chỉ một lát xong ngay, ra sân trường đá cầu chơi, quan trường thấy vậy, gọi mà bảo rằng : « Hôm nay là ngày tranh-khôi đoạt-giáp, mọi người ai cũng ngồi yên để làm văn, mà sao hai anh lại phóng-đãng như vậy ?» Ông thưa rằng: « Khoa này may được các quan ra đầu đề không lấy gì làm khó, anh em tôi đã làm xong cả rồi, vì cửa trường chưa mở, nên anh em tôi chơi cho đỡ buồn.» Quan trường nghe nói lấy làm lạ, hỏi rõ gốc-tích, rồi ra cho một câu đối rằng : « *Nhất bào song sinh, nan vi huynh nan vi đệ* — 胞雙生難爲兄

雄爲弟»,ông đối ứng-khẩu ngay rằng: « *Thiên-tải nhất ngộ, hữu thị quân hữu thị thần* 千載一遇有是君有是臣 » Quan trường kinh-phục, lập-tức sai mở cửa cho anh em ông ra. Khoa ấy hai anh em ông cùng đỗ cử-nhân, hôm xướng-danh người ta thấy ông đầu còn đề hoa-roi, ai cũng khen là hiếm có. Lẽ ra thì quan trường đã lấy văn của ông được đỗ Á-nguyên, nhưng đến lúc đem vào Bộ duyệt, lại đề ông xuống số cuối.

Đức Thiệu-trị thường biết tiếng ông là bậc đại-tài, vời ông vào Kinh, sai ông làm bài phú đề thử tài, đầu đề là « *Chu tuy cựu-bang* 周雖舊邦 » lấy vần là « *Chu tuy cựu bang, kỳ mệnh duy tân* 周雖舊邦其命維新 », ông cầm bút viết xong, dâng ngay lên vua, ngài khen là hay, muốn ân-tứ cho ông là tiến-sĩ-cập-đệ; nhưng các quan quyền-thần can rằng: « Xin đợi đến chánh-khoa sẽ lấy cho đỗ là phải ».

Vài năm sau ông vào Kinh thi hội, lúc đi đến tỉnh Nghệ-an, đi qua trường học của một ông tiến-sĩ về hưu-quan đang dạy học, ông cùng ông Đạt vái chào bước vào, rồi ngang-nhiên đến ghế ngồi, gặp hôm ấy trong trường học đang bình bài phú « *Ma trử thành trâm* » có câu rằng: « *Khả thung hốt nhĩ khả phủng, tin khả ma nhi bất lấn* 可椿忽爾可縫信可磨而不磷; *chí độn phần thành chí mẫn, trì lực cửu nhi công thành* 至鈍反成至敏。知力久而功成 ». Ông tiến-sĩ kia đang ngồi gật-gù khen tấm-tắc, anh em ông thấy vậy bịt mũi đi ra, các học trò tức giận toan đánh, ông tiến-sĩ bảo rằng: « Không nên, những người này tất là bậc phi-thường. » Nhân sai người cố mời ông trở lại, anh em ông lại trở vào, ông tiến-sĩ kia hỏi rằng: « Câu văn này tứ-ý rất hay, làm sao các quan bác lại cười? » Ông thưa rằng: « Cái công-hiệu ma-trử, không phải một ngày nên được, mà hai chữ «hốt nhĩ» thì rất sai văn-lý. » Ông tiến-sĩ lấy làm phải, nhờ ông chữa lại cho. Ông liền đổi làm hai chữ « chuyển tác 轉作 ». Ông tiến-sĩ bèn mời ông ngồi bàn luận văn-chương, ông đối-đáp thông-hoạt như nước chảy, cả trường đều kinh-ngạc; ông tiến-sĩ rất kính-phục bảo rằng: « Văn-lý của ông rất là mật-sát, sau này vào quỳnh-uyển ngọc-đài, chả ông thì còn ai nữa. »

Khi bấy giờ có ông Nguyễn Siêu 阮超, hiệu là Phương-đình 方亭, cũng là một bậc tài-danh có tiếng, nên người đời bấy giờ truyền-tụng là Thần Siêu Thánh Quát.

Có một khi ông Siêu phụng mệnh đề cái núi non bộ và cái bể cảnh, ông Siêu chưa biết nghĩ thế nào cho hay, bèn bảo ông đề giúp, ông đề rằng:

Sơn nhược hữu thần hô Hán tuế;
山若有神呼漢歲
Hải như sinh thánh thiếp Chu ba.
海如生聖浹周波

Ông Siêu cũng phải lấy câu đề ấy là tuyệt-bút. Lại một khi ông vào hầu cụ Bằng-nhỡn trông thấy cụ đề cái cối giã trầu bằng ngà voi một câu rằng:

Tích vi sơn-lâm khách,
昔爲山林客
Kim tác chảo-nha thần.
今作爪牙臣

Ông trông thấy mỉm cười mà đi ra, cụ Bằng sai học trò ra chạy theo hỏi ông, ông nói rằng: « Như vậy thì lấy cả con voi làm cối giã trầu ư? » Học trò bèn mời ông trở lại, cụ Bằng bắt ông đề thử xem sao, ông đề rằng:

Thượng tượng dĩ chế khí,
尙象以制器
Một xỉ vô oán ngôn.
沒齒無怨言

Cụ Bằng cũng chịu là hay chữ. Đời bấy giờ có ông Tùng-quốc-công và Tuy-lý-công là hai vị hoàng-tử đời Minh-

mệnh, thơ văn hay có tiếng, hai ông thường mời ông vào làm thơ, trong ba đêm ông làm được ba-mươi bài, mà đều đáng truyền-tụng cả, lúc ông ra ngoài, nói chuyện với người ta rằng: « Đêm hôm qua ta đã áp-đảo được cả ông Tùng ông Tuy rồi »

Bấy giờ có một nhà đại-nho là ông Nguyễn Văn-Khải 阮文楷 rất ái-trọng ông, ông Khải nhân mới cưới một cô nàng hầu là một người ả-đào ở tỉnh Bắc-ninh, liền bảo ông làm một bài hát hát chơi, ông cầm bút viết ngay một bài rằng:

« Bắc-phương hữu giai-nhân, tuyệt-thế nhi độc-lập 北方有佳人絕世而獨立, *giá đã nên nhất-tiếu khuynh-thành, trọng cho tài mà lại tiếc cho mình, còn chen-chúc với đời chi mãi tá?* Ngã diệc tự phi ninh tác ngã 我亦自非寧作我; nhân phi bất thị thả khan nhân 人非不是且看人, *vòng thị-phi chót đã quá chân, thôi đã biết chuyện đời là thế thế! Thoi thăm-thoắt bóng dâu đã xế, mới ngày nào mái tóc mới ngang vai. Của đời ai kém chi ai!* »

Ông Khải rất lấy làm khen ngợi, lại ép ông rằng tất phải làm một bài dùng những tiếng tục thì mới thú. Ông bắt phải đem rượu uống đã rồi mới làm. Lúc đem rượu ra, ông uống một chén liền đọc ngay rằng:

« *Trước đã mắc lừa cùng cái vịt, sau càng thêm thẹn với con công. Sự đâu có sự lạ-lùng, ô-tướng-quân cùng mạc-động-chủ. Sách có chữ âm dương đảo-chủ, thay hóa-công mà đúc lấy nhân-tài; càng già càng dẻo càng giai!* »

Ông Khải nghe lấy làm thú, tặng cho ông ba chục quan tiền, ông đem đi chơi rượu đi hát, vài hôm hết cả rồi lại vào chơi, ông Khải lại tư-cấp cho rất hậu, mà cũng không có câu gì yếm-bạc ông.

Ông văn đã hay, chữ lại tốt, người Tàu đã từng có câu khen rằng: « *Văn như Siêu Quát vô Tiền-Hán* 文如超适無前漢, *thi đảo Tùng Tuy thất thịnh-Đường* 詩到從綏失盛唐. » Nghĩa là văn như văn ông Siêu ông Quát thì văn đời Tiền-Hán cũng phải thua, thơ đến như thơ ông Tùng ông Tuy thì đến thơ thịnh-Đường cũng còn kém. Chỉ vì ông có tính tự-phụ khinh người, thường nói rằng: « Cả thiên-hạ chỉ có mình ta có một mắt, còn thì đều không có mắt cả. » Ông lại thường nói rằng: « Cả thiên-hạ có hai bồ chữ, ông Siêu với ông Đạt được một bồ, còn một bồ thì tung khắp thiên-hạ. » Cũng vì ông có tính kiêu-căng như vậy, nên mấy lần thi hội, đều phải quan trường ghét mà đánh hỏng, ông lấy làm căm-tức lại càng cố chí học-hành, nhưng thi mãi cũng vẫn bị truất-lạc.

Đến năm Thiệu-trị nguyên-niên, được bổ làm chức chủ-sự, ra chấm sơ-khảo trường thi Thừa-thiên, ông cùng với quan đồng-viện là ông Phan Nhạ 潘逵 làm gian, lấy khói chụp đèn làm mực, chữa hai-mươi bốn quyển văn của học trò, sau lấy đỗ được năm quyển. Lúc thi xong, dư-luận ồn-ào, quan giám-sát trường-vụ là ông Hồ Trọng-Tuấn 胡仲濬 dâng sớ dàn-hạch, án nghĩ xử tử-hình; đức Thiệu-trị nghĩ ông là sinh-chi làm càn mà thôi, không phải là có tình tư-túi gì, gia-ân giảm cho làm tội giáo-giam-hậu, sau lại được xử miễn nghị, bắt đi hiệu-lực theo ông Đào Trí-Phú 陶致富 sang Tây-ban-nha. Ông đi đường có ý ngạo-mạn khinh ông Đào, thường ngồi đầu thuyền uống rượu ngâm thơ rằng: « *Hữu tửu linh nhân túy* 有酒令人醉, *nả tri khách thi thùy* 那知客是誰. » Lại một câu rằng: « *Nhập thế công-thần thành trụ tầng* 入世功臣成墜甑, *xử thời kỹ nghệ học đồ long* 處時技藝學屠龍. » Hai câu này đều là ngạo-mạn cho ông Đào là ngu dốt vậy.

Sau ông lại được vào làm quan trong Nội-các, lúc ấy các quan như ông Thân Văn-Quyền 申文權, ông Nguyễn Công-Trứ 阮公著 đều là người có danh-vọng có thế-lực ở trong triều, người ta ai cũng phải vì nể, mà ông thì có ý coi thường khinh-bỉ, thường có câu đối chế-nhạo hai ông ấy rằng:

Ý cầm thượng quỳnh, quân-tử ố kỳ văn chi trừ;
衣錦尚絅君子惡其文之著
Bao Tề ỷ Tấn, thánh-nhân bất-đắc-dĩ dụng quyền.
褒齊懿晉聖人不得已用權

Lại thường hiềm-khích với ông tiến-sĩ Nguyễn Bá-Nhạ 阮伯迓 mà dán nhà một câu đối rằng:

Nhĩ cẩu vô nha há tốc ngã;
爾苟無牙何速我
Ngô do hữu thiệt khởi thâu thùy.
吾猶有舌豈輸誰

Ông bình-sinh kiêu-bạc đại-loại như vậy, mà cũng vì thế nên phải các quan ghen-ghét bài-xích mà không được đại-dụng.

Đến năm Tự-đức thứ bảy, được bổ làm giáo-thụ phủ Quốc oai (Sơn-tây), ông thường tự-phụ là đại-tài mà phải khuất làm quan hạ-liêu, trong lòng thường uất-ức, thường dán ở nhà trường một câu đối rằng:

Mô-phạm năm ba thằng mặt trắng,
Đỉnh-chung chiếc rưỡi cái lương vàng.

Khi lên chơi núi Sài-sơn có câu rằng:

Dĩ lai bắc-khuyết sơn vưu hảo;
移來北闕山尤好
San khước tây-thành nguyệt cánh minh.
刻却西城月更明

Đến tháng mười năm Tự-đức thứ bảy, bấy giờ ông đang làm giáo-thụ phủ Quốc-oai, thừa lúc ấy trong nước đang có giặc Tàu ở miền tỉnh Tuyên, Cao, Thái, Lạng, bèn phiến-dụ các thổ-dân ở Quốc-oai, Mỹ-lương, lấy giấy làm cờ, vót gỗ làm gươm, đề mấy chữ vào cờ rằng: « *Bình-dương Bồ-bản vô Nghiêu Thuấn* 平陽蒲阪無堯舜; *Mục giã Minh-điều hữu Vũ Thang*; 牧野鳴條有武湯, rồi tế cờ ở hạt Mỹ-lương, suy-tôn ông Lê Duy-Cự 黎維距 (tức cả Đồng) Lê Duy-Uẩn 黎維緼 (tức cả Huân). Duy-Cự tự xưng là Thiên-hạ nguyên-súy Hoàng-giang chánh-thống chánh-giá đại-nhân 天下元帥黃江正統正駕大人. Ông Quát thì tự xưng là Quốc-sư 國師, định ngày kéo quân về hạ tỉnh-thành Hà-nội. Sau vì mưu tiết-lộ, quan-quân ở Hà-nội và Bắc-ninh đuổi kịp quá, ông bèn trốn lên Sơn-tây, âm-dụ những tên thổ-mục ở Sơn-tây là Đinh Công-Mỹ 丁公美 và Bạch Công-Trân 白功珍 tụ đồ-đảng kéo đến cướp bóc ở các làng Hoàng-xá, Lật-sài, huyện Yên-sơn, quan tổng-đốc Sơn-tây phái quan chánh phó lĩnh-binh đem quân đi đánh, quân giặc thua trận phải kéo sang phủ Vĩnh-tường, rồi đốt phá thành huyện Tam-dương; ông Quát thì trở về Mỹ-lương để cùng Bạch Công-Trân làm ứng-viện. Rồi đem quân đến phá đốt các hạt phủ Ứng-hòa và huyện Thanh-oai, đóng tại làng Đồng-dương, phải quan-quân tỉnh Hà-nội đánh tan, ông lại từ Mỹ-lương qua phủ Vĩnh-tường đến đốt phá thành huyện Tam-dương, lại đem quân đến đốt phá các miền Quốc-oai và Yên-sơn.

Ông Nguyễn Bá-Nghi thấy tình giặc như vậy, bèn tâu xin thêm quân, triều-đình liền phái 500 lính Thanh-hóa, kéo lên hội-tiễu, lại huyền-thưởng hễ ai bắt sống được tên phỉ-cừ nguỵ-xưng Quốc-sư là Cao Bá-Quát, sẽ thưởng cho năm trăm lạng bạc, ai giết chết được, sẽ thưởng cho ba trăm, và ban

thưởng chức hàm cho. Bấy giờ quan phó lĩnh-binh là Lê Thuận-Đại đem quân đến đánh tan giặc ở huyện Yên-sơn; ông Quát quân thua bị tử-trận. Quan-quân bắt sống được những tên đầu-mục là ngụy-thượng-thư Nguyễn Kim-Thanh 阮金聲, ngụy phó vệ Nguyễn Kim-Thực 阮金實, chém được hơn một trăm thủ-cấp và bắt sống được hơn tám-mươi người. Triều-đình sai đem bêu đầu ông Quát ra các tỉnh Bắc-kỳ và thảy đem bỏ sông.

Còn Duy-Cự và Duy-Uần lui về đóng ở huyện Chương-đức, viên huyện ấy là Đặng Tư-Triền chạy trốn. Phỉ-mục là Nguyễn Qui-Phán 阮規判 (tức tổng Đài) và Nguyễn Văn-Liệu 阮文料 (tức lý Liệu) đêm lại đem quân kéo xuống đánh trộm phủ thành Nam-sách, viên tri-phủ trốn chạy, quan bố-chính Hải-dương là Lê Bá-Đĩnh 黎伯珽 đem binh tượng đến vây, Lê Cự cùng tướng là Lý-Tống 里宋 ở Hoàng-kênh nghe tin, đem quân đến cứu, Bá-Đĩnh phải kéo quân lui, Duy-Cự vào đóng tại phủ-thành.

Sau Duy-Cự trận thua bị bắt, còn Duy-Uần không biết trốn đâu, quan-quân đông cũi giải Duy-Cự về kinh.

Lúc giải đi đường qua miếu vua Lê Thái-tổ ở làng Bố-vệ tỉnh Thanh, Duy-Cự xin vào bái-tổ, rồi làm lễ tam-sinh để tế, đọc một câu thơ rằng:

Ngô sinh bất phụ thử sơn-hà,
吾生不負此山河
Thiên địa vô tình khả nại hà?
天地無情可奈何
Viễn biệt sầu văn Nam phố khúc,
遠別愁聞南浦曲
Hoàn hương tu tụng Đại-phong ca;
還鄉須誦大風歌
Thiên niên cố-quốc tinh-linh tại,
千年故國精靈在
Nhất khứ anh hùng ẩm hận đa;
一去英雄飲恨多
Đao bái miếu-đường chung nhật cảm,
遙拜廟堂終日感
Vô nhiên tích thụ phát kim hoa.
依然昔樹發今花

Ông Duy-Cự tế xong tự-tử mà chết.

Lại có người nói là ông Quát bị bắt ở trận-tiền, giải về đến Hà-nội người ta thương ông, lấy tên tù diện-mạo giống ông đem thay, ông Quát trốn lên tỉnh Lạng-sơn đi tu, được mấy năm nữa mới chết.

Khi xưa ông Quát mới thi đỗ, làm thầy học ở nhà ông huyện Tiền-hải, ông huyện kia là chân tú-tài xuất-thân, làm đến chức tri-huyện về hưu-trí, làm thủ-chỉ làng Cửu-cao, huyện Văn-giang, trong làng ấy có tên cai-tổng Khản là tay hào-phú không chịu phục, ông huyện làm việc gì ở làng thường phải cai-tổng ngăn phá, ông huyện căm-tức, về mưu với gia-sư, ông Quát bèn bày mưu sai người học trò nghèo đến nhà cai-tổng xin ăn, cai-tổng thử hỏi văn-thơ đều thông-thạo, nhân lúc ấy nhà cai-tổng đang chữa cái cổng ngoài, nhân làm giúp cai-tổng một câu đối rằng:

Đăng bình chính trực khan vương-đạo;
蕩平正直看王道
Cao đại quang minh thị ngã-tâm.
高大光明是我心

Cai-tổng lấy làm hay, liền khắc ngay vào cổng. Lại một hôm nhà cai tổng Khản chứa việc làng, đem xôi gà ra đình làm lễ, lấy lọng vàng che mâm, ông tri-huyện kia khiến người đi giác cai-tổng tiếm-lộng, dám mình che lọng vàng, lại viện-dẫn câu đối ở cổng làm chứng, và bày đặt ra nhiều việc khác để vu cho, cai-tổng Khản bèn phải tội xử-tử.

Lúc cai-tổng Khản sắp phải hành-hình, sai vợ lấy nhiều giấy bút để vào trong quan tài mà bảo rằng: « Nay cái oan của ta không dãi được, xuống âm-phủ thế nào ta cũng kiện cho minh-

bạch, làm cho đứa bày ra cái mưu này, cũng phải quả-báo như ta. » Về sau nhà cai-tổng và nhà ông huyện kia cùng bại-hoại; ông Quát mắc phải nạn này, người ta bảo là cái ác-báo của cai-tổng Cửu-cao, nhưng đó là câu chuyện hoang-đường không nên tin vậy.

Lại có người nói khi ông Quát làm giáo-thụ phủ Quốc-oai, ở làm gia-sư một nhà trong hạt ấy, ông tính hay rượu, tên cai-tổng có chí khởi-ngụy, nhân lúc ông say rượu rủ ông đi, nên ông mới mắc vào tội bạn-nghịch.

Ôi! anh em một nhà ông, nói đến văn-chương, thì thật là một hạng nhân-vật bậc nhất ở nước ta, chỉ vì gặp những sự không may, đến nỗi tan nhà nát cửa, mà những văn-chương sự-nghiệp của các ông cũng vì thế mà mất dần đi hết, chả qua chỉ còn được một vài bài thơ chép trong *Cao Chu-thần thi-tập*, thực đáng tiếc thay!

Ông Quát đã chết rồi, con là Cao Bá-Phùng 高伯逢, Cao Bá-Thông 高伯通 cũng đều phải xử-tử, người bạn ông là ông Đinh Nhật-Thận 丁日慎 cũng bị tình-nghi là đồng đảng với ông, phải bắt giam ngục; quan lang-trung là ông Nguyễn Kim-Xuyến 阮金鉉 là thông-gia với ông Đạt, bấy giờ đang cáo bệnh về ở nhà, cũng bị xử là tri-tình mà không tố-giác, phải giáng-điệu.

Bấy giờ anh ông là ông Đạt đang làm tri-huyện huyện Nông-cống (Thanh-hóa) có chính-tích hay, dân đang ái-mộ, cũng vì ông mà phải bắt, đông cũi giải về kinh, các quan thương ông Đạt là oan, đưa thuốc độc cho tự-tận. Sau dân huyện Nông-cống thương tiếc bèn lập miếu để thờ.

Con ông Đạt là ông Cao Bá-Nhạ 高伯迓 thì trốn đi mất, lưu-lạc ở dân-gian đã ngót tám năm, sau bị có kẻ tố-giác, ông lại bị bắt, ông ở trong ngục có làm hai bài tự-tình bằng chữ Hán và một bài bằng quốc-âm, từ-ý lâm-ly bi-thảm, ai đọc đến cũng phải vì ông mà sa giọt lệ đồng-tình, các bài ấy đến nay dân-gian hãy còn truyền-tụng.

Gặc chầy vôi

(*Đoàn Trưng* 段徵 *và Đoàn Trực* 段直)

Đoàn Trưng ở làng An-truyền (安傳社), huyện Phú-vinh, phủ Thừa-thiên, đương năm bính-dần là năm Tự-đức thứ mười-chín, bấy giờ nhà vua xây Vạn-niên-cơ (tức là Khiêm-lăng), vua sai Biện-lý Chất và Thống-chế Xa đứng đốc-biện, vua dụ hạn làm sáu năm cho xong, Chất tâu xin làm chỉ ba năm thì xong, bởi vậy lệ các quân làm việc cứ sáu tháng lại được đổi ban về nghỉ, Chất muốn được chóng xong, không cho quân-sĩ thay ban, quân-sĩ ta-oán, nên có câu ca-dao rằng:

Thế-gian Lăng Trứ là đầu,
Chiếc thuyền thương-mại qua Tàu sang Tề (Tây).

Một thằng Biện Chất nên ghê,
Coi quân như cỏ chẳng hề xót thương.

Trưng thấy quân-chúng ta-oán như vậy, bèn mưu khởi-loạn, bảo mẹ và vợ ông Đinh Đạo, tâu xin làm chay giải-oan cho ông An-phong-công là ông Hồng-Bảo, vua Tự-đức động lòng thương hứa cho, nhân làm chay ở một cái chùa gần kề với Vạn-niên-cơ, tục-danh là chùa Khoai, Trưng chiêu-tập các đảng-vũ đều tụ-tập tại đấy, lại có Trú Tri-Qui ngụy-hiệu là quân-sư cũng chiêu-tập đến hơn một trăm sư tăng đến đấy; quan Thừa-thiên phủ-doãn là Nguyễn Văn-Tường đã cho người đến thám, cũng không biết là mưu Trưng và thấy có phụng minh-chỉ, nên không dám hỏi.

Đến đầu canh tư ngày tháng tám, bấy giờ bọn quân-phu đã dậy làm việc

rồi, Trưng cùng với cậu là tên Trực, tên Ái, tên Hòa, tên Thì năm người giả-danh là ủng-lập hoàng-tôn là ông Đinh Đạo lên làm vua, mưu đem quân vào hoàng-thành; lúc đi bọn Trưng đội mũ đi lọng, nghi-vệ trông rất oai-nghiêm, đến chỗ Vạn-niên-cơ trá-xưng là vâng thượng-dụ, lập-tức áp-giải những người đốc-biện là Thống-chế Xa Biện-lý Chất về kinh cứu-biện, phàm các quân phu-dịch ở Vạn-niên-cơ cầm chầy vôi về cho thay ban, các quân-phu đều mừng-rỡ, vào trói Thống-chế Xa, rồi đều cầm chầy vôi theo bọn Trưng đi, bởi vậy nên tục gọi là giặc Chầy-vôi. Quân đi đường cầm một lá cờ thêu bốn chữ «Ngũ-đại hoàng-tôn» (từ vua Gia-long đến ông Ưng Đạo là ngũ-đại) kéo đảng-vũ đến vài vạn người, giơ chầy vôi lên, trông như gươm giáo cả, lúc đi đến nửa đường, tên Trụ Trì-Quí vừa đi vừa tính lục-nhâm, liệu việc không thành, bèn cởi đồ nhung-trang cầm gươm đi đường tắt về chùa, còn bọn Đoàn Trưng kéo thẳng tới kinh-thành, lúc ấy trời mới tang-tảng sáng, cửa thành đã mở rồi, tên Trưng, tên Trực và tên Ái đều ngồi kiệu, mỗi người che hai cái lọng, đều hai tay cầm hai thanh gươm, vào cửa Ngọ-môn thẳng tới nội-điện hoàng-thành; lại một toán đi cửa Hiền-nhân vào nhà Duyệt-thị-đường, quân-sĩ canh cửa đều lấy làm lạ, ngỡ là ông hoàng-tử thân-công nào, nên không dám ngăn-trở, tên Ái vào đến điện Thái-hòa, ngồi trên ngai rồng truyền gọi các quân loan-giá bảo gì cũng được.

Sau tên Trưng và tên Trực suất đảng vào đến điện Cần-chính, không rõ cửa tấu ở chỗ nào, chợt gặp quan-chưởng-vệ long-vũ-quân là Hồ Oai, Trưng thét hỏi rằng: «Mày là chức gì?» Oai nói rằng: «Tôi là chức quản quân.» Oai vừa nói vừa chạy, bị Trưng cầm gươm chém theo, đứt mất tai rồi hay được, quan cầm-y chánh-vệ-úy là Nguyễn Thịnh gặp giặc ở nhà Duyệt-thị-đường, bèn kêu lên là có giặc, liền chạy vào đóng cửa. Thịnh sức khỏe đóng cửa chặt, bọn Trưng không thể vào được, chỉ thò gươm vào khe cửa chém Thịnh, đứt mất một ngón tay, nhưng Thịnh vẫn cố sức giữ cửa Tấu-môn không chịu dời. Quan phó vệ-úy là Hùng liền đem mười người quân cầm-y-vệ đến điện Thái-hòa, thấy tên Ái vẫn ngồi gọi loan-giá, liền thét lên rằng: «Giặc đấy, giặc đấy, quân-sĩ đừng nghe.» Rồi nhảy lên ven ngai rồng đâm tên Ái gần chết, lúc trở vào gặp tên Trưng tên Trực ở ngoài cửa Tấu-môn, Hùng xông vào đánh bắt được cả, còn tên Hòa tên Thì vẫn còn ở ngoài cửa Long-đức, đến bấy giờ quan Thống-chế Xa mới biết là giặc, bèn kêu lên rằng: «Nó là giặc đấy, quân-sĩ đừng lầm». Các quân phu-dịch thấy vậy đều bỏ chầy vôi mà chạy trốn, thế là anh em đảng giặc Trưng đều phải quan-quân bắt được hết.

Lúc hoàng-thượng dậy, thì việc đã yên rồi, liền sai đóng cửa thành lại để tra-tấn, nhất-diện phái người đến vây chùa Khoai mà bắt. Lúc đến thì trong chùa vẫn im lặng như thường, chỉ thấy Trụ Trì-Quí vẫn còn nằm chưa dậy, quân phái-binh không ngờ, toan trở ra, chợt thấy một người tiểu-tăng đang ngủ, thấy tiếng người sực dậy, rút thanh gươm chạy ra, quân phái-binh bèn nắm lại hỏi, tên tiểu-tăng nói hết sự thực, phái-binh vào khám lại, thì thấy đồ nhung-trang và gươm còn để trong buồng sư, bèn bắt trói tên tiểu-tăng và tên Trụ Trì-Quí về kinh, giao tòa Hình-bộ tra-tấn.

Khi tấn thì tên Ái vì phải phó-vệ-úy đâm đau nặng, nằm mà thảo tờ cung rằng: «Việc ấy là tự mình làm, không ai xui khiến cả.» Nói xong cắt cổ họng mà chết. Tra đến tên Trưng thì nói rằng: «Việc thành thì làm vua,

không thành thì chết, can gì mà phải hỏi lắm.» Quan binh-bộ thượng-thư là Lê Bá-Thận sai lấy kìm để kẹp, lúc kẹp Trưng chỉ nhắm mắt lại, lúc buông ra thì lại cười nói như thường, lúc kẹp hai đùi chỉ còn trơ xương mà vẫn không nói gì cả. Còn như tên Trụ Tri-Qui thì ôm chân nấp bóng cửa tử-bi đã lâu, không quen đến cửa Diêm-la, chịu những sự cùm kẹp, nên nhất-dán phải gia-hình thì hỏi gì nói nấy, xưng càn rằng: «Vì khiến quan đề-đốc kinh-thành mà vào được hoàng-thành, thì việc xong rồi». Quan thượng Hình hỏi hoàng-tôn ở trong ngục tối, thoát ra sao được mà chủ-mưu. Qui nói thông-mưu với quan đề-đốc kinh-thành. Quan thượng Hình là Thận lại đem lời Qui nói hỏi Trưng, Trưng nói rằng: «Kẻ đại-trượng-phu lẽ đâu còn phải người xui khiến, dến mười quan đề-đốc cũng chẳng làm gì được, nếu ông còn hỏi nữa thì tôi nói ông cũng dự-mưu.» Thận không dám hỏi nữa.

Sau kết thành án rồi, những tên ấy đều phải xử-tử. Lại vì bốn chữ thêu cờ nên ông Đinh Đạo cũng phải xử-tử.

Ông Đinh Đạo nguyên tên là Ưng-Đạo, vì cớ cha là An-phong-công, nên phải đổi theo họ mẹ là họ Đinh, ông An-phong-công đương khi vua Tự-đức lên nối ngôi, ông nghĩ mình là con cả không được lập, dến lúc tuyên-đọc di-chiếu chưa xong, ông khí uất thổ huyết đến hơn một đấu, rồi ngã gục xuống ở sân rồng, đến lúc tấu-quang, phải mấy người dắt ông dậy ông mới lễ được, sau ông toan đáp tầu sang Tây-dương, không may việc tiết-lộ phải bắt về, mông-ân được tam-ban triều-điển, ông uống thuốc độc mà chết; rồi đem thây ông ra bỏ ở bụi tre, lấy đá lấp đi, năm con ông đều phải bỏ ngục. Sau lại được dụ-chỉ tha cho, cho học ở nhà Quốc-tử-giám, nhưng vẫn có người dò thám, không được tự-do. Năm Tự-đức thứ mười-bảy, vì có sự tên nghịch Tập nổi loạn, lại phải giam ngục, ông Đinh Đạo ở một nơi và bốn em ở một nơi, không được cùng nhau đi lại; đến nay vì việc nghịch Trưng anh em ông đều phải giảo-sát. Ông Đinh Đạo có một người con mới lên ba tuổi, đến bấy giờ cũng phải tội giảo, thắt đến hai lần mà vẫn chưa chết, lúc bỏ vào quan rồi, vẫn còn khóc oe-oe, có người nói là có kẻ mang cái thây khác đến thay ra, tưởng cũng là nói ngoa, không đáng tin vậy.

(*Còn nữa*)

Sở-cuồng Lê Dư

KHẢO VỀ HỌC-THUẬT TƯ-TƯỞNG NƯỚC TÀU (1)

Học-thuật tư-tưởng trong một nước cũng như là cái tinh-thần của người ta, còn những cái hiện-tượng về chính-trị, pháp-luật, phong-tục và lịch-sử đều là hình-chất cả. Vậy muốn xét xem trình-độ nước nào văn hay dã, mạnh hay yếu thế nào, thì trước phải xét về học-thuật tư-tưởng nước ấy.

Nước Tàu là một nước lớn ở trên châu Á, số người rất nhiều, chiếm đến một phần trong ba phần trên thế-giới, lịch-niên đã lâu, trải đến hơn bốn nghìn năm, đã có một thứ ngữ-ngôn văn-tự công-dụng cho cả bốn trăm triệu người (2), thế-giới không nước nào bằng; lại có các cổ-thư từ trước ba mươi thế-kỷ truyền lại (3), thế-giới cũng không nước nào kịp. Người Âu-tây nói văn-minh tổ-quốc trong thế-giới có năm nước: Trung-hoa, Ấn-độ, Ai-tức, Ai-cập, Mặc-tây-kha. Song bốn nước kia nước đã mất thì văn-minh cũng đều mất theo cả, nay đi qua bốn cõi nước ấy thì chỉ thấy vết chân thiết-kỵ ngổn-ngang, bóng tường kim-phấn bừa-bãi mà thôi; duy có nước Trung-hoa là vẫn nghiễm-nhiên độc-lập, kế-thừa quang đại mãi cho đến ngày nay, sau này họp dồn muôn phái, đúc lại một lò, thì văn-minh học-thuật vĩ-đại biết là chừng nào!

Núi có sâu, chầm có lớn, thì giống long-xà mới sinh ra được; người có hấp-thụ được tinh-túy nhiều thì hồn-phách mới mạnh được. Lấy một nước to-lớn vĩ-đại như nước Tàu thì học-thuật tư-tưởng nó bàng-bạc uất-tích biết chừng nào, có phải như giống mãn mèo ở trên đầu hang núi, giống rợ mọi ở ngoài hòn cù-lao hay sánh bằng được đâu. Nay ta hợp cả thế-giới-sử mà so-sánh xem, thì học-thuật tư-tưởng về thời-đại thượng-thế-sử, nước Trung-hoa đứng vào bậc thứ nhất, (bên Thái-tây tuy có các bậc chư-hiền nước Hy-lạp, sao hay sánh bằng các nhà chư-tử về đời Tiên Tần nước Tàu.) Học-thuật tư-tưởng về thời-đại trung-thế-sử, nước Trung-hoa cũng đứng vào bậc nhất, (đời trung-thế-sử tư-tưởng học-thuật nước Tàu tuy có hơi suy, nhưng bên Âu-châu lại càng tệ lắm, duy sở-đắc có giáo Cơ-đốc và phép La-mã mà thôi, còn ngoài ra đều mờ tối cả.) Còn đến như thời-đại cận-

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu.

(2) Theo như thống-kê năm 1900, thì bên Âu-châu thông-dụng nhất là chữ nước Anh, mà chẳng qua mới độ một trăm mười hai triệu người; so với chữ Tàu thông-dụng, chỉ được độ một phần trong bốn phần. Người Ấn-độ dẫu nhiều mà ngữ-ngôn văn-tự thì tạp-nhạp lắm. Nước Tàu tuy phân ra nam bắc, tiếng Nam tiếng Việt nói có khác nhau, nhưng đại-để cũng giống như một cả.

(3) Những sách cổ như *Phần, Điển, Sách, Khâu*, nay không còn truyền lại thì không kể; ngay như sách *Thượng-thư* đã có từ ba nghìn bảy tám trăm năm về trước, tự Sử-quan đời nhà Hạ chép ra, thì thực là cổ lắm. Nay thế-giới gọi là cổ-thư như sách *Cựu-ước toàn-thư* của Ma-tây mới độ 3500 năm, sách *Tứ-vi đà-luận* của Bà-la-môn cũng độ chừng ấy năm. Còn như sách thi-ca của Hòa-mã-nhĩ (Homère) Hy-lạp, mới ước độ hai nghìn tám chín trăm năm; sách *Ai-cập-sử* của Môn-thoa mới độ hai nghìn ba trăm năm, đều không cổ bằng sách *Thượng-thư* cả. Còn như những sách độ 2500 năm thì nước Tàu truyền lại còn đến hàng mấy thứ, bên Âu-châu thực không có những sách cổ ấy.

Đường trồng dừa ở Vientiane (Ai-lao)

Cliché Gouvernement général

Nhà riêng của vua Lào ở Louang-Prabang

Cliché Gouvernement général

thế sử này, đem học-thuật tư-tưởng Tàu mà so sánh với Âu-châu thì thực là kém xa. Tuy vậy, cái tiền-đồ cận-thế-sử này cũng vẫn còn dài, biết đâu giống quốc-dân vĩ-đại kia lại chẳng hay khôi-phục cái vị-trí rất vẻ-vang rất cao-thượng của tổ-tông, lại đứng đầu cả thế-giới về việc học-thuật tư-tưởng sau này.

Ta đã sinh trong nước này làm dân nước này, mà được hưởng cái ân-trạch về học-thuật tư-tưởng của tổ-tông ta, thì ta nên ca-vũ tuyên-dương, làm cho phát-huy quang-đại, mở rộng thêm ra, là cái trách nhiệm của lũ chúng ta vậy. Song mãi đến nay mà vẫn chưa thấy ai hay nghiên-cứu phát-huy về đường học-thuật tư-tưởng ấy là tại cớ sao? Thiết-tưởng việc trong thiên-hạ phải so-sánh với nhau rồi sau mới rõ được chân-tướng; nếu không so-sánh thì không những là chẳng hay biết được cái điều mình sở-đoản, mà cũng không biết được cái điều mình sở-trường. Thế mà ngày nay những người đi học thì lại không biết suy xét mà đem ra so-sánh xem; những người gọi là học trò hiếu-học thâm-tư ngày nay thì có hai hạng: một là hạng chỉ quần về cái cõi học-thuật tư-tưởng của nước mình nó làm câu-thúc, không còn biết gì đến học-thuật của nước người nữa, một là hạng chỉ mờ về cái bộ học-thuật tư-tưởng của nước người nó làm huyễn-diệu, không thèm nhìn chi đến học-thuật của nước mình nữa. Ôi! học-giới của mình đã rộng-rãi mà thâm-thúy như thế kia, học-giới của người lại sán-lạn mà bồng-bột như thế nọ, phí hết sức nghiên-cứu độ vài mươi năm, đàng thì hái lấy cái hoa, đàng thì nhặt lấy cái quả, nghiền-ngẫm cho dung-hội quán-thông cả lại, thì còn biết đâu mà ca-vũ tuyên-dương ra được. Ta nay hãy đem sở-kiến mà viết ra đây, để làm một bài nghiên-cứu về sau này, mà chờ xem cái vị-trí học-thuật tư-tưởng của Trung-hoa về cận-thế-sử này như thế nào vậy.

Nay ta xin trung-cáo các bạn thanh-niên đồng-bào phải nên biết rằng từ nay về sau trong hai mươi năm nữa, ta không lo gì học-thuật tư-tưởng của nước ngoài nó chẳng thâu-nhập, mà ta chỉ lo rằng học-thuật tư-tưởng của nước mình không hay phát-minh ra được; nếu trong khoảng hai-mươi năm mà không làm cho phát-minh ra được, thì học-thuật tư-tưởng của mình tuy cũng chưa đến tổn-hại đi hết, song nước nào mà hay tự lập ở trong trời đất, thì tất có một cái đặc-chất để mà tự-lập, nay muốn cho nước mình khá, thì phải lưu-ý về cái đặc-chất ấy, mài rũa làm cho tăng-quang lên mới được. Nay đương lúc quá-độ-thời-đại, xanh chín giáp-hạt, các bạn thanh-niên ta nếu mà yêu nước, nếu muốn tỉnh thức cái lòng ái-quốc cho đồng-bào ta, thì không nên coi thường cái điều đặc-chất ấy. Không thể thì thoát được cái tính nô-lệ sùng-bái cổ-nhân, lại sinh ra cái tính nô-lệ sùng-bái ngoại-nhân mà coi khinh bản-tộc, ta sợ rằng sở-đắc không bù được điều sở-thất. Vả các bạn tân-học thiếu-niên vẫn lấy thâu-nhập văn-minh tự-nhiệm, nhưng phải biết cái cách dạy người phải nên nhân cái tính nó sở-cận mà khơi bảo, phải đem những điều đã biết ra mà so-sánh, như thế thì bận việc ít mà được công-hiệu nhiều. Không thể thì biết bao nhiêu là các bậc bác-sĩ hồng-nho về các khoa ngoại-quốc, mà sự học-vấn không hay bổ-ích cho quốc-dân ta được chút gì, là tại cớ sao? Là bởi tại học-tập chưa quen, mà cái thế nó còn hãn-cách nhiều lắm. Nếu các bạn tòng-học mà coi khinh học-thuật nước mình chẳng thèm nhìn đến thì dẫu trong nước mình được nhiều các bậc tây-học như những ông Đạt nhĩ-văn, Hách-tử-lê, Tư-tân-tắc, tưởng cũng không có ảnh-hưởng gì đến học-

giới nước mình đâu. Ta nói thế không phải là lại gợi thêm cái tính tự-tôn-đại cần cho người nước ta đâu, ta bất-đắc-dĩ mà phải nói vậy.

Ta nay đem học-thuật tư-tưởng trong vài nghìn năm mà chia ra bảy thời-đại như sau này: 1º Phôi-thai thời-đại, là từ đời Xuân-thu trở về trước; 2º Toàn-thịnh thời-đại, là cuối đời Xuân-thu và đời Chiến-quốc; 3º Nho-học thống-nhất thời-đại, là đời Lưỡng-Hán; 4º Lão-học thời-đại, là đời Tấn Ngụy; 5º Phật-học thời-đại, là đời Nam-Bắc-triều và đời Đường; 6º Nho Phật hỗn-hợp thời-đại, là đời Tống, Nguyên, Minh; 7º Suy-lạc thời-đại là vào khoảng độ hai trăm năm-mươi năm gần đây; 8º Phục-hưng thời-đại chính đương ngày nay. Tựu-trung, thời-đại này thay sang thời-đại khác, cái giới-hạn nó không thể chia rõ-ràng được, không những là học-thuật tư-tưởng như thế, mà đến như chính-trị-sử cũng khó chia như thế cả; vì rằng trong một thời-đại nó vẫn hàm có cái dư-ba của thời-đại quá-khứ rớt lại, và cái mầm-nghiệt của thời-đại vị-lai nó mới gây nên, vậy phải cốt xét về điều trọng-yếu mà thôi.

Nước Tàu có một điều khác hẳn các nước là không có tôn-giáo. Kẻ thiền-thức lấy thế làm xấu-hổ cho nước, không biết rằng thế là vinh chứ không phải là nhục. Tôn-giáo ở về cái thời-đại nhân-quần còn ấu-trĩ thì tuy rằng có công-hiệu, nhưng đến lúc đã trưởng-thành rồi thì hại nhiều mà lợi ít, là tại cớ sao? Vì là nó làm ngăn-trở mất cái đường tự do của học-thuật tư-tưởng người ta. Quốc-dân ta đã được ăn nhờ về phúc-trạch của các đấng tiên-triết, không bị phải cái hơi mùi tôn-giáo nó làm hỗn-trọc trong não-cân, cho nên học-thuật tư-tưởng phát-đạt vẫn có phần ưu-thắng. Xem như Phật-giáo ở bên Ấn-độ và Tây-tàng, Mông-cổ, Diến-điện, Xiêm-la, vẫn giữ cái thói mê-tín về bậc Tiểu-thừa, thế mà Phật giáo truyền đến nước Tàu thì lại mở-mang rộng lớn về cái lý-luận Đại-thừa; lại xem như Cảnh-giáo truyền vào nước Tàu đã vài trăm năm, mà những bậc thượng-lưu nhân-sĩ không có mấy người theo. Vậy nay ta chỉ mong cho học-thuật được tiến-bộ, tư-tưởng được thống-nhất, chứ bất-tất lại bày ra cái phép tôn-giáo để tự thúc-phọc lấy mình nữa.

Cái công-lệ về sinh-lý-học hễ hai cái khác tính hợp với nhau thì nó kết-quả lại càng tốt hơn (như là giống lẻ tiếp với giống hạnh, ngựa giống Á hợp với ngựa giống Âu thì sinh giống ra lại càng tốt.) Cái lệ ấy suy ra các sự-vật đều như thế cả. Năm nước văn-minh tổ-quốc ở trên địa-cầu này, địa-thế cách xa không hay giao-thông với nhau được; duy có nước Ai-cập, nước An-tức nhờ về Địa-trung-hải làm cho hai cái văn-minh gặp nhau mới sinh ra cái văn-minh Âu-châu, rực-rỡ cả trên đại-địa. Về sau này người A-lạp-bá lấn sang phương tây, quân Thập-tự tràn sang phương đông, làm cho văn minh Âu-Á lại giao-hợp với nhau lần nữa, mới thành ra cái hiện-tượng lừng-lẫy trời đất đời nay, ấy là cái minh-nghiệm về công-lệ xưa nay vẫn như thế. Nước Trung-hoa đương về đời Chiến-quốc, hai cái văn-minh nam-bắc mới tiếp-xúc nhau, làm cho những điều tư-tưởng học-thuật về đời cổ lại càng tiến lên toàn-thịnh; đến khoảng đời Tùy đời Đường mới cùng tiếp-xúc với văn-minh Ấn-độ, nên cái tư-tưởng học-thuật về đời trung-cổ lại càng phóng-đại quang-minh. Nay thì toàn-cầu đều liền nhau như láng-diềng cả, nhưng nước Ai-cập, An-tức, Ấn-độ, Mặc-tây-kha, văn-minh bốn nước ấy đều đã tuyệt-

diệt cả, vậy nên dẫu càng giao thiệp với người Âu mà không thể sinh ra tân-cảnh-tượng được; nay trên địa-cầu chỉ còn hai cái văn-minh: một là văn-minh Thái-tây tức là bên Âu-Mĩ; hai là văn-minh Thái-đông tức là nước Trung-hoa; đời thế-kỷ thứ hai-mươi này tức là thời-đại hai văn-minh kết-hôn với nhau vậy. Đồng-bào ta nên hoan-nghênh đón rước thế nào mà lại làm cho sinh thành ra được một nền văn-minh mới để nối-dõi về sau.

I. — *Phôi-thai thời-đại.*

Chủng-tộc nước Tàu không phải là một giống, nhưng mà cái nguồn suối tư-tưởng học-thuật nó khai ra vốn từ dòng-dõi con cháu vua Hoàng-đế. Giống Hoàng-tộc khởi lên, từ phía tây-bắc, rồi tràn xuống chiến-thắng những giống man-tộc ở về lưu-vực sông Hoàng-hà, càng ngày càng thịnh dần mãi lên khắp cả trên cõi đất đại-lục; những truyện về đời thái-cổ thuộc về hoang-đường, ta hãy gác để đó, nay ta kể từ đời Xuân-thu trở về trước, cho làm một phôi-thai thời-đại, trong thời-đại ấy lại chia ra bốn thời-đại nhỏ như sau:

Phôi-thai thời-đại
- 1° Hoàng-đế thời-đại
- 2° Hạ Vũ thời-đại
- 3° Châu-sơ thời-đại
- 4° Xuân-thu thời-đại

Học-thuật tư-tưởng vẫn thường quan-hệ với cái đại-thế trên lịch-sử, lịch-sử đời thượng-cổ đến đời vua Hoàng-đế là một lần biến, đến đời vua Hạ Vũ là một lần biến, đến đầu đời Châu là một lần biến, đến đời Xuân-thu lại là một lần biến, vậy nên cái tinh-thần văn-minh phát-đạt cũng theo đó làm giới-hạn. Sách đời vua Hoàng-đế thấy ghi chép ở trong *Hán-thư văn-nghệ-chí* có đến hơn hai-mươi thứ, họ Ban đã yết rõ cả lên đó, nay hãy còn truyền lại sách *Tố vấn nội-kinh*. Nhưng xét xem đời vua Hoàng-đế văn-học phát-đạt chửa chắc đã đến được cái địa-vị ấy, nhưng có bốn điều có thể làm chứng được là đời ấy đã tiến-bộ: một là mới chế ra văn-tự, hai là mới định ra lịch-tượng, ba là đã làm nhạc-luật, bốn là đã khởi nghề y-dược. Đời vua Hoàng-đế đi chinh-phục bốn phương, phía đông đến bể, phía nam đến sông Giang, phía tây đến Lưu-sa, phía bắc đến nước Huân-dục, kinh-nghiệm giao-thông càng ngày càng rộng mãi ra, lại đi chiến-thắng các dân-tộc khác mà hấp-thu lấy, cho nên tri-thức giao-hoán được phần ích-lợi nhiều, mới hay rửa hết cái lậu-tập hỗn-độn đời cổ mà rực-rỡ ra vẻ quang-hoa. Đến khi gặp phải nạn hồng-thủy, nhân-dân tiêu-tụy, hiện-tượng trong nước bấy giờ lại sinh ra một hồi đình-đốn. Vua Vũ mới ra trị hồng-thủy, trong bốn năm đi khắp chín châu, kinh-nghiệm rộng, giao-thông nhiều, nên mới hay cáo thành-công mà lập nên đế-quốc, vậy nên nước Trung-hoa dựng nước lên là tự vua Hạ Vũ trước, xưa kia vẫn gọi giống Hoàng-tộc là «Hoa-hạ 華夏», «Chư-hạ 諸夏,» đều là để kỷ-niệm cái công-đức vua Vũ, nên mới dụng cái tên chữ *Hạ* 夏 để làm tiêu-biểu cho quốc-dân. Khi ấy chính-trị tư-tưởng, triết-học tư-tưởng mới dần dần phát-sinh ra. Xem như chế-độ thiên *Vũ-cống* 禹貢, lý-tưởng thiên *Hồng-phạm* 洪範, đều là những sách có tư-tưởng tinh-thâm bác-đại tự ba nghìn năm trước truyền lại. Tự vua Hạ Vũ trở về sau đến hơn nghìn năm, các bộ-lạc giống Hoàng-tộc lại càng sinh-dưỡng nẩy-nở mãi ra, đến đầu nhà Châu cái thế trung-ương tập-quyền lại càng thịnh-hành, bao nhiêu tinh-hoa họp cả ở chốn kinh-sư, ông Châu-công mới gồm cả đời Tam-vương

làm ra sách Quan-lễ (1), vua Văn-vương mới làm ra *Hệ-từ* kinh *Dịch*, kinh *Thư* kinh *Thi*, khi bấy giờ cũng rực-rỡ hoàn-toàn, bao nhiêu tinh-thần điều-lý về tư-tưởng học-thuật đời cổ đến đấy đã gần đủ cả. Đến đời Xuân-thu lại kiêm-tính lẫn nhau, các nước hội-minh chinh-phạt luôn mãi, giao-thông càng nhiều nên cái tư-trào phương Nam phương Bắc lại càng hỗn-hợp với nhau, mênh-mông uất-tích, đạt đến cực-điểm, thời ấy thì Khổng-phu-tử sinh ra, chính là thời-đại toàn-thịnh vậy.

Tóm xét cái tư-tưởng học-thuật về thời-đại ấy, thực là cái nguồn đạo-đức, pháp-luật, chế-độ, học-nghệ của dân-tộc Tàu mới phát-sinh ra đó. Ước lại thì có ba mối: một là thiên-đạo; hai là nhân-luân; ba là cái khoảng thiên-nhân giao-tế. Sở-dĩ cấu-thành ra cái tư-tưởng ấy là có hai nguyên-nhân: một là bởi tự thiên-nhiên, những người sơ-sinh dân-tộc trông thấy cái thái-trạng trên không-giới và cái hiện-tượng trên địa-cầu, nên mới sinh ra cái quan-niệm đối với trời; hai là bởi nhân-vi, là nhờ các bậc triết-vương tiên-giác dần-dần khai-đạo cái đặc-tính cho dân, đem việc trời mà phụ với việc người để làm lợi-ích cho nhân-quần.

Nước Tàu không có tôn-giáo, không có mê-tín, là kể về cái đại-thể sau khi học-thuật đã phát-đạt rồi, chứ nước Tàu không phải là không có tư-tưởng tôn-giáo, nguyên cái tư-tưởng ấy nó khởi lên sớm lắm, mà nó vẫn thường tựa theo về đường thiết-thực, vậy nên cái sức mê-tín không mạnh lắm, phần lợi-ích và phần tệ-hại cũng không là mấy. Nói về tư-tưởng đời cổ thì cốt nhất là kính trời sợ trời, sách Tàu mà nói về *thiên* 天 (2) (trời) cũng gần giống như các giáo phương tây nói là chúa Tạo-hóa. Song những lời nói về trời, ngữ-ý lại viên-thông, chứ không có câu-nệ tích-tượng như các giáo phương tây để làm cho người mê-hoặc. Xem như trong sách *Kinh Truyện* mà nói về *thiên* 天 (trời) tức là trỏ cái nguồn gốc vạn-hữu sinh ra nhân-vật; trời lại có toàn-quyền, có hoạt-lực, soi xét khắp cả mọi nơi (3); trời có cái phép-tắc tự-nhiên, để làm khuôn-phép cho việc người, tức là cái nền gốc của đạo-đức (4); vậy nên người đối với trời phải kính phải sợ, nhất-thiết tư-tưởng đều gây ra từ đó.

Các nước phương tây tôn trời thì thường tôn-sùng ra ngoài vạn-hữu, mà người Tàu thì dồn cả vào trong nhân-sự mà tôn-sùng, ấy là một điều đặc-sắc của người Tàu. Nguyên cái văn-minh nước Tàu khởi tự phương Bắc là cái đất khí-hậu rét-mướt, mầu đất sỏi cát khô-khan, được về phần trời cũng bạc, cho nên người phương Bắc không có dư-dụ lúc nào để mà du-

---

(1) Các hậu-nho thường chê sách Chu-quan là ngụy-thư, tuy rằng người sau cũng có phụ-họa vào sách ấy thật nhưng không thể chê cả được. Những người mà chê là vì có hai điều ám-tế: Một là quá tôn-sùng đức Khổng-tử mà coi những điều văn-minh trước đời Khổng-tử không vào đâu cả. Hai là không hiểu cái công-lệ về nhân-quần tiến-hóa, thấy trong sách ấy có nhiều cái chế-độ chưa thoát khỏi cái tư-tưởng tập-tục đời dã-man, nên mới cho rằng các bậc thánh-nhân khi xưa sao lại có sách ấy; vì có hai điều ám-tế ấy nên mới bài-bác sách Châu-quan.

(2) Như kinh *Thi* nói: « Thiên sinh chúng-dân. » *Thư*: « Duy thiên âm-chất hạ-dân » *Lễ-ký*: « Vạn-vật bẩm hồ thiên. »

(3) Kinh *Thi* nói: « Thượng-đế lâm hạ hữu hách, giám quan tứ-phương. » Lại rằng: « Thiên giám tại hạ. »

(4) Kinh *Thi* rằng: « Thiên-sinh chúng-dân, hữu vật hữu tắc. » *Thư*: « Thiên tự hữu điển, thiên-trật hữu lễ. »

tâm trí chỉ ngoài cõi cao-viễn u-vi, chỉ chuyên để tâm nghiên-cứu về cái vấn-đề tầm-thường nhật-dụng, vì thế cho nên tư-tưởng chỉ tựa theo về đường thực-tế, những việc các đấng tiên-triết kinh-doanh tưởng-tượng, đều là các việc yếu-vụ ở trong nhân-quần quốc-gia cả; nói về việc tôn trời thì cái mục-đích không ở về trên thiên-quốc mà ở về thế-giới; thụ-dụng không ở về đời vị-lai mà ở về đời hiện-tại; nhân-luân đó mà cũng gọi là thiên-luân, nhân-đạo đó mà cũng xưng là thiên-đạo. Truyện-kỳ có nói rằng: «Khéo bàn nói về đạo trời tất phải có nghiệm xét về việc người.» Những học-thuyết ấy tuy là gần giống như tôn-giáo, mà thực là khác với tôn-giáo các nước vậy.

Cái kỳ dệ-nhất trong cuộc nhân-quần tiến-hóa, tất phải qua một cái giai-cấp về chính-trị thần-quyền, các nước đều như thế cả. Nước Tàu về hồi thượng-cổ, tuy cũng là thần-quyền thời-đại, nhưng có khác với thần-quyền các nước. Thần-quyền các nước thì cho đấng quân-chủ là tự thiên-đế hóa-thân ra; mà thần-quyền nước Tàu thì cho đấng quân-chủ là tự thiên-đế thuê làm việc. Vậy nên những nước thần-quyền tầm-thường, coi nhất-ngôn nhất-động của đấng quân-chủ, cũng như là đấng thiên-đế tự nói tự động vậy. Nước Tàu thì không thế, cho rằng trời là thống-trị cả vua với dân; gọi là thiên-tự 天叙 là điển-tắc của trời, thiên-trật 天秩 là lễ phép của trời, thiên-mệnh 天命 là phẩm-tước của trời ban cho, thiên-thảo 天討 là hình-phạt của trời sai đi đánh; không kỳ là trên dưới kẻ sang người hèn đều phải kính-sợ mà thuận theo. Nói cho rõ ra thì thiên-đạo 天道 cũng tức như là hiến-pháp đời nay; bên Âu châu ngày nay vua với dân đều thụ-trị ở dưới hiến-pháp, cũng như đời cổ nước Tàu thì vua với dân đều thụ-trị ở dưới trời; duy nói về pháp thì thực mà có công, nói về trời thì xa mà vô-hiệu; nhưng ở về đời thượng-cổ mà đã có cái tinh-thần ấy, thì ai cũng phải bảo là cái sức tưởng-tượng văn-minh cũng đã giỏi vậy. Bên Thái-tây thì bảo rằng làm đấng quân-chủ không có trách-nhiệm (1); nước Tàu thì cho rằng đấng quân chủ có trách-nhiệm. Trách-nhiệm là gì? là đối với trời mà xét nghiệm về công với tội của vua, như là nhật thực, tuệ-tinh hiện, thủy hạn, hoàng-trùng, phàm những việc tai-dị, đấng quân-chủ đều nhận là lỗi mình cả, học-thuyết ấy cứ lấy cái con mắt nhà khoa-học ngày nay mà xem, thì ai cũng lấy làm buồn cười, nhưng không biết ở trong thực có cái tinh nghĩa, xem như ông vua lúc mới lên ngôi thì phải tiến lên trời có nhận mới được, lúc mất cũng được đặt tên thụy là trời; cứ như nghĩa kinh *Xuân-thu* thì lấy trời thống cả vua, vậy nên vua dẫu là chuyên-chế mà vẫn không phải là chuyên-chế, điều ấy về đời thần-quyền chính-thể cũng không có như thế. Không những thế mà thôi, lại bảo rằng trời không phải việc gì cũng phải truân-cần bảo tận nơi, đã có người làm đại-biểu, tức là nhân-dân. Kinh *Thư* nói rằng: «Trời thông-minh soi xét, là tự dân ta soi xét; trời khuyên thiện răn ác, là tự dân ta khuyên răn.» Lại rằng: «Trời xem xét tức là tự dân ta xem xét, trời nghe ngóng tức là tự dân ta nghe ngóng.» Lại rằng: «Trời thương kẻ hạ-dân, dân muốn điều gì thì trời nghe theo ngay.» Đương nói

(1) Ở về thần-quyền đời cổ bảo vua là đấng thiên-đế hóa thân ra, nên không có trách-nhiệm. Đời nay lập ra hiến-pháp thì cái trong-trách về quan đại-thần, vua không có trách-nhiệm gì cả, để cho dân không ghen ghét đến mà trách hỏi tội hay là công, đương lúc thời-đại quá-độ thì phải làm như thế.

là ông trời vô-hình mà chợt lại thành ra ông trời hữu-hình tức là dân. Các nước thì bảo rằng thiên-đế hóa-thân là đấng quân-chủ, mà nước Tàu thì bảo rằng thiên-đế hóa-thân là nhân-dân; thế thì những điều gọi là thiên-tự, thiên-trật, thiên-mệnh, thiên-thảo, mà thực không khác gì tự dân trật-tự mệnh-thảo, quyền lập-pháp vẫn ở tại dân. Bảo rằng đấng quân-chủ đối với trời phải chịu trách-nhiệm, mà thực chẳng khác gì chịu trách-nhiệm với dân, quyền tư-pháp vẫn ở tại dân. Thế thì cái tư-tưởng đời cổ nước Tàu, hình-chất tuy là thần-quyền, mà tinh-thần thực là dân-quyền vậy (1). Đương lúc đầu đời cổ-sơ mà đã có cái tư-tưởng như thế, phi là hạng quốc-dân vĩ-đại thì sao nghĩ được đến thế!

Đời xưa các nước phần nhiều chuộng đa-thần-giáo, có khi tế-bái cả đến những giống hạ-đẳng động-vật. Đời cổ nước Tàu tuy cũng chuộng đa-thần, nhưng tế-bái vị nào lại có phần cao-thượng hơn, và lại hay thiết-thực về nhân-sự. Đấng thiên-tử tế trời đất, vua chư-hầu tế thần xã-tắc, quan đại-phu tế thần ngũ-tự. Tế trời đất là thờ về nhất-thần, thực là cao-thượng; tế thần xã-tắc là thiết về việc nông; tế ngũ-tự là thần môn, thần hộ, thần tỉnh (giếng), thần táo (bếp), thần trung-lựu (giọt mái nhà), đều thiết về những việc nhật-dụng ẩm-thực cả; văn-minh tối-cổ của nước Tàu việc gì cũng chủ về thực-tế, xem đó khả biết. Tựu-trung có một việc rất trọng mà lại đặc-dị hơn cả, là việc tế tiên-tổ. Nước Tàu về chế-độ tôn-tộc rất là hoàn-bị, mà cái tính-chất bảo-thủ lại rất mạnh, vậy nên ngoài sự tế trời ra duy việc tế tổ là rất trọng, gọi là bậc thiên-thần, địa-kỳ, nhân-quỉ, nhân-quỉ tức là tiên-tổ. Đức Khổng-tử nói rằng đạo nhà Hạ tôn-trọng mệnh trời, thờ quỉ kính thần mà kiêng xa; người nhà Ân tôn thần, đem dân mà thờ thần, trước trọng quỉ mà sau mới đến lễ; người nhà Châu tôn lễ chuộng bố-thí, thờ quỉ thần mà kính xa; đó là nói về cái tư-tưởng ba đời biến-thiên mỗi lúc một khác, mà rất chú-ý về cái việc thờ quỉ-thần, ấy là cái đặc-chất sinh-dân lúc thuở xưa là như thế. Có khi tôn-kính tổ-tiên đến cùng-cực, xem trọng bằng với trời; xem như sách *Kỷ* rằng: « Vạn vật gốc ở trời, người gốc ở ông tổ. » Kinh *Thi* rằng: « Thần vua Văn lên xuống ở gần bên trời. » *Thư* rằng: « Ông cha nhà ngươi lên cáo tận trên trời. » Sách *Lễ-ký* nói: « Khi tế Giao tôn ông Hậu-Tắc lên phối với trời; lại tôn thờ vua Văn ở nhà Minh-đường để phối với đấng thượng-đế. » Đó là coi cái quyền-lực của đấng tổ-tôn gần bằng như trời, thực là cái điều đặc-dị của nước Tàu khác với các nước ngoài, những tư-tưởng ấy đã vài nghìn năm mà đến nay vẫn chưa suy.

Nói tóm lại cái văn-minh về thời-đại phôi-thai, nghĩa thứ nhất là cốt trọng về đường thực-tế, trọng thực-tế cho nên trọng việc người, cái ý kính trời cốt là lấy trời để làm khuôn phép cho đạo luân-thường của người; trọng thực-tế là cốt trọng về đường kinh-nghiệm, cái ý tôn ông tổ là cốt lấy tổ-tiên để làm điển-hình lề-lối trước cho mình. Ấy bởi những cái tư-tưởng ấy rồi sau mới phát ra học-thuật, mà giữ về cái quan-kiện học-thuật ấy có đặt ra hai chức quan:

1° Quan Chúc giữ về việc trời. Cái lúc nhân-quần ta mới tấn-tới lên,

(1) Tuy đời cổ chưa hay lập-pháp, chưa trông thấy thành-hiệu, nhưng không nên vội trách cổ-nhân.

chính với giáo vẫn chưa phân ra hai đường, cái chức quan chủ coi việc thần có quyền rất trọng (1). Nước Tàu thì cái mùi tôn-giáo không mặn-mà lắm, tuy không có cái sự lấy giáo-quyền mà xâm-vượt cả chính-quyền, nhưng về đường tư-tưởng học-thuật vẫn thường do quan Chúc tròng coi. Chức-chưởng của quan Chúc chia ra làm hai phần: Một là quan Chúc coi về việc cúng tế, đại-biểu cái tư-tưởng của nhân-dân mà tâu đạt lên trời, để cầu-khẩn lấy phúc lành; sách *Châu-quan* trong thiên *Xuân-quan* đều nói về dòng-dõi chi-lưu chức quan Chúc ấy. Trong sách *Tả-truyện* có chép khi Tào Uế luận chiến-sự với Lỗ-hầu, cũng trước kể những đồ hi sinh ngọc-bạch, tế thần thành-tín thì tất là chiến-thắng; Tùy-hầu khi sắp đánh nước Sở cũng trước nói những con hi-sinh béo, đồ tư-thình (xôi) đủ, thì thần tất giúp cho đánh được; đó là cho cái việc tế-tự rất có quan-hệ lớn về việc an-ngay của quốc-gia; còn đến trăm việc khác nữa đều là thính-mệnh ở ông thần, không kể xiết được — Hai là quan Chúc coi về việc lịch, chuyên giữ việc suy-xét cái tư-tưởng của trời để ứng-dụng về việc người; như là đời Tam-hoàng có sai quan Nam-chính là Trọng coi về việc trời để họp các thần, quan Bắc-chính là Lê coi về việc đất để họp dân; đời vua Nghiêu có sai quan Hi-hòa kính thuận việc trời xét về trình-độ nhật-nguyệt tinh-thần, làm ra lịch để bảo cho dân biết bốn mùa mà làm ăn; lại xét máy toàn-cơ ngọc-hành để so-sắn bảy chính (tức là trình-độ vận-hành của mặt trời mặt trăng và năm sao ngũ-hành) cho đúng; vì rằng chức quan Chúc giữ việc lịch có ba phần: một là phải hiệp-định ngày tháng bốn mùa làm thành ra một năm để cho tiện dân làm việc; hai là phải suy-tính thủy-chung năm đức để định mệnh trời (2); ba là phải xem xét tinh-tượng và việc bói-toán để định việc cát-hung (3). Xuống đến đời Xuân-thu cái thuật về lịch-số vẫn còn thịnh, như là lũ người Tì Táo, Tử Thận đều là về dòng quan Tư-chúc, mà làm quan cố-vấn cho các vị quân tướng thời bấy giờ. Xem như trong sách *Tả-truyện* nói về việc bói-toán hưu-cữu chiêm-nghiệm tai tường trong mười phần đến bảy tám phần; người đời sau không biết cái tình-trạng trong lúc nhân-quần mới tấn-tới lên nó

---

(1) Như là chức Pháp-lão nước Ai-cập, Tư-tế-trưởng nước Do-thái, thấy chép ở trong *Cựu-ước toàn-thư* đều là quan Tư-chúc cả. Nước Ấn-độ phân ra có bốn tộc: Đứng đầu là Bà-la-môn, thứ hai là họ Sát-lị, là dòng họ đế-vương, Bà-la-môn chính là dòng họ quan Tư-chúc. Cả đến nước Ba-tì và An-tức cũng đều như thế cả. Nay ở Tây-tàng có chức Tọa-sáng-Lạ-ma chuyên giữ đại-chính trong nước, cũng cái qui-chế ấy. Xưa kia bên Âu-châu có chức La-mã giáo-hoàng, quyền-hành vượt hơn cả vua chúa các nước. Vua nước Nga khi xưa cũng còn kiêm cả cái tôn-hiệu giáo-hoàng nước Hi-lạp, mà các quan giáo-vụ đại-thần khi xưa, quyền binh rất trọng, đó thực là cái thông-lệ về các nước dân-tộc bán-khai.

(2) Như là thiên *Nghiêu-điển* nói: « Lịch-số trời đã thuộc về mình vua ». Đời sau nói về cái điềm của các vua đời Tam-đại chịu mệnh trời cũng gốc từ lịch-học. Lại như kinh *Thư* thiên *Hồng-phạm* nói về ngũ-hành và những lời sấm-vĩ đều phát-nguyên từ đó.

(3) Sách *Hán-thư văn-nghệ chí* chia các phái học-thuật ra làm cửu-lưu như là nhà âm-dương, nhà thuật-số, nhà thiên-văn, và các nhà bói rùa bói cỏ thi, v. v., học-thuật đời cổ đại-loại như thế.

vẫn thường như thế, mà chê là quái-dản chi-li, lại ngờ cho họ Tả bịa-tạc ra, không biết rằng cái thời-đại phôi-thai, những điều mê-tín ấy thực là trung-tâm-điểm về cái tư-tưởng học-thuật lúc bấy giờ. Những lời sấm-vĩ đại-khái cũng như thế, sách *Vĩ-thư* chân hay là ngụy đây ta chửa biện-bác vội, nhưng tất nó khởi-điểm ra từ đời Xuân-thu Chiến-quốc mà làm đại-biểu cho học-thuật đời cổ, thực như thế vậy.

2º *Quan Sử coi giữ về việc người.* — Nước Tàu đã coi trời với ông tổ đều trọng bằng nhau, cái chỉ của trời thì đã có quan Chúc suy-xét, cái phép của tổ thì phải có quan Sử trông coi; quan Sử với quan Chúc ngang quyền nhau, thực là cái đặc-sắc chỉ nước Tàu mới có. Vì người Tàu đã trọng về thực-tế nên phải trọng về đường kinh-nghiệm; đã trọng về kinh-nghiệm, nên phải trọng về lề-thói của tổ-tiên, bởi vậy cái chức quan Sử là cái nơi tư-tưởng học-thuật họp cả vào đó, xem như sách *Châu-lễ* kể ra có quan Đại-sử, Tiểu-sử, Tả-sử, Hữu-sử, Nội-sử, Ngoại-sử; lại như kinh *Thi* cũng là quan Thái-sử đi cóp nhặt lại; kinh *Thư* và kinh *Xuân-thu* thì là bởi quan Tả-sử chép những lời nói của thánh-hiền lại mà thành ra kinh *Thư*, quan Hữu-sử chép những việc các nước lại mà thành ra kinh *Xuân-thu*, đó đều là cái chức của Sử-quan cả; lại như kinh *Lễ* kinh *Nhạc* cũng là về dòng quan Sử làm ra; nay muốn nghiên-cứu về học-thuật thì phải xét đến sử-quan, xem như Châu-Nhâm 周任, Sử-Trật, 史佚 là quan Sử đời nhà Châu, và quan Tả-sử Ý-tướng 倚相 nước Sở, Lão-Đam 老聃 cũng từng làm quan Trụ-hạ-sử, ông Khổng-tử cũng phải đến nhà Châu xem sách *Sử-ký*, lại xét sách *Lỗ-sử* mà làm ra kinh *Xuân-thu*. Bởi vì nguồn gốc học-thuật nước Tàu đều ở quan Sử cả. Quan Sử với quan Chúc vẫn thường nối dòng làm quan (như là Tư-Mã Đàm, Tư-Mã Thiên đều nối làm quan Sử, đến đời nhà Hán vẫn như thế) biệt ra là một họ. Bởi vì khi xưa còn phải dùng đến mảnh tre với lụa để chép sách, che nên sự truyền-bá học-thuật rất khó, phải cho quan Sử chuyên-nghiệp nối dõi mà làm thì mới hay hết cái sở-trường được. Chức quan Sử cũng có khi bổ-trợ cho chức quan Chúc, vì rằng quan Chúc nói về cái đạo cát hung họa-phúc, bản từ việc trời mà suy đến việc người, quan Sử thì nói theo việc tổ-tiên để thi-thố ra ngày nay. Sách *Hán-chí* bảo rằng phái đạo-gia là vốn tự dòng Sử-quan mà ra, mà lời nói các nhà âm-dương sấm-vĩ vẫn thường thông với sách *sử*. Nói rút lại cái tư-tưởng học-thuật về thời đại phôi-thai, toàn ở về cái khoảng trời người giao-tế, mà làm then máy cho khoảng giữa trời với người, thì quan Chúc với quan Sử rất là đắc-lực, nay sẽ kể qua cái thống-hệ như sau.

Tư-tưởng học-thuật về khoảng trời người giao-tế:

- 1º *Quan Chúc* (coi việc trời)
  - A) Quan Chúc coi việc tế-tự
  - B) Quan Chúc coi việc làm lịch
    - a) Nhà làm lịch (thiên-văn học)
    - b) Nhà lịch số-học (âm-dương)
    - c) Nhà chiêm-nghiệm (phương-thuật)
- 2º *Quan Sử* (coi việc người)
  - A) Nhà sử-học về sự-thực (tổ Nho-gia)
  - B) Nhà sử-học về suy-lý (tổ Đạo-gia)

Ngoài những thống-hệ trên ấy lại còn có chức Y-quan Nhạc-quan cũng

có quan-hệ về một bộ-phận học-thuật tư-tưởng đời ấy, chứ không phải là cả toàn-thể, nên không bàn đến vội (1).

Song phải biết rằng những tư-tưởng học-thuật đời ấy chỉ chuyên về phái quí-tộc có mà thôi, chứ chưa hay phổ-cập đến dân-gian. Cái chế-độ giai-cấp của nước Tàu mãi đến đời Chiến-quốc mới phá tan đi, chứ từ đời Xuân-thu trở về trước vẫn còn chia ra giai-cấp, không khác gì nước Ấn-độ chia các hạng nhân-dân ra làm bốn giống : Bà-la-môn, Sát-lỵ, Tì-sá, và hèn nhất là giống Thủ-đầu-đà ; về bên Âu-châu cũng chia các hạng nhân-dân ra làm bốn giống : Tăng-lữ, Quí-tộc, Công-dân, và hèn nhất là giống Nô-lệ. Vì khi ấy những hạng thượng-lưu nhân-sĩ vẫn cầm cái thực-quyền trong một nhân-quần, không những là trong chính-giới như thế, đến cả tư-tưởng học-thuật cũng cốt-yếu như thế cả. Đời cổ đó chữ nghĩa chưa đủ, sách vở khó truyền, đường giao-thông chưa mở-mang, lưu-truyền lại càng trở-ngại, vậy nên nhất-thiết học-thuật không phải là người nào cũng hay tự-do nghiên-cứu được, cho nên cái quyền nó phải chuyên thuộc về một số ít người, bởi vì cái thế nó khiến nên như vậy. Mà những hạng người thiểu-số ấy lại chỉ bo-bo nghĩ giữ lấy cái học-thuyết cũ cho khỏi trụy-lạc đi, nên không còn lúc nào rỗi để xét về tân-lý-tưởng, và lại không có người cùng thảo-luận để bổ cái sở-đoản mà làm cho phát-minh ra, bởi vậy nên trải hơn hai nghìn năm, mà vẫn không thấy cái công-hiệu gì phát-đạt cả. Tuy vậy, nhưng cái tư-tưởng học-thuật về thời-đại toàn thịnh, nó đã phôi-thai ra từ lúc ấy, xem như sách *Hán-thư nghệ-văn chí* và sách *Chư-tử-lược* đều bảo rằng phái Nho-gia là bởi tự quan Tư-đồ ; Đạo-gia là bởi tự Sử-quan ; Âm-dương-gia là bởi tự quan Hi-Hòa ; Pháp-gia là bởi tự Lý-quan ; Danh-gia là bởi tự Lễ-quan ; Mặc-gia là bởi tự chức quan giữ nhà Thanh-miếu, Tung-hoành-gia là bởi tự chức quan Hành-nhân ; Tạp-gia là bởi tự Nghị-quan ; Nông-gia là bởi tự chức quan Hậu-tắc ; Tiểu-thuyết-gia là bởi tự chức Tì-quan.

Tuy phân-loại như trên cũng chửa là đích-đáng, nhưng suy-nguyên ra thì cũng có bằng-cứ cả. Nguyên đời cổ vẫn thi-hành cái chế-độ thế-quan là họ nào làm chức quan gì thì nối đời vẫn giữ chức quan ấy, vậy nên cái nghiệp học-thuật chỉ chuyên về một họ hay một bộ trong quốc-dân, chứ họ khác không được biết đến (2), phi là người ở chức quan ấy thì không được nghiên-cứu về nghề-nghiệp ấy, cái thói đó không những nước Tàu như thế, về đời cổ nước nào cũng như thế cả. Xem như đời Trung-cổ bên Âu-châu cái quyền học-thuật đều ở về giáo-hội ; đến thế-kỷ thứ mười-lăm trở về sau, giáo-hội mới mất quyền chuyên-nghiệp, nhân-dân mới được tự-do giảng-tập, mới hay sinh ra tân-văn-minh. Sau này có người lấy cái sự ức-tắc dân-trí số nhiều người mà chê trách giáo-hội, nhưng không biết về đời Trung-cổ đương lúc

(1) Đời cổ thầy thuốc cũng kiêm cả việc cầu cúng, sách *Nội-kinh* vua Hoàng-đế cũng có quan Chúc, thế thì việc Y-học cũng là phụ với quan Chúc. Nhạc với Thi cũng là một thể, mà thơ vẫn do quan Thái-sử giữ, và Nhạc-quan cũng gọi là Cổ-sử (quan sử lòa) thế thì việc nhạc là phụ với quan Sử.

(2) Xem như Quản-Tử bảo rằng sĩ có làng sĩ, nông có làng nông, công thương có làng công thương, không được ở lẫn lộn ; mà con nhà sĩ vẫn theo nghiệp sĩ, con nhà nông vẫn theo nghiệp nông, đó là co-tục như thế. Co-giả lại nhân-đấy chức quan làm họ nhà mình như là Chúc-thị, Sử thị, v. v..

hắc-ám, nếu không có giáo-hội tỏ ra một tia sáng thì có khi đọa-lạc còn tệ nữa, mà người sau này không còn biết bằng-tạ vào đâu, vậy muốn xét tư-tưởng học-thuật về thời-đại phôi-thai thì phải nên biết như thế mới được.

II. — Toàn-thịnh thời-đại

1°— *Xét về nguyên-nhân tư-tưởng học-thuật vụt khởi lên ở cuối đời Châu.* — Thời-đại toàn-thịnh thì nhất là đời Chiến-quốc mà phát đoan ra từ cuối đời Xuân-thu, khi ấy đạo Khổng khởi ở phía bắc, đạo Lão khởi ở phía nam, hai đàng đối-trĩ với nhau cùng khởi-phát; lại còn các nhà cửu-lưu thập-gia nối nhau mà khởi lên, không khác gì sấm xuân động mà cỏ hoa tươi tốt, núi lửa băng mà đá sỏi bốc lên, rực-rỡ thay! Không những là làm cái vẻ đại-quan cho học-giới nước Trung-hoa, mà cũng là một cái vĩ-tích trong cõi học của thế-giới, xét cái nguyên-nhân sở-dĩ hay được như thế là có bảy điều:

1) *Bởi uẩn-súc được phong phú.* — Khi nhân-quần mới sinh ra đều tự cõi thảo-muội mới tiến lên cõi quang-hoa, cuộc văn-minh không phải là một tay một chân, một sớm một tối đã làm nên ngay được. Xem như truyện-kỳ chép từ đời vua Hoàng-đế, vua Nghiêu vua Thuấn trở lại, văn-hóa nước Tàu đã phát-khởi lên, mà sách *Sử* còn bảo những đời ấy còn là thái-cổ; mãi đến đời Hạ đời Ân mà cái thói chất-phác vẫn hãy còn, như thế thì khá tưởng biết được cái văn-minh từ đời Đường Ngu trở về trước (1). Đến đời vua Văn-vương giáo-hóa khắp cả phương nam, Võ-vương Châu-công kế-khởi lên. Bấy giờ cái chế-độ trung-ương tập-quyền mới là đại-định, nào là chế ra lễ-nghi tam-thiên, Châu-quan tam-bách, đức Khổng-tử phải than rằng: « Đời nhà Châu soi xét về cái văn-hóa đời Hạ đời Ân trước, văn-minh rực-rỡ thay! Ta theo nhà Châu. » Nguyên nhà Châu khởi tự đất Mân Kỳ mãi cho đến đời Xuân-thu, trong và trăm năm đã hay sinh-dưỡng nghỉ ngơi giàu-mạnh mãi lên, đã thoát bỏ cái thói dã-man hủ-lậu; xem như *Tả-truyện* nói về những kẻ sĩ-phu các nước nhiều người tài-giỏi văn-học tinh-thông nước nào cũng có, từ đấy tích-lũy cái não-tinh của dân-tộc đã trải vài nghìn năm, mà dồi truyền mãi lại, khuếch sung mãi ra, nất-tích mãi tất có một ngày kia phát-đạt lên, huống chi lại thừa-thụ được cái khí-tượng trên vùng đại-lục, và cái tinh-hoa hai dòng Giang Hà, cơ-hội nó đến nơi thì nó phải tràn ra, nước Tàu uẩn-tích như thế, không phải như cái nước mọi ở một cù-lao, các dân hèn ở xó hang núi, có thể ví bằng được.

2) *Bởi về xã-hội biến-thiên.* — Từ đời vua Nghiêu vua Thuấn cho đến đầu đời Châu, lại từ đầu đời Châu cho đến khi nhà Châu dời sang bên đông, từ khi đông-thiên cho đến cuối đời Xuân-thu, trong những khoảng ấy đã chia ra mấy thời-đại, những cuộc biến-thiên ấy đã rõ ra đấy rồi, nhưng xét về thực-tích thì cũng không thấy được

(1) Cái công-lệ về nhân-quần tiến-hóa trước là do hành-quốc (nước thiên-di) rồi mới tiến lên cư-quốc (nước ở nhất-định), do đời ngư-liệp mới tiến lên mục-súc, do mục-súc mới tiến lên đời nông-tang. Nhà Ân từ đời vua Thang đến vua Bàn-Canh phàm năm lần thiên-đô, còn chưa thoát khỏi cái phong hành-quốc. Thày Mạnh khen ông Châu-công có cái công gồm được rợ mọi, đuổi được thú dữ. Kinh *Thi* khen vua Tuyên-vương có cái ơn-đức chăn được trâu dê sinh nở nhiều. Xem thế thì biết từ đời Ân đời Châu trở về trước nước Tàu chưa đã hết thành ra cư-quốc nông-quốc được.

rõ-ràng, mà sử-truyện cũng không chép được kỹ. Duy từ đời Xuân-thu trở về sau cho đến đầu đời Tần, đó mới thực là cái thời-đại xã-hội Tàu biến-thiên rất kịch-liệt, trên từ quốc-thổ chính-trị, dưới đến nhân-tâm phong-tục, đều tiệt-nhiên cùng với các đời trước chia hẳn ra (1); mà cái ảnh-hưởng biến-động nó làm ba-cập đến cả cõi tư-tưởng học-thuật; vì rằng từ đấy đã phá bỏ cái giai-cấp phiệt-duyệt đi, những điều học-vấn trước kia chỉ do bọn quí-tộc thế-quan họ lũng-đoạn, đến nay đem giải-tán cả khắp dân-gian (2), ai học cũng được. Cái thế nhà Châu bấy giờ đã suy, chỉ còn để lại những lời trần-ngôn về nghi-thức hư-văn, không hay phạm-vi được nhân-tâm đời ấy nữa, nên nguồn văn-học nó mới tung-tóe ra.

3° — *Bởi được tư-tưởng ngôn-luận tự-do.* — Phàm tư-tưởng phân hay hợp, cái tỉ-lệ nó vẫn theo với chính-trị hợp hay phân; ví như quốc-thổ mà thuộc về một ông vua, thì cái quyền giáo-học cũng thống về nhất-tôn, là cái thế nó phải như vậy. Đời nhà Châu là một ông tổ trung-ương nhất-thống, đương hồi thịnh-trị thì uy-quyền không ai hơn, xem như thiên *Vương-chế* có chép rằng kẻ nào bày ra tả-đạo để hoặc-chúng thì bị giết; kẻ nào làm ra khí-cụ y-phục kỳ-dị và những đồ dâm-xảo kỳ-kỹ để nghi hoặc lòng chúng thì bị giết; kẻ nào nết ngụy mà kiên-ngạnh, nói ngụy mà biện-bác, học trái mà rộng-rãi, làm điều trái mà lanh-lợi để nghi-hoặc lòng chúng thì bị giết. Khi ấy về đường tư-tưởng ngôn-luận thực là bị thúc-phọc lắm. Từ đời Châu đã suy, quyền-lực đã tan đi mất, những kẻ du-sĩ học-giả đều đem cái sở-đắc của mình ra để hoành-hành trong thiên-hạ, nếu ở nước này không dung thì bỏ đi nước khác, cho nên ông Trọng-Ni đi trải đến bảy-mươi-hai ông vua, Mặc Địch đi lại mãi về miền nam bắc sông Đại-giang, Tuân-Khanh có bảo rằng: « Khi ấy kẻ sĩ không có miếng đất cắm dùi, mà đối với các vị vương-công không ai danh-tiếng bằng, giả mà đứng vào một ngôi đại-phu, thì một ông vua không thể nuôi nổi, một nước không thể dung nổi. » Xem thế thì đời ấy kẻ sĩ được ngôn-luận tự-do đến thế là cùng. Và lại thêm từ đời cổ đến giờ người Tàu không có cái hơi tôn-giáo, những lời học-thuyết của các bậc tiên-tiến chửa hay thấm vào lòng người được mấy, cho nên kẻ học-giả được tùy sức mình sở-cập mà học mãi cho mở-mang rộng ra, không còn bị trướng-ngại điều gì cả, không khác gì trời cao bể rộng, tha-hồ cho cá lội chim bay, Trang-Tử rằng: « Khi nào thiên-hạ đại-loạn, thánh-hiền không dấy lên, đạo-đức chia ra nhiều đường, kẻ học-giả tùy ý muốn của mình muốn học xét về đường nào cũng được. » Thầy

(1) Sách *Nhật-tri-lục* của Cố Đình-Lâm nói rằng: Tự cuối đời Tả-truyện đến đời Chiến-quốc, phàm 133 năm, sử-văn khuyết-lược không thể xét được, như là đời Xuân-thu còn nói tôn lễ trọng tín, đến đời Thất quốc thì tuyệt chẳng nói đến lễ với tín nữa. Đời Xuân-thu còn nói tôn Châu-vương, đến đời Thất-quốc tuyệt chẳng nói đến vua nữa; đời Xuân-thu còn có việc tế-tự sinh-vấn nghiêm-trang, đến đời Thất-quốc thì không có nữa; đời Xuân-thu còn bàn xét đến tôn-tính tộc-thị, đến đời Thất-quốc thì chẳng nói đến nữa; đời Xuân-thu còn có khi yếu hội đọc thơ, đến đời Thất-quốc thì chẳng thấy nữa; đời Xuân-thu còn có tờ sách-thư phó-cáo, đến đời Thất-quốc thì chẳng có nữa; khi ấy nước thì không có lễ bang-giao, kẻ sĩ thì không thờ một định-chủ, những sự biến trong 133 năm ấy sử văn đều khuyết lược cả, người sau chỉ lấy ý suy mà biết thôi. Thế thì cái đạo vua Văn vua Vũ đã tan hết từ đấy, chứ chẳng đợi đến khi Tần Thủy-hoàng đã kiêm-tính cả thiên-hạ mới mất hết vậy.

(2) Âu-châu về hồi thế-kỷ 14, 15, chủ-quyền về việc học do giáo hội mới tan ra dân-gian, tình-hình cũng giống như nước Tàu hồi này, rồi mới khai ra đời văn-minh sau này.

Mạnh nói rằng : « Từ khi thánh-vương không dấy lên, nước chư-hầu dông-dỡ, tha-hồ cho kẻ sử-sĩ hoạnh-nghi. » Xem những lời ấy thì biết chính-quyền tụ hay tán nó rất ảnh-hưởng về tư-tưởng học-thuật như thế vậy.

4° — *Bởi sự giao-thông tần-phồn.*— Văn-minh bên Thái-tây sở-dĩ phát-sinh ra được là nhờ về ba hồi : Hồi thượng-cổ thì nước Phi-ni-tê-á vì mở đường thương-nghiệp thường vượt bể qua sang phía tây-nam-đông-ngạn Địa-trung-hải, mới hay thâu-thái cái văn-minh của nước An-tức, Ai-cập mà đem về Âu-châu. Về hồi trung-cổ thì có quân Thập-tự đông-chinh suốt hai trăm năm, giống người A-lạp-bá mới dần lấn về phía tây, uy-khiếp cả cõi Âu, nên hay bởi cái cơ-hội trực-tiếp gián-tiếp mà thâu-nhập lấy cái cựu-văn-minh của Ba-tị-luân, Do-thái, và cái tân-văn-minh về đời Tùy đời Đường. Về hồi cận-thế thì các nước cạnh-tranh, nào khi hội-minh khi chinh-phạt, ở liền với nhau như láng diềng, cho nên quan-cảm điều này điều nọ bắt-chước nhau mà làm cho hay hơn, xem thế thì cuộc văn-minh chẳng phải là nhờ về cái sức giao-thông là gì. Cái cách giao-thông không phải là một, hoặc lấy sự quốc-tế (1), hoặc lấy sự chinh-phục, hoặc vì sự buôn-bán, hoặc vì sự du-lịch, những đường giao-thông ấy đều có ích cho văn-minh cả. Về đời Xuân-thu Chiến-quốc, các nước kiêm-tính lẫn nhau, xâm-lấn lẫn nhau, hễ quân-đội đến đâu thì tự thấm-thía lấy được một hai điều về phong-tục chính-giáo của nước người, đem về mà điều-hòa cho nước mình, hễ đi chinh-phạt càng nhiều, thì điều-hòa lại càng lắm, rồi tự-nhiên nó sinh ra một cái tân-tư-tưởng. Lúc bình-thời thì lại có những lễ sinh lễ hưởng giao-tế với nhau, cũng quan-hệ về việc hưu-thích của quốc-gia (2), nên các nước phải kén lấy kẻ nhân-tài để mà sai sứ đi lại, nếu không có người tài giỏi thì có khi nhục đến quốc-thể mà có cơ đến nguy-vong. Vậy nên những người chịu cái trách-nhiệm đi giao-thông đã là những kẻ sĩ văn-học tài giỏi nhất trong nước, đến khi lại sang du-lịch một xã-hội khác lại hay hấp-thụ cái tinh-hoa nơi ấy đem về để làm minh dùng, như là Hàn Tuyên-Tử sang sứ nước Lỗ mà được trông thấy sách *Dịch-tượng* sách *Xuân-thu* ; Ngô Qui-Trác đi sang sinh nước Lỗ mà được biết thư quốc-phong, đại-khái như thế. Đương lúc ấy việc thông-thương cũng thịnh, kẻ hào-thương phú-cổ, thường thường thù-tạc giao-tiếp với các người sĩ-phu, như là người lái buôn nước Trịnh là Huyền-Cao, lại hay lấy thân cứu nước, thầy Tử-Cống bỏ của ra dong ruổi xe ngựa đi lịch-sinh nước chư-hầu, đi đến đâu vua nước ấy phải đón tiếp ngang hàng ; lại như Lã Bất-Vi là người đại-thương mà hay triệu-tập được nhiều kẻ môn-khách, làm ra sách *Lã-thị Xuân-thu*, xem thế thì thương-nghiệp giao-thông cũng hay làm môi giới cho đường tư-tưởng học-thuật. Còn như những kẻ sĩ tung-hoành bãi-hạp chỉ chuyên nghề đi du-thuyết các nước thì không kể chi nữa. Vậy nên nói về cái cuộc giao-thông trong và nghìn năm của nước Tàu, thì không lúc nào thịnh bằng đời Chiến-quốc.

---

(1) Các nước giao-thiệp, người Nhật dịch là quốc-tế (國際).

(2) Đời Xuân-thu Chiến-quốc quân-hùng cát-cứ, nước lớn muốn lung-lạc nước nhỏ để tự xưng-hùng, nước nhỏ phải thừa-phụng nước lớn để cầu bảo-hộ, cho nên những việc giao-tế rất là quan-trọng, không như đầu đời Châu chỉ có cái lệ triều-cống là sự thường mà thôi.

5º — *Bởi lại hay trọng dụng kẻ nhân-tài.* — Nước nào đương lúc nhất-thống độc-lập, chỉ mong cho yên sự lo ở trong, thì ghét những kẻ sĩ kiệt-hiệt bất-cơ không cho nầy nở lên được, cho nên chỉ muốn dân ngu. Nước nào mà gặp lúc cạnh-tranh đua sức, cốt mong chống với nước ngoài, thì lại cần dùng đến những kẻ sĩ tài-năng kỳ-dị, vậy nên muốn mong cho dân khôn; đó là cái lối xưa nay vẫn thế. Cuối đời Châu, các nước kiêm-tính lẫn nhau, vua nước nào cũng cần dùng đến kẻ nhân-tài, tìm kiếm mong mỏi, không những là cổ-vũ cho nhân-tài nước mình mà thôi, lại còn hấp-thu lấy cả nhân-tài nước khác để mà lợi-dụng; nếu dụng được kẻ nhân-tài thì có thể xưng hùng được, nếu bỏ mất đi thì sợ nó lại chạy sang nước Hồ nước Việt để làm lo cho mình. Vậy nên nước Tần hoan-nghênh Mạnh-Thường, thì vua Tề phải vội-vàng cho phục-vị ngay; Thương-Ưởng bỏ nước Ngụy đi, thì nước Ngụy phải yếu vì nước Tần; cái thanh-giá của kẻ du-sĩ lúc bấy giờ rất là tôn-trọng; cái giai-cấp quí-tộc đều phá sạch đi, mới khởi lên cái cuộc kẻ bố-y mà làm nên đến khanh-tướng (1); kẻ sĩ người nào muốn đắc-chí với đời thì đều hết sức nghiên-cứu về học-vấn cố tiêu-biểu cho được tân-kỳ, để cho được trọng-dụng với đời; tuy cũng có lắm kẻ mắc vào vòng thế-lợi vô-sỉ chẳng kể làm chi, nhưng sự học-vấn vì biện bác mà càng rõ thêm ra, luồng tự-trào bởi xô đẩy mà càng nổi lên mạnh; đạo-học lúc bấy giờ mới tràn khắp cả thiên-hạ.

6º *Bởi văn-tự có phần giản-dị.* — Chữ Tàu là thể diễn-hình chứ không phải diễn-âm, bởi thế mà tiến-hóa cũng chậm. Nhưng trong thể diễn-hình cũng nhiều phần biến-dị, mà thay đổi luôn, nhất là về cuối đời nhà Châu. Xưa kia vẫn dụng chữ *cổ-lựu* từ đời Thương-Hiệt trở lại, chữ tượng-hình có đến tám chín phần trong mười phần. Gần đây xét xem những cái chung-đỉnh từ đời Thương-Châu thì tự-thể đại-loại cũng giống nhau. Đến đời Tần khắc chữ vào đá thì mới biến hẳn đi. Bài tựa trong sách *Thuyết-văn* nói rằng: « Khi ấy chia ra bảy nước chư-hầu, nói-năng khác tiếng, văn-tự khác hình, đến đời Tần Thủy-hoàng mới kiêm-tính cả thiên-hạ, quan thừa-tướng là Lý Tư tâu rằng phàm chữ nước nào mà không giống chữ Tần thì bãi bỏ đi. » Xem thế thì các nước lúc bấy giờ đều tùy-nghi lựa theo lời nói mà đặt ra chữ, chuyển-biến không phải một lối; nay truyền có thứ chữ Mặc-tử và Sở-từ dùng, thì thường giống với thứ chữ trong sách về phía bắc Trung-nguyên. Sách *Hán thư-nghệ văn chí* bảo rằng: « Nhà Tần mới làm ra lối chữ *Lệ* để dùng biên chép về việc quan-tụng cho chóng, nên phải viết giản-dị. » Song việc gì cũng phải càng ngày càng giản-dị là cái công-lệ về nhân-quần tiến-hóa vẫn thế, chứ không phải một ngày, lối chữ giản-dị tất không phải tự nhà Tần sáng-chế ngay được. Khi ấy chữ viết đã giản thì sách vở lại càng nhiều, như là Mặc-tử đi chu-du các nước chư-hầu mà chở sách đến năm xe; Trang-tử cũng nói Huệ Thì có năm xe sách; sách đã nhiều thì học-giả nghiên-cứu càng dễ, phát-đạt lại càng chóng thêm ra là cái thế tất-nhiên vậy.

7º *Bởi cái phong giảng-học thịnh lên nhiều.* — Trước kia học-thuật đã

(1) Giai-cấp quí-tộc rất là chướng-ngại cho đường văn-minh, mà nước Tàu hay phá tan cái giai-cấp ấy rất sớm.

chuyên về chức thế-quan, không phải là chính họ thì chẳng còn dám mong đến nữa. Từ khi học - phong hưng-khởi lên ở dưới, thì không những phát-sinh rất nhanh, mà truyền-bá cũng rất chóng; hễ người nào lập được một học-thuyết thì mong đồ-đảng đến để truyền-thụ cho rộng, có nhiều người cắp tráp theo thầy chẳng từ đường-sá xa-xôi; như học - trò ông Khổng đến ba nghìn; học-trò Mặc-Tử cũng khắp ở các nước Tề, Tống, Trịnh; thầy Mạnh đi đâu thì và mươi cỗ xe, và trăm học trò đi theo sau; bọn học trò Hứa Hành cũng và mươi người cùng đóng dép dệt chiếu để làm nghề kiếm ăn; khi ấy trăm nhà nghề-nghiệp cũng đều như thế cả, đời Xuân-thu trở về trước chưa có thế bao giờ. Vậy nên một người xướng lên một chủ-nghĩa gì, thì trăm người đều ra họa theo; một người mở đầu mối ra thì trăm người lại phát-dương thêm lên. Học-hành như thế thì trách nào mà chẳng hưng-thịnh.

Trên này kể ra cái cớ học-thuật nước Tàu sở-dĩ toàn-thịnh, là nguyên-nhân bởi có bảy điều, tuy rằng chưa chắc đã đủ hết, nhưng tại sao mà đến được cái thời-đại toàn-thịnh ấy, có phải là ngẫu-nhiên đâu.

(Còn nữa)

NGUYỄN HỮU-TIẾN *dịch*

BANÀ DU-KÝ

Mấy ngày đăng-sơn lên thăm núi «Chúa»

Đương khi lửa hạ nấu-nung, ở giữa chỗ bụi lầm xe ngựa, cái thú nước biếc non xanh dễ ai không mơ-ước. Chiều chiều đứng trên bờ biển Đà-hải, nhìn làn sóng lao-xao, ngọn trào xô đẩy, ngoảnh trông về phía tây núi non trùng-điệp, đối ngọn Hoành-sơn, thấy một trái núi cao ngất mấy tầng, trót núi như đụng mây xanh, chung quanh thì núi nhỏ xúm-xít như đàn con chầu mẹ; núi này đại-danh là núi «Chúa», tên thường gọi là «Banà»; đỉnh núi có nhà mát của người Pháp lập lên được ít lâu nay, vì núi «Chúa» có nhiều thắng-cảnh và thời-tiết khí-hậu lại có phần đặc-biệt lắm. Mùa đông mây ủ như tuyết sa băng đóng, mùa hè mát mẻ êm-đềm như xuân-phong hòa-khí, cảnh-sắc tuyệt-trần, không nơi nào sánh kịp.

Tôi sẵn lòng ham-mộ được một phen du-lãm danh-sơn cho biết non sông hoa cỏ, hiềm vì đường đi trắc-trở sơn-khê, chỗ nghỉ-ngơi không tiện, may sao được dịp có người quen, sẵn lòng nhường chỗ ở nghỉ mát ít ngày, mà cái chí đăng-sơn của tôi nay mới thực-hành.

Vào giữa tháng Juin 1931, gần ngày hạ-chí, ở Tourane dậy sớm, 4 giờ rưỡi sáng đã lên xe ô-tô, đi khỏi thành-phố một lúc, vừng đông vừa rạng, sương móc chưa tan, đi qua mấy cánh đồng, mục-tử đuổi trâu còn ngái ngủ, nông-phu gieo mạ hãy vươn vai. Xe cứ ngẩm chân núi đi lên quanh mấy làng Tùng-sơn, Phú-thượng, đã thấy núp con lúp-xúp, dẫy bãi miên-man, phút chốc đã đến chân núi, dừng xe lại thôn-cư An-lợi, coi đồng-hồ mới ngót một giờ, tính đường đất có hơn 20 cây số (nếu đi ô-tô nhà thì lên quá chân núi được 3 cây số nữa, còn xe camion chỉ đến đây mà thôi). Bên đường đã thấy có phu có kiệu, chực sẵn đón khách du-sơn.

Mới đến chân đã thấy núi nguy-nga tráng-lệ, mà cái thế khi-khu hiểm-trở ba bề liên-tiếp với các núi con, một mặt liền với thôn An-lợi, có suối lớn, có hố sâu, thủy-thổ rất độc, nước uống sinh bệnh sốt rét vàng da, trong rừng thì lắm thú dữ : sài lang hổ báo, rắn rết chim muông. Núi thì cao (hơn 1.000 thước tây, trông lên muôn trùng vời-vợi, lá thắm cây xanh, cảnh-tượng ở dưới chân núi, đối với con mắt người thành-thị quen ngắm những chòm ngói đỏ tường vôi, thoạt tiên bước chân đến chỗ thâm-sơn này lần thứ nhất, ắt sao cho khỏi ngạc-nhiên ; nhưng muốn tầm mát lên ngọn sông đào, nếu không có gan mạo-hiểm thì sao khám-phá được hết cảnh-trí thiên-nhiên của thợ Tạo. Vả chân núi tuy là có nhiều thú dữ và nước độc, song từ Dương-cát là lưng chừng núi trở lên đến trót, thì nước đã hết độc, mà thú dữ vắng tanh, vì trên ấy cao quá không có mồi-mỡ gì, nên thú-cầm cũng không thể sinh-hoạt được. Đường đi lên núi thì xa thâm-thẳm, trong chốn rừng già, quanh-co hàng mười mấy cây số, trèo non lần suối khó-khăn, phải ngồi kiệu mới lên được, nên đã có phu kiệu đợi sẵn ở chân núi vì đã đặn trước, giá tiền thì có lệ nhất-định, mỗi kiệu dùng sáu người phu, tôi cùng nhà tôi và các trẻ ngồi hai kiệu, cả khách lẫn phu bắt đầu lên núi. Đường đi lên coi cũng tuyệt-diệu, có chỗ thì xoáy tròn như trôn ốc, có chỗ thì trèo hình chữ chi Z, nên phải từ-từ mà lần bước, tuy khó nhưng nhờ có đường cũng rộng-rãi khang-trang, qua suối có cầu, lên dốc có bậc, vì mỗi năm đến mùa nghỉ mát khởi từ tháng Mars, Avril, Chánh-phủ đã cho người lên sửa-sang đường-sá dinh-thự, cho nên cũng tiện lắm. Đường núi có nhiều cây cối rậm-rạp bùm-tum, bóng che mát rợp đường, không phải dương ô đội nón, đến như mấy người khiêng gánh năng-nề mà cũng không thấy đổ mồ-hôi vì mệt-nhọc, càng lên cao thì càng mát, thanh-khí nhẹ-nhàng, làm cho tinh-thần khoan-khoái, mường-tượng như giữa tiết trời xuân ở xứ hàn-đới, khác hẳn với Tourane *đương gần ngày hạ-chí vậy. Ngồi trên kiệu ngó xuống đường, bên thì sườn núi vắt-vẻo, bên thì hố sâu thâm-thẳm, những cây cao lớn mọc dẫy la-liệt, thành hàng ngay thẳng, ngó chẳng khác chi binh-lính bồng súng đứng chào ; còn các thứ kỳ-sinh như giây tơ-hồng, chàm-gửi, khô mộc, ổ-rồng, bám trên cành cổ thụ lẳng-lẳng, chằng-chịt như treo đèn kết hoa, trông rất ngoạn mục, có chỗ đi qua mùi thơm sực-nức, mà tìm không thấy hoa gì, có lẽ hoa lan mọc trong hang sâu chăng?*

Tiếc thay lan mọc trong hang,
Mùi thơm nực mũi ai màng làm chi?

Đem tầm con mắt bao-quát núi xanh, thấy trăm ngàn cây chen lá, lá chen hoa, bông thắm nhị vàng, như muôn hồng nghìn tía, mặt trời buổi sớm chênh-chếch sườn non, ánh sáng chiếu vào ức triệu hột sương lóng-lánh như kim-cương giát vào lá ngọc cành vàng. Nước thì trong suốt, suối thì chảy quanh-co, hai bên bờ bờm lượn nhỏn-nhơ, bông thơm cỏ lạ, trên cành ve ngâm chim hót, gió cuốn thông reo, cảnh-tượng thiên-nhiên như hoa thêu gấm dệt, như sáo thổi đờn kim, làm cho tinh-thần say mê mải-miết, dường như lạc bước thiên-thai, kỳ-ngộ non thần vậy.

Cái thú đăng sơn hết trông hoa ngắm cảnh, lại nói chuyện cổ-tích truyền-kỳ. Truyện rằng xưa vua Gia-long chiến-tranh với Tây-sơn thua trận, chạy trốn trên núi này, rồi sai quân lính phá núi trồng tỉa các thứ hoa quả lúa má, tạm-trú trên trót núi. Ở dưới làng gần đấy có ông phù-hộ nghe tiếng vua, bèn đem lúa gạo vật-thực đến dâng. Được ít lâu vua về phục-quốc, nên đỉnh núi đến nay hãy còn di-tích, người ta gọi là núi Gia-

long ; đó là truyện truyền-ngôn, còn thật hay ngoa, thì đã có sử-học khảo-sát.

Lại truyện « động-tiên » nữa.— Có nhiều người vào rừng rồi đi lạc đến động tiên về thuật truyện rằng : « Động ấy bằng đá, ngó như cái miếu con, trong có bàn-thạch vừa cho một người nằm ngồi, ngoài có suối nước trong xanh, vườn có hoa quả ngon ngọt, như của ai trồng sẵn, ai lạc đến đấy, đói khát có thể ăn uống no nê, nghỉ ngơi mát-mẻ rồi về, được vô-sự. Duy một điều lạ : hễ ra khỏi động rồi trở lại thì quên mất lối, không tài nào tái-ngộ lại nữa, có người lạc đến thấy cảnh lạ-lùng, sẵn-sàng qui-báu như vậy thì tiềm tâm đánh dấu đường đi, nhưng sau trở lại thì cũng lạc mất ; có người hom mộ đem cơm gạo theo ăn năm bảy ngày, tìm kiếm khắp rừng cùng núi, cũng không thấy động, duy có kẻ lỡ đường lạc lối tình-cờ mới gặp mà thôi.»

Kể truyện thì ai ai cũng muốn mục-kích, hiềm vì trại Gia-long còn trên đỉnh núi, đi chưa đến nơi, còn Đào-nguyên - động tìm không ra lối, nên ghé lại xem đá ông « Phơi ». Đá này đứng riêng một góc núi trái về bên đường, nếu không để ý, dẫu có đi qua cũng không biết ; dừng kiệu lại xem thấy tảng đá này cao lớn dị-thường, rộng ước mấy mẫu, mặt trong thì áp vào núi, mặt ngoài thì giăng giữa trời, trơ-trọi không có cây cối gì mọc trên mình được, hình-thế đứng dựng như lấp nửa quả núi, thổ-dân lấy làm linh-dị, tặng là ông « Phơi ». Người ta lại kể truyện rằng : hễ khi nào ông Phơi mốc (nghĩa là khi nào hòn đá ấy dỉ một thứ nước nhờn như dầu, rồi toàn-thân trắng ra như mốc) ấy là điềm sắp mưa to, còn khi nào mình hòn đá ấy nổi mốc như hoa vàng, ấy là điềm nắng han-hán. Những điều thôn-dân tin đó, suy ra chưa chắc là ngoa. Nhớ khi tôi còn ở quê nhà thấy bọn nông-phu, mỗi khi cày cấy thường hay trông lên núi Chúa xem sắc đá mà chiêm-nghiệm nắng mưa, nhiều khi cũng ứng-nghiệm lắm. Lấy lý mà đoán có lẽ hòn đá ấy sinh-trưởng hàng ngàn vạn năm, trải bao sương-tuyết, lâu ngày thành ra chuyển theo thời-tiết mà đổi sắc thay màu, vì như người thường nói : đá đổ mồ hôi, cũng có lẽ vậy. Duy có điều khác nhau, nhà khoa học thì xét về cách-trí, còn bình-dân thì tin-tưởng về thần-quyền, song cũng có lý cả. Lấy con mắt nhà du-lịch thì đá to như hòn đá này cũng hiếm có lắm. Tôi tặng hai câu thơ rằng :

Trải mật phơi gan cùng nhật-nguyệt,
Bền chân đứng vững với sơn-khê.

Sự tin-tưởng của thôn-phu thì vô kể, thảng-hoặc con rắn, con rết, cái cây, hòn đá gì mà có khác thường một chút, thì họ sùng-bái và gọi là ông ngay ; hỏi vì sao, họ trả lời rằng: «Nếu khinh nhờn thì sẽ phải ốm đau tật-bệnh, vì núi này thiêng lắm.» Vì thế lại có truyện ông « Cụt » và ông « Hang » nữa. Truyện rằng : trong núi có một cặp rắn to lắm, một con ngắn và một con dài, mỗi lần nó đi, nổi dông gió ào ào, nên gọi là ông « Cụt » ông «Dài» vậy. Còn ông «Hang» là một hòn đá kỳ-dị nằm dưới trũng núi, tôi có ghé lại xem thì thấy hòn đá mình tròn mà đen, thân dài ước 30 thước tây, nằm ngang dưới trũng, đầu ngẩng lên núi, hình cao hơn đường đi, trên lưng đá mọc đầy những cây lóc-tiên, lá nhỏ mượt như lông xanh, đầu thì lơ-thơ, đuôi thì rậm-rịt mà xòe ra như đuôi lân, trông rất đẹp, phía đầu hòn đá ấy lõm sâu xuống thành hang, những người đi làm đường, trải chiếu xuống đó làm chỗ tạm-trú, vì dưới hang có nhiều đá bằng-phẳng, trên thì cây-cối che rợp, không lọt ánh mặt trời, thật là thanh-u tao-nhã, đứng trên sườn núi ngắm kỹ hình-tích đá ấy nghiễm-nhiên như lân qui rồng phục vậy, ấy là :

Chờ mưa ao cạn rồng thu móng,
Đợi gió hang sâu cá xếp vi.

Bình núi chon-von, càng lên càng thấy cao, càng đi càng thấy đẹp, nước chảy đá nhỏ, hoa cười cỏ múa, như đưa đón khách du ; đi ngót một buổi, xa xa đã thấy lâu-đài nhà mát, mái kẽm tường xanh, lấp-ló trên đỉnh núi cao, trước hết thấy đồn lính sơn-đá, lần lần đến biệt-thự của các sở, có nhiều chỗ đường đi ở dưới, nhà đứng ở trên, mà đi quanh-quất mãi mãi mới lên đến cổng, vào tới nhà quen vừa đúng 11 giờ, trả tiền thuê mỗi kiệu ba đồng xong, trông ra đã thấy viên Bạng-tá đến chơi, chuyện trò một lát, chúng tôi bày tỏ mục-đích là đi du-lãm, rồi ông ta mới cáo-từ.

Mới đến đã thấy mát-mẻ bội-phần, tuy là đi xa mà không nhọc mệt, cái khổ vì bụi-bặm đường trường tuyệt-nhiên không thấy, thật là lâng-lâng chẳng chút bụi trần, thế nhưng cái thú-vị thanh-cao có ở lâu mới thưởng-thức hết được. Non xanh nước biếc, gió mát hoa thơm, đủ di-dưỡng tinh-thần cho những người đã chán cảnh phiền-hoa, tiêu-trừ tật-bệnh cho những kẻ ốm đau vất-vả, vì ở nơi thoáng-khí trong sạch, thời-tiết mát-mẻ, đương giữa mùa hè mà mây mù sa, gió tây lạnh, hằng ngày phải áo kép chăn bông mới chịu được. Nhưng khí lạnh ở đây không phải như mùa đông ở xứ ta đâu, đây là mát lạnh êm-đềm, vì trời quang mây tính, đương nắng vụt mưa, mưa không phai hoa lạt nhị, đương nồng vụt gió, gió không gẫy nhánh nghiêng cây, vậy nên các thứ rau, đậu, salade, ở đây họ mới bắt đầu trồng, có thứ đã xanh tốt hoa quả triu-trít đầy cành, vì đất-đai khí-hậu tốt mới được thế.

Ai mới đến non tiên, ắt sao cũng còn quyến-luyến cõi trần, trước hết muốn trông về quê nhà, nào có khó gì, hễ cửa sổ ra xem, hay là đi ra sân ngó xuống, thì thấy rõ-ràng, nào thôn-ổ lâu-đài, ruộng dâu lúa má, bình-địa cao-nguyên, chỗ cao chỗ thấp, miếng đỏ miếng vàng, lốm-đốm như bức tranh thiên-tạo, khe ngòi sông rạch, quanh co uốn khúc, như rắn bạc rồng vàng, thiên-hình vạn-trạng, la-liệt phô bày như ở trước mắt ; lạ sao vừa mới ở chốn nồng-nàn bực-bội vì thán-khí ô-trọc, tiếp-xúc những cảnh phồn-hoa bỉ-ổi, thốt-nhiên một chốc tiêu-dao trên khoảng trời xanh, nhìn lại đám hồng-trần khói bụi, thì sao khỏi ngạc-nhiên, tưởng mình đã lễn ở một quả địa cầu nào khác, trông lại cõi trần mà chán !

Chúng tôi đêm nằm ngủ tại nhà tạm vì chật-chội, bỗng cảm-giác một cảnh-ngộ rất thú : trong một gian nhà nhỏ, giường ngủ đóng lên mấy tầng, như trong cabine tàu thủy, phên thì bằng ván sơn xanh, từ bề khoáng-đãng, gió thổi ào ào, lại thêm máy quay nước ngoài sân kêu xình-xịch, như máy tàu chạy, thêm gió rung-rinh phên ván, nằm tưởng-tượng như nằm trong chiếc tàu chạy bồng-bềnh trên mặt biển, nghĩ cũng lấy làm tự-đắc hơn những người nhà rộng cửa cao, sao được cái thú-vị đặc-biệt đó.

Mấy hôm đầu vì lạ phong-thổ, cho nên tinh-thần không được thanh-thản, sau quen rồi mạnh-mẽ, ăn ngon ngủ kỹ. Nhà tôi vì hết phép nghỉ, nên phải về trước, còn tôi ở lại, ngồi rồi dắt lũ trẻ đi chơi trong núi, đi chỗ nào cũng có đường sạch-sẽ, sườn núi sẵn làm đường, bạt đỉnh núi làm nhà, thật có công-phu của Nhà-nước mới làm được vậy, tô-điểm cho vẻ thiên-nhiên thêm xinh đẹp, cây-cối mọc dưới đường đi, như đi trên ngọn cây tòng bá trúc mai vậy. Kể người Pháp lên ở đây khởi đầu từ sở Kiểm-lâm lên làm trụ-sở mới năm 1915, rồi sau các công-sở mới làm nhà mát tiếp lên đông-đúc như bây giờ, song những người ở đây duy có người Pháp còn người Nam chỉ phục-dịch mà thôi. Bình núi chia ra từng cụm, cụm nào

cũng nhà cửa nguy-nga lộng-lẫy, đó là biệt-thự của các quan-chức Đại-Pháp, các tòa sở như : Khâm-sứ, Bốc-lý, Thương-chánh, Bưu-điện, Y-tế; lại còn đồn lính Lê-dương, có nhà giam tù quốc-phạm, vân-vân. Việc cai-trị An-Nam thì có viên Bang-tá, coi việc tuần-phòng dân-phu. Mỗi năm đến mùa hè thì các quan chức người Pháp lần lượt lên nghỉ mát cho đến tháng Octobre mới thôi, sở nào cũng có nhà riêng ; còn như tư-gia thì ít lắm, duy có đôi nhà tư-bản và thương-mại Pháp-Trung-hoa thì có một sở của người Compradore Ngân-hàng mà thôi, còn người Việt-Nam ta thì từ nhà quyền-quí cho đến nhà tư-bản cũng tuyệt-nhiên không ai có sở nhà nào cả ; không rõ vì khó xin đất, hay là sợ tốn tiền và hủ-bại, không biết thưởng-thức phong-cảnh thiên-nhiên và ai dưỡng thân-thể tinh-thần, thì thật là đáng lấy làm thương tiếc cho họ lắm. Còn về sự thương-mại ở đây có hãng Morin frères là đắc-thế hơn hết, nhà hôtel hai tầng làm trên đỉnh núi cao chót-vót, đứng trên trông được khắp mọi nơi. Trong hàng có cơm ăn, có phòng trọ, có chớp bóng, có thể-thao, đủ các cuộc tiêu-khiển, lại bao cả việc vận-tải thơ-từ hàng-hóa, và kiêm việc mướn kiệu thuê xe nữa. Vì thế cho nên hễ ai muốn lên ngoạn-cảnh cũng phải nhờ hãng Morin thuê mướn xe kiệu cho, còn giá tiền cho thuê phòng ở, cơm ăm rất đắt, mỗi ngày một người phải mất từ tám chín đồng trở lên mới đủ. Vậy nên chỉ tiện cho người Pháp dùng, còn người Nam thì rất khó. Thiết-tưởng Chánh-phủ mà muốn ra ơn cho được tiện-lợi cả hai đàng, thì trong các sở chỗ nào còn dư đất, Chánh-phủ cho làm thêm một sở nhà riêng tùng-tiệm cho các viên-chức tòng-sự liêu-thuộc người An-Nam, ai đau-ốm mệt-nhọc được lên đấy có chỗ nghỉ-ngơi điều-dưỡng, thì ơn của Chánh-phủ ai mà chẳng cảm-bội.

Trước cửa nhà hàng Morin có treo tấm bản-đồ toàn phong-cảnh Bana, khách du có thể xem đó mà biết đường lối đi các chỗ, vả chỗ này sắp đặt như một công-viên nhỏ, có bản-đồ, có ghế xanh, mé bên hữu có hang gió, lại gần xem gió hiu-hiu thổi, tòng bá lay động, vặt áo phất-phơ, như quạt máy tự-nhiên không phải quay vậy. Ngồi trên ghế xanh ngó xuống, như cửa sổ dòm ra biển rộng, kia vũng Thùng tàu đậu phố ống khói, nọ cầu Thủy-tù xe lửa chạy như rắn bò, núi Ngũ-hành, cầu Cẩm-lệ đành rành trước mắt, tháp nhà thờ Tourane lù-lù như hai thầy đồng bận áo trắng đứng im bất-động, trong thì bãi cát chạy vòng theo bờ biển, ngoài nữa thì sóng bạc mênh-mông không biết đâu là bờ bến, còn ba bề núi non bao-bọc liên-tiếp với dẫy Hoành-sơn, phía bên kia thuộc về địa-phận nước Lào (Laos), còn phía bên này thì thôn-cư dân mọi, biệt-lập trong khoảng rừng xanh, sinh-nhai về nghề trồng tỉa, an-cư lạc-nghiệp, vui nước thẳm non cao, tính-tình chất-phác, phong-tục đơn-sơ, chưa nhiễm mùi phù-hoa đen bạc, chưa tiếp-thụ cái đời cạnh-tranh kinh-tế, thật là riêng hẳn một bầu trời, mà trong ba phần nửi một phần đất, dân-tộc Mường Mọi ở khắp các nơi, tuy rằng man-di mọi-rợ, nhưng chưa chắc đã hèn đã thua ai. Ba bên bốn mặt như thế, còn núi Chúa thì nghiễm-nhiên đứng giữa như một vị tướng-quân chỉ-huy cho đàn tả-hữu, hình-thế hiểm-cố, đáng làm căn-cứ cho những bậc anh-hùng làm nơi tranh-bá đồ-vương.

Tôi ở trên này, ngày ngày du-sơn du-thủy, bạn với trúc tùng, hết vơ-vẩn non-sông, lại đi xem khe suối. Từ dưới lên đây khắp các tầng núi, tầng nào cũng có khe suối, nhưng nhiều suối bị cây cối che lấp nên không được đẹp, duy có trên trót núi này có nhiều chỗ đẹp lạ-lùng, gần vùng nhà mát đây có một cái

suối lớn, mạch từ trong núi chảy ra, miệng suối rộng lớn vừng quanh-co ở dưới trũng núi, nước trong suốt đáy, cây lớn sum-sê, bóng mát thanh-u, rễ đa chằng-chịt, ngả-nghiêng bên bờ, trèo xuống đứng dưới suối hơi nước bốc lên mát lạnh như ở cung thủy-tinh nước đá vậy. Chẳng giữa suối người ta xây bề cạn chân nước, một bề đọng, một bề chảy, nên giặt rửa bao nhiêu nước ở bề cạn vẫn trong sạch như thường, thế cũng là tiên, nhưng vì người ta đến tắm giặt làm huyền-náo luôn, khiến cho vẻ thiên-nhiên thanh-tĩnh pha lẫn mùi tục-lụy trần-ai! Khác với câu ca-dao rằng: «Con chim kêu trên hòn núi Chúa, suối Thủ-dương hạc múa qui chầu; bây giờ phúc thủy nan thâu, điều than phận điều, ngư sầu phận ngư!»

Suối Thủ-dương là suối nào không rõ, đến như suối này thì: mây bay hạc lánh, vắng biệt tăm hơi, nhác trông cỏ nội hoa ngàn, tinh giống côn-trùng rắn rết, vân-vân.

Nhân cuộc đi chơi tôi biết được ít thứ thảo-mộc côn-trùng kể cũng lắm thứ lạ, như rễ cây bông cỏ dùng làm thuốc nam, có cây ngải cây trầm và các thứ cây khác, kể không xiết. Các nhà bác-học Âu-châu đã có người sưu-tầm nghiên-cứu; còn thôn-dân thì hay lên lấy mây và lá nón về làm đồ dùng, trúc thì có thứ nhỏ mình có hoa, dùng làm đũa ăn cơm lên nước rất đẹp, còn hoa quả trong rừng cũng sẵn có nhiều, đủ thứ cần dùng, như cau rừng hột mây, vỏ ăn trầu, các thứ đều khác sản-vật dưới đồng vì ngon hơn. Cây gỗ quí cũng không thiếu gì, song vì rừng cấm, cho nên không ai dám lấy. Còn các giống sâu bọ rắn rết ở đây có nhiều loài kỳ-hình dị-dạng, khác hẳn với loài ở dưới đồng bằng lắm. Nhiều khi người ta giết được con rắn mà không biết tên gọi là rắn gì, vì xem mình nó có bốn chân phía dưới bụng, miệng lại có râu, tựa như rồng con. Lại có giống sâu hễ đụng vào mình nó thì nó cuốn tròn lại như nửa hột đào, vỏ cứng mà đen, nhìn kỹ cũng không thấy đầu đuôi đâu cả. Có con như con các-kè mà lại có cánh, bay nhảy trên ngọn cây rất giỏi, tên gọi là con « Tích-vĩ », bắt được nó phơi khô ngâm rượu uống khỏi đau xương. Còn nhiều giống thảo-mộc côn-trùng lạ, nói không hết được.

Một buổi chiều tôi cầm sách ra đồi núi, ngồi dưới gốc tùng xem cho tĩnh-mịch, bên mình có lũ trẻ lên 7 lên 8 chạy nhung-nhăng hái hoa bắt bướm. Mải xem, trời vần-vũ không hay, một lúc thấy dưới trũng núi, xa xa có một thứ khói như mây trắng bốc lên ngùn ngụt, lúc lâu khói ấy bay tỏa lên không-trung, rồi lần lần bao phủ khắp hết các cụm cây cối nhà cửa, trước còn trông thấy lờ-mờ, sau đến cả chỗ mình đứng cũng mù-mịt nốt, như bức màn trắng không-lồ giăng khắp núi non, đến nỗi người ta đứng cách nhau chỉ độ mấy thước cũng không trông rõ mặt; tôi cố đứng ít để xem, sau thấy mù quá, mới rảo bước đi về, lũ trẻ nhanh chân chạy trước lấp trong đám mù, chỉ thấy mầu áo xanh đỏ phấp-phới, ngắm xem không khác chi một bọn tiên-đồng nhởn-nhơ thấp-thoáng trong mây, thật là tuyệt-thú. Lững-thững về nhà, vừa bước vô thềm, mưa to liền đổ xuống, mừng may không ướt. Ngồi trước hiên nhìn nước chảy giọt mưa sa, gió hiu hiu thổi la-đà cành thông. Mình ở non tiên, thương ai trần-thế, cùng một buổi này lửa hạ nấu nung, lò cừ hun đúc, những ai ai còn mải-miệt trong đám lợi-danh, đắm đuối vào trường vinh-nhục, thì giọt nước cam-lộ cảnh dương sao tưới khắp!... Một lúc mưa tạnh mây tan, mặt trời lại chiếu sáng như thường. Sau nghiệm xem mỗi lần có mây mù như thế thì mưa to, mưa lạnh thì mây cũng tan ra nước hết, thế mới biết vì trót núi cao,

mây với mù gần nhau, ta ở lẫn trong mây nên trông mù-mịt vậy.

Lại một buổi sáng trời thanh mây vắng, dậy sớm lên chỗ cao đứng ngảnh mặt về phương đông xem vừng thái-dương mới mọc. thật là một cảnh nên thơ: kia kia một vành đỏ thắm, xa xa như lướt mấy tầng sóng bạc mà nhô lên, lúc đầu thấy nửa, sau lần lần mọc rõ toàn-hình, tròn vành-vạnh như cái nong lớn, chung quanh tia sáng tỏa ra như hào-quang rực-rỡ, dưới chân có đám mây sen lẫn như nâng đỡ xe loan, một góc chân trời như ánh lửa lừng đỏ chói, mặt biển như tấm thảm vàng kim-tuyến, cảnh-tượng này duy có trên núi cao mới trông thấy rõ-ràng đẹp-đẽ, oai-nghi vô-cùng.

Tôi ở đây mấy hôm tiếc rằng chưa gặp lúc trăng tròn, nhưng cái thú xem trăng trên đỉnh núi, dầu trăng non tôi cũng không để cho lỡ dịp. Cảnh-sắc ban đêm trên đỉnh núi tịch-mịch vô-cùng, bóng trăng sáng lờ-mờ hoà với non sông cây cỏ, càng thêm vắng-vẻ thanh-tao, một tiếng ngâm thơ tưởng cũng vang động cung Thiềm, tiếc rằng mình không hay thơ, không dám làm rác tai chị Hằng-Nga, chỉ riêng bồi-hồi cho thân thế, nên ứng khẩu ngâm mấy câu cho tiêu-sầu giải-muộn :

Đời đáng chán hay chưa đáng chán ?
Cuộc bể dâu ngao-ngán bấy ông xanh !
Dở-dang thay thẹn mặt tài danh,
Kia vân-hội đã bao phen thi-thố ;
Thế mới biết nhân-tâm nhiều tật-đố,
Mà hay cho tạo vật cũng đa-đoan !

. . . . . .

Lẽ trong thanh-khí, chị Hằng-Nga soi thấu cũng chau mày cho nhân-loại, vì nam nữ bất-bình, mà vấn-đề giải-phóng phụ-nữ biết bao giờ giải-quyết cho xong ?..... Thế mà nữ-giới còn ngủ say chưa tỉnh, riêng ta với cô Hằng thao-thức canh chầy. Một thời gian ung-dung xem khắp các nơi, duy còn núi Gia-long thì hàng ngày trông thấy cây đa cổ đứng trên trót núi, cành lá sum-sê, xây tròn như cái tán, thấy đó mà chưa đi đến nơi, vì nỗi dấu thổ dường đi, chim kêu vượn hú, từ bề vắng không, sau nhờ người dẫn-lộ mới sang được tới nơi. Kể từ buổi sáng ra đi, băng núi này qua núi nọ, đường đi đầy những tòng bá trúc mai uốn-éo, nhởn-nhơ ong bướm bay liệng trên cành, đi quanh-quất trong núi, bỗng gặp một cái suối tuyệt đẹp, nước chảy vòng theo sườn núi, cong queo, một chỗ có xây bể cạn hứng nước như cái suối đã nói đoạn trước, nhưng suối này vắng-vẻ, vì xa nên ít người đến tắm giặt, cho nên thanh-tĩnh lắm. Chúng tôi liền ghé lại xem, vốc nước rửa mặt mát lạnh như băng, thấy nói nước suối rửa mặt lần hết rôm sẩy ghẻ chốc vì mát lắm. Cách suối này đi vòng lên sát núi trên lại thấy một suối nữa to tộng và đẹp hơn, nước ở lưng chừng núi chảy xuống rào-rắt như đờn, trắng sóa như cảng lụa bạch, phía dưới nước đọng lại như ao sâu, phía trên đá nhô ra như che đỡ lấy mạch nước chảy, trên mặt đá phẳng lỳ nhẵn bóng như ván gỗ, sơn-thủy khen ai khéo đặt, tiếc rằng quên đem máy chụp hình ; càng nhìn càng đắm, càng ngắm càng say, thật là :

Nước Nhược non Bồng, thiếu nàng tiên-tử,
Cao-sơn lưu-thủy, vắng khách tri-âm !

Cảnh quyến người, người luyến cảnh, lưu-liên không muốn dời chân, tùy hành giục giã, mặt trời đứng bóng, đăm về còn xa. Bẻ lan vạch cỏ đi ngót mấy giờ nữa mới đến chân núi, treo những dốc cao như nóc nhà, rồi mới tới đỉnh giữa trót núi, thì cây đa vẫn đứng sừng-sững đó, giữa có đám đất vuông bằng phẳng sạch-sẽ như cái sân vuông, chung quanh cây cối ngay thẳng như hàng

rào sân vườn người ở vậy, lác-đác có ít cây chè mọc lẫn với lau cỏ và trúc tùng, lại thêm giống trúc hoa sinh-sản ở núi này nhiều hơn cả

Còn phong-cảnh thì từ bề non cao chồng-chất, chớn-chở như thành lũy pháo-đài, dưới thì làng mọi ruộng-nương lúa bắp xanh tốt như chàm. Làng xóm mọi tuy thấy đó mà đi cho đến nơi thật là xa lắm ; trông ra cửa biển mênh mông bát-ngát, ngó xuống bình-nguyên, giang-sơn gấm vóc, phô bày giữa quãng trời Nam, mà chính chỗ ta đứng viếng đây, xưa vua Gia-long đồn binh lập trại, ngày nay người Pháp nối gót dựng lên biệt-thự thừa-lương, một góc giang-sơn, tang-thương mấy độ ! Biểu-cô hoài-kim, mình ta với núi !...

Cất ngòi bút láng-lai dòng lệ mực !
Đoái non sông man-mác khói mây tuôn !.....

Viếng núi Gia-long thành-tâm có mấy câu cảm-khái, mượn núi khe làm kỷ-niệm, hỏi cây cỏ làm tri-âm, ngoài ra không có giúp thêm cho sự quan-sát nữa. Bảng-lảng mặt trời đã xế, rủ nhau xuống núi về nhà, hồi-tưởng lại cuộc du-sơn ngày nay hồ dễ mấy khi tái ngộ.

Gần nửa tháng trời du-lịch trên khoảng không-gian, tiếp-xúc hết thiên-nhiên phong-cảnh, những ngỡ bụi trần may dũ sạch, nào hay nợ thế vẫn chưa xong ! Vì chỗ ở chật hẹp, mà mình không ưa bó buộc quen, nên vội-vàng giã non giã cảnh.

Lúc về đường đi dốc xuống, ngồi kiệu có phần khó chịu hơn lúc đi lên, còn phong-cảnh lúc đi xuống trông lại càng đẹp hơn. Nhân đêm hôm trước có mưa to, sáng ngày đi sớm hay gặp rắn rết (tiếng Trung-kỳ gọi con tít) bò ra đường, nếu vô-ý thì dẫm phải, rắn thì không thấy rõ, vì nó chạy mau quá, đến như rết thì con nào cũng lớn bằng lưỡi dao lưỡi liềm, bò nghêu-ngoao bên sườn núi, vênh râu giơ càng, bày hai hàng chân đều đặn mà vàng thẫm, trông đẹp đẽ mà dữ tợn. Càng xuống thấp, càng thấy nóng, hhác hẳn với lúc trên núi ra đi phải khoác áo bông, vì hơi sương lạnh-lẽo, khi về đến chân núi thì phải cuốn áo bông, mặc áo mỏng mới chịu được, vì khí nóng bực-bội, mặt trời thì le-lói, như quạt lửa vào mặt, khí-hậu trên đỉnh núi sánh với dưới chân núi thật là khác hẳn như hai bầu thế-giới vậy.

Tôi nhân cuộc nghỉ mát được biết một chốn danh-sơn, không quản ngòi bút vụng-về, cứ sự thực mà chép ra bài du ký này, xin giới-thiệu cùng anh em chị em một cảnh Bồng-lai ở dưới trần-thế này là phong cảnh núi « Chúa » đó.

Tourane 12 Juillet 1931

HUỲNH-BẢO-HÒA

GIỚI-THUYẾT VỀ SÁCH MẠNH-TỬ (1)

1) Đạo-học của đức Khổng-tử đến đời Chiến-quốc chia ra hai phái lớn: Một là phái Mạnh-tử 孟子, hai là phái Tuân-Khanh 荀卿.— *Cứ theo như Sử-ký xưa kia thì vẫn lập ra Mạnh-tử Tuân-Khanh liệt-truyện.* Nho-lâm truyện *cũng nói rằng:« Mạnh-tử Tuân-Khanh đều lấy đạo-học hiển ở đương-thời.» Xem thế thì từ đời ông Hán Xương-lê trở về trước, đều khen Mạnh-tử với Tuân-Khanh bằng nhau cả. Đến chư-hiền đời Tống mới độc-tôn thầy Mạnh bằng với đức Khổng-tử, từ đó về sau đều tôn-xưng Khổng Mạnh, chứ không ai nói Tuân Mạnh nữa. Nói rút lại Khổng-tử là người lập-giáo, mà Mạnh-tử là người hành-giáo, có biết rõ thầy Mạnh là một phái trong Khổng-giáo, thì mới có thể đọc được sách* Mạnh-tử.

2) Học của Tuân-tử cốt ở truyền-kinh; học của Mạnh-tử cốt tại kinh-thế; Tuân-tử là một khoa văn-học trong cửa Khổng; Mạnh-tử là một khoa chính-trị trong cửa Khổng.— *Từ đời nhà Hán dấy lên, các kinh đều truyền tự Tuân-Khanh, cái công ấy rất cao không thể nói giấu được. Song sở-truyền về đại-nghĩa vi-ngôn thì không bằng thầy Mạnh; thầy Mạnh chuyên đề-xướng về cái tôn-chỉ của Khổng-tử nói rằng: « Mình muốn tự-lập thì cũng giúp cho người lập lên được, mình muốn đạt lên thì cũng giúp cho người đạt lên được; giá mà thiên-hạ có đạo thì ta không cần phải ra cứu đời nữa. » Nên thầy Mạnh lúc nào cũng lưu-tâm muốn cứu giúp thiên-hạ, thực là chính-phái về Khổng-học vậy.*

3) Thầy Mạnh học trong sáu kinh, mà sở-học đắc-lực nhất là kinh Xuân-thu.— *Khổng-tử về hồi sơ-niên có sửa định kinh* Thi *kinh* Thư *kinh* Lễ *kinh* Nhạc, *đã truyền dạy làm lời nhã-ngôn, một phái họ Tuân vẫn truyền, cho nên Tuân-tử nói rằng phàm học phải trước đọc kinh* Thi, *sau phải đọc đến kinh* Lễ; *vậy nên trong sách* Tuân-tử *đến quá nửa phần nói về lễ. Kinh* Xuân-thu *là sau khi bắt được con lân rồi Khổng-tử mới làm, chuyên nói về việc chế-tác để làm phép cho các đời vua sau, một phái họ Mạnh thì truyền về kinh* Xuân-thu; *vậy nên thầy Mạnh lịch-tự đạo-thống kể từ vua Vũ trị-bình hồng-thủy, Châu-công dẹp yên di-địch, rồi kể đến công-đức Khổng-tử, thì thầy Mạnh không kể* ngũ-kinh, *kể ngay đến công ông Khổng làm kinh* Xuân-thu; *kể các bậc thánh như ông Thuấn sáng xét mọi việc, ông Vũ ghét rượu ngon, ông Thang giữ đạo trung, Văn-vương coi thương yêu dân, Võ-vương không bỏ những việc gần, Châu-công nghĩ kiêm cả ba đời vua; rồi kể đến việc ông Khổng thì thầy Mạnh bỏ* ngũ-kinh *không kể, mà nói ngay đến cái việc làm kinh* Xuân-thu. *Trang-tử có nói:* « Xuân-thu *là sách kinh-thế, là chí của tiên-vương.* » *Vậy nên phàm nói đến kinh-lý việc đời, chửa khi nào là chẳng phải học đến kinh* Xuân-thu. *Cho nên phải biết rằng nhất-thiết nhân-chính mà thầy Mạnh nói ra đều bản ở kinh* Xuân-thu, *rồi sau mới biết cái chỗ thực-học của thầy Mạnh là học Khổng-tử vậy.*

4) Thầy Mạnh theo về nghĩa Xuân-thu, sở truyền đều là nghĩa đại-đồng.—

(1) Nguyên văn của Lương Khải-Siêu, xét về những nghĩa lớn sách *Mạnh-tử* mà tiêu-biểu lên, gọi là giới-thuyết.

Đức Khổng-tử có lập ra cái nghĩa tiểu-khang 小康 *là nói về đời tam trị yên, để trị cái thiên hạ đã từng trải hai nghìn năm trở lại đây, tức như* Xuân-thu *gọi là đời thăng-bình, cũng là nói về việc cai-trị một nước, Tuân-tử thuật lại đều là loại ấy cả. Khổng-tử có lập ra nghĩa đại-đồng* 大同 *là nói về cuộc đại-đồng cả thế-giới, để trị cái thiên-hạ từ nay về sau, tức như* Xuân-thu *gọi là đời thái-bình, cũng là nói về việc cai-trị cả thiên-hạ, thầy Mạnh thuật lại đều là loại ấy cả. Nghĩa đại-đồng thì ngày nay người phương Tây cũng đã đem ra thi-hành, cũng có điều ngày nay người phương Tây chửa kịp đem ra thi-hành, song chắc ngày khác thế nào cũng tất-hành, đọc sách* Mạnh-tử *phải nên tìm xét những chỗ ấy.*

5) Hai chữ *nhân* 仁 *nghĩa* 義 là cái tông tôn-chỉ về nhất-thiết học vấn của thầy Mạnh. — *Đồng-tử nói rằng :* « Nhân 仁 *là* nhân 人 = *người*, nghĩa 義 *là* ngã 我 = *ta.* » *Biết có người mà chẳng biết có ta, là cái học của họ Mặc* 墨. *Biết có ta mà chẳng biết có người, là cái học của họ Lão* 老. *Vậy nên họ Mặc chỉ thiên về nhân, họ Lão chỉ thiên về nghĩa; nhân chí nghĩa tận, mới là đạo trung-dung, Khổng-giáo sở-dĩ khác với các giáo là vì thế, thầy Mạnh sở-dĩ độc-tôn Khổng-tử cũng vì thế, nhất-thiết những điều nghĩa-lý chế-độ đều tự đó mà ra, học-giả chớ coi là trần-hủ thì khá tự biết.*

6) Tôn-chỉ kinh-thế của thầy Mạnh chỉ là giữ lấy dân. — *Thầy Mạnh thường nói dân là qui, việc dân không thể hoãn được. Vậy nên toàn-thiên sách* Mạnh-tử *nói về nhân-chính, nói về vương-chính, nói về cái chính bất-nhẫn, đều là vì dân cả. Những chính-sự của các nước bên Thái-tây ngày nay cũng trọng về dân, ngõ-hầu gần giống như nghĩa Mạnh-tử, tiếc rằng bên Trung-hoa thì cái đạo-học của thầy Mạnh tuyệt đi mất ; nếu đã rõ về nghĩa ấy để đọc Mạnh-tử, thì hiểu biết dễ như chơi. Không thì như Tư-Mã Quang nghi thầy Mạnh, Dư Ẩn-chi tôn thầy Mạnh, chỉ bàn nói rối bét, đều sai lầm cả.*

7) Thầy Mạnh chê đời Xuân-thu không có trận đánh nào hợp-nghĩa, đó là đã có khởi-điểm muốn mong cho đại-đồng. — *Nghĩa đại-đồng bản tự kinh* Xuân-thu, *đức Khổng-tử mới đặc-lập cái nghĩa lớn ấy ra, sau này nhà Nho duy thầy Mạnh là hay phát-minh nghĩa ấy ; ngoại-giáo thì có Mặc Địch, Tống Hình cũng đều hiểu rõ ý ấy. Các nước bên Thái-tây duy có nước Mĩ là đã biết cái nghĩa « phi-chiến », nhưng chửa làm được đến nơi ; gần đây thì các nhà công-pháp đã lập ra hội lớn để xương-minh cái thuyết « phi-chiến », thế là cái triệu-chứng Khổng-giáo đã tiệm tràn ra khắp trên địa-cầu. Từ đời Tống đến nay, những người đọc* Mạnh-tử *đều ám về nghĩa ấy cả.*

8) Thầy Mạnh nói cái phép tỉnh-điền chính là cái cương-lĩnh về đời đại-đồng. — *Phép tỉnh-điền chính là cái qui-chế Khổng-tử đặc-lập ra, để cho giàu nghèo được san đều nhau, xem như sách* Luận-ngữ *đã từng nói :* « *Chẳng lo ít mà lo không đều* 不患寡而患不均. » *Phép tỉnh-điền chính là để quân-phân cho đều, mà chính là cái qui-tắc bình-đẳng vậy. Phương Tây gần đây đã xướng lên cái thuyết « Bần phú quân tài », nhưng tiếc rằng chửa làm được đắc-đạo mà thôi. Phép tỉnh-điền không thể lại đem ra thi-hành về sau này được thì ai cũng biết, thế mà những kẻ hủ-nho lại nghĩ muốn phục lại phép tỉnh-điền thì lại là vọng-tưởng vậy ; bắt-chước đấng tiên-vương chỉ bắt chước cái ý mà thôi, cái ý phép tỉnh-điền là cốt cho quân-bình, chính là cái nghĩa đệ-nhất để trị thiên-hạ. Phàm những phép kinh-tế của thầy Mạnh đều bởi đó mà*

suy ra, có hiểu rõ cái ý ấy thì mới có thể bàn về trị-đạo được.

9) Thầy Mạnh nói người ta đều là tính thiện, tức là cái công-hiệu về đời đại-đồng.— *Đức Khổng-tử nói về tính có ba nghĩa : Dân đời loạn thì tính ác ; dân đời thăng-bình thì có kẻ thiện người ác, nên có thể làm thiện mà cũng có thể làm ác được ; dân đời thái-bình thì thuần là tính thiện. Tuân-tử thì theo cái lời nói về dân đời loạn; Bật-tử, Tất-điệu-Tử thì theo cái lời nói về đời thăng-bình ; Mạnh-tử thì truyền cái lời nói về đời thái-bình, đều là tôn-tín cái điều sở-văn của mình, người bảo tính ác, người thì bảo có thiện có ác, người thì bảo tính thiện, tranh cãi nhau mãi, nếu hay thông-suốt cái nghĩa ba đời thì không có điều gì chất-ngại cả. Thiên* Lễ-vận *có nói về đời thái-bình không còn kẻ nào có mưu-trí hại nhau, những kẻ trộm cướp loạn tặc không dấy lên nữa. Kinh* Xuân-thu *thì bảo đời ấy người nào cũng có cái nết sĩ-quân-tử, cho nên bảo rằng người ta tính thiện. Người phương Tây gần đây mới xướng lên cái thuyết «cải-lương nhân-chủng», nếu sau này cái học-thuyết ấy thịnh lên, thì cái điều tính thiện của Khổng-giáo lại càng thịnh, nhiều người không hiểu biết nghĩa ấy mà chỉ bẻ-bác thầy Mạnh thì thực là vô-vị.*

Lại xét cái thuyết tính thiện tính ác là nói về phần trong ; cái thuyết đại-đồng tiểu-khang là nói về phần ngoài ; hai đàng hình như không quan-thiệp với nhau. Song xét ra Tuân-tử là một nhà học-giả theo về nghĩa tiểu-khang thì tất phải nói người ta tính ác. Mạnh-tử là một nhà học-giả theo về nghĩa đại-đồng, thì tất phải nói người ta tính thiện. Xem đó khá biết cổ-nhân mỗi người học một đàng, không thể lẫn-lộn được. Đời sau những nhà học-giả không hiểu nghĩa ấy, lại muốn hợp làm một mà suy ra để đọc mọi sách, thì phi là ngờ cổ nhân cũng đến nói vu cho cổ-nhân vậy.

10) Thầy Mạnh nói về các đời vua Nghiêu, Thuấn, và đời Văn-vương đều là cái danh-hiệu đời đại-đồng.— *Thiên* Lễ-vận *cho những đời vua Vũ, Thang, Văn, Võ, Thành-vương Châu-công là đời tiểu-khang, mà đời vua Nghiêu, vua Thuấn là đời đại-đồng, vì đời ấy lấy thiên-hạ làm của công cả. Kinh* Xuân-thu *năm Ai-công thứ 14* Tả-truyện *nói: đời ấy những quân-tử vui noi theo đạo vua Nghiêu vua Thuấn, tức là trỏ về đời đại-đồng. Năm Ân-công nguyên-niên truyện* Xuân-thu *cũng nói đến đời vương-giả tức là trỏ đời vua Văn-vương, đời vua Văn cũng là một đời thái-bình. Phàm những vị thánh-vương trên ấy đều là có thiên-hạ mà coi như không, vậy nên những nhà học-giả nói đến đời đại-đồng thì tất là suy-tôn những vị thánh-vương ấy ; đọc sách* Mạnh-tử *phải nên biết nghĩa ấy.*

11) Thầy Mạnh bàn về đời Vương đời Bá tức là phân-biện ra hai đời đại-đồng và tiểu-khang. — *Xem như trong sách* Mạnh-tử *đã rõ, không cần phải kể ra đây nữa.*

12) Tôn-chỉ truyền-giáo của thầy Mạnh chỉ cốt là chống cự với họ Dương họ Mặc.— *Dương Chu là học trò Lão-tử, đã thấy nói ở trong sách* Liệt-tử ; *cự-tuyệt Dương Chu tức là cự Lão-tử vậy. Đời Châu đời Tần chư tử xuất-hiện ra cũng nhiều, nhưng cái tôn-chỉ không ngoài hai phái họ Lão họ Mặc ; đương thời ấy danh tiếng lừng-lẫy hầu ngang bằng Khổng-tử cũng chỉ hai phái họ Lão họ Mặc mà thôi. Vậy nên cự họ Lão họ Mặc tức là cự cả chư-tử vậy, thầy Mạnh sở-dĩ phải biện-bác mà chống cự với Dương Mặc cho rộng mở đường đạo học, tức là cái công truyền-giáo của thầy Mạnh vậy.*

13) Tôn-chỉ nội-học của thầy Mạnh chỉ cốt là bất-động-tâm.— *Cái công-phu học-vấn để cho đến được bất-động-tâm, lại chia ra ba mối : một là trước phải đứng về đại-thể là phải giữ*

lấy bản-tâm ; hai là phải khéo nuôi cái khí của mình ; ba là phải giữ phóng-tâm lại. Hán-nho học-giả chỉ chuộng khí-tiết, Tống-nho học giả chỉ cốt chủ-tĩnh, đều là được một điều về cái công-phu nội-học của thầy Mạnh ; học mà đến được cái cõi bất-động-tâm thực là cái căn-nguyên để đem ra kinh-thế và truyền-giáo ; kẻ học-giả muốn học thầy Mạnh thì phải cố hết sức về ba mối ở trên mà học lấy cho được một điều cũng đã khá vậy.

Kẻ học-giả lúc mới đọc sách Mạnh-tử *thì phải nên đem lời giới-thuyết này từ điều thứ 6 đến thứ 13, cộng làm tám điều, phân-loại ra mà xét.*

14) Lời nói thầy Mạnh tức là lời nói của đức Khổng-tử. — *Đức Khổng-tử đương-thời sao không tự nói ra mà phải đợi đến thầy Mạnh nói? Vì là đương đời Khổng-tử truyền-giáo chưa được thịnh hành, vậy nên trong kinh* Xuân-thu *có đủ cả đại-nghĩa vi-ngôn, đều khẩu-truyền cho học trò cả, vài đời về sau mới dám chép vào trúc-bạch, là còn phải kiêng tránh hoạn nạn lúc bấy giờ ; còn như sách* Luận-ngữ *chỉ là những lời nhã-ngôn của Khổng-tử, thỉnh-thoảng cũng có lời vi-ngôn nhưng cũng ít ; sau này duy Mạnh-tử Đồng-tử là truyền được vi-ngôn của Khổng-tử rất nhiều, cho nên cuối sách* Mạnh-tử *thầy Mạnh vẫn tự-nhiệm mình là bậc kiến-tri, là còn thân thấy biết được lời nói của Khổng-tử ; kẻ học-giả muốn học Khổng-tử thì trước phải học thầy Mạnh.*

15) Đạo-học của thầy Mạnh mãi đến đời nay cũng chưa được thực-hành ra thiên-hạ. — *Từ đời Hán dấy lên, các kinh đều truyền từ Tuân-tử, có đặt ra mười bốn quan bác-sĩ giả nửa đều là giảng về học Tuân-tử. Từ đời Đông-Hán trở về sau lại gặp nhiều lúc loạn-lạc, đời Lục-triều cho đến đời Đường thì càng ngày lại càng phá-hoại, không kể là thị-phi đắc-thất, đều chỉ do một phái thuộc về Tuân-học đem ra để kiếm ăn mà thôi. Hai nghìn năm trở lại đây, chưa có ai tôn thầy Mạnh ; từ Hàn Xương-Lê mới xướng lên suy-tôn thầy Mạnh, chư-hiền đời Tống mới họa theo, Mạnh-học bấy giờ mới hơi được quang-đại thêm lên. Song về những điều kinh-thế đại-nghĩa của thầy Mạnh, thì chưa ai hay nói rõ ra được, mà những điều nghị-luận không điều gì là chẳng trái với thầy Mạnh, kỹ-thực chỉ cóp nhặt lấy những điều của Tuân-học nó vứt đi lại nhặn lấy mà theo. Còn đến như học thế nào cho đến được bất-động-tâm, thì không ai giảng-cứu cho đến nơi được. Từ đời nhà Tống cho đến nay vẫn có cái tiếng là tôn thầy Mạnh, mà ai thực-hành được cái học của thầy Mạnh ; thầy Mạnh lấy là đích-phái Khổng-môn mà hai nghìn năm nay bỗ vùi-dập tối-tăm đi, không được tỏ ra ở đời, cũng là một điều đại-bất-hạnh cho thánh-giáo vậy. Nay hai ba môn đệ ta đã có chí về đại-đạo, thì cứ theo học về Mạnh-tử, thực là cái cửa nhập-đức, mà là cái nền học lên cõi thánh, xin cứ giữ lấy lời giới-thuyết này để đọc sách* Mạnh-tử, *thì sau này sở-kiến tất là khác xưa nhiều, chớ đừng coi thường sách* Mạnh-tử *mà bỗ nhãng quên đi vậy.*

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

LƯỢC-SỬ VUA LÝ NHÂN-TÔN

李仁宗略史

Vua sinh ra có tướng lạ, hai bên đỉnh trán nổi cao hình như cái ngà, xống mũi cao, tay dài quá gối, mới lên bảy tuổi đã nối ngôi vua, trong thờ mẫu-hậu rất là hiếu-nghĩa, ngoài đối với thần-thứ rất là nhân-từ, cũng là một vua anh-quân triều nhà Lý vậy. Ở ngôi năm-mươi-sáu năm, mình hưởng thái-bình mà nước cũng được giàu thịnh ; trong triều thời có ông Lê Đại-Hành để giúp chính, ngoài quận thời có ông Lý Thường Kiệt dẹp giặc yên dân, cho nên nước nhỏ như Chiêm-thành, Chân-lạp phải đến cống-hiến xưng-thần, lớn như Trung-quốc, có Vương An-Thạch là một tay can-trường, thế mà cũng phải kính-phục uy-thanh nhà Lý, xem như trận đánh nhà Tống ở châu Ung, thời đủ biết binh-lực của nhà Lý thực là vô-địch ở A-châu bấy giờ.

Than ôi ! Nước ta cùng với Trung-quốc, giao-binh đã nhiều lần, tự vua Lý Nam-Đế trở về trước, thắng-bại không thường, đến sau Ngô Tiên-Chúa đánh ở Bạch-đằng, Lê Đại-hành đánh ở Lạng-sơn, vua Trần Nhân-Tôn đuổi được quân Thoát-Hoan, phá được quân Đỗ Toàn, bắt sống được Ô-mã-Nhi ; khen thay quân ít mà đánh được quân nhiều, nước nhỏ mà địch được nước lớn, đáng nên phục, đáng nên sợ. Tuy vậy, nhưng xét ra những trận ấy đều nhân nước Tàu đến đánh nước mình, bất-đắc-dĩ mà phải đem binh đánh thủ-tử, đó cũng là cái nhiệt-thành cảm-khích mà nên được vũ-công; còn đến như đường-đường chính-chính đem mười vạn quân, hoành hành nơi khách-địa, phá được ba châu dễ như chẻ tre, chóng như quét bụi, khi quân vào trong cõi mà nước Tàu cũng không dám đương, khi quân trở về mà quân Tàu không dám đuổi, như thế thời uy-thanh lẫm-liệt biết là đường nào, binh-thế hùng-cường biết là đường nào ! Nên ta cho trận nhà Lý đánh ở châu Ung thực là đời xưa đời nay vũ-công bậc nhất. Ta chép đoạn lịch-sử này không những là xét cái chính-trị của vua Nhân-tôn mà cốt để kỷ-niệm cái võ-công của triều Lý vậy.

Vua Nhân-tôn húy Kiền-đức, là con trưởng vua Thánh-tôn. Khi vua Thánh-tôn xuân-thu đã bốn-mươi, chưa có con nối, nhân đi chơi các chùa quán để cầu-tự. Một hôm xe ngự qua làng Thổ-lỗi, dân-sự hoan-nghênh đầy cả khúc đường, có người con gái xách cái bồ đựng dâu, nghiêm-nhiên đứng dựa ở trong đám cỏ lan, vua ngồi trên xe trông thấy có vẻ đoan-trang yểu-điệu, triệu vào hầu trong cung, nhân được vua yêu, mệnh cho là Ỷ-lan phu-nhân. Rồi mà có thai, vua sai chức Chỉ-hầu là Nguyễn Bông, cầu-đảo ở chùa Thánh-trù, sau quả sinh con trai đặt tên là Kiền-Đức, dựng làm Thái-tử, phong cho bà Ỷ-lan phu-nhân là Lê-thị làm Nguyên-phi, cải tên làng Thổ-lỗi làm làng Siêu-loại (nay xã Thận-quang, huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh), ý lấy làng ấy là quê sinh bà Nguyên-phi siêu-việt hơn các chủng-loại khác vậy.

Khi vua Thánh-tôn băng-hà, Thái-tử lên ngôi, tôn bà đích-mẫu họ Dương làm Hoàng-Thái-hậu, Bà Ỷ-lan phu-nhân họ Lê làm Hoàng-Thái-phi. Vua còn ít tuổi, bà Thái-hậu và bà Thái-phi cùng ngồi trên điện dủ mành hoa để nghe chính, cử ông Lý Đạo-Thành chức thái-sư để phụ-chính trong triều.

Một hôm bà Lê Thái-phi tự nghĩ con mình làm vua mà bà Dương Thái-hậu lại được can-dự triều-chính, có ý bất-bình, nói với vua Nhân-tôn rằng : « Mẹ đây công sinh-thành khó-nhọc, mới có ngày nay, mà người khác lại được ngồi hưởng phú-quí, thế thời để mẹ ở chỗ

nào cho yên lòng được. » Lúc ấy vua còn thơ-ấu chưa biết trả lời làm sao, nhân gặp bọn gian-thần siểm-nịnh, ý muốn phùng-nghênh bà Lê-hậu, bèn âm-mưu cấm-cố bà Dương Thái-hậu ở cung Thượng-dương, rồi mà bức đem tuẫn-táng ở bên lăng vua Thánh-tôn, (tuẫn-táng nghĩa là chôn sống), suy-tôn bà Lê-hậu làm Hoàng-Thái-hậu.

Than ôi! Bà Dương-hậu tội gì, mà nhẫn-tâm làm vậy, nghĩa làm con thờ mẹ cả cũng như là mẹ để mới phải đạo, nếu bà Dương-hậu có con thời xã-tắc nhà Lý có đến tay ông Kiền-đức được tự-chủ hay không, nghĩ đến khúc ấy, đáng nên kính mến bà Dương-hậu hơn bà Lê-hậu là phải, thế mà lại đang tay tuẫn-táng, thời không những là bất-nhân mà lại thêm tội bất-hiếu, còn diện-mục nào đối với tiền-quân ở dưới cửu-tuyền. Đến sau vua Nhân-tôn năm muộn, chưa có con nối, mới biết mình đắc-tội với thiên-địa, mà bà Lê-hậu cũng lấy việc ấy làm ăn-năn sám-hối mà không kịp, nay lễ chùa này, mai lễ chùa khác, dựng sửa chùa đền hơn một trăm chỗ, và đúc chuông qui-điền, lập hội thiên-phật, chẳng qua cầu phúc-đức phật để rửa cái lỗi mình. Nhưng không biết sửa chùa đúc tượng xa-phí bao nhiêu thời thiệt-hại dân-tài dân-lực bấy nhiêu, yêu-phúc ở ông Phật mà di-lụy đến muôn dân, Phật có thiêng Phật cũng không chứng-giám vậy.

Năm Ninh-thái thứ tư, chọn những người nào minh-kinh bác-học cho vào thi, trúng được tam-tạng thì cho đỗ. Khoa ấy ông Lê Văn-Thịnh đỗ đầu. Văn-Thịnh người Gia-định nay là Gia-bình) tính ham học, đương bấy giờ chưa có đặt ra khoa-cử, phàm những người thông-minh tuấn-tú ai cũng phải do học đạo thích, mới được bổ ra làm quan, duy có Văn-Thịnh ham học sách nho, bấy giờ nhà Lý mới đặt ra khoa-cử, dự tuyển hơn mười người. Ông Văn-Thịnh đỗ đầu, đời truyền họ Lê khai-mạc khoa-mục ở nước ta bắt đầu tự vua Lý Nhân-tôn trước.

Nhà Lý tự đấy văn-học ngày thịnh mà vũ-bị ngày lại chấn-hưng, lúc ấy Chiêm-thành vào nhiễu ngoài biên, sa ông Lý Thường-Kiệt (người phường Thái-hòa thuộc tất Thăng-long) đem quân đi đánh, và vẽ hình-thế sơn-xuyên châu Bố-chính và Ma-linh, Địa-lới ba châu, rồi trở về chiêu dân đến ở, ba châu lập thành dân xã. Đoạn rồi lấy ông Lý Thường-Kiệt có công đánh Chiêm-thành cử làm chức Thái-úy.

(Xét: Chức Thái-úy bên trong thời giúp việc cơ-mật, bên ngoài tổng việc binh nhưng, khi vô-sự thời ở triều giúp chính, khi vâng mệnh thì xuất-chinh, quoc-chính quyền-cương đều ở trong tay quan Thái-úy. Nhà Lý thấy cái gương Tiền-Lê chư-vương tôn-thất coi giữ binh-quyền, đến sau gây nên mối họa, cho nên đặt ra chức Thái-úy, nhưng không biết cái binh-quyền mà ở tay bọn gian-thần, thời sau lại sợ cái thế đại-vĩ bất-trạo, dẫu muốn đề-phòng cũng không kịp. Trong nước mà gặp được ông vua thánh-triết như vua Nhân-tôn, bầy tôi trung-thành như ông Lý Thường-Kiệt thời không có quản-ngại, nếu không được như vậy, tất là di-họa cho cả xã-tắc. Đến sau gặp phải vua Huệ-tôn cử Trần Tự-Khánh và Trần Thừa làm chức Thái-úy, chuyên giữ binh-quyền, mà nhà Lý đến nỗi mất nước, thế thời binh-quyền trong nước chả nên thận-trọng ư?)

Năm ấy vua Tống Thần-tôn dùng Vương An-Thạch 王安石 làm tướng, mới cùng với nước ta gây việc binh-đoan. Nhà Tống người Tiêu Chú 蕭注 trị châu Ung, biết ý Vương An-Thạch muốn cầu biên-công, dâng thư nói nước Nam dẫu giữ chức triều-cống, nhưng xét ra vẫn có nhị-tâm, nếu không sớm đồ, tất sinh hậu-hoạn. Vương An-Thạch lấy làm nói phải, mà vua nhà Tống lấy làm tin lời. Chiếu cho Tiêu Chú kinh-lý việc An-Nam. Tiêu Chú tự liệu một mình, thế không đương nổi, nhân bấy giờ Độ-trí-phán-quan là Thẩm Khỉ 沈起 dâng nói Giao-châu quyết phải nên lấy, không nên coi làm thường, nhà Tống bèn cử Thẩm Khỉ trị Quế-châu. Thẩm Khỉ theo ý An-Thạch chuyên việc đem binh đến đánh Giao-châu, không bao lâu Thẩm Khỉ bãi chức,

cử Lưu Di 劉 沛 thay quyền, bên chỉnh đồ binh-giáp, chế ra chiến-thuyền, để mưu tiến-thủ, rồi lại nghiêm-cấm châu huyện giáp-giới Giao-châu, không được đi lại buôn-bán. Vua Nhân-tôn đáng thư nói với vua Tống rằng: « An-Nam xưa nay vốn là phiên-thần nước Tàu, đi lại giao-thông như là một nước, nay bị quan châu nghiêm-cấm làm vậy, khiến dân-sự mất đường sinh-nhai, thậm là ức-tình, xin thánh-triều lượng xét.» Thư đệ sang Tàu, bị phải Lưu Di bác bỏ, lâu không thấy vua nhà Tống trả lời, vua Nhân-tôn thịnh-nộ, liền sai Lý Thường-Kiệt và lũ Tôn-Đản 孫 覺 lĩnh quân hơn mười vạn, chia đường kéo vào đánh nhà Tống. Quân Lý Thường-Kiệt kéo đánh châu Khâm châu Liêm, hãm vây quanh thành, quân nhà Tống chết tám nghìn người, thu được binh-khí không biết bao nhiêu mà kể: quân Tôn-Đản thì kéo vào đánh châu Ung, quan Đô-giám tỉnh Quảng-tây là Trương Thủ-Tiết 張 守 節 đem binh cứu-viện, Lý Thường-Kiệt biết tin, đem binh đón đánh ở cửa Cô-lôn, quân nhà Tống thua chạy, bắt chém Thủ-Tiết ở trận-tiền, bấy giờ Tôn-Đản vây đánh châu Ung, hơn một tháng, quan tri-châu là Tô Giam 蘇 緘 đóng cửa thành bền giữ, Tôn-Đản sai quân-sĩ lấy vải khâu túi, giồi đất vào trong, xếp đầy bên thành, rồi trèo lên cái túi đất ấy, nhảy vào trong thành. Tô Giam liệu thế mình thua, không thể chống được, bèn xuất người nhà đào một cái lỗ, rồi cùng gia-quyến ba-mươi-sáu người, nhảy vào lỗ đốt lửa mà tự-tử. Người trong thành thấy Tô Giam có nghĩa-khái như vậy, ai cũng có lòng cảm-khích, nên không có một người nào chịu ra hàng. Tôn-Đản bèn hạ lệnh cho quân-sĩ đồ hết cả dân ở trong thành và đồ cả dân ở châu Khâm châu Liêm hơn một vạn người, Lý Thường-Kiệt và Tôn-Đản bắt đồ được người ba châu ấy, rồi kéo quân trở về, quân đi đến đâu thanh-ngôn rằng: «Vương An-Thạch làm những việc thanh-miêu miễn-dịch 青 苗 免 役, [nhiễu-hại sinh-linh, nên ta nay dấy quân đến đây vì dân hết lòng cứu vớt.» Những điều ấy phàm các chỗ thông-cù nơi đô-thị, đều có niêm-yết cho dân-sự biết.»

Vương An-Thạch nghe tin cáo-cấp ba châu đã bị hãm, giật mình lấy làm kinh-ngạc, bèn cử Quách Quì 郭 逵 làm chức Chiêu-thảo-sứ, Triệu Tiết 趙 卨 làm chức phó-sứ, lĩnh chín đạo tướng-quân, rồi ước với quân nước Chân-lạp và Chiêm-thành kéo binh đến đánh phá Giao-châu, vua Nhân-tôn sai Lý Thường-Kiệt kéo quân đến đánh ở sông Như-nguyệt thuộc xã An-chúc, tỉnh Bắc-ninh, đến đánh quân Quách Quì, chết hơn nghìn người, quân Quách Quì lại kéo binh thẳng đến sông Phú-lương, ông Lý Thường-Kiệt lại sai quân-sĩ đem chiến-thuyền bắn-ngự ở bên sông, quân nhà Tống không lối kéo sang, bèn đóng đồn ở bắc-ngạn, chém cây và nhặt đá quăng xuống thuyền quân ta, như hoa mưa vậy; thuyền bị vỡ, quân bị hại cũng nhiều, bấy giờ thế mình nguy-bách, bất-đắc-dĩ phải sai người đem của, và lễ-vật đến trước quân-đình nói với Quách Quì xin giảng-hòa, đó cũng là cái kế hoãn-binh của ông Lý Thường-Kiệt vậy. Bấy giờ Quách Quì tự nghĩ quân mình hơn tám vạn người, nay đã vào chỗ lam-chướng, không quen thuy-thổ, người thì chết, người thì ốm, kể đến binh-tịch đã mất quá nửa rồi, nay muốn qua sông thì không có lối sang, nếu đóng bền ở đây, thời sợ lương tốn binh bì, biết làm thế nào, thôi đành ưng lời cho họ giảng-hòa, rồi liệu kế, bèn lui quân về chiếm lấy châu Quảng-nguyên, châu Tư-lang, châu Tô-mậu, châu Quang-long, rồi đem quân trở về.

Xét: Dật-sử sông Như-nguyệt có đền thờ ông Trương Hát rất uy-linh, ông Trương Hát là em ông Trương Hống đều là danh-tướng của vua Triệu Việt-vương. Khi trước vua Lê Đại-Hành đem binh đi đánh quân nhà Tống đến sông Đại-lang, đêm nằm mộng có hai người tự-xưng là Trương Hống 張 吼 Trương Hát 張 喝, nói rằng: Vì trước Lý Nam-đế đánh Việt-vương anh em chúng tôi không

chịu khuất mà chết, thần thượng-đế khen là trung-tiết, cho nuôi những đám quỉ-binh, nay nghe giặc Tống kéo binh đến nơi, anh em chúng tôi xin vì nhà vua giúp sức. » Xong tỉnh dậy, chưa biết ứng mộng ra làm sao, hôm ấy tự-nhiên đương ban ngày tối rầm lại, mưa gió ầm-ầm, quân nhà Tống nghe thấy tiếng hát rằng :

Nam-quốc sơn-hà Nam-đế cư,
南國山河南帝居
Tiệt nhiên phận định tại thiên-thư ;
截然分定在天書
Như hà nghịch-lỗ lai xâm-phạm,
如何逆虜來侵犯
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.
汝等行看取敗虛

Quân nhà Tống nghe câu hát ấy ngạc-nhiên kinh sợ, bèn kéo quân lùi, vua Lê Đại-Hành trận ấy không đánh mà được, bèn phong cho anh là Khước-địch-đại-vương, lập đền thờ ở bên sông Long-nhãn ; phong em làm Uy-linh-đại-vương lập đền thờ ở bên sông Như-nguyệt. Ông Lý Thường-Kiệt khi đi đánh nhà Tống đến sông Như-nguyệt, vào đóng quân ở đền ông Trương Hát cũng nghe thấy câu hát như vậy, quả-nhiên trận ấy không đánh mà giặc lùi, bèn phong làm Đại-tiểu-phú-giang-hộ-quốc-thần-vương 大小富江護國神王.

Năm sau vua sai quan sứ Đào-nguyên đem năm con voi sang dâng nhà Tống và dâng tờ biểu đòi lại bốn châu vừa bị quân Quách Qui chiếm giữ, vua nhà Tống trả lời nước Nam trả lại người ba châu, thời nước Tàu mới trả lại bốn châu ấy, vua Nhân-tôn theo lời ước như vậy, nhưng còn lưu lại hơn bảy trăm người, chỉ cho về hai trăm hai-mươi-mốt người mà thôi, mà những người tha cho về, con trai từ mười năm trở lên thì thích vào trán ba chữ « thiên-tử-quân 天子軍 », hai mươi trở lên khắc ba chữ « dầu Nam-triều 投南朝 »; con gái thích vào cánh tay hai chữ « quan khách 官客 », rồi dẫn xuống thuyền đưa về bên Tàu, mà thuyền thời che kín chung quanh, mỗi ngày thuyền đi hải-trình ước độ hai dặm mà thôi, làm như vậy là có ý khinh-bỉ người nhà Tống và khiến người nhà Tống biết rằng đường đi bể hiểm-trở xa-xôi như thế. Vua nhà Tống nhân nước Nam đã trả người ba châu về bảo đình-thần rằng: « Quảng-nguyên bốn châu ấy đều thuộc lam-sơn chướng-khí, tuy đất nhiều mỏ vàng mỏ bạc cũng có lợi, nhưng vì người Tàu ở đó không quen thủy-thổ, sai quan đến đấy quản-trị thời cũng không mấy người dám đi, mà mỗi năm lưu-thủ ba nghìn người chết đến quá nửa, nếu được đất ấy cũng không có bổ-ích gì cho dân cho nước, nếu chỉ tham cái lợi và vàng đến nỗi đuổi sĩ-tốt liều mình ở nơi tử-địa, thời lòng ta không nhẫn làm. » Bèn trả lại châu Quảng-nguyên. Lúc bấy giờ đời nhà Tống có thơ chế rằng : « *Nhân tham Giao-chỉ tượng, khước thất Quảng-nguyên kim* 因貪交趾象却失廣源金 » ; nghĩa là nhân tham voi Giao-chỉ, bèn mất vàng Quảng-nguyên.

Đoạn rồi nhà Tống đã trả châu Quảng-nguyên, nhưng cương-giới chưa có chuẩn-định, bèn sai Binh-bộ thị-lang Lê Văn-Thịnh sang Quảng-tây cùng với quan Tuần-kiểm-ti nhà Tống là Thành-Trác 成卓 hội-nghị việc cương-giới. Văn-Thịnh thong-dong ủy-khúc, rồi lấy lẽ chính-đáng mà phân-giải, không phải tranh-cạnh, mà người nhà Tống cũng phải khuất-phục, vua nhà Tống hạ chiếu khen sứ-thần An-Nam có lẽ, ban cho áo bào và cân-đai rồi lấy sáu huyện Bảo-lạc (thuộc Tuyên-quang) sáu động Tức-trang trả lại cho An-Nam.

Xét nhà Tống tự đời vua Lý Thái-tôn đến đời vua Nhân-tôn, bờ cõi nước với nước ta đã sáu-mươi-hai thôn, nay lại trả lại sáu huyện và sáu động, rồi lại cho người nước ta cùng với người nước Tàu đi lại giao-dịch như thường, xem thế thời biết người nhà Tống sợ phục võ-lực của nước ta, nên phải lấy ơn-huệ mà tiếp-đãi, khiến cho vua tôi nhà Lý đẹp lòng vừa ý mà thôi, sinh-nghi cùng là văn-thư cách-thức, không có trách-bị như trước nữa. Đến triều vua Anh-tôn

nước ta cùng với quan súy tỉnh Quảng-tây và quan tri châu Ung có văn-thư đi lại thời chỉ dùng hai cái ván sơn đen khắc chữ ngoài mặt, gọi là mộc-giáp văn-thư 木夾文書. Thư của nước ta thì chỉ thự danh đại-viên một hai người mà ấn thời đề rằng: Nam-Việt quốc-ấn 南越國印, sau lại đổi dùng ấn khác đề rằng: Trung-thư môn-hạ chi ấn 中書門下之印, mà vua tôi nhà Tống cũng phải ấn-nhận chứ không có biện-bác chi cả. Sau lại phong cho vua nhà Lý làm An-Nam quốc-vương, tự đấy mới đổi Giao-chỉ làm An-Nam vậy.

Lê Văn-Thịnh có công về việc thu-phục được cương-giới, thăng chức Thái-sư, tự đấy uy-quyền hiển-hách khắp cả ngoài quận trong triều, mới có ý âm-mưu bạn-nghịch. Văn-Thịnh có một tên gia-nô người ở Đại-lý, học được phép lạ, mới đem phép ấy truyền cho Văn-Thịnh, nhân bấy giờ vua Nhân-tôn ngự ra Dâm-đàm 霧潭, cưỡi thuyền nhỏ đi xem cá, đương ban ngày tự-nhiên mây khói mù-mịt, che kín quanh thuyền, không thấy chi cả, chỉ nghe thấy có tiếng thuyền chèo ở trong đám khói, chèo đến bên thuyền vua ngự, vua cầm thanh gươm vỉa giơ tay chém một nhát, bỗng thấy khói lặn mây tan, xem trong thuyền ấy, có một con hổ, ngạc-nhiên kinh-sợ, không biết quái-vật ở đâu mà hiện ra đây! Lúc ấy gặp được người thuyền chài tên là Mục-Thận 穆慎 đem lưới vây cái thuyền ấy thời con hổ đã biến đi đâu mất, chỉ thấy Lê Văn-Thịnh ngồi ở trong thuyền ấy mà thôi, rồi mới biết Lê Văn-Thịnh có quỉ-thuật, đáng nên nghĩ tội gia-hình, nhưng vua nghĩ Văn-Thịnh là chức đại-thần và có công lớn, không nỡ giết, an-trí ở tại Thao-giang, thuộc huyện Tam-nông tỉnh Hưng-hóa. Thưởng cho Mục-Thận quan-chức và cho Dâm-đàm làm thái-ấp.

Lý Giác 李覺 người châu Diễn có dị-thuật, kết cỏ cây làm hình người, khiến cầm gươm giáo bay nhảy đâm đánh coi như người vậy, hiệu là Thiên-tướng-binh 天將兵. Người châu ấy lấy làm kính-phục, tin theo cũng nhiều, Lý Giác bèn giữ châu làm loạn. Vua nghe cáo-cấp với Lý Thường-Kiệt bảo rằng: «Nay Lý Giác là một tay cường-tặc, ta muốn chọn người có sức khoẻ để đương việc quân. Thường-Kiệt coi việc nhung-trường đã lâu ngày, nay tuổi già sức yếu, ta không muốn đem việc quân-sự phiền đến lão-thần nữa, vậy ta muốn ủy người chọn người nào trẻ tuổi và có vũ-lược để đương việc quân-quốc, khiến cho dẹp giặc yên dân, chính là bản-nguyện của ta.» Thường-Kiệt khấu-đầu tạ mà tâu rằng: «Thần-hạ đương lúc thiếu-thời chưa quên võ-lực, đánh được giặc Chiêm, bình được nước Tống, may mà nên công, đều nhờ cái uy-linh của bệ-hạ chứ tướng-thần có công-trạch gì đâu. Nay ơn vua lộc nước được đến như thế, có lẽ nào ngồi coi lũ giặc tung-hoành, sau chết cũng không thể nhắm mắt được, việc binh tôi xin tự-đương». Vua khen lão-thần quắc-thước, bèn ủy cho việc binh, được tiện-nghi hành-sự. Thường-Kiệt liền đem binh đến Diễn-châu đánh phá quân Lý Giác. Lý Giác sợ chạy sang Chiêm-thành, bèn mưu với chúa Chiêm là Chế Ma-Na 制麻那, đem binh vào ăn cướp, Lý Thường-Kiệt vâng mệnh đi đánh Chiêm-thành, lấy lại được châu Lâm-bình, châu Bố-chính, châu Minh-linh, rồi kéo quân về. Sau Thường-Kiệt mất, tặng chức Kiểm-hiệu thái-úy thượng-tướng-quân-hiệp-quốc-công, lấy em là Thường-Hiến 常憲 tập phong tước hầu.

Năm sau rợ Ma-sa 麻沙 không đem lễ vào cống, vua tự-tướng đem quân đi đánh, khi quân đi đến động Ma-sa, động-trưởng là Ngụy Bàng 魏滂 đem man-chúng hai vạn người, voi một trăm đôi, kéo đến chỗ đinh vua đóng, vua sai ngự-tiền thượng-tướng-quân Phùng Bỗ 馮杜 đem hai bộ quân ra đánh, bắt sống được Ngụy Bàng và hơn hai trăm người, quân Ma-sa vỡ chạy, vua hạ lệnh chiêu-dụ dân-cư đều được an-nghiệp, rồi ban quân về, dâng phù trước cửa Thái miếu.

Vua tuổi đã sáu-mươi-ba chưa có con nối, dùng châu là Dương Hoán làm Thái-tử, khi ấy ngọc-thể không được yên, với quan Thái-úy Lưu Khánh-Đàm 劉慶覃 và Thị-lang Lê Bá-Ngọc 黎伯玉 vào trước điện chịu lời di-chúc, đại-ý nói rằng: « Muôn vật ở trong trời đất, có hình tất có hoại, có sinh tất có tử. Tử là cái lý-số đương-nhiên, lạ cho người đời ai cũng muốn cái sinh mà ghét cái tử, thậm-chí hậu lễ-táng mà tổn-hại đến sinh-nghiệp, chả đại lầm ư! Trẫm không muốn làm như vậy; nay trẫm bạc-đức ở ngôi đã lâu ngày, chưa có ơn-đức gì với trăm họ, đến khi thác xuống dưới đất, lại phiền đến thần-dân phải để tang-phục tế-lễ, người chết không bổ-ích gì, lại di-lụy đến người sống, thiên-hạ đời sau chả cười trẫm hủ lầm ư. Trẫm khi trước còn trẻ đã đương ngôi báu, đêm ngày lo sợ nghĩ làm sao cho xứng-đáng được cái địa-vị của mình, đến nay ở ngôi đã được năm-mươi sáu năm, trên nhờ hoàng-thiên a-hộ, miếu-xã bang-phù, mới được hưởng cái thái-bình hạnh-phúc như vậy. Sáu này thác được phục ở bên đấng tiên-quân, thực là đại-hạnh. Nay Thái-tử Dương-Hoán tuổi đã mười-hai, coi người có phong-độ khá, đương nghiệp lớn, lũ ngươi nên hết lòng với nhà vua giúp ngôi ấu-chúa để yên xã-tắc, sau nay trẫm được yên cái linh-hồn ở dưới chín suối, thời thực lũ ngươi có công lớn vậy. Khi trẫm băng-hà để tang ba ngày thôi thôi, không phải dùng tế-tự thương khóc theo như cổ-lễ. Lễ táng thời bắt-chước vua Hán Văn, kiệm-ước không phải sửa đắp lăng-phần nguy-nga tráng-lệ như các vua khác, lũ ngươi nên nghe lời trẫm chớ quên. »

Ta duyệt đến tờ di-chiếu này ta thâm-phục vua Nhân-tôn có học-thuật, có kiến-thức cao-siêu, không có nệ cổ, không có câu-tục, đáng làm gương cho thiên-hạ đời sau. Xưa nay các nhà sử-học vẫn cho việc ấy là đoản-tang không hợp-lễ, nhưng ta khen vua Nhân-tôn thế mới là đạt-quan vậy.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN

NINH-BÌNH PHONG-VẬT CHÍ

寧平風物誌

Tỉnh Ninh-bình đông giáp huyện Đại-an, tỉnh Nam-định; tây giáp huyện Thạch-thành, nam giáp huyện Tống-sơn và Nga-sơn, đều thuộc tỉnh Thanh-hóa; bắc giáp huyện Thanh-liêm và Chương-đức, tỉnh Hà-nội. Cổ xưa đất Nam-giao, đời nhà Tần thuộc Tượng-quận, nhà Hán trở về sau thuộc Giao-chỉ, nhà Tấn nhà Tùy thuộc Giao-châu, cuối đời nhà Lương gọi là Trường-châu, vua Đinh đóng đô ở Trường-an thuộc huyện Gia-viễn ở tỉnh ấy. Vua Đinh Tiên-hoàng người Đại-hoàng động Hoa-lư, đóng đô ở xã Trường-an, nên gọi là thành Hoa-lư. Đại-hoàng nay cải tên là Đại-hữu. Triều nhà Lý, nhân nhà Đinh gọi là phủ Trường-an, sau cải là châu Đại-hoàng. Nhà Trần gọi là Trường-an-lộ, sau cải là Trường-an-trấn, nhà Trần niên-hiệu Quang-thái năm thứ mười, đổi Trường-an trấn làm Thiên-quan-trấn, khi thuộc nhà Minh gọi là Trường-an-châu. Niên-hiệu Vĩnh-lạc nhà Minh thứ năm, lấy châu Trường-an sáp vào phủ Kiến-bình (nay phủ Nghĩa-hưng)

lĩnh bốn huyện, huyện Tuy-viễn, huyện Yên-mô, huyện Anh-linh, huyện Lê-bình. Năm thứ sáu bỏ huyện Tuy-viễn sáp-nhập châu Trường-an. Năm thứ mười ba lấy huyện Yên-mô sáp vào huyện An-linh, năm thứ mười-bảy lấy huyện Lê-bình sáp vào châu Trường-an. Triều Lê chia ra phủ Trường-an, phủ Thiên-quan, lĩnh sáu huyện, huyện Gia-viễn, huyện An-linh, huyện An-mô, huyện Phụng-hóa, huyện Ninh-hóa, huyện Lạc-thổ; niên-hiệu Hồng-đức lấy hai phủ ấy thuộc về trấn Sơn-nam, đến nhà Mạc Đăng-Dung đem hiến đất nhà Minh, nhà Minh bèn lấy Trường-an thuộc Sơn-nam, Thiên-quan thuộc Hưng-hóa. Khi nhà Mạc chống với nhà Lê lấy hai phủ ấy làm Thanh-hoa ngoại-trấn. Triều Tây-sơn lấy Thanh-hoa ngoại-trấn thuộc về Bắc-thành. Nguyên trước nhà Mạc gọi Tràng-an trở ra ngoài Bắc gọi là Đông-Việt, Tràng-an trở vào Nam gọi là Tây-Việt. Nhà Lê trung-hưng nhân thế mà gọi tên, đến nay hiện còn tiếng Thanh-nội Thanh-ngoại.

Triều vua Gia-long năm đầu, gọi là Thanh-hóa ngoại-trấn, lĩnh hai phủ (Tường-an, Thiên-quan) và sáu huyện An-mô, An-khang, Giang-viễn An-hóa, Phụng-hóa, Lạc-thổ, mới gọi là Thanh-hóa-trấn, năm thứ năm đổi là đạo Thanh-bình, đặt chức quản-đạo và chức tham-hiệp để quản-trị trong hạt. Năm Minh-mệnh thứ hai, đổi phủ Trường-an làm phủ An-khánh, năm thứ ba đổi đạo Thanh-bình làm đạo Ninh-bình, năm thứ mười mới biệt gọi là Ninh-bình-trấn, đặt chức trấn-thủ và hiệp-trấn tham-hiệp, tự đấy không thuộc về trấn Thanh-hóa nữa. Năm ấy huyện Yên-mô về phía đông-nam đất duyên-hải nhiều ruộng bể mới nổi, sai quan đinh-điền-sứ là Nguyễn Công-Trứ đạc số ruộng nổi, lập ra một huyện Kim-sơn. Năm thứ mười hai cải trấn làm tỉnh, đặt ra bố án hai tơ, lấy chức tuần-phủ lĩnh việc bố-chính, công việc trong tỉnh thống thuộc quan tổng-đốc Hà-ninh.

Xét: bộ *Nghệ-an địa-chí* của ông Bùi Dương-Lịch, nói Ái-châu tức là phủ Tràng-an, tỉnh Thanh-hóa, nhưng xét quốc-sử nhà Lê đời vua Ngọa-Triều rợ Tát-long vào ăn cướp, vua đem quân vào Ái-châu đánh rợ Man, Tát-long tức nay huyện Cẩm-thủy, vua Ngọa-Triều đóng đô ở Tràng-an, thời đủ biết Ái-châu không phải là Tràng-an, sách địa-chí của họ Bùi nói lời ấy không đủ tin vậy.

Nói về hình-thế

Phía đông-nam gần bể, phía tây-bắc nhiều núi, hình-thế rất là hiểm-yếu; danh-sơn thời có núi Dục-thúy và núi Lông-đình; đại-xuyên thời có cửa Thanh-quyết, cửa Thần-phù. Lại có núi Tam-điệp để làm Bắc Nam giới-hạn. Phủ Yên-khánh và Thiên-quan đất liền những hang núi, phía tây cùng với tỉnh Sơn-tây, tỉnh Hà-nội tiếp giới. Thời nhà Lê đánh nhà Mạc tự Tây-kinh ra Đông-đô tất do con đường thuộc huyện Sơn-minh và huyện Kim-biên. Khoảng năm Thành-thái nước Pháp Bảo hộ mới đặt ra cầu Hàm-rồng và đặt đường xe lửa, hiện nay trong Nam ngoài Bắc một lối giao-thông rất là thuận tiện.

Nói về phong-tục

Trước xưa làng Bồng làng Bảo làm quan, cho nên tục gọi voi ngựa về Bồng Bảo. Sĩ-phu chuộng khí-tiết, dân quê thì chăm việc cày-cấy và trồng chè trồng cau, giữ thói cần-kiệm, mà công-việc đàn bà khó-nhọc hơn đàn ông. Duy có huyện An-khánh giáp-giới Hà-nội nên tập tục ngày lại xa-hoa, còn phủ Nho-quan và huyện Cẩm-thủy dân-cư phần nhiều mường mán tập thói cường-hãn, các thổ-mục thường hay

tranh-chiếm quyền-lợi, sinh ra hiềm-thù giết nhau. Gần đây Nhà-nước đặt quan cai-trị, thời dân Mường thói ấy đã đổi được ít nhiều, văn-học trước có xã Tam-đăng và Bồng-hải là thịnh hơn cả, dân duyên-hải và huyện Kim-sơn phần nhiều người theo giáo Gia-tô, nhất là xứ Phát-diệm trước có cụ đạo là Trần Lục người ở hạt ấy là có giá-trị hơn.

Nói về cổ-tích

Cố-đô nhà Đinh và nhà Lê đóng ở Tràng-an-thượng và Tràng-an-hạ, thuộc địa-phận hai xã ấy, về hạt Gia-viễn, phía tây-bắc đô ấy có ngoại-thành và nội-thành và có cây tháp Thiết-trường cùng là chùa Một-cột, tuy tháp chùa lâu ngày mai-một mà cái danh-hiệu vẫn còn, đời vua Đinh Tiên-hoàng năm đầu, dựng ra cung-điện, vua Lê Đại-Hành năm Thiên-phúc thứ năm dựng ra điện Bách-tuế-thiên-bảo ở núi Đại-vân, ngoài cột trang-sức bằng vàng, vua thường ngự ra coi chầu ở đó, bên đông điện ấy có điện Phong-lưu, bên tây có điện Trang-quang, bên tả có điện Bồng-lai, bên hữu có điện Cực-lạc; lại lập ra lầu Đại-vân, bên lầu lại có điện Trường-xuân để làm chỗ vua yên nghỉ, bên điện Trường-xuân lại dựng ra điện Long-lộc, ngói lợp thuần bằng bạc, rất là tráng-lệ nguy-nga, đến nay trải mấy cuộc tang-thương, cung-điện hóa làm đám cỏ, duy còn hai cột đá cao một trượng, bốn bên có nét chữ, nhưng vì lâu ngày cỏ rêu mờ-mịt, không hiểu là chữ gì cả.

Vân-sàng thuộc xã Thiện-tạo, huyện An-khánh, tục truyền chỗ ấy có cái nền cũ của quan Thủy-sư triều nhà Đinh, tục gọi là Vân-sàng, vì trước nhà Lê bà Dương-hậu đặt là cái giường báu ở bên sông để rước vua Lê đến ngự, khi xe vua đến, tự-nhiên có áng mây năm sắc nhiễu chung-quanh, cho nên hiệu là Vân-sàng.

Cố-thành họ Hồ ở xã Quảng-công, huyện Yên-mô. Hồ Quý-Ly đắp thành xây bằng đá, đến nay di-tích hãy còn.

Lăng vua Giản-định nhà Trần ở xã Bồ-xuyên thuộc huyện Yên-mô, sau lăng có miếu thờ, thôn La-phù thuộc xã ấy đến nay họ Trần thường phụng-sự miếu ấy.

Long-viên nghĩa là vườn rồng, thuộc xã Đề-cốc, huyện Gia viễn, quê mẹ vua Đinh Tiên-hoàng ở xã ấy. Khi vua Đinh còn lúc tiềm-long vẫn thường dựng cờ bông lau diễu trận ở đó, nhân gọi là Long-viên. Lăng vua Đinh Tiên-hoàng ở núi Mã-yên xã Trường-an-thượng, thuộc huyện Gia-viễn. Triều Minh-mệnh năm thứ mười-hai, sức sửa lăng lại và dựng bi-ký.

Lăng vua Lê Đại-Hành ở bên bắc, núi Hoàng-kỳ, xã Trường-an-hạ. Vua họ Lê hủy Hoàn, thay nhà Đinh mà có thiên-hạ, truyền đến con là Ngọa-Triều, thời nhà Lê mất; miếu vua Lê ở dưới núi Đại-vân thuộc xã Trường-an-hạ. Triều vua Minh-mệnh thứ tư, sắc cho thờ ở miếu lịch-đại đế-vương, mà miếu chỗ ấy thời dân sở-tại phải phụng-sự, sau lại cấp năm trăm quan tiền để sửa miếu.

Đền thờ đức thần Áp-lãng chân-nhân, đền ở thôn Nhân-phẩm phía nam cửa Thần-phù, thuộc huyện Yên-mô. Ngài họ La, húy Viện, tương-truyền ngài còn nhỏ học đã đắc-đạo, khi vua Hùng-vương đi đánh bên nam qua cửa bể Thần-phù, nhân gặp sóng gió, thuyền không đi được, vua sai ông Viện chèo thuyền đi trước, tự-nhiên sóng lặng gió êm. Khi kéo quân về, ông Viện mất giữa đường, sắc phong làm Áp-lãng-chân-nhân 壓浪眞人, lập đền thờ ở phía nam cửa bể Thần-phù, chiêu-dân chỗ ấy phụng-sự. Năm Quang-hưng nhà Lê quan-quân đi

đánh nhà Mạc, qua cửa bể chỗ ấy gặp phong-ba bão táp rất là gian-nguy, bèn lập đàn kỳ-đảo, bỗng thấy một ông lão đầu bạc chèo cái thuyền con đi trước, đi đến đâu thì sóng gió êm lặng, mới biết ngài rất linh-ứng, chiếu dân-cư ở thôn Nhân-phẩm phụng-sự và tha cho thuế đó.

Đền thờ thần An-quốc ở xã Đa-giá, huyện Gia-viễn, chỗ ấy có núi có động, tượng ngài đứng ở cửa động, tay cầm thanh gươm, chân đạp lên con quỷ-xà, chính là đức Trấn-Vũ vậy.

Đền đức thần Cao-sơn thuộc huyện Phụng-hóa. Ngài là con vua Lạc-Long-quân, không rõ con thứ mấy, tức là tản-sơn-vi thứ hai ở núi Tản-viên, cũng thờ duệ-hiệu ngài. Công-thần nhà Lê là Nguyễn Văn-Lang, Nguyễn Hoàng-Dụ, Nguyễn Văn-Lã đem binh đi đánh giặc qua chỗ ấy thấy bên đền có một hòn đá đề chữ rằng: « Cao-sơn đại-vương lang 高山大王郎 », nhân vào lễ cầu đảo. Trận ấy được thắng-trạng, bèn tâu vua xin lập đền thờ. Năm Hồng-thuận thứ hai quan Đại-học-sĩ Lê Suất soạn bài bia khắc vào đá, đến nay cũng còn.

Đền thờ đức Nguyễn Giác-Hải thuộc xã An-vệ, huyện Yên-khánh, ngài họ Nguyễn húy Quốc-Y, hiệu là Giác-Hải thiền-sư. Quê ngài ở Giao-thủy, còn nhỏ theo cha đánh cá, sau về ở xã An-vệ, cùng đức Nguyễn Minh-Không tu Phật đắc-đạo, nhà Lý bái làm Quốc-sư. Vua Lý Nhân-tôn có lời tán rằng: « *Giác-Hải tâm như hải, thông huyền đạo diệc huyền* 覺海心如海通玄道亦玄 ». Năm ấy trời làm đại hạn, ngài lấy tre làm cái gầu, phất bằng giấy đem ra sông tát nước tưới vào ruộng, tự-nhiên nước chảy đến đâu thành ra ngòi lạch, dân-cư ở đấy đều nhờ cái ơn trạch của ngài. Đền đức Nguyễn Minh-Không ở xã Điềm-xá, huyện Gia-viễn, ngài họ Nguyễn húy là Chí-Thành, cùng với đức Giác-Hải đều là bậc cao-tăng nhà Lý vậy.

Cầu Đại-vương thuộc xã Kim-trì huyện Yên-mô, có bia khắc ba chữ «Đãi-vương-kiều 待王橋». Nhất-thuyết nói khi vua Giản-định nhà Trần lên ngôi ở bến đò Hoàng-long (tức là Mạc-độ) thuộc xã Bồ-xuyên, lúc ấy hào-kiệt nghĩa-sĩ đợi vua ở đó, cho nên danh là « Đãi-vương-kiều ». Nhất-thuyết nhà Mạc cướp ngôi, vua Lê phải chạy ra Tây-đô, bấy giờ hào-kiệt đến đấy đợi vua, vua Lê thân-thưởng, mệnh-danh là « Đãi-vương-kiều », khắc vào bia đá, hai lời nói ấy không lấy làm đích-xác, nhưng đều có lẽ.

Nói về danh-thắng

Núi Hộ-thành ở về phía bắc tỉnh-thành, núi Lộc-dã ngoài mé sông, liền đấy có Tam-kỳ-thủy, cổ xưa gọi là núi Sơn-thủy, ông Trương Hán-Siêu nhà Trần mới đổi là núi Dục-thủy, thấy phong-cảnh đẹp, lúc vãn-niên lui về ở đấy, có thơ rằng:

Sơn-sắc chính y y,
山色正依依
Du-nhân hồ bất qui;
遊人胡不歸
Trung-lưu quang tháp ảnh,
中流光塔影
Thượng-giới khải nham phi;
上界啓岩扉
Phù thế như kim biệt,
浮世如今別
Nhàn danh ngộ tạc phi;
閒名悟昨非
Ngũ-hồ thiên địa khoát,
湖天地闊
Hảo phóng tích ngư-ky.
好訪昔漁磯

Diễn thơ quốc-âm rằng:

Sắc đá chửa phai màu,
Núi đây người vắng đâu?
Nước trôi am Phật thẳm,
Động mở cửa trời sâu;
Phù-thế như nay khác,
Nhàn-danh chẳng sớm cầu;

Giang-hồ đây rộng bước,
Muốn tới hỏi bàn câu.

Ông Phạm Sư-Mệnh nhà Trần theo vua đi ngự-lãm, có thơ đề và có bi-ký. Vua Lê thường ở đó dựng hành cung để chơi mát.

Phía bắc núi, gần nước có động, trong thờ thần tam-phủ, sườn núi có một cái bàn đá kẽ sông khắc ba chữ « Hàm-giao-đình 鹹蛟亭 ». Phía tây-nam núi có đền thờ thần thủy-tinh, thần sơn-tinh, nguyên trước xưa có cây tháp dựng từ triều nhà Lý, đến năm Thiệu-phong nhà Trần, cao-tăng Tí-Vậng mới sửa lại, gọi là Linh-tế-tháp 靈濟塔. Ông Trương Hán-Siêu làm bài ký khắc vào đá, chữ rất xương-kính, hiện nay cũng còn. Triều vua Minh-mệnh thứ hai ngự giá bắc-tuần tới đó ngắm cảnh, sắc dựng cái lầu vuông ở trên núi. Năm Thiệu-trị thứ hai, mới cải danh là Hộ-thành-sơn 護城山, vì núi ấy hộ-vệ ở bên tỉnh-thành, cho nên lấy hai chữ « hộ-thành » mà gọi tên. Lại sai xây nữ-tường ở trên núi và đề thơ khắc đá, dựng đình ở sườn núi.

Tục truyền núi ấy đương lúc thịnh-thời có nhiều kim-cúc, cận-lai kim-cúc không thấy có nữa. Thế mới biết cỏ cây cũng cùng với thời-vận mà thịnh suy.

Năm Thành-thái thứ mười-bảy cuối tháng ba, tôi đi qua tỉnh Ninh-bình lên chơi núi, thấy bài thơ của quan tuần-phủ Trần Tử-Mẫn khắc ở trên đá, lời lẽ thanh-tao. Ngài quê ở Gia-định cũng là một tay thi-bá vậy. Nhân ngẫu-hứng hộ nguyên-vận một bài gọi là có chút mừng để tả cái cảm-tình đối với giang-sơn vậy. Lúc ấy Nguyễn Thiếu-Mai tiên-sinh đương chức đốc-học cho bài thơ ấy làm thưởng-thức, nhân phụ-lục như sau này xin độc-giả lượng-thứ, và có chữ gì chưa ổn cải-chính cho.

Thơ chữ :

Nhất loan xuân thủy nhất phương [đài,
一灣春水一方臺
Thiên cổ danh-nhân tự khứ lai ;
千古名人自去來
Bạch-thạch bàn duyên giai-cũ lão,
白石半緣佳句老
Hoàng hoa bất hướng hộ-thành khai;
黃花不向護城開
Biểu trí xuân khứ không đề thụ,
鳥知春去空啼樹
Sơn khiếp trần xâm cố yểm đài ;
山怯塵侵故掩苔
Liễn lộ thiên chương dư vận-sự,
輦路天章餘韻事
Kim chi hoang kính cỏ bồng-lai.
今之荒徑古蓬萊

Diễn thơ quốc-âm :

Một áng xuân-đài nước chảy quanh,
Trải xưa du-lịch bậc tài-danh ;
Thơ đề đá trắng thơ càng lũa,
Cảnh thiếu hoa vàng cảnh chẳng [xinh ;
Chim muốn gọi xuân thương lá biếc,
Núi kinh nhơ bụi phủ rêu xanh ;
Xe loan bút ngự xưa còn đấu,
Nay thấy non bồng khách vắng tanh.

Núi Cánh-diều ở xã Đại-đăng và xã Bích-đào, thuộc huyện An-khánh, đồng-bằng đột khởi một cái núi đá, giữa có một ngọn núi rất cao, bên tả bên hữu sòe ra như cánh chim vậy, cho nên gọi là núi Cánh-diều. Triều nhà Lê sai đào cừ đắp đường bốn chung-quanh để vua ngự đó ngắm cảnh.

Núi Lộng-địch ở phía bắc huyện Gia-viễn, trong núi có động gọi là động Nham-sơn, động có ba cửa, bên trong sắc đá lóng-lánh như ngọc pha-lê, bên trên đá có lỗ hổng, ngày đêm nước chảy như giọt mưa, mãi cũng không hết. Trong động lại có một phiến

đá có vảy hình như con cá chép, hai bên động đá mọc như bức bình-phong, gõ vào tiếng kêu như chuông, như trống, như mõ, đủ cả ngũ-âm, và những đá ở trên động đủ xuống hình như cái giá áo, như vòi con voi, đi quanh mà xem n ỗi trạng mỗi khác, không thể tả cho xiết được; lại có một cái hang rất sâu, vào đấy phải đốt nến, càng đi càng thấy sâu mãi, nên không dám vào

Năm Minh-mệnh thứ hai, vua ra bắc-tuần, ngự vào xem, khen là cảnh-trí tự-nhiên, sai đúc bốn pho tượng đồng, ngoài trang-sức bằng vàng để thờ trong động. Năm Thiệu-trị thứ hai, vua sai quan Giám-thành vẽ đồ để tiến-lãm, cho tiền một trăm quan.

Núi Hồi-hàm ở trong tỉnh-thành về góc tây-bắc, gần cái núi Hộ-thành, mạn tây núi lại có chùa và có động, trong động có đường nhỏ khả dung được người đi, vách động khắc một chữ «Xảo 巧», rất lớn, bút-lực rất là xương-kính hùng-hồn, qua cửa động ấy tới động Thiên-quan, bên động khắc ba chữ. «Linh-quang-động 靈光洞», động ấy lại có chùa Linh-quan, bên bắc chùa lại có một cái giếng đá chứa nước mưa, tục gọi là tiên-tỉnh.

Triều vua Minh-mệnh năm thứ hai, sắc dựng đình vuông ở trên núi, năm Thiệu-trị thứ hai, vua ra tuần ngoài bắc, thường ra ngự lãm, bảo các quan rằng ta xem cái núi ấy cảnh-trí thiên-nhiên, có vẻ đẹp hơn núi Dục-thúy, núi Đa-giá ở bên Tây-bắc huyện Gia-viễn. đường vào núi rất là hiểm-trở và nhiều hang-hốc. Đời Hậu-Lê xã Đa-giá-thượng dân-thôn cùng dựng một cái ước riêng, đặt ra tuần-phu, đón khách đi qua đấy bắt giết ném vào trong hang, chia lấy của-cải, cái tệ ấy hơn hai-mươi năm, nhiều người thiệt-hại, triều-đình chưa kịp xem xét đến. Năm Chính-hòa thứ mười-lăm, triều-đình mới sai Thạc-quận-công. Lê Hải cứu xét để trừng-trị, giết những đứa thủ-ác hai-mươi-nhăm người mà tước-khử xã-hiệu, nay chỉ còn xã Đa-giá hạ mà thôi.

Núi Bích-động ở xã Đạm-khê thuộc huyện Yên-mô. sườn núi có động, động nhiều thạch-nhũ, đốt đuốc soi nhấp-nhánh như pha-lê vậy. Ngoài động và cửa động có hai cái núi nhỏ đứng trơ, gọi là núi Tam quan, Triều Vĩnh-thịnh nhà Lê có hai vị cao-tăng tên là Tí-Biên Tí-Thể dựng ba thương trung hạ ở trong động, khắc vào vách hai chữ «Bích-động»; phía đông-nam động ấy có núi Đại-nham, trong núi có động chứa nước, khả dung được cái thuyền nhỏ.

Núi Thiện-dưỡng ở phía bắc huyện Yên-mô, núi cao mà tròn, trèo lên đỉnh núi mà xem thời chung quanh núi đá và cây-cối xanh um, sắc đá xanh, dùng làm cái nghiên rất đẹp. Sử nhà Minh chép nước An-Nam có hai-mươi-mốt núi, núi có danh Thiện-dưỡng là một. Năm Hồng-vũ sai quan đến tế vẽ đồ đưa về tiến-lãm.

Núi Đàm-khánh ở phía tây huyện Yên-mô, núi đá đứng dựng hai bên, đá trắng chơm-chởm, chỗ thì hình như đầu con cá, chỗ thì hình như lưng con cá, tục-truyền đức Khổng-Tử đến đó, chỗ ấy đời Lê Trung-hưng thường đem quân đến đấy đánh nhà Mạc.

Núi Xa-tiền ở xã Thiên-trì thuộc phía nam huyện Gia-viễn, hình núi như cái bánh xe, cho nên gọi là Xa-tiền, lên cao mà trông những ngọn núi khác thì đều hướng về mạn nam, duy có núi ấy cao chót-vót đứng một mình, thuyền đi ngoài bể xem cái núi ấy làm tiêu-chí, đất ở bên núi là thái-ấp của ông Lê Lai công-thần triều Lê, dân-cư chỗ ấy lập đền phụng-sự có bia đá lập ở bên núi.

Túc-sơn ở phía tây-bắc huyện Phụng-hóa, thuộc An-cư, núi cao chồng chất, chỗ ấy đá có sắc xanh khác thường, gần đấy lại có núi Cố-sơn

thuộc xã Lãng-phong, sườn núi có hang, cửa hang có đền thờ thần giao-long, gặp năm đại-hạn, dân-cư chung quanh đến đấy kỳ-đảo, sai một người con trai chui vào trong hang lấy dùi gõ vào hòn đá, tự-nhiên có sấm ầm-ầm rồi tuôn mưa. Xét : núi mà lại làm ra được mây mưa, duy có núi Cối-sơn và núi Túc-sơn ở tỉnh Ninh-bình cùng với núi Ba-đẳng ở huyện Mỹ-lương tỉnh Sơn-tây, núi Ba-đẳng nhất-danh là Thạch-am, núi rất cao, người thổ ở chung quanh dưới núi, trên núi có một cái hồ rất sâu, ở đấy có thần giao-long, đương nắng tự-nhiên giáng mưa.

Núi Ngọc-lâu ở phía tây-nam huyện An-lạc, chung quanh núi đất bằng-phẳng, ước hai trăm mẫu, người thổ ở đấy giồng cấy ngô khoai để sinh-nhai, triều Cảnh-hưng năm thứ hai, Lê Duy-Mật thường đắp lũy đong quân ở núi ấy.

Động Hoa-lư ở xã Uy-viễn và xã Uy-tế thuộc phía tây-bắc huyện Gia-viễn, bốn mặt núi đá bọc quanh, giữa đất phẳng ước hơn hai mẫu, có khe nhỏ, nước từ trong động chảy ra, qua thôn Thào-long, xã Tri-hối, chảy ra sông Hoàng-long, vua Đinh Tiên-hoàng lúc trước tiềm-ẩn ở đấy, nay trong động có miếu thờ, cửa động có khắc ba chữ « Hoa-lư-động » không biết tự đời nào.

Sông Thần-hùm nhất-danh là Thần-đầu, thuộc huyện An-khánh giáp-giới tỉnh Thanh, vua Trần Phế-đế niên-hiệu Xương-phù thứ sáu, phá quân Chiêm ở cửa Thần-đầu, vua Lê Anh-tôn niên-hiệu Nguyên-hòa năm đầu, phá quân nhà Mạc ở cửa Thần-phù, đều ở sông ấy.

Sông Kiền-giang thuộc huyện Yên-mô, nước tự sông Hồ-hà chia dòng chảy vào xã Yên-mô đến ấp Tuy-lộc huyện Kim-sơn chia làm hai dòng, phía đông-nam thời chảy ra cửa bể Chính-đại, phía đông-bắc chảy qua xã Hồi-thuần, xã Qui-hậu, xã Đồng-đắc, rồi ra cửa Liêu. Xét : đời cổ vẫn là cửa Kiền, đến sau cát bể bồi ra, đời Lê Hồng-đức đắp đê sa lấp cửa bể, ngày càng nổi thêm. Triều vua Minh-mệnh năm thứ mười-bốn, mới đặt ra huyện Kim-sơn, sức dân đắp đê để ngự nước mặn, thời cái sông ấy ở bên trong đê này một đoạn sông Vĩ-lư tỉnh Thanh-hóa tỉnh Ninh-bình lấy sông ấy làm giới-hạn.

Sông Chanh thuộc xã Tràng-an, huyện Gia-viễn, dòng nước tự sông Hoàng-long mà phân-phái qua xứ Chanh-đồng ở phía nam núi Thần-thiệu, chảy qua xã Tung-tử Giá-phú, Giá-hộ đến xã Cổ-loan, hợp-lưu với sông Vân-sàng. Xét : Cái sông ấy hẹp, nước đi quanh-co dưới dòng bị đá lấp, coi như là trấn-phong, hằng năm nước thượng-lưu chảy qua đấy ủng-tắc, dân bị thiệt-hại. Triều vua Tự-đức năm thứ mười-chín, mới đào rộng hạ-lưu tự xã Đa-giá qua xã Hương-áng và Phúc-sơn, Hoàng-sơn, dài một nghìn tám-mươi-hai trượng, tự đấy dòng nước lưu-thông, đều được tiện-lợi.

Sông Mạc ở phía nam huyện Yên-mô, dòng nước tự sông Vân-sàng chia dòng ở xứ A-tụy qua tổng Sơ-mát và tổng An-vân, qua hạt An-linh và Duyên-mậu, Bồng-hải (thuộc huyện Yên-khánh), chảy ra Đại-giang. Tục truyền nhà Mạc mới khai sông ấy, cho nên gọi là Mạc-giang, nay đã ủng-tắc, vụ chiêm nhiều chỗ cấy lúa được, duy tự mùa thu nước lớn, thuyền bè vẫn thường đi lại.

Nói về danh-nhân liệt-nữ

Ông Nguyễn Điện 阮甸, người huyện Gia-viễn, cùng làng và cùng tuổi, khi còn trẻ cùng với ông Đinh Điền ông Lưu Cơ ông Trịnh Chú, cử vua Đinh Tiên-hoàng làm chủ, ngày đêm hầu chực ở bên tả bên hữu, nhiều lúc binh-qua hoạn-nạn, bầu nước rỏ cơm, cũng không bỏ nhau, kết làm nghĩa anh em ở chỗ đào-viên vậy. Sau dẫy bình bình

được mười-hai sứ-quân làm công-thần bậc nhất, phong là Định-quốc-công. Kịp vua Lê Hoàn âm-mưu cướp ngôi nhà Đinh, cử binh đến đánh không được, bị hại. Ông Đinh Điền cùng với ông Nguyễn Điện người cùng huyện là người đồng-tính với vua Đinh Tiên-hoàng, theo vua đem binh đánh được giặc sứ-quân, có công lớn. Sau ông Lê Hoàn tự xưng phò-vương, ông kháng-nghĩa không chịu khuất, bèn cùng với Định-quốc-công nổi binh chống đánh ở Tây đô, bị chết trận. Triều nhà Lý nhà Trần đều phong làm phúc-thần.

Ông Trương Hán-Siêu 張漢超, người Phúc-am, huyện Yên-khánh, tên tự là Thăng-phủ, làm quan nhà Trần, trải triều vua Anh-tôn, vua Minh-tôn, vua Hiến-tôn, vua Dụ-tôn, quan đến Tả-gián-nghị đại-phu tham-tri chính-sự, khi Chiêm-thành vào ăn cướp Hóa-châu, lĩnh quân Thần-sách đi đánh, ông người ngạnh-trực, có văn-chương và chính-sự, vua nhà Trần gọi bằng thầy, chứ không gọi tên. Ông cũng là một tay trước-thuật, thường hay bài-xích đạo Phật. Khi về hưu, thường ra chơi núi Dục-thúy. Lúc mất được thăng Thái-bảo, vua Trần Nghệ-tôn sắc cho tùng-tự văn-miếu. Triều vua Minh-mệnh thứ tư, sắc cho tùng-tự ở miếu lịch-đại đế-vương.

Ông Tạ Nghĩa 謝義, người xã Thạch-lỗi, huyện An-khánh, triều Quang-thiệu nhà Lê, người Trần Tung làm phản, ông Nghĩa khẳng-khái theo việc quân, sau được quân-công, phong làm Trung-úy, gần mất được phong làm phúc-thần, đền thờ ở xã Bở-xuyên huyện Yên-mô.

Ông Nguyễn Thể 元體, người huyện Yên-mô, khi nhà Mạc tiếm nhà Lê, ông Thể nghe tiếng ông Triệu-tổ nổi binh ở Thanh-hóa, khẳng-khái ứng-nghĩa, xin đem quân đi tiền-phong, được nhiều công-trạng, quan đến Trung-quân đô-đốc, phong tước Lương-quận-công. Khi Phạm Hãng nổi loạn chiếm-cứ đất Đam-khê, ông Thể đem thổ-binh đi đánh dẹp được loạn, làm Trung-hưng công-thần triều Lê, sau mất, được phong làm phúc thần.

Ông Phạm Quỳnh 范瓊 người Vũ-dương, huyện An-khánh, sức khỏe và có thao-lược, khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê, vua Trang-tôn dựng nghiệp trung-hưng, Quỳnh cùng với Nguyễn Thể vào chỗ hành-tại ở Trường-an xin đi tùng-quân đánh giặc, thường dùng kế lôi-phục, phá được binh nhà Mạc, có công-trạng, được phong là Nam-quận-công.

Ông Tạ Nhân-Niên 謝仁年, người xã Thạch-lỗi, huyện An-khánh, con ông Tạ Tuy, nhà Lê khi mới trung-hưng có công đánh nhà Mạc, sau đánh giặc ở sông Giao-thủy chết trận, được truy-tặng Thắng-quận-công, năm Hoằng-định, vua Lê cấp cho tư-điền ba-mươi mẫu để con cháu phụng-sự, con là Tạ Thọ được kén bà công-chúa Đức long.

Ông Phạm Thung 范椿 người Bồng-hải, huyện Yên-khánh, đỗ hương-cống, khoảng năm Long-đức triều Lê, lúc ấy huyện Nam-chân (nay đổi ra Nam-trực) thuộc tỉnh Nam-định có giặc Ngân giả nổi loạn, chống đánh với quan-quân. Bấy giờ Phạm Thung suất con em mộ nghĩa theo đi đánh giặc, thừa khi bất-ý vào đốt đồn giặc, quan-quân nhân thế mới đánh vỡ được đảng giặc, có quân-công, được thăng Thừa-chính-sứ. Tự đấy con cháu đời đời nối nghiệp trâm-anh, thành một nhà đại-gia ở huyện Yên-khánh vậy.

Ông Phạm Công-Đạo 范公道, người Thụy-bình, huyện Gia-viễn, đỗ hương-cống đời Hậu-Lê, lúc ấy Tây-sơn nổi loạn, ông suất con em chống đánh với giặc, bị thua trận, chạy vào trong núi, Tây-sơn bắt cả vợ con cùng quyến-thuộc, rồi sai người đi tróc-nã, ông không chịu khuất, bèn tự-tử.

Liệt-nữ có bà Triệu Âu 趙嫗 người huyện Lĩnh-hóa, nay là An-hóa Nhất-thuyết nói bà người huyện Quân-an, quận Cửu-chân, chưa biết lời nào là phải, nhưng cứ bộ *Giao chỉ-chí* và *Việt-sử ngoại-kỷ* chép bà là em gái ông Triệu Quốc Đạt, khi còn bé ở với chị dâu gặp phải người ác-nghiệt, không thể chịu được, bèn giết đi, rồi vào trong núi ở, sau chiêu-tập sĩ-tốt được hơn nghìn người có chí để báo thù cho nước. Anh thường can-ngăn, bà nói rằng: « Em tuy bọn quần-thoa, nhưng cũng muốn cưỡi cơn gió mạnh đạp làn sóng dữ, chém cá trăng-kình ở bể Đông, để cứu dân ta được khỏi nơi đắm-đuối, chứ lẽ nào chịu cúi đầu khuất gối để làm tì-thiếp người ta. » Anh nói quả như vậy, chính hợp chí ta, bèn suy-cử làm tướng. Bà vú dài ba thước, khi ra trận thắt lấy vú quanh về đằng sau, mặc áo giáp vàng cưỡi đầu voi trắng, chống đánh quân Ngô. Lúc ấy Ngô Tôn-Quyền sai thứ-sử là Lục Dận đem quân tiến đánh, bà vì quân ít thế cô, không thể chống lại được, bà thua trận chạy về Bồ-điền (thuộc huyện Hậu-lộc) bà tự-tử. Hiện nay xã ấy có đền thờ, và có đền ở huyện An-hóa cũng tối-linh.

Bà Nguyễn Thị Niên 阮氏年, người huyện Gia-viễn, con gái thứ ba Nguyễn Quyên quận-công nhà Mạc, vợ ông Bùi Văn-Khuê, sinh được hai con trai là Bùi Thời-Trung, Bùi Khắc-Kiệm, đều phong tước quận-công. Khi nhà Lê trung-hưng, cha con mộ nghĩa đánh giặc có công. Sau ông Bùi Văn-Khuê bị Phan Ngạn giết, bà Thị-Niên đưa hài-cốt về quê, táng xong, bảo thuộc-hạ rằng: « Ai hay hết lòng hết sức vì ta báo-thù, lấy được đầu Phan Ngạn cho ta, thời ta trọng-thưởng. » Chúng nghe lời dạ dạ! Bèn cùng Thị-Niên đem binh đánh Phan Ngạn ở Hoàng-giang, bắt giết Phan Ngạn, rồi tự-tử. Con là Bùi Thời-Trung làm tướng đạo Sơn-nam, sau đi ở chùa, em là Bùi Khắc-Kiệm thay lĩnh các đạo quân đi đánh giặc, thường có công-trạng. Dã-sử nói bà Thị-Niên khi táng chồng xong gieo đầu xuống sông Chi-phong tự-tử, Chi-phong là quê chồ ông Bùi Văn-Khuê ở. Dân chồ ấy lập đền thờ, đến nay vẫn thường linh ứng.

Bà Phạm Thị-Công 范氏㑹, người huyện Yên-mô, đương đời Hậu-Lê, vua Thái-tổ Gia-dụ Hoàng-đế, tự Đông-đô suất tướng-sĩ đi thuyền về Thuận-hóa, quân chúa Trịnh đuổi theo, thế rất nguy-cấp, thuyền đương đi giữa sông, quai chèo đứt không biết làm thế nào, Thị-Công đi theo đó nhân có một súc tơ hiến làm quai chèo, may được thoát nạn. Vua khen có công lớn, khi mất tặng cho chức Thị-giả phu-nhân, lập đền thờ ở xã Cát-gianh (nay thuộc tỉnh Quảng-trị.)

Bà Phạm Thị-Xuyên 范氏川, người xã Phụng-công, huyện An-khánh, nhà giàu có, nhan-sắc còn bé, đi học chữ nghĩa thông-thái lắm, lấy chồng người cùng làng là Nguyễn Tín, sinh được con trai là Nguyễn Viên, bà mới mười-chín tuổi hóa chồng, nhiều người đến hỏi nhưng thề-nguyện ở nhà thờ chồng nuôi con, đến chết cũng không cải-giá nữa, không may Nguyễn Viên chết, thành ra phạp-tự, thương con kêu khóc đêm ngày, đến nỗi mù mắt, vợ Nguyễn Viên cũng giữ lòng trinh-tiết ở hoa nuôi mẹ chồng, không chịu cải-giá. Triều Tự-đức năm thứ mười-ba tinh-phong tiết-phụ.

Bà Nguyễn Thị-Trinh 阮氏貞, người Yên-khê, huyện An-khánh, là vợ ông Hà Văn-Giản, không may ông Giản chết sớm, chưa có con, Thị-Trinh cư-tang xong, nghĩ mình tuổi trẻ không biết có giữ chí được không, bèn tự-tử, phụ-táng ở bên mộ chồng. Năm Tự-đức thứ mười-tám, người làng thương là trinh-tiết, lập mộ-chí và để ruộng cúng thờ.

THIÊN-ĐÌNH

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

X

Ông Vũ Duy-Đoán 武維斯 và gia-thế

Vũ Duy-Đoán sinh ở làng Mộ-trạch Hải-dương, giòng họ Vũ Trầm, về đời Hậu-Lê. Cha là Vũ Bạt-Tụy, con là Vũ Duy-Khuông cùng Vũ Duy-Đoán ba đời cùng đỗ-đạt làm quan đồng-thời. Duy-Đoán lúc còn bé dốt lắm, học kêu suốt ngày không thuộc được một dòng chữ. Đến 17 tuổi mà cũng vẫn dốt như thế. người nhà đều bảo nên bỏ học đi làm nghề khác, Duy-Đoán nhất-định không nghe, cứ lải-nhải học n ãi, rồi phá ngu ra thông lắm. Đỗ đầu hai trường, tiếng văn-chương lừng-lẫy trong đời.

Bấy giờ chúa Trịnh là Khang-vương còn làm Thế-tử. Vũ Duy-Đoán được bổ vào làm việc ở trong tòa của Thế-tử. Sau Thế-tử lên cầm quyền ở phủ Tiết-chế, đi đóng đồn để đánh giặc, Duy-Đoán lại đỗ Giải-nguyên được vào giúp trong tòa tham-mưu. Việc lớn việc nhỏ, chúa Trịnh đều hỏi đến Duy-Đoán, nên người đời gọi là quan nội-tướng của Trịnh-phủ.

Duy-Đoán tuy giúp chúa Trịnh mà vẫn còn học-tập, lại thi khoa hoằng-từ được ưu-điểm, rồi thi hội đỗ Hội-nguyên. Chúa Trịnh thưởng cho áo gấm và đặc-cử lên chức cao, làm quan Thượng-thư đủ cả sáu bộ.

Ông làm quan lại triều, gặp việc gì cũng nói không biết kiêng-nể gì, đời đều phục là cương-trực khảng-khái. Ông có dâng cho chúa Trịnh một bài đề là : « *Kim giám lục* », đại-yếu bài ấy lấy bốn nghĩa : là *ngay lòng, đôn-đốc cho phong-hóa, biết người hay, khử kẻ gian* làm trọng, lời nói rất thiết-đáng Chúa Trịnh ngợi khen lắm.

Ông thường tự nhận là trực-thần, khi ấy trong Trịnh-cung thường mở hội chọi gà, một hôm ông gặp một viên Trung quan (quan Thị) đi kiếm được thứ gà chọi tốt đem về dâng. Ông hỏi gà ấy tìm được ở đâu. Trung-quan nói thực, ông bèn nổi giận mà rằng: « Ngày xưa chúa-thượng còn ở nơi tiềm-đề thì tao có thấy lũ mày đâu, bây giờ chúng bay cứ giở những trò chơi vô-ích ra mà cám-dỗ ngài. » Nói rồi liền vặn cổ con gà chọi ấy chết lập-tức. Trung-quan chạy về tâu với chúa Trịnh, chúa Trịnh lặng yên không nói gì, rồi đứng lên truyền bãi ngay việc chọi gà đi.

Niên-hiệu Dương-đức đời Lê Gia-tôn (1672-1674), có sứ Tàu sang, ông Vũ Duy-Đoán làm chức bạn-tiếp, họa thơ với sứ Tàu từ bến Nhị-hà đến cửa đền hơn 20 bài, mà hai bên xướng họa luôn-luôn không lúc nào dứt, sứ Tàu rất kính phục ông lắm. Về đến Lễ-bộ đặt yến, sứ Tàu đang giữa tiệc gọi lấy rượu, ông đọc ngay hai câu rằng:

Bão ngô cả đạo chân giai vị,
飽吾今道眞佳味
Hà tất giang đình văn nhất bôi!
何必江亭聞一杯

Sứ Tàu khen lắm.

Sau có việc, triều sai ông Duy-Đoán đi Cao-bằng có công-cán, tờ chỉ cho tên viên nội-thần là Hán-quận công ở trên tên ông. Ông cãi lại rằng : « Thần lạm được bị-vị ngôi Thượng-thư của triều-đình mà Chúa-thượng ngài lại cho Hán-quận công đứng tên trên thần, thì thần không dám phụng mệnh. »

Bấy giờ các quan còn ngồi đông cả ở trong phủ, Vũ Công-Đạo và người em họ là Phương đứng lên tâu rằng:

« Tam-đô chúng tôi không dám thảo tờ chỉ ấy ».

Chúa Trịnh giận nói : « Không nghe thì thôi ». Đến triều hôm chúa Trịnh lại sai lính Hoàng-môn ra giục thảo tờ chỉ. Công-Đạo thấy ý chúa Trịnh không đổi bèn đập đầu vào cột đền mà vật ra. Vũ Duy-Đoán nói râm-ran lên rằng: « Thôi chúa giết chết kẻ gián-thần rồi, tôi xin trả ấn-tín để về nhà quê đây thôi ».

Hoàng-môn về tâu, chúa Trịnh giận lắm nói : « Trước đã giết mất của ta một con gà chọi quí, ta đã phải nín; nay lại càng cứng cổ, ai giết gián-thần mà nói thế ? » Lập-tức chúa Trịnh truyền bãi chức Vũ Công-Đạo, Vũ Duy-Đoán đồng-đẳng cũng phải bãi. Lại sai ngay lính về nhà hai người thu lấy cả các sắc-lệnh, Vũ Duy-Đoán trả lại hết, chỉ giữ lại cái biển có hai chữ Tiến-sĩ 進士 không chịu nộp ra. Lính lại đến đòi, ông nói: « Các sắc-tứ của chúa, xin phụng-hoàn cả, còn hai chữ Tiến-sĩ là bởi tài-học của tôi làm được, thế nào tôi cũng không dám nộp lại. » Viên sai-quan không thể ép nổi phải về.

Bấy giờ con trai của ông là Vũ Duy-Khuông, Tiến-sĩ, đương làm Khám-chế-ti 勘制司 ở Bắc-trấn, chúa Trịnh vời về cho làm Thiếu-sư Bồi-tùng, là vì ông tuy là kẻ cựu-thần có công, nhưng hay nói trực trước mặt không nể, chúa Trịnh vẫn gờm-gờm. Nay nhân khép vào lỗi « *ngô-chỉ* » (1) mà bãi đi để dùng con của ông.

Về sau Công-Đạo lại được khôi-phục nguyên như chức cũ. Mà ông thì ưu-du ở chốn gốc tử cỗi phần, không tư-tưởng gì đến việc thời-cục nữa.

Ông cũng lưu-ý về văn-chương quốc-âm lắm, có soạn bài phú *Phạm Lãi chơi ngũ-hồ*, bài *Mộ-trạch phong-cảnh*, và bài *Những lời di-văn của nhà nông* cùng nhiều thơ, từ, minh, ký nữa, đời ấy đều truyền-tụng khắp cả. Người ta có câu khen rằng :

Trung-hưng dĩ tiền Vịnh-kiều-hầu (?)
中興以前詠橋侯
Trung-hưng dĩ hậu Đường-xuyên-tử
中興以後唐川子

Đó là nói về văn-thể quốc-âm của hai nhà đều giữ được một cái cốt-cách thanh-cao để phát-dương cái tinh-thần của quốc-âm, như đời Trung-hưng về trước thì có Vịnh-kiều-hầu, mà đời Trung-hưng về sau thì có Đường-xuyên-tử, tức là Vũ Duy-Đoán vậy. Vậy thì không những đế-nghiệp nhà Lê đến đấy là trung-hưng, mà văn-thể quốc-âm theo vận-mệnh nhà Lê bị một hồi đổi-bại cũng đến Đường-xuyên-tử là trung-hưng. Xem hai câu phê-bình thì biết văn quốc-âm ở đời Lê đã thịnh lắm, mà những áng kiệt-tác như *Cung-oán*, *Chinh-phụ-ngâm*, *Thúy Kiều* ra sau đời ấy không phải là không có uyên-nguyên vậy. Lại xem hai câu này thì cái văn-thể quốc-âm ở đời Lê đã đủ tinh-thần cổi-cách lắm rồi, mà sao đến nay hai ba trăm năm vẫn không thành-lập được nền quốc-học, ôi đủ biết tính-cách người mình cẩu-thả đã quen, đến đường học-vấn cũng không đủ nghị-lực mà tự-lập.

Ông Vũ Duy-Đoán tuy xa chốn lang-miếu, về nơi giang-hồ, mà đức-vọng của ông còn cảm sâu vào lòng kẻ triều-sĩ. Bấy giờ một buổi triều có một quan Phó-hiến, trước đã nhiệm hiến-tư xứ Sơn-nam, ở đấy có một viên quan võ hà-lạm bị kiện, ông đã kết tội viên quan võ ấy là làm mất lòng binh-dân. Nay ông lại thấy viên quan võ ấy cắp gươm đứng chầu trong Các. Ông bèn tâu rằng : « Thần thấy thượng-thư Vũ Duy-Đoán vì lỗi trái ý bị bãi đến nay cũng vẫn không được triệu-dụng, mà sao viên vũ-chức mỗ kia bị tội hà-lạm của binh-dân, thần đã kết án rồi mà

(1) 忤旨 *Ngô-chỉ* = Trái chỉ truyền.

nay lại được phục chức vào đó. Thần xin dân-hặc việc đó cho nghiêm phép nước. »

Bọn Thị-thần nghe nói ngơ-ngác trông nhau hãi lắm. Chúa Trịnh ngờ quan Phó-hiến ấy là đảng của Vũ Duy-Đoan mà du-thuyết cho nhau, bèn sai xét hỏi, thì thật không có can-thiệp gì với nhau bao giờ, chỉ là vì công-lý mà nói đó thôi. Song chúa Trịnh cũng cho quan Phó-hiến ấy là nói việt chức mà bỏ đi.

Ông Vũ Duy-Đoan lúc về già có soạn bài văn tế để sau mất thì tế mình, có câu rằng:

Trí quân kỳ Nghiêu Thuấn Đường Ngu, tự-nhiêm dĩ Cao Qui Tắc Tiết.

致君期堯舜唐虞。自任以臯夔稷契

Tố uẩn hung-trung bình trị, dục đại triển thi;

素蘊胸中平治。欲大展施。

Chí huyền cơ lý doanh hư, tối nan tuyên tiết.

至玄機裏盈虛。最難宣泄。

Đại-ý nói: Ta mong làm cho vua nên vua Nghiêu vua Thuấn ở nhà Đường nhà Ngu là hai ông vua nhân-quân nhất trên đời, mà ta thì nên ông Cao ông Qui ông Tắc ông Tiết là bốn ông hiền-thần đã giúp cho hai ông vua trên. Cái học trị-quốc bình thiên-hạ chứa sẵn trong lòng này, những muốn thi-hành ra cho rộng. Cái lẽ doanh-hư trong then máy huyền-vi, ta biết mà khôn nói xiết.

Coi đó thì biết ông thực có học có tài mà ngán cho đời không ai biết dùng. Ông thọ 64 tuổi, lúc mất tặng tước Tả-thị-lang.

Ông Nhữ Đình-Dụng 汝廷用 và con cháu

Nhữ Đình-Dụng sinh ở làng Hoạch-trạch, phủ Bình-giang Hải-dương đời Lê trung-hưng. Lúc thiếu-thời du-học ở Tràng-an, một hôm đi qua Đồng-xuân-phường vào hàng uống nước, bỗng thấy một cái túi ở bên, nhắc lên thấy nặng, Nhữ Đình-Dụng biết là của khách bỏ quên mà nói ra thì sợ nhà hàng nhận mất, sẽ khốn cho ai lo-đểnh. Bèn cầm lấy đem về nhà trọ mới giở ra xem, thì thấy có 10 đĩnh vàng và một cái trát của quan Nội-thị giao cho anh thợ bạc đem về làm đồ cống-phẩm mà không biết vì sao anh thợ bạc ấy lại hoảng-hốt bỏ quên ở đấy

Nhữ Đình-Dụng lập-tức xách túi vàng đến chỗ hàng nước ấy ngồi chờ, một chốc thấy người vợ anh thợ bạc vừa khóc mếu vừa đi đến đấy nói là chồng bỏ quên một túi vàng, bị quan trên bắt trói tra hỏi. Đình-Dụng hỏi ra thực-tình, liền đưa vàng ra trả đủ số. Người đàn bà ấy cảm-kích vô-cùng, xin theo về đến nơi nhà trọ học để nhờ lấy nhà. Sáng sớm mai hai vợ chồng anh thợ bạc đưa đồ lễ đến tạ ơn, xin biếu lại một số bạc giả bằng một phần ba trong số vàng ấy. Đình-Dụng nhất-định từ không nhận. Việc ấy rồi đến tai chúa Trịnh, chúa Trịnh khen ngợi là người thanh-cao, triệu cho làm chức coi kho vàng, nhưng Đình-Dụng cũng cố từ-tạ để còn đi học. Sau đỗ Tiến-sĩ về niên-hiệu Cảnh-trị (1662-1672) đời Huyền-tôn Hậu-Lê. Bổ chức Hà-bắc phủ thì mất.

Nhữ Đình-Hiền 汝廷賢 là con Nhữ Đình-Dụng đỗ Tiến sĩ niên-hiệu Vĩnh-trị (1676-1680) đời Hậu-Lê, có phụng-mệnh đi sứ Tàu, làm quan đến Hình-bộ Thượng-thư. Ông có tài xét đoán những nghi-án, bấy giờ có một cái án: một người con gái đã có chồng mà có chút nhan-sắc, xin với chồng được đi lại để đến nuôi người chị gái cũng có chồng mà ở làng khác; Lần đến sau hết thời không thấy về nữa, người chồng em đến hỏi thì nhà chị vợ đều nói có đến vài lần, rồi sau không đến, người chồng em bèn lên quan kiện người

anh rể. Quan về tra hỏi khám xét mãi không ra, Án để đến 6,7 năm không xử xong. Đến Đinh-Hiền ông bèn bắt mật vẽ cái địa-đồ về con đường từ nhà em đến làng chị đưa ông xem. Thì ở quãng giữa cánh đồng có một cái chùa, đường đi liền qua cổng chùa, hỏi ra thì chùa có sư trẻ tuổi ở mà cây-cối tùm-bum bao-bọc. Ông nghĩ chắc thị kia đi lại qua cửa chùa tất bị tên sư dỗ dụ đòi cưỡng-gian không được mà giết chết. Ông liền sắp quân trẩy nói đi lễ chùa, tới chùa đó, ông vào trọ lại một đêm.

Sáng sớm mai ông cho đòi hết cả sư tiểu và người nhà chùa ra ông hỏi rằng: « Chùa-chiền là nơi tu-hành nhân-đức, mà cớ sao đêm qua tao nằm đây có một cái oan-hồn đàn bà đến khiếu-oan rất thảm-thiết và kể hết sự-tình. Nếu bay không thú nhận thì tao làm án chém hết.» Bọn sư tiểu kinh-sợ thú nhận cả, rồi dẫn ông ra trỏ ở dưới một cái tháp là nơi chôn thị ấy, đào lên quả-nhiên có xương người thực.

Phàm những án oan-khuất bấy giờ đến ông là xét ra được lẽ thực rồi xử đoán cho một cách rất công-bằng cả.

Đời có câu: *Văn-chương Lê Anh-Tuấn, chính-sự Nhữ Đình-Hiền* 文章黎英俊政事汝廷賢。 (Lê Anh-Tuấn sinh ở Thanh-mai, đỗ Tiến-sĩ, làm đến Tham-tụng.)

Nhữ Đình-Toản 汝廷瓚 là con Nhữ Đình-Hiền, em đường đệ Trọng-Thai 仲台 (Bảng-nhỡn). Đình-Toản thi đỗ Tiến-sĩ niên-hiệu Vĩnh-hựu đời Ý-tôn Hậu-Lê (1735-1740). Làm quan đến chức Bồi-tụng. Bấy giờ Trịnh Giang đi đánh dẹp các nơi, ông Đình-Toản ở lại vừa giữ kinh-thành vừa giữ vương-phủ, phân-vát quan-quân canh giữ ninh-thiếp. Ông thăng đến Tham tụng chức Thượng-thư, rồi cải sang võ-ban, đặc-tứ tước-hiệu là Quốc-lão, về tri-sĩ. Sau lại có chỉ cho khôi-phục, nhưng ông cố từ. Được ngự ban cho một bài thơ quốc-âm rằng:

Bấy lâu gang tấc chốn phong-thần,
Lục-giã phen này được thức xuân;
Hoa quốc mấy tài thêu vẻ gấm,
Lập triều đôi lúc nhắc đồng cân;
Mấy sâu từng rõ bề tri-túc,
Gánh nặng còn dành sức trí-thân;
Ưu ái niềm xưa nên nghĩ đấy,
Bên tai chi lẳng tiếng thiều-quân.

Ông Lê Ích-Vịnh 黎益詠

Lê Ích-Vịnh sinh ở làng Thanh-lãng, huyện Thủy-đường, Hải-dương (nay về Kiến-an), đời Lê. Khi Ích-Vịnh còn là học-trò, trọ học trong chùa, nhân xem được nhiều kinh Phật. Niên-hiệu Cảnh-thống (1498-1504) Ích Vịnh đỗ hương-thí vào đình thí, văn sách đình thí khoa ấy hỏi đến cả kinh Phật có câu rằng:

Kim-cương nhị thập nhị phận, hà phận vô « tu bồ-đề ».

金剛二十二分,何分無須菩提。

(Trong kinh *Kim-cương* có 22 phận, phận nào không có câu « *Tu-bồ-đề* ».)

Đối với: *Luận-ngữ nhị thập thiên, hà thiên vô tử viết.*

論語二十篇,何篇無子曰。

(Trong sách *Luận-ngữ* 20 thiên, thiên-nào không có câu «Tử viết».

Câu về sách *Luận-ngữ* thì ai cũng học cũng biết đã đành, còn như kinh *Kim-cương* và các câu khác về kinh Phật nữa thì ông đo đã xem kỹ nên văn được ưu-phẩn đỗ Trạng-nguyên.

Chắc lúc đó Triều-đình đã thấy cái học-phong trong nước toàn-thịnh, sĩ-tử kê-cứu đến kinh Phật cũng nhiều, nên mới ra bài hỏi như thế. Khoa ấy còn Bảng-nhỡn, Thám-hoa, Hoàng-giáp đỗ cộng đến 26 tên nữa, đều là bài trả lời về kinh Phật và các sách sung-thiệm cả. Vậy biết học trò đời Lê học đã rộng lắm.

Ông Vũ Thành 武 城

Vũ Thành sinh ở Đan-loan, huyện Đường-an, Hải-dương (nay về Hưng-yên), 22 tuổi đỗ Thám-hoa đình-nguyên niên-hiệu Chính-hòa (1680-1705) đời Hi-tôn Hậu-Lê. Ông ở nhà dạy học, học trò tới học đến hơn nghìn người, được hơn 70 người đỗ to, đều làm nên danh-thần hoặc danh-nho cả. Vì thế tiếng sư-đạo tôn-cao của ông bấy giờ cùng ông Nguyễn Đình-Quế ở Thanh-trì cùng lừng-lẫy một đời.

Ông Nguyễn Mại 阮 邁 và con cháu

Nguyễn Mại sinh ở làng Ninh-xá, tục gọi làng Nành, huyện Chí-linh, nay thuộc Nam-sách, Hải-dương, đời Hậu-Lê. Đỗ Hoàng-giáp niên-hiệu Chính-hòa (1680-1705) đời Hi-tôn.

Ông là người cương-trực, tinh-mẫn, kiêm giỏi cả nghề kỵ-sạ. Ra làm quan dần đến Phó-đô Ngự-sử. Một lần ngồi làm việc trong phủ-đường, bỗng một con voi xồng lầu chạy xồ vào đến nơi, ngồi đấy ai cũng kinh sợ hoảng chạy, duy ông Mại cứ ngồi yên không nhúc-nhích. Khoảng năm Vĩnh-thịnh (1705-1720), xứ Sơn-tây nổi giặc cướp lung-tung, ông Mại được bổ ra làm Án-trấn. Ông thi-hành chính-sách khoan-giản, xử-đoán kiện-tụng rất minh-công, dân-tình thiếp-phục.

Một hôm ông Mại trầy qua chợ Gia-bình thấy có một người đàn bà đang chửi rủa đứa bắt trộm gà. Ông gọi lại quở rằng: « Con gà vật thử bao nhiêu mà mụ chửi rủa người ta ác-nghiệp như vậy ». Bèn cho gọi những người hàng xóm nhà mụ đến sai tát vào mặt mụ. Xem ra mọi người sợ lệnh phải tát, nhưng chỉ tát khẽ mà thôi. Sau có một anh chàng kia giơ thẳng cánh tát một cái rất mạnh. Ông Mại liền bảo: « Thằng ăn trộm gà đây rồi, phải thú nhận đi ». Tên ấy phải thú nhận ngay và xin đền lại gà.

Lại một lần các sư ni ở chùa Sơn-vi, xưa nay vẫn ở tụ với nhau tại đó. Bỗng một người sư ni kêu mất đồ-vật. Ông Mại đi qua biết việc, liền bắt các sư ni lập một đàn-tràng để chạy đàn, mỗi sư ni một tay cầm cành phướn, một tay nắm mấy hột thóc, miệng niệm Phật mà chạy. Ông dặn rằng: « Nếu người nào gian thì những hột thóc trong tay nầy mậm ra ».

Một lát ông trông trong bọn sư ni đang chạy có một người thỉnh-thoảng lại khẽ hé nắm tay có thóc ra xem trộm. Ông liền sai giữ lại người sư ni ấy mà tra hỏi thì thú nhận ngay.

Những cách ông tìm ra những sự bí-mật đại-loại có mẹo khôn-ngoan như thế cả. Cho nên những kẻ lại-thuộc cùng ngoan-dân không dám mở ông điều gì. Chính-lệnh ban ra đến đâu là thực-hành được đến đấy, trộm cướp sợ hãi ẩn náu rồi tan dám hết, tiếng khen về chính-tích của ông lừng-lẫy một thời. Được thăng Lễ-bộ Thị-lang, lĩnh Trấn-thủ Sơn-tây, rồi mất. Người hạt Sơn-tây nhớ công-đức ông, có làm bài « *Đức chính ký* » để tỏ lòng tư-mộ. Bài ký ấy do Tiến-sĩ làng Vân-canh là Trần Hiền soạn.

Việc ông mất thuộc về án bí-mật, sử không dám chép, chỉ có con cháu nhà ông biết mà thôi. Truyền rằng ông vốn cương-trực, nhiều điều trái ý chúa Trịnh Cương, một hôm Trịnh Cương cho vời ông về vương-phủ giết chết đi, nói là ông ngộ-cảm mà chết, rồi sai khênh xác ông về cho nhà ông. Ấy cũng vì cái án ám muội ấy mà con ông là Nguyễn Cử, cháu ông là Nguyễn Tuyển oán thù nhà chúa Trịnh thấm dến cốt-tỉ, gây lên hai hồi cách-mệnh ở vùng đông bắc Việt-Nam, làm cho chúa tôi họ Trịnh thất-điên bát-đảo lo toan đánh dẹp mãi mới yên.

— Nguyễn Ngộ 阮 遇, Nguyễn Cử 阮 遽.— Nguyễn Ngộ là con cả, Nguyễn

Cử là con thứ của ông Nguyễn Mại. Ông Mại mất rồi Nguyễn Ngô tán cả gia-tài, chiêu-nạp tráng-sĩ, âm-mưu việc báo thù cho cha, chẳng may chí chưa toại thì bị bệnh mất.

— Nguyễn Tuyền 阮 璿 — Nguyễn Tuyền là con Nguyễn Ngô bên kế cái chí của cha để lo trả thù cho ông. Gặp lúc bấy giờ là đầu niên-hiệu Cảnh-hưng đời Lê Hiển-tôn (1740-1787), chúa Trịnh Cương trên càng lấn hiếp vua Lê quá tệ, dưới thì dong-túng gian-thần, ngoại-thích mà hà-ngược dân-sự đến điều. Hoàng-thứ-tử nhà Lê là Duy-Mật vào Ai-lao khởi-nghĩa đánh Trịnh, rồi hào-kiệt bốn phương đều lấy tiếng « *Phù Lê diệt Trịnh* » mà nổi lên lung-tung. Nguyễn Tuyền với chú là Nguyễn Cử bèn cùng với người mưu-sĩ là Vũ Trác-Oánh cử-nhân làng Mộ-trạch bàn nhau khởi-sự.

Oánh thì về vùng quê nhà Nhị-hồng lấy quân, Cử thì xuống Thanh-hà Kim-thành là vùng quê vợ mà bọn hiệp-khách đi giúp Hoàng Mật, thất-bại trở về mà Hẻo tức Nguyễn Hữu Cầu cũng dự trong tụi đó. Sắp xong bèn đại-hội ở chợ Họp (Nam-sách), tế cờ ăn thề, cờ đề hai chữ « 掌 民 ». Cử-khôi các xứ cũng phái người đến dự mà tôn Tuyền lên làm minh-chủ. Đoạn rồi Tuyền lên đóng đại-đồn ở thành Phao-sơn, khiến tướng các ngả đón đánh quân Trịnh, thế là thành cuộc cách-mệnh hồi thứ nhất đời Hậu-Lê. Chúa Trịnh phải cử ông Trần Cảnh là người hàng tổng với Nguyễn Tuyền làm Hiệp-thống đem đại-binh về đánh. Chúa Trịnh Cương thân về sông Lục-đầu duyệt-binh. Ông Trần Cảnh hết sức bày mưu tìm đất đánh đến vài năm mới tan.

(Còn nữa)

Đỗ-NAM

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

XI

Tư-niệm. — *Nên ngẫm-nghĩ những lời khuyên đây.* — Khám-phá cho biết lẽ phải, kinh-nghiệm mà hiểu điều hay, cũng chưa đủ đem ra mà tín-dụng ngay được. Phàm cái gì không nghiền-ngẫm cho kỹ, không phản-phúc nhiều lần, như mất đi rồi mà lại tìm thấy được, thì không thể in sâu vào trong trí nhớ, khiến cho bao giờ cũng nghĩ đến luôn được. Phàm lẽ phải, phải có tiêm-nhiễm sâu thì mới thành phép-tắc cho sự hành-vi tư-tưởng được. Mà muốn cho tiêm-nhiễm sâu thì chỉ có một cách, là hàng ngày tư-niệm đến, để cho sáp-nhập hẳn vào trong tâm-trí. Phàm lý-tưởng cùng sự-nghiệp, phải do trí mình tư-tưởng lại, cấu-tạo lại, thì mới thật là thành của mình. Phép đạo-lý cũng vậy, phải tư-tưởng đến luôn, nghiền-ngẫm đến luôn, thì mới thật là hiểu được hết ý-nghĩa huyền-mặc.

Vậy thì duy có cách thường-thường tư-niệm mới có thể thấu-triệt được lẽ phải và tái-bồi được đạo-lý. Cho nên phép tư-niệm có thể cho là động-cơ rất mạnh cho sự tiến-bộ về đường tinh-thần, trí-thức cùng đạo-đức. Bởi thế nên tự-cổ các bậc hiền-triết, các nhà tôn-giáo trứ-danh đều chủ-trương

(1) Xem N.-P. số 159.

cách đó. Phàm muốn thấu-hiểu sự đời, muốn cảm-hứng cao-thượng, hoài-bão những tư-tưởng siêu-việt, đạo-đức thâm-trầm, nói tóm lại là cái gì có ý-nghĩa cao ở đời, phải có suy-nghĩ luôn một cách chăm-chỉ, mới có thể thu-hoạch được. Phàm bí-quyết của trời đất, hễ nghiền-ngẫm mãi rồi cũng có thể giải-quyết được. Những sự phát-minh to-tát về đường vật-chất tinh-thần, cổ-lai vẫn do những người hay nghĩ, lánh mình xa cõi thế-tục, đem một phần đời người mà cặm-cụi tìm-tòi mới làm nên.

Vì muốn tư-niệm cho có ích-lợi thì phải để cho tinh-thần chủ-trương đốc-suất, để cho cái tia sáng thần-minh đã vốn có sẵn trong người ta, đưa ta lên cõi siêu-việt. Người ta không thể vừa theo đường lẽ phải, vừa theo sự sai-lầm được. Những tiếng ồn-ào ở bên ngoài, những sự xuẩn-động của công-chúng, những cái sóng dục-tình nổi khi lên khi xuống, những sự lo nghĩ thiển-lậu nổi lẩn-quất trong tâm-trí, những lời nói-năng cùng cách cử-động vô-vị, đều làm lấp cả cái tiếng của đạo-lý khiến cho không nghe thấy nữa. Phàm những sức mạnh cao-siêu, phải có bình-tĩnh mà quan-niệm thì mới xuất-hiện ra được.

Trong một ngày, những lúc lợi cho việc tâm-niệm, là buổi sáng và buổi chiều, bấy giờ cái đời vật-chất hoặc nó chưa chiếm mất tinh thần ta, hoặc nó đã để cho ta được thư-thả.

Song trong một ngày lúc nào cũng có thể tâm-niệm được, hoặc là lánh mình ở một nơi xa vắng, hoặc là dạo bước ở chốn lâm-tẩu điền-viên, hoặc là ở ngay nhà mình mà ngồi nơi yên-ổn tĩnh-mịch, để cho thân-thể được thư-thái, cũng có thể trầm tư mặc-tưởng được. Bấy giờ thời hình như một mình mình đối-diện với một điều đạo lý nên suy-nghĩ, đem cả tâm-tư ý-chí chuyên-chủ vào đó. Bởi thế nên mỗi ngày các đồ-đệ của PYTHAGORE phải đem những lời cách-ngôn trong tập « Kim-thi » ra mà đọc, và nghiền-ngẫm về các nghĩa-vụ buộc cho thần-trí phải theo, suy xét những điều có thể đem ra ứng-dụng cho cuộc đời hằng ngày.

Khi đã tập cái thói quen tư-niệm, thì mới biết sự tư-niệm là cơm bữa của đời tinh-thần. Bấy giờ thành sự cần-dùng, sự bắt-buộc không có không được. Bấy giờ thì hễ không để trí về những sự tư-tưởng cao-xa, không cư-xử theo những phép-tắc điều-hòa, hay là không ôn đọc những sách-vở về đạo-lý, thì có cái cảm-giác như sự đời không thuộc mình nữa. Bấy giờ cái sức bồng-bột tinh-tiến thấy biến mất đi, mà tự mình như ở trên cao rơi xuống dưới đất vậy. Những sự lo nghĩ đâu đâu lại dồn dồn lại, trong người thấy không được bình-tĩnh nữa, không được vui-vẻ vững-vàng nữa.

Vậy thì muốn cho đứng vững được ở trên con đường trung-chính đạo-lý thì bao giờ cũng phải tâm-niệm đến cái mục-đích ở đời cùng những phương-pháp cao-thượng cho đạt tới mục-đích đó. Nói tóm lại thì đời người có thường liên-lạc với Thượng-đế, với Thiên-lý, thường suy-nghĩ mà nỗ-lực cho đạt tới, thì mới là cái đời tốt-đẹp đáng sống vậy.

Tín-ngưỡng. — *Nên đem hết lòng mà yêu chuộng những lời đó.* — Muốn đem lòng hăng-hái mà yêu chuộng những phép mầu-nhiệm cùng đem ra thực-hành thì phải hết sức tín-ngưỡng, duy có lòng tin thời mới không gì trở-ngại được.

Lòng tin ở Thượng-đế, ở công-đức mầu-nhiệm của Thượng-đế, sự sinh-hoạt của vạn-vật cùng của loài người, không phải tự-nhiên mà tiếp-nhận ở ngoài được. Phải tự mình tạo-tác lấy. Phải từng-trải sự đời, phải tự

mình nghiền-ngẫm mới gây nên được. Lời khuyên của người ngoài có thể giúp cho tỏ-rạng được ít nhiều: duy tự mình tìm xét mới mong được xác-tín.

Lòng tin là lòng chắc-bằng về lẽ phải mầu-nhiệm. Không có cách lý-luận nào làm cho lay-chuyển được, vì có nhiều chứng-cớ cao-thượng, có nhiều sự-thực hiển-nhiên, có nhiều cách chứng-giải tự trong tâm, nó buộc ta phải tin ở chân-lý. Dù con đường đưa đến cõi tín-ngưỡng thế nào mặc lòng, dù là đường vật-chất hay là đường tinh-thần, khi đã thực có lòng tín-ngưỡng rồi, thời trong dạ vững-vàng, dốc mến Thượng đế, ham đạo-lý, muốn sống ở đời một cách tốt-lành âm-ái. Bấy giờ thời nhờ lòng tin đó mà có đủ sức nhẫn-nhục, đủ sức phấn-phát, đủ sức hành-động. Thấy đời người bao giờ cũng tốt đẹp cả, mà lại sẵn sàng bao giờ phải dời bỏ cuộc đời cũng có thể điềm-nhiên như không vậy. Quyết-chí dù phải chịu khổ thế nào cũng được, dẫu đến hi-sinh mình đi còn hơn là bỏ mất cái mục-đích cùng lòng tín-ngưỡng của mình, vì đã đem mình phó-thác vào tay Thượng-đế, chắc rằng nếu cứ biết làm trọn được nghĩa-vụ của mình, không cần phải biết Thượng-đế dắt mình theo đường nào, thời sẽ được hưởng phúc lành dành cho những bậc hiền-nhân thánh-triết vậy.

Đời đạo-đức. — *Nên gắng sức thực hành, sẽ tới được cõi chí-đức chí-thiện.* — Những kẻ sống ở đời không có chủ-nghĩa, không có tín-ngưỡng, cũng không có pháp-luật, không có lý-tưởng cũng không có hạn-chế, thì chỉ lấy những cớ bần-tiện mà sinh-tồn, vì chỉ biết khu-khu thỏa cái vật-dục cùng tình-dục của mình mà thôi. Óc loạn thần suy, tâm-hồn nhu-nhược, gặp sự ngăn-trở, không có sức mà đối-phó lại. Sẽ dễ gặp tai-nạn mà sa vào chốn hiểm-ngoèo.

Trái lại, những kẻ cặm-cụi mà tìm đường tinh-tiến, mà truyền-bá sự thực, mà yêu mến đạo-đức, thì bao giờ cũng có lòng tín-ngưỡng thâm-trầm, có một cái lý-tưởng nó cảm-dụ mình, nó phù-trì mình, và nó ban cho mình một cái sức mạnh vô-địch. Những người ấy rồi cứu-cánh cũng hiểu rằng mục-đích đời người là phải in theo cho được giống với Thượng-đế, mỗi ngày như mời Thượng-đế vào chủ-tọa trong tâm-hồn mình, để cho tự mình rồi cũng hóa được theo Thượng-đế vậy.

Thân-phận người ta còn kém hèn như bây giờ, là chưa biết suy-nghĩ về cái lẽ ở đời, chưa biết yêu mến những sự hiện-tượng của tạo-vật và noi theo những điều giáo-huấn của đạo-lý.

Duy có cái đời tôn-giáo, thực hợp với lẽ thiên-nhiên, là có thể giúp cho nhân-loại được tuần-tự tiến-hóa và được hưởng-thụ hạnh-phúc vậy.

Học về Vũ-trụ. — *Ta nói đây là lời nói thật, xin thề trước đứng mầu-nhiệm đã vạch ra trong trí ta cái hình «tứ-diện» (Tétrade) thiêng-liêng, là nguồn-gốc và là biểu-hiệu của vạn-vật vô-cùng (1).* — Pythagore đã khuyên nên dùng những phương-pháp như sau này làm cách tu-luyện, như phép tĩnh-thân, phép tư-niệm, lòng tín-ngưỡng, chí hành-đạo, bền tuyên lên

(1) Cả thiên này là giảng về cái triết-lý huyền-bí của Pythagore, lấy số 1, số 2, số 3, số 4 mà giải nghĩa cả nhân-sinh cùng vũ-trụ. Lời-lẽ trúc-trắc khó hiểu, độc-giả lượng cho, vì là những huyền-lý như trong kinh *Dịch* cả.

một cái hình-thể làm biểu-hiệu, gọi là hình « Tứ-diện », để chứng cho lời khuyên lời hứa của mình là đích-thực.

Hình « Tứ-diện » là một cái thể chữ « Kim » 金 có ba góc và có bốn mặt (*La Tétrade ou pyramide triangulaire composée de quatre faces*) : ba mặt bên và một mặt đáy, chính là biểu hiệu của học-phái Pythagore, vì là hình-dung cái bản-thể của vạn-vật có bốn nguyên-chất lập thành ra. Hình này trong học-phái đó cho như cái thìa khóa để khám-phá những sự bí-mật trong vũ-trụ, giải rõ về căn-nguyên, sự thành lập, sự tiến-hóa cùng mục-đích của vạn sự vạn vật.

Trước khi giải-thích tường tận về cái hình tam-giác tứ-diện đó, hẳng nên nói về khoa số-học là một khoa Pythagore rất sở-trường. Số-học cũng như các khoa-học khác, có chia ra hai ngành : một ngành thông-tục, là xét về các số-mục thường, điều-hòa thêm bớt với nhau, một ngành bí-truyền là xét các cái ảnh-tượng hàm ở trong số-mục. Ngành thứ nhất tức là khoa số-học thường dạy ngày nay. Cách học như thế là cách « tử học » (*science morte*), chỉ học cái bề ngoài, chỉ coi các số-mục là tiêu-biểu cho sức mạnh về vật-chất, và chỉ xét cái cách các số-mục điều-hòa với nhau như thế nào mà thôi. Học như thế thì chỉ biết được mấy điều nghĩa-lý về thực-tế mà thôi. Chứ đến như khoa bí-truyền về số-học, thì là thuộc về triết-học, thuộc về tôn-giáo. Ngày nay hầu như không ai biết đến nữa, vì cái học này là học để biết ý-nghĩa u ẩn của các số mục, biết ở trong các phép tính, như cộng, trừ, nhân, chia, có bao hàm cái qui-mô cùng các luật-pháp sinh-thành tiến-hóa của vạn-vật trong vũ-trụ. Trái với khoa số-học thông-thường, chỉ châu-tuần trong cõi thực-tế, khoa số-học bí-truyền khám-phá được những điều nghĩa-lý rất cao-thâm về cõi tinh-thần.

Điều cốt-yếu trong học-thuyết của Pythagore là hết thảy trong vũ-trụ đều theo một cái luật điều hòa, mà tiêu-biểu cho cái luật ấy tức là « số » (*le nombre*). Vật gì cũng là do một số mà ra cả. Số nguyên-thủy là số Một (*Un*), tức là nguồn gốc, tức là cha sinh của cả vạn-vật. Số Một hay là số Độc-nhất (*Unique*), là tiêu-biểu cho Thượng đế, vừa sáng-tạo, vừa duy-trì cho vạn-vật trường-tồn, bao-hàm hết thảy, lấy điệu Thiên-lại (*Verbe*) mà cảm-hóa vạn-vật, và chính là cứu-cánh của vạn-vật. Luật về số-mục với luật của tạo-vật đối-chiếu nhau như một, trong thế-gian hết thảy đều do số mà thành, đều có thể cân-lượng đo-lường được cả, đều là nguyên-thủy thuần-túy như nhau, xuất ra phiền tạp, rồi chung qui lại như nhau hết. Giống nào cũng có tiến-hóa, thêm cái sức mạnh về vật-chất, thêm cái trí hiểu về tinh-thần, phát siển cái cốt-cách của mình, tấn-tới hoài, hết đời ấy sang đời khác, mỗi lần lại thay hình đổi dạng và chuyển-dịch sức mạnh đi cả. Rồi kết-cục lại thu về cõi Vô-cùng là nơi Thượng đế, tức là ngôi Duy-nhất, là số Một, là nơi chung-qui của vạn-vật sau khi đã luân-chuyển biến hóa trăm đời nghìn kiếp, mỗi đời mỗi kiếp, nghiệp-báo nặng nhẹ khác nhau, nhưng cứu-cánh rồi cũng qui về số Một cả. Vậy thì cái thang số-mục, tức là cái thang vạn-vật sinh sinh hóa hóa vô-cùng, phân ra đẳng-cấp vô-cùng, tức là bức tranh sinh-hoạt càng ngày càng mới, càng ngày càng rộng mãi ra, tức là thế-gian vạn-vật, gồm nhiều phần-tử mà thành ra, phần nào cũng cùng một căn-nguyên, cùng một thể-chất, cùng một mục-đích như nhau, duy con đường tinh-tiến riêng thì trăm ngả nghìn lối, mỗi giống mỗi loài tự chọn lấy mà đi vậy.

Pythagore có tóm-tắt cái khoa bí-truyền về số-học đó vào một bộ sách-

tôn-trọng như một bộ thánh-kinh, chỉ để cho những người đệ-tử đã nhập-diệu rồi mới học đến được. Chẳng may sách đó thất-truyền. Sau này chỉ cóp-nhặt được một vài đoạn trong sách-vở của các đệ-tử mà thôi. Như đoạn sau này do đệ-tử PHILOLAÜS biên chép được, cũng đủ tiêu-biểu được cho cái học-thuyết này: « Số là cái sức chúa-tể chủ-động để duy-trì các sức mạnh trong vũ-trụ được trường-tồn... Nếu không có số, không có cái tinh-túy của số, thì không ai có thể quan-niệm được phân-minh về bản-thể cùng mọi mối quan-hệ của sự-vật... Cái sức mạnh của số không những xuất-hiện ra trong những sự-vật của quỉ-thần mà thôi, mà lại biểu-lộ ra trong tất cả các sự-nghiệp cùng tất cả các tư-tưởng của người ta, nghĩa là đâu đâu cũng có, cho đến các công-trình về mĩ-thuật, về âm-nhạc cũng vậy. »

Thật thế, trong thế-gian đâu đâu cái chân-lý cũng là xuất ra thành biểu-tượng (*symbole*) cả. Phàm các mĩ-thuật, các khoa-học, cũng giống như số-học, đều có một phần bí-truyền, người đã nhập-diệu (*initié*) rồi thì coi đó sẽ biết được cái dấu vết của ngôi Duy-nhất (*Unité*), cái qui-mô mầu-nhiệm của Thượng-đế, cái mục-đích hạnh-phúc tinh-tiến mà Thượng-đế đã chỉ-định cho mọi giống sinh-vật. Các khoa-học duy-vật, nhất là khoa y-học, nếu biết vừa nghiên-cứu về vật-lý, lại vừa nghiên-cứu về huyền-lý nữa, thì không đến nỗi làm cho người ta thất-vọng, và bày ra lắm cách độc-hại.

Cái nghĩa thần-bí của mấy số đầu, thâm-trầm lắm, ta nên hiểu biết. Số Duy-nhất, số Nhất-nguyên là số tuyệt-đối, là cái thực-thể (*être* tự hoàn-toàn, là nguyên-nhân, là bản-chất của tất cả các số khác, nghĩa là cái nguồn bởi đó mà sinh ra các số phức tạp khác. Vậy thì số Duy-nhất là tự mình gồm cả nguyên nhân cứu-cánh ở mình, nghĩa là tự mình tự có, không thuộc gì các nguyên-nhân ở ngoài cả. Lấy phù-hiệu của số học mà tiêu-biểu ra thì: 1 = 1.

Vậy thì số Một là tuyệt-đối, là vô-cùng, là hoàn-toàn, là cai-quát. Số Một tức là Thượng đế, nghĩa là đấng thiêng-liêng vô-cùng, không ai sáng-tạo ra mình, mà toàn-trí, toàn-năng, phổ-biến, hành-động khắp các thế-giới, đem điệu Thiên lại mà phổ-cập cả các giống các loài, truyền cho một cái tinh-thần chung, khiến cho mỗi giống vẫn có tâm-tính riêng mà hết thảy đều phối-hợp lại ở số Một, thành ra điều-hòa hết thảy.

Vậy thì Thượng-đế hay là đấng Độc-nhất là nguồn-gốc và là cứu-cánh của hết thảy các giống sinh-sinh hóa-hóa trong trời đất, giống nào sinh ra hóa đi cũng là để tuần-tự phát-siển hết những cái hay cái tốt của mình, rồi đến lúc trí-tuệ viên-mãn rồi, lại quay về chốn Thượng-đế là nơi độc-nhất, là cái thưởng tuyệt-luân cho những giống đã được trọn kiếp lành vậy. Triết-học gọi số Một đó là Nguyên-tử (*Monade*), là tiêu-biểu cho cái bản-thể vô-cùng, bất-diệt của vũ-trụ, cho cái mối thiêng-liêng tự-tại, thường vẫn đứng trong người ta mà làm chúa-tể cho ta vậy.

Trong vũ-trụ vật-chất, số Một đó tức là cái nguyên-khí, cái khí khinh-thanh trong trời đất, sáng-tạo, điều-hòa, chỉnh-đốn cho vạn-vật, vật nào cũng là do những phần-tử vật-chất kết-hợp lại mà thành ra, rồi cứu-cánh lại giải-tán ra mà qui-nhập vào cái nguyên-khí khinh-thanh vậy. Trong cõi địa-cầu này, cái nguyên-khí đó là làm chủ-động cho cả cuộc sinh-hoạt, tức là người đàn ông là chủ-động trong nhân-loại, còn đàn-bà là phần thụ-động, để giữ lấy cái tinh-khí của trời đất mà lưu-truyền cùng sinh-sản ra.

Đến số Hai thì là cái sức sinh-hoạt của vũ-trụ, làm cho vạn-vật sống được,

lại phát-đạt nảy-nở mà càng ngày càng phiền-phức mãi ra. Chính cái sức sinh-hoạt này là nguồn-gốc của cái hấp-lực nó làm cho các thế-giới lưu-chuyển luôn luôn, của cái sức hòa-hợp nó chi-phối trong cõi khoáng-vật, của cái sức ái-tình nó làm cho các giống sinh-vật phối-hợp với nhau, của cái sức phôi-thai nó tích-lũy cho mỗi giống mới sinh ra được có đủ sinh-khí để mà tiêu dùng trong một đời mình. Trong vũ trụ thì cái sinh-khí đó là linh-hồn của các thế-giới cùng các tinh-cầu luân-chuyển trên bầu trời. Lại là cái sức hành-động của tạo-vật, thuộc về khí âm, do tự Thượng-đế phát-sinh ra, mà không phải chính là Thượng-đế. Trên địa-cầu thì sinh-khí đó là cái chất vô-hình, bàng-bạc trong thế-gian, làm môi-giới cho tinh-thần với vật-chất, uất tích trong vòng không-khí, các giống sinh-vật thường thụ-dụng lấy trong khi hô-hấp. Sức ấy lại phát-biểu ra bằng điện-khí nữa; nó làm cho các cơ-thể được phát đạt ra mà sinh ra cái từ-khí (*force magnétique*) chung-đúc ở các thần-kinh-hệ. Trong loài người ta thì sức ấy là tiêu-biểu ở người đàn bà, truyền đi mới sinh ra con-cái.

Lưỡng-nguyên (*dyade*) là họp số Một với số Hai, nghĩa là họp hai khí âm-dương lại làm một, thành một thể điều-hòa, muốn qui-nạp về Nguyên-số. Lưỡng-nguyên là tiêu-biểu cho hai cái phương-diện vật-chất của vô-số các bản-thể về tinh-thần.

Số Ba thì là vật-chất, bản-thể nó bao giờ cũng như bao giờ, và nó dùng để cấu-tạo ra các thế-giới cùng các sinh-vật. Nó là cái cõi hình-sắc ở bên ngoài, sắc mà không, không mà sắc, để làm chỗ nương tựa cho cái sức sinh-hoạt, để làm cái đường lối cho các giống xuất-hiện ra và tu-luyện lấy mình, cũng lại làm cả cái trở-lực bề ngoài để cho cái sức thần-bí nó hành-động ở bên trong. Vật-chất đó thì thay đổi luôn, sinh ra diệt đi luôn, sự sinh-tồn của nó không lấy gì làm nhất-định.

Nói tóm lại thì duy có cái tinh-thần là tự-tại và bất-diệt mà thôi. Sinh-khí thì thay-đổi luôn, tích-lũy lại rồi lại tiêu-tán đi. Còn Vật-chất thì sinh sinh diệt diệt vô-cùng. Vật-chất chẳng qua là tinh-lực chung đúc lại, tinh-lực chẳng qua là trí-tuệ phản-chiếu ra, trí-tuệ chẳng qua là tinh-thần chuyển-dịch đi.

Tam-nguyên (*triade*) là họp số Một số Hai và số Ba, tiêu-biểu cho sự kết-cấu của vạn-vật. Đó là cái luật cấu-tạo ra cả thế-gian. Khắp trong cõi học, về ngành nào cũng nghiệm thấy cái luật đó, trí người phân-tích được tới đâu cũng thấy có cả.

Bởi thế nên trong các đạo-giáo rất hoàn-toàn của loài người, đều có cái quan-niệm về « Ba ngôi » (*Trinité*), để tiêu-biểu cho sự tưởng-tượng cùng sự sùng-bái thần-minh. Bởi vì cái quan-niệm đó mầu-nhiệm quá, kẻ phàm-phu không thể hiểu được, cho nên phải đặt ra những tên nọ tên kia, diễn ra hình-tượng, đặt ra truyện-tích để cho người ta dễ hiểu.

Các đạo-giáo về đời thượng-cổ, bề ngoài vẫn là những đạo đa-thần mà bề trong chính là độc-thần, vì cái nghĩa mầu-nhiệm của nó chính là qui về Nhất-nguyên vậy.

Các cổ-giáo của Ai-cập, của Hi-lạp, cho đến đạo Cơ-đốc, đạo Phệ-đà, đạo Phật-đà, cũng đều hàm có cái ý-nghĩa đó cả, là nghĩa ba ngôi gồm lại làm một, một ngôi chia ra làm ba vậy.

Số Bốn là tiêu-biểu cho cá-nhân (*individu*), gồm cả ba phần trong thể tam-nguyên, nghĩa là thu cả sức Tinh-thần, sức Sinh-hoạt cùng sức Vật-chất, biệt-lập thành mối riêng để tự-do hành-động.

Số Bốn tức là hình tam-giác tứ-diện (*tétrade*), hay là thể tứ-nguyên (*quater-*

naire), là gồm cả những nguyên-chất cần để lập thành cá-nhân. Tứ-nguyên là cá-nhân thực-hiện ra hoàn-toàn, cũng như cái hình kim-tháp là hình đệ-nhất của kỷ-hà-học. Bởi vậy nên PYTHAGORE lấy hình đó làm biểu-tượng cho tạo-vật, ngọn tháp là cõi Duy-nhất của Thượng-đế, ba mặt là Tinh-thần (*Esprit*), Sinh-khí (*Force vitale*) cùng Vật-chất (*Matière*), lại họp lại mà thành một mặt thứ tư nữa ở dưới chân, tức là cái bản-thể Duy-nhất của cá-nhân (*Unité individuelle*) vậy.

Cổ-nhân vẽ ra cái hình đó là để cho tưởng-tượng mà biết rõ bốn cái nguyên-thể làm thành ra các giống liên-can quan-hệ với nhau thế nào. Mặt Tinh-thần thì cai-quản cả hai mặt Sinh-hoạt cùng Vật-chất. Mặt Sinh-hoạt thì đứng giữa một bên Tinh-thần chủ-động, một bên Vật-chất thụ-động. Vật-chất nhờ có Tinh-thần đốc-suất, nhờ có Sinh-khí chuyển-động mới thành ra có cơ-thể hoạt-động. Còn mặt thứ tư là mặt Cá-nhân làm nền-tảng, thì dung-hòa cả ba phương-diện, tức là ba sức mạnh Tinh-thần, Sinh-hoạt cùng Vật-chất, lấy ý-thức mà tổng-hợp cùng cai-quát hết thảy. Như vậy thì toàn-thể là một mà là ba, là ba mà là một, ba là Tinh-thần, Sinh-khí cùng Vật-chất, một là Cá-nhân gồm cả ba sức mạnh đó để sử-linh vận-dụng. Cái bí-thuyết về Thượng-đế của các đạo-giáo đời xưa, cũng cho một đấng chia ra ba ngôi, ba ngôi họp lại một đấng lấy làm cao-thâm mầu nhiệm vô-cùng, không dám đọc đến tên mà chỉ vẽ ra hình mà thôi. Nhưng dã hiểu cái ngụ-ý xa-xôi như vậy, thì cũng hiểu cái nghĩa ba ngôi của đạo-giáo, mà lại thấu cả các lẽ huyền-bí về cách thành-lập của thế-giới cùng của loài người, cùng sở-dĩ làm sao mà trí-tuệ người ta hiểu về các lẽ huyền-bí đó không được giống nhau vậy.

Người ta cũng như vạn-vật là kết-cấu theo thể tứ-nguyên. Tức là một thể do bản-thể Duy-nhất phát-sinh ra, rồi tự-nhận-chân ba cái nguyên-chất thành-lập ra mình mà chủ-trương chi-phối hết thảy.

Trong người ta thì số Một là phần Tinh-thần, do tự Tạo-vật phó-dữ cho. Nhờ có phần tinh-thần đó mà Thượng-đế hình như vẫn ngụ ở mỗi người, tùy phần tinh-thần nhiều hay ít mà cái dấu vết của Thượng-đế cũng biểu-lộ ra nhiều hay ít, sẵn lòng giúp cho người ta tinh-tiến, tùy sự nỗ-lực của mỗi người. Tinh-thần ở trong người ta là cái chi quyết-định, điều-hòa cho công-việc riêng của mỗi người, cho đến lúc thần-trí chi-phối hết thảy, thoát được khỏi sự kinh-nghiệm về vật-chất.

Số Hai là cái sức sinh-hoạt hay sức từ-khí (*force magnétique*) nó ngụ ở trong cơ-thể. PYTHAGORE cho cái nguyên-lực đó như một cái linh-hồn biệt-lập, chất nó lỏng, có thể tự kết-cấu thành một thể-chất khinh-thanh làm khuôn-mẫu cho các phần vật-chất trong thân-thể. Cái hồn lưu-động đó, khi thân-thể chết rồi nó vẫn còn, dùng làm cái xe chở cho tinh-thần trong khi chuyển-biến từ kiếp nọ sang kiếp kia. Nó là cái sức mạnh vô-hình để làm môi-giới tất-yếu cho vật-chất với tinh-thần, cho hình-thể với trí-tuệ. Nó là nơi chiến-trường của tinh-thần với vật-chất xung-đột nhau, tinh-thần thì muốn tiến lên cho tới cõi Thượng-đế, vật-chất thì lại muốn giữ lại cho không bồng-bột lên được, đợi cho cái công tinh-tiến được hoàn-toàn. Chính cái sức mạnh đó làm chủ-động cho cơ-thể, và phép y học thường dùng để điều-trị bệnh-tật, bảo-tồn sức khỏe. Chính nó là bảo-thủ cho cái qui-mô chi-phối cho thân-thể cùng các bản-năng trong thân-thể. Nó củ-tập các tinh-lực trong người, điều-hòa các chức-vụ trong

thân-thể, để giữ lấy sức khỏe, chống với bệnh-tật, khi bệnh phát ra, có thể tự-nhiên điều-trị cho khỏi được. Phép y-học cũ theo thuyết tự-nhiên, vẫn biết lợi-dụng cái sức mạnh đó, mỗi lần tật-bệnh nhóm lên, thì tất thấy nó gắng-gỏi phòng-bị, bấy giờ không nên ngăn-trở, cứ để cho tự-nhiên hành-động, không cách trị bệnh nào thần-diệu bằng. Những sức mạnh nó dùng để chống với tật-bệnh đó, tức là cái sức trừ-bị tự tiên-thiên, như cái vốn sinh-hoạt của người ta đã tiếp-thụ được từ ông cha, từ nòi giống vậy. Cái vốn đó trong một đời tiêu-dùng đi hoặc nhiều hoặc ít, mỗi lần tái-sinh thì lại thay đổi hẳn. Lại bằng ngày hấp-thụ trong không-khí, trong ánh sáng mặt trời, trong nước cùng các đồ ăn thiên-nhiên, cũng tiếp bổ luôn cho cái sức sinh-hoạt đó.

Số Ba thì là phần vật-chất trong thân-thể. Phần này không phải của tự người ta, vì là thay đổi luôn bằng cách bổ-dưỡng, bằng sự hấp-thụ cùng bài-tiết các chất. Những chất trong cơ thể người ta cách mấy tháng thì đổi mới hết không còn gì nữa. Người đời chỉ biết có thân thể mình, tưởng thân-thể là cái chân-tướng độc-nhất vô-nhị, không biết rằng chẳng qua là cái biểu-tượng bề ngoài đó mà thôi, bên trong mới thật là có cái sức sinh-hoạt cùng cái sức tinh-thần của người ta hành-động.

Nay đến số Bốn là cá-nhân lấy ý-thức mà nhận-chân cái bản-thể của mình, cai-quát tổng-hợp cả các sức mạnh tinh-thần, sinh-hoạt cùng vật-chất, mà điều-hòa hết thảy trong cõi ý-thức (*conscience*). Cá-nhân được tự-do khuynh-hướng, tự-do thí-nghiệm mà tự mình gây dựng ra nhân-cách của mình, thành ra tính-chất mỗi người khác nhau, tính-tình khác, trí-tuệ khác, tâm-tư khác. Nói tóm lại, người ta khác nhau là bởi cái ý-thức của cá-nhân tự-do phát-đạt cả. Bởi đó nên người ta cùng một cỗi-rễ mà ra cùng kết-cấu theo một kiểu-mẫu, cùng khuynh-hướng về một mục-đích, mà mỗi người một khác, không ai giống ai cả.

Lại những nguyên-chất làm thành ra tâm-lý người ta cũng có thể hành-động với nhau mà tạo-thành ra những trạng-thái khác nhau. Tỉ như phần Tinh-thần mà phát-đạt, thì người ta sáng-suốt khôn-ngoan, biết trực-giác mà hiểu các lẽ, biết trác-kiến mà trông xa-xôi, có khi siêu-việt mà đoán được những lẽ mầu-nhiệm. Nếu là cái sức Sinh-hoạt thịnh mà lấn đoạt cả, thì cách cử-động của người ta toàn là sự phản-động của bản-năng cả, công việc làm là ở chỗ vô ý-thức mà ra, khác nào như có cái sức mạnh nó thúc-giục phải làm mà mình không tự-chủ vậy. Có khi sự biệt-lập đó mạnh cho đến nỗi trong nhân-cách hình như phân đôi ra, một phần hành-động mà một phần như đứng bàng-quan vậy.

Người ta là một thể Tam-nguyên (*Triade*), bao-hàm trong một thể Nhất-nguyên (*Unité*), thành ra một thể Tứ-nguyên (*Tétrade*), điều đó cứ nghiệm ngay trong thân-thể người cũng đủ biết.

Thân-thể người có ba phần đặc-biệt: đầu, ngực và bụng. Đầu là nơi ở của thần-trí, là chỗ sinh-hoạt bằng trí tuệ, bằng ý-chí, để làm chủ-động cho cả người. Ngực là nơi trung-tâm của sức sinh-hoạt, do quả tim truyền máu trong thân-thể, do buồng phổi hô-hấp khí trời để truyền vào máu, do hai tay để khuếch-trương cho sự vận-động của quả tim cùng buồng phổi. Bụng là phần vật-chất tiếp-nhận lấy đồ ăn, tiêu-hóa nó để bồi-bổ cho hình-thể người, lại có hai chân vận-động để giúp cho sự tiêu-hóa.

Ba phần đó là tiêu-biểu cho ba cái sức mạnh cốt-yếu của người ta, gồm lại thành một cơ-thể hoàn-toàn, tức là phần thứ tư chi-phối cả các cơ-quan

trong người, điều-hòa hết thảy, để khuynh-hướng theo về một mục-đích chung.

Lại trong một cái mặt người cũng theo một cái qui-mô ba phần đó : Tầng trên là tầng trí-não, gồm cái trán và hai con mắt, tầng giữa là sinh-hoạt hô-hấp, gồm hai gò má và cái mũi, tầng dưới là vật-chất thụ-động, gồm hai hàm răng và cái miệng.

Cho chí đến tứ-chi người ta cũng theo một qui-mô đó : phần thứ nhất là đùi hay cánh tay trên, là phần chủ-động ; phần thứ nhì là ống chân hay cánh tay dưới, là phần truyền-động ; phần thứ ba là bàn chân hay bàn tay, là phần thụ-động.

Nói tóm lại thì xét về phương-diện thai-sinh, về phương-diện giải-phẫu, hay là phương-diện sinh-lý, đều thấy một cái qui-mô tổ-chức như thế cả.

Vậy thì cái thuyết Tứ-nguyên chứng rõ rằng người ta phân-tích ra thì có ba phần mà tổng-hợp lại chỉ là một, có thể cho là một cái thuyết cốt-yếu cho khoa-học cách-trí. Không có cái thuyết này làm chủ thì phàm nghiên-cứu về cổi-rễ, về các luật-pháp sinh-hoạt cùng đạo-đức, về mục-đích cứu-cánh của loài người, không thể không sai lầm được. Về đời thượng-cổ, những người đã nhập-diệu được các phép bí-truyền, đều hiểu rằng bản-chất của người ta là có ba phần. Hồi đạo Cơ-đốc mới thành-lập, cái quan-niệm về Tam-nguyên đó cũng chưa mất hẳn, xem như Thánh Bảo-lộc (*Saint Paul*) phân-biệt ra trong người ta có ba phần : hồn, phách và thể (*spiritus, anima, corpus*), thì đủ biết

Ngày nay cái thuyết duy-vật thịnh-hành, cho rằng chỉ có hình-thể là thực có mà thôi, chỉ nên chăm-chút đến cái thể-chất của người ta, đến cách sinh-hoạt về phần vật-chất mà thôi, không biết rằng trong người còn có một cái sinh-khí nó chủ-trương, còn có một cái tinh-thần nó chi-phối nữa, như thế thì sai lầm biết dường nào

Lại cái thuyết duy-tâm cho rằng chỉ có phần tinh-thần là trọng, không biết rằng còn phải có cái sinh-khí để làm môi-giới vô-hình cho vật-chất với tinh-thần, thì không biết làm thế nào mà giải được cái lý-do nó khiến cho tinh-thần ảnh-hưởng đến vật-chất vậy.

Các thuyết đó đều có khuyết-điểm cả, vì cái thói quen của người ta phàm quan-sát về mình cùng về thế-giới bên ngoài, đều có ý thiên mà độc-đoán về một phương-diện. Thành ra ý-kiến thiên-lệch, chỉ biết khuynh-hướng về một đường. Không phải là sai-lầm hẳn, chỉ là không được hoàn-toàn mà thôi. Lấy cái hình kim-thạp làm biểu-tượng, thì ba mặt cũng ví như ba cái cửa để cho cái bản-ngã của người ta đứng giữa nhìn được ra cõi thế-giới bên ngoài và thu lấy cái ánh sáng của ngoại-giới để tự quan-sát lấy mình. Vậy thì nếu chỉ nhìn bằng cái cửa Vật-chất mà thôi, thì chỉ trông thấy cõi vật-chất và đem một cái thuyết duy-vật thô-bỉ để giải-thích về thế-giới cùng bản-thân mình. Nếu lại chỉ quay về cái cửa Thần-trí mà thôi, thì cho vật-chất là hư-không, không biết rằng cái bản-năng của người ta là do ở vật-chất mà ra, và tiện-thị cho ngoại-giới là mộng-ảo cả. Nay nếu lại chỉ trông qua cái cửa Sinh-hoạt mà thôi, thì bấy giờ phó mặc cho cái sinh-khí nó sai khiến, để cho cái vật-dục nó chủ-trương mình, và chỉ biết sống theo cái đời con động-vật mà thôi.

Ấy là thí-dụ như vậy, chứ ít khi người ta chỉ nhìn bằng một cái cửa mà thôi, hai cái cửa kia thế nào nó cũng lọt qua ánh sáng vào ít nhiều ; tuy-nhiên những người thật là sáng-suốt, hiểu biết rằng bản-chất của mình có ba phần, mà biết tổng-hợp điều-hòa được hết thảy, lấy cái bản-ngã của mình mà

chủ-trương thống-nhiếp, thì thật là ít lắm.

Song dù người ta chỉ thiên mà theo miết về một đường, rồi sớm trưa cũng tỉnh-ngộ ra mà biết được trong vũ-trụ có một cái sức chi-phối độc-nhất; nếu thuộc về phái Duy-sinh (*Vitalistes*) thì gọi cái sức đó là Tạo-vật (*Nature*), thuộc về phái Duy-vật (*Matérialistes*) thì gọi nó là Tinh-lực (*Energie*) hay là Ngẫu-nhiên (*Hasard*), nếu mà thuộc về phái Duy-tâm (*Spiritualistes*) thì gọi là Thượng-đế (*Dieu*) hay là tên gì khác đó. Vì rằng dù theo đường lối nào, chung-qui cũng là tới một chỗ tuyệt-đỉnh là cái thể Duy-nhất (*Unité*) sáng-tạo ra hết thảy. Lạ thay là trông thấy các phái triết-học, khoa-học, tôn-giáo, thảo-luận nhau hoài, tranh-đành nhau một cách kịch-liệt, có khi đến lưu-huyết, để cho cái danh-hiệu riêng của mình được thắng, không biết rằng dù phái nào cũng vậy, 3 ngay trong phạm-vi của mình đã đạt tới cái tôn-chỉ độc-nhất rồi, duy chỉ nên cai-quát cả mà hình-dung cho trọn vẹn mà thôi.

Nhất là về y-học, lại càng cần phải cai-quát thống-nhất như vậy. Các thuyết Duy-sinh, Duy-tâm, Duy-vật, thuyết nọ cách-biệt với thuyết kia, thuyết nào khu-khu trong phạm-vi thuyết nấy. Thế là mới làm trọn cái công-phu phân-tích mà thôi. Nay chỉ phải hiệp-lực nhau lại là cai-quát được cả toàn-thể người ta mà tổ-chức được khoa y-học tôn-giáo (*médecine religieuse*) về sau này. Phép điều-trị bấy giờ, không phải là chỉ cần lấy cái hiệu-lực về vật-chất để phương-hại đến các công-việc của thần-trí cùng của sinh-khí, nhưng biết giữ cho thần-trí cùng sinh-lực được điều-hòa, tùy cái tạng của mỗi người mà điều-trị; trong bốn phần cốt-yếu cho việc sinh-hoạt, là tư-tưởng, hô-hấp, bổ-dưỡng và vận-động, có người thiên về đường nọ, có người thiên về đường kia, thành ra tạng người khác nhau, cách trị-bệnh cũng phải tùy theo mà châm-chước.

Nói tóm lại thì cái thể tứ-nguyên (*quaternaire*), tức diễn ra hình tam-giác tứ-diện (*tétrade*), không những là cái thìa khóa để mở cho ta biết cái kho bí-tàng của loài người, mà lại giải tỏ cho ta hiểu rằng người ta cũng tổ-chức theo một khuôn mẫu như vũ-trụ, như Thượng-đế, người ta chính là một cái « tiểu-vũ-trụ » (*microcosme*), vì cũng là gồm ba ngôi lại làm một thể vậy. Có hiểu như thế thì mới biết lời cách-ngôn của cổ-nhân là thâm-trầm; cổ-nhân dạy rằng: — Nên biết mình trước, rồi sẽ biết vũ-trụ cùng thần-minh.

(*Còn nữa*)

T.-C. *dịch*

TUỒNG HÁT

Tích Phụng-nghi-đình

II

CẢNH THỨ BA. — Vườn hoa — Nhà Tư-đồ

Đêm trăng Điêu-Thiền ra vườn hoa hóng mát :

Nói lối : Vườn hồng-hạnh hắt-hiu gió mát ; song bích-đào bát-ngát hoa thơm. Cỗi tường đông mặc bướm chợt ong chờm ; nơi đình bắc thoảng ve ngâm dế khóc. Ủa đêm khuya trằn-trọc ; khôn giở khúc bồn-chồn.

Tán : Ấu mình thử ra vườn hoa hóng mát dạo chơi, ngâm câu thơ cho đỡ buồn chứ.

Ngâm thơ giọng bắc, thơ bát-cú, mỗi câu có tên một con vật tiết-túc :

Bé gái mong manh phận cánh *chuồn*,
Mình *ve* nhẹ xộp tuổi còn son ;
Mây *ngài* uấn-éo vòng trăng liếc,
Thân *bướm* gầy hao nét phấn mòn ;
Thất đáy lưng *ong* dường ông chuốt,
Rối vày tơ *nhện* luống khêu buồn ;
Thành sầu cao ngất ơn *vò* nặng,
Đành hẹn duyên *vờ* bao nước non.

Vương Tư-đồ ra ngồi nói nghe tin Tào Tháo thất-sách, nghĩ phiền bực ngồi than thở một mình với ngọn đèn :

Hường : Trời đêm sương lạnh ; bóng lụi đèn tàn.

Tán : Ủa chà chà, nghĩ phiền bực quá đi mất.

Hường : Mảng tin nhường xé ruột bào gan ; sực nghĩ lại ngậm than ngùi thở.

Tán : Hừ mình trao cho Tào Tháo thanh kiếm, toan để mượn tay hắn để đâm chết thằng Đổng Trác, giờ nghe hắn lại làm thất-sách, kiếm đã mất mà người thì bị nã, mình đã cay-đắng chưa !

Hường : Ngẫm việc làm trắc-trở ; xui dạ nghĩ bồi-hồi.

Tán : Hừ, càng nghĩ lại càng thêm phiền bực.

Hường : Luống thương thay tóc bạc da mồi ; ngồi gảy ngọn đèn lù đêm vắng.

Thét : Ủa như lão chỉ trằn-trọc, ngủ sao cho đặng.

Tán : Ủa chà chà !

Vỉa : Trằn-trọc ngủ sao cho đặng.

Tán : Trời đã khuya lắm mất rồi.

Vỉa : Sực tiếng gà nghe vẳng đầu non.

Tán : Ờ gà gáy chim kêu.

Nam : Lóng nghe con cuốc gọi hồn.

Tán : Dễ con chim nó gợi sầu đó.

Nam : Đêm hè khắc-khoải nỗi buồn buồn tê.

Điêu-Thiền đứng lóng nghe nói ngoài :

Hường : Mình tấm thân nhi-nữ ; từng phụng-sự Tư-đồ Xót thân một chút phận bồ ; bấm tuổi vừa chừng tơ liễu. Mối tình chưa gian dịu ; cuộc nước những lo toan.

Tán : Quái hôm nay quan Tư-đồ.

Hường : Sao mà ngài ngậm thở ngùi than, dường như thức thâu đêm suốt sáng.

Tán : Ấu là mình thử đến mình hỏi, họa là mình có giúp đỡ đặng chăng, kẻo mang tiếng nữ-nhi, gồng quẩy gánh giang-sơn không nổi.

Ngâm nam :

Lóng nghe con cuốc kêu hè,

Làm thân con gái cũng trông về nước [non.
Đêm khuya như gợi lòng buồn,
Tấc lòng vì chủ những bồn-chồn khôn khuây.

Vào hỏi : Dạ thưa cha, chẳng hay nay cha có việc gì, mà ấy-nay thâu canh không ngủ thế, dạ thưa cha?

Tư-đồ nói :

Cha lo vì việc nước, việc triều-đình, con là phận gái phận tôi đòi, biết đâu mà hỏi, và hỏi nữa thì con làm chi đặng cho cha khỏi sự phiền bực này, a con ?

Ngâm nam :

Tán : Ủa, này con ơi.

Nam : Việc trào nhi-nữ nào hay.

Tán : Rứa mần-răng mà con còn hỏi ?

Nam : Làm sao cho lão đặng khuây cơn buồn.

Điêu-Thiền nói :

Dạ thưa cha, việc chi cha hãy nói rõ cho con biết, ngộ may ra con có lo đỡ đặng chăng, chứ phận dù mong-manh bồ-liễu, mà thân này gồng quảy giang-sơn, con đâu dám từ chối, dạ thưa cha.

Tán : Ủa này cha ơi,

Nam : Dù con phận mỏng cánh chuồn,

Tán : Rứa mà việc chi con cũng không ngại.

Nam : Chen vai dành quảy nước non một gồng.

Tan : Vậy xin cha cứ nói cho con biết.

Tư-đồ hát tiếp :

Tán : Ủa này con, việc khó lắm, con không làm nổi đặng.

Nam : Nước non đưa đuổi tang-bồng.

Tán : Thôi con đừng hỏi gạn chi nữa.

Nam : Nữ-nhi dọ với anh-hùng sao đang.

Tán : Việc to và khó lắm, khó lắm ! con ạ.

Điêu-Thiền hát tiếp :

Tán : Ủa này cha ơi,

Nam : Anh-hùng qua-kiếm ngang-tàng,

Tán : Rứa mà con không sợ.

Nam : Nữ-nhi có lưỡi gươm vàng uẩn cong.

Tán : Dạ thưa cha, muốn ai anh-hùng thế nào thì anh-hùng, chứ con chỉ dùng hai mắt sắc dao cau, một lưỡi nhanh giáo nửa, thì anh-hùng nào cũng phải xiêu, dạ thưa cha.

Tư-đồ nói :

Ủa nếu con thế đặng thì còn nói chi nữa, a này con, giờ Đổng Trác mà làm quan Thừa-tướng nhà Hán mà trên nó hiếp thiên-tử, dưới nó nạt bá-quan, thế mà thiên-hạ sợ hãi nó, chỉ vì nó có thằng con nuôi là thằng Lã Bố, cho làm tướng-quân, sức mạnh tài cao, muôn người không địch nổi, nên cha đã chịu mất thanh kiếm cho Tào Tháo vào đâm Đổng Trác, mà việc lại thất-cơ, làm không xong, giờ cha lấy làm phiền bực quá, không biết tì-nữ có mưu gì mà giúp đỡ được chăng, cái đó thì không những cha được khỏi phiền lo, mà cả sơn-hà xã-tắc nhà Hán, bàn-dân thiên-hạ đều được cởi oan-khổ, đó con !

Ngâm tiếp nam :

Nếu con cứu giúp sẵn lòng,
Bàn-dân thiên-hạ đều cùng đội ơn.

Điêu-Thiền nghĩ một lát rồi nói :

Dạ thưa cha, con sực nghĩ ra được một cách rồi, giờ con tính cha chỉ đem con mà gả cho Lã Bố, rồi cha lại gả con cho cha nuôi nó là Đổng Trác, như thế thì chắc là thằng cha nó giết thằng Bố, mà không thì thằng Bố nó

giết thằng cha, con ở giữa chỉ dùng mắt đao cau, miệng giáo nửa đưa dầy mà cho cha con nó ghen tức giết lẫn nhau, chứ hề gì đến mình.

Ngâm thơ tứ-tuyệt giọng bắc :

Liếc ngang con mắt lưỡi gươm tình,
Dù nước còn nghiêng nữa đổ thành ;
Tướng mạnh quân hùng thua một gái,
Quyết vì non nước hiếu-trung thành.

Tư-đồ nói :

Ủa nếu con làm đặng như thế thì con nên ngồi lên cho cha xin thay mặt bàn-dân thiên-hạ sơn-hà xã-tắc nhà Hán mà lạy sống con.

Vừa sụp lạy vừa ngâm thơ giọng bắc :

Con quyết đền xong nợ nước non,
Cha vì non nước lạy con con.

Điêu-Thiền vội đỡ tay nâng dậy nói :

Chết nỗi sao cha lại làm thế, con nào dám lấy lạy của cha.

Tư-đồ nói :

Xin con cứ ngồi lên cho cha lạy, đó là cha thay mặt sơn-hà xã-tắc bàn-dân thiên-hạ nhà Hán mà lạy con, xin con hãy dấn mình mà gánh vác lấy việc đó cho, miễn là con cứ nhận lạy cho mới đặng.

Nói xong lại sụp lạy, ngâm tiếp :

Con hãy ngồi lên cha bốn lạy,
Xin đừng mảng phấn phụ lòng son.

Nói : Một lạy sống bằng đống lạy chết, miễn là con nhận lấy cho cha mà hết lòng cồi căm-tức oan-khổ cho sơn-hà xã-tắc bàn-dân thiên-hạ đó con.

Điêu-Thiền chắp tay vái lạy nói :

Vâng, con xin nhận rồi.

Ngâm nam :

Lời cha ghi tạc bao mòn,
Phấn son nào phụ nước non cho đành.

Tư-đồ tiếp nam :

Tán : Ủa này con ơi,

Nam : Mông-mênh bể ái nguồn tình,

Tán : Việc dù to con phải gắng nhé.

Nam : Sao cho nghiêng nước nghiêng thành mới cam.

Nói : Thôi con hãy đi nghỉ, để sớm mai cha cho mời Lã Bố sang thết tiệc, gọi con ra rót rượu, con làm thế nào cho hắn rõ mê-mệt về thanh-sắc tài-tình của con, rồi ta sẽ liệu, a con.

Điêu-Thiền xin vâng lời hát tiếp :

Tán : Ủa này cha ơi,

Nam : Chập-chờn én bắc oanh nam.

Tán : Đó xin cha sẽ tính.

Nam : Xe tơ sớm liệu buộc-giàng tình chung.

Tán : Vậy con xin vào nghỉ.

(Hạ)

Tư-đồ sớm mai ngồi bạch :

Hưởng : Hứ nghe như chước Điêu-Thiền rất diệu; nay cho mời Lã Bố sang chơi. Tiệc vui chuốc chén khuyên mời, rượu choáng ắt tình mê-mệt. Trai gái trẻ ham chơi liều chết, cha con nuôi còn thiết nỗi gì ; mẹo Điêu-Thiền như thế tuyệt-kỳ, tài Lã Bố dẫu chi mà lạ.

Ngâm nam :

Xưa nay nhi-nữ anh-hùng,
Đố ai tránh khỏi thoát vòng tơ vương.

Gọi : Lính, đi mời tướng-quân Lã Phụng-Tiên sang xơi tiệc.

Lính dạ

(Hạ)

Buông cảnh đường

Lã Bố ra bạch :

Hưởng : Phụng-nghi-đình ý nguyệt ; Xích-thố-mã truy-phong.

Thét : Rứa như ta đọ mặt anh-hùng; đã từng trải chinh đông dẹp bắc,a.

Vía : Từng trải chinh đông dẹp bắc.

Tán : Rứa thì mình giỏi thật.

Vía : Đấng nam-nhi dư bậc tài-hoa.

Tán : Làm trai như mình kể cũng ít có.

Nam : Mấy lần kiếm-mã xông-pha.

Tán : Hử kẻ biết mấy phen trận trường xông-đột.

Nam : Luống còn ao-ước danh-hoa khuynh-thành.

Tán : Rứa mà mình hãy còn kén vợ, có đám nào rõ thật danh-hoa tuyệt-sắc, quan tướng-quân mới thưởng-thức, không thì ai thèm.

Cậu linh ra đón mời :

Dạ dám bẩm quan tướng-quân, quan Tư-đồ cho tôi cầm thiếp sang mời ngài sang xơi tiệc.

Lã Bố nói :

À quan Tư-đồ cho mời à. Hử mình làm tướng-quân con nuôi quan Đồng Thừa-tướng, mà đến quan Tư-đồ cũng phải mời, dã hách chưa. À thằng kia, ta nghe quan Tư-đồ có nuôi bọn nữ-nhạc trong nhà, có đứa nào đẹp lắm không, hử mày?

Cậu linh hát dịp đuổi thưa lại :

Dạ bẩm tướng-quân, nữ-nhân tuyệt-sắc; cô Nam cô Bắc, soi gương sáng quắc; vừa ra sắc-mắc, hoa rắc vườn hồng; tình tính tinh, hồng qua lới nọ hồng hoa (1 dịp). Người đẹp tiên sa, về nhà khuê-các; nghìn vàng khôn chác, mắt coi lang-lác; gươm tình sắc mác, dích xác cô Điêu-Thiền, tình tính tinh thiền, qua lới nọ thiền-liên (2 dịp). Ngài muốn mua tiên, sẵn tiền là được; tha-hồ mây nước, tôi sang mời rước; dù ngài ao-ước, xin trước quan Tư-đồ, tình tính tinh dồ, quá lới nọ đồ xôi (3 dịp).

Nói : Dạ dám bẩm tướng-quân, quan Tư-đồ tôi nuôi các cô nữ-nhạc, cứ như mắt tôi trông, thì cô nào cũng soi gương đánh phấn đẹp như sao băng, nhưng có mỗi cô Điêu-Thiền ra về nhà khuê-các, khôn-ngoan sắc-xảo, coi mới đẹp làm sao chứ, nên quan Tư-đồ tôi không hay cho cô ấy ra tiếp khách, nếu khách sang thì cô ấy còn phải đồ xôi, vì tay xôi vò chè đường khéo lắm, ngài sang có muốn xem mặt thì phải bảo quan Đồ đòi gọi mới được, không thì xôi hỏng bỏng trơ mất, thưa ngài.

Ngâm :

Con quan Đồ khéo đồ xôi,
Muốn xơi phải hỏi không rồi bỏng trơ.

Lã Bố cười nói :

Ư thằng nó nói ý thông lắm, muốn ăn xôi thì phải cố chịu đấm, mà muốn kén lấy vợ đẹp thì phải chiều ông bố vợ là phải.

Ngâm :

Anh-hùng muốn kén ái-cơ,
Ăn xôi chịu đấm lẽ xưa là thường.

Nói :

Ừ, ta sang ta phải bảo quan Đồ, bắt được Điêu-Thiền ra tiếp chớ.

Cùng vào.

Vương Tư-đồ ra chào hỏi, mời ngồi, thết tiệc.

Tư-đồ nói :

Dạ dám thưa tướng-quân Lã Phụng-Tiên, lão-quan này vẫn nghe biết tướng-quân làm nghĩa-tử quan Đồng Thừa-tướng, tướng-quân vốn là người khách-khí cao-nghĩa, từng tưởng-duyệt các danh-hoa, mà chưa có ai đã lọt vào con mắt, nên lão-quan lấy làm hâm-mộ lắm, muốn mời tướng-quân sang chơi, để được tiếp diện và uống chén rượu, nói câu chuyện thưởng-thức danh-hoa, là thú-vị đó, a tướng quân.

Ngâm nam:

May nay gặp mặt anh-hùng,
Tiệc hoa chuốc chén rượu nồng dưa cay.

Lã Bố nói :

Dạ dám bẩm quan Tư-đồ, ngài là bậc lão-quan, hậu-sinh này là một kẻ niên-thiếu, mà ngài lại rộng cho dự tiệc để tỏ chí sinh-bình, thì hậu-sinh lấy làm cảm-bội lắm, nhưng còn nói

đến sự thưởng-thức danh-hoa, thì nào có danh-hoa đâu, mà thiếu-niên khách-khí cao-nghĩa không thèm để vào con mắt, a ngài ?

Ngâm :

Rượu nồng ai chẳng mê say,
Thưởng danh-hoa dễ không cay vì tình.

Tư-đồ nói :

Thưa tướng-quân, danh-hoa thì thực là ít quá, nhưng đối-tửu mà không thưởng hoa thì thật là buồn, giờ lão-quan có mấy kẻ nữ-nhạc, tướng-quân có tạm dùng, lão-quan sẽ xin gọi ra chuốc rượu hầu tướng-quân.

Ngâm :

Danh-hoa ít có một ngành,
Thưởng-hoa tạm chuốc chén quỳnh trao tay.

Lã Bố nói :

Nếu có thiệt danh-hoa, thì sẽ nên gọi ra, kẻo tính Phụng-Tiên này thưởng hoa rất nên kén chọn, dạ thưa ngài.

Ngâm :

Lựa hoa hay hột mỏng mây,
Hoa chưa tuyệt-sắc dễ say anh-hùng.

Tư-đồ nói :

Dạ thưa tướng-quân, danh-hoa tuyệt-sắc, thì nhà lão-quan làm gì sẵn có, chỉ có bọn nữ-nhạc, xin gọi ra để tướng-quân chọn.

Ngâm :

Cánh hoa đua nở vườn hồng,
Chọn ngành hái nụ mặc lòng tướng-quân.

Gọi : Lính, đi gọi bọn nữ-nhạc ra đây.

Bốn người nữ-nhạc ra.

Lã Bố cùng lấy tay vẫy nói :

Dạ dám bẩm quan Tư-đồ, bọn nữ-nhạc này, đều chưa đủ lọt vào con mắt hậu-sinh cả, còn ai nữa xin ngài cho ra nốt tôi coi.

Ngâm :

Yêu hoa hỏi nụ tầm-xuân,
Hoa cà nụ mướp tướng-quân nào dùng.

Tư-đồ nói :

Bẩm quan tướng-quân, hết cả từng ấy người nữ-nhạc, mà tướng-quân không vừa mắt một người nào, thì chỉ còn có mỗi Điêu-Thiền là tỳ-nữ của lão, lão chưa từng cho ra tiếp ai bao giờ cả, sợ quê kệch, không biết có lọt mắt quan tướng-quân không mà lão-quan gọi ra.

Ngâm :

Chỉ còn một đóa hoa hồng,
Biết rằng con mắt anh-hùng có đưa.

Lã Bố nói :

Dạ bẩm quan Tư-đồ, thường tỳ-nữ mà lắm người đẹp lạ như Tây-Thi ngày xưa còn đi giặt lụa ở Cán-hoa-khê, thì đã ai biết là đẹp chứ, dạ thưa ngài.

Ngâm :

Hoa tỳ lắm vẻ mây mưa,
Cá chìm đáy nước nhạn sa lưng trời.

Nói : Vậy xin ngài cứ cho gọi ra đây.

Tư-đồ gọi :

Lính, đi vào gọi Điêu-Thiền.

Điêu-Thiền đi lững-thững từ nhà trong ra ngâm thơ tứ-tuyệt giọng bắc :

Non nước e nhiều nỗi éo-le,
Liễu bồ một quảy nhẹ mình ve ;
Tang-bồng ướm hỏi ai tri-kỷ,
Vin cánh hoa hồng sẽ nhắn-nhe.

Vừa ngâm vừa cầm lá quạt che ngang mày, liếc mắt mỉm cười, cúi đầu chào Lã Bố :

Dám bẩm quan tướng-quân sang chơi.

Lã Bố chợt trông thấy Điêu-Thiền ra, vội đứng dậy ngảnh đầu ngó mắt nhìn gật gật lắc lắc nói ngoài :

Quái lạ quan Tư-đồ ngài kén đâu được một người tỳ-nữ, coi đẹp như

sao bằng, thật là tuyệt-sắc vô-song, chẳng danh-hoa nào bằng, mình sang chơi rõ may quá, nếu không có tên lính nó mách, thì mình sao biết được giai-nhân tuyệt-thế nhi độc-lập, rõ sướng mắt thỏa lòng quan tướng-quân.

Tư-đồ bảo Điêu-Thiền :

A này con, đó là quan tướng-quân Lã Phụng-Tiên sang chơi với cha đó, con ra mời rượu đi, phải cho có phép-tắc, bảo sao nghe vậy đó a con.

Điêu-Thiền dạ, ra rót rượu, dâng mời liếc mắt mỉm cười đưa tình cho Lã Bố, một cách rất nghiêm-trang nhã-nhặn.

Nói : Dạ xin mời quan tướng-quân xơi rượu.

Lã Bố nói :

A này mĩ-nhân ơi, chứ sao mà người mĩ-nhân đã đẹp, con mắt tinh-thần, đôi mày uốn-éo, mà tiếng oanh thanh-lảnh như rót vào lỗ tai, vậy xin phép quan Tư-đồ, cho mĩ-nhân ngồi xuống đây mà hãm rượu cho mình mới được.

Điêu-Thiền rụt-rè.

Tư-đồ nói :

Phải phải, tướng-quân cho ngồi, con cứ ngồi, và nghĩ câu hãm cho tướng-quân, thế nào cho hợp cảnh anh-hùng nhi-nữ mới hay chứ, có hề gì mà câu-nệ a con.

Điêu-Thiền ngồi cầm chén rượu hãm :

Thuyền-quyên ví biết anh-hùng,
Dọc ngang trời rộng vẫy-vùng bể khơi.
Đắn đo cân sắc cân tài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung !
Được mấy anh-hùng !

Lã Bố cười nói :

Hường : Ủa lạ thiệt lạ thiệt ; mà hay sao hay sao Thuyền-quyên là ví mình như cánh hoa đào ; anh-hùng là bảo tớ dọc ngang trời bể. Trí Điêu-Thiền mau thế ; lòng Lã Bố ưa thay.

Tán : Dạ dám bẩm quan Tư-đồ.

Hường : Cho dặng cùng tì-nữ xe giây ; xin hãy mượn tiệc này đính-ước, dạ thưa ngài.

Tư-đồ nói :

Hường : A tướng-quân dạy sao, thiệt lão-quan chưa hiểu.

Lã Bố nói :

Hường : Dạ dám bẩm quan Tư-đồ, xin rộng thương cho Lã Bố.

Tư-đồ nói :

À à như tì-nữ đã được là danh-hoa tuyệt-sắc đâu, mà sao tướng-quân vội thế ? Biết ngài yêu hoa, có thương hoa được trót không ?

Ngâm :

Yêu hoa được lúc mầu hồng,
Phai hương nhạt phấn biết lòng có ưa.

Lã Bố nói :

Dạ dám bẩm quan Tư-đồ, ngài có rộng thương cho, thì con xin đoan rằng : xin yêu mến tì-nữ trót đời, và cho làm nhất-phẩm phu-nhân. Người ta bảo nhất vợ nhì trời, có lẽ nào con lại không thương tiếc quí-hóa, dạ thưa ngài.

Ngâm :

Phải chăng trăng gió vật-vờ,
Nhì trời nhất vợ còn ưa ai bằng.

Tư-đồ nói :

Ừ nếu quả được như lời nói, thì lão cũng gả Điêu-Thiền cho tướng-quân, miễn là đã thương hoa thì thương cho trót. A lão say lắm mất rồi khoan sự đó hãy thong-thả.

Ngồi tẩng say nhắm mắt ngủ gà, để xem tình-hình hai người.

Lã Bố ôm vai hỏi Điêu-Thiền :

A thế giờ mĩ-nhân tính sao ?

Điêu-Thiền vẫy tay ra liếc trỏ Tư-đồ nói :

Nghĩa-phụ thiếp bảo sự đó hãy thong-thả, biết tướng-quân có thương

hoa được trót không, mà sao tướng-quân cứ vội thế, sợ trái phép buồng khuê của thiếp a tướng-quân?

Ngâm :

Phép nhà gái ở bình-khuê,
Nghiêm bằng quan tướng đi về đại-[đình.

Lã Bố nói :

A nữ-tử tại bình, tướng-quân tại đình, vẫn phép phải nghiêm-ngặt, như sao mĩ-nhân lại bảo mình thương hoa không được trót. Vậy giờ quan Tư-đồ ngài say quá ngủ đi rồi, ta xin rót chén rượu mà thề riêng với mĩ-nhân rằng : nếu ta không lấy được mĩ-nhân, và không thương yêu được trót thì thề không sống một ngày nào mà làm tướng-quân nữa.

Ngâm :

Thề hoa xin cạn chén quỳnh,
Cũng đành sống thác với tình cho cam.

Tư-đồ bằng mắt ra bảo :

Hãy thong-thả.

Rồi lại tảng say ngủ gật.

Điêu-Thiền ngâm :

Đã hay dâm ngọc cầu Lam,
Còn e dẹp bắc chinh nam ngại-ngùng.

Nói :

Đã hay bây giờ tướng-quân thề hẹn, song mà tướng-quân còn phải đi dẹp bắc chinh nam, thiếp lấy làm ngại-ngùng lắm, a tướng-quân?

Lã Bố cầm lấy tay Điêu-Thiền hát nam :

Tán : A này mĩ-nhân ơi.

Nam : Anh-hùng mới biết anh-hùng,

Tán : Như ta với mĩ-nhân thì dẫu đi đâu mà lìa đặng.

Nam : Trăm năm để một tấm lòng từ đây.

Điêu-Thiền tiếp nam :

Tán : Ủa tướng-quân ơi.

Nam : Vẻ chi một chút bèo mây,

Tán : Phận thiếp là tì-nữ, có đâu được dự bậc phu-nhân.

Nam : Biết rằng mai có như rầy cho chăng?

Tán : Miễn là tướng-quân nhớ lời cho, mà đừng nỡ phụ thiếp nhé.

Tư-đồ lại bằng mắt ra bảo:

Hãy thong-thả.

Lại tảng ngủ gật ngồi ngáy.

Lã Bố tiếp nam :

Tán : Ơi mĩ-nhân ơi,

Nam : Anh-hùng tiếng đã gọi rằng,

Tán : Mĩ-nhân đừng có ngại, thề nào ta cũng không nỡ phụ mĩ-nhân,

Nam : Một dây một buộc ai giằng cho ra.

Điêu-Thiền tiếp nam :

Tán : Ơi tướng-quân ơi,

Nam : Đã gần chi có điều xa,

Tán : Rứa thì tướng-quân thật là bạn tri-âm của thiếp,

Nam : Ai tri-âm đó mặn-mà với ai.

Liếc trỏ Tư-đồ bảo Lã Bố :

Thế quan Tư-đồ ngài ưng gả thiếp cho tướng-quân, về tướng-quân liệu mà thu xếp cưới ngay đi nhé!

Ngâm nam :

Tán : Ơi tướng-quân ơi,

Nam : Hoa tươi nên hái liền tay,
Xin đừng để chậm lâu ngày rầu hoa.

Lã Bố ngâm tiếp :

Tán : Ơi mĩ-nhân ơi,

Nam :

Bây giờ ngọc tới tay ta,
Nếu ta chênh-mảng xảy ra tay người.

Nói : Được được để tôi về tôi liệu.

Tư-đồ bằng mắt ra nói :

Hãy thong-thả, sao lại giục tướng-quân thế a con?

Điêu-thiền tẳng xấu-hổ lánh vào.

Lã Bố nói :

Dạ dám bẩm.

Hưởng : Nếu quan Tư-đồ có sẵn lòng thương con ngon rau, thì tì-nữ hẳn cũng muốn lấy chồng trông cậy.

Tán : Vậy con xin về, con nói với Đồng Thừa-tướng con xin sang cưới ngay.

chào rồi hạ

(*Hạ màn*)

(*Còn nữa*)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

VĂN-UYỂN

Thầy đồ tự-hối.

Bể học mênh-mông lớp sóng dầy,
Nhà Đồ riêng chịu mất mùa cay ;
Mười năm dăng-hỏa công còn phí,
Bốn cõi tang-bồng nợ vẫn vay ;
Mão dậu (1) nếu còn khoa cử trước,
Ngọ mùi (2) chi thẹn số ngày nay ;
Con đường tùy-thế thôi dong sớm,
Tỏ mặt văn-minh cố lúc này.

Cô đồ họa vần trả lời

Nghe ngón thơ ai ruột những dầy,
« Tư-văn vị-táng » vạ gì cay ;
Giang-sơn trái đất em xin quản,
Phong-nguyệt kho trời cậu cứ vay ;
Lỡ dịp chỉ vì duyên-phận trước,
Gặp thời trả hết nợ-nần nay ;
Rung đùi hằng tạm khua đầu trẻ,
Lên bậc minh-sư cái lúc này.

NHÂN VÂN-ĐÌNH

Họa vần « Lạng-sơn bát-vịnh

của ông Nhân-Vân-Đình (3)

1.— Tam-thanh-động 三青峒

Mấy trùng thạch-nhũ cửa cao treo,
Thăm-thẳm đường mây nhẹ gót trèo ;
Họa kệ liên-hoa oanh lẫn yến,
Vui miền phúc-quả thới hòa beo ;
Bốn bề bát-ngát cây chen cỏ,
Một giải liên-miên suối lẫn đèo ;
Chơi cảnh thần-tiên thêm hám cảnh,
Trở hài khách những ngoảnh trông theo.

2.— Song-tiên-động 雙仙峒

Lạng-thành tiện nẻo tới Song-tiên,
Năm lạy thong-dong trước Phật-tiền ;
Mấy tiếng kim-chung khua giấc điệp,
Ba hồi mộc-đạc gọi hồn quyên ;
Thoát nghe bối-diệp vài chương kệ,
Chợt tỉnh phồn-hoa mọi mối phiền ;
Thanh-phúc toan vui miền tĩnh-độ,
E còn vướng-vít nợ cùng duyên.

3.— Mạc-gia-thành 莫家城

Đá mốc tường rêu gió thổi gào,
Tả-tơi thành Mạc cảnh buồn sao !
Giáo-gươm mặt trận dồn ba ngả,
Vôi-vữa tay tiên bận các tào ;
Mấy trượng đường mây coi vẫn thấp.
Ba tòa núi tía ngẩm chưa cao ;
Bảy đời thấm-thoắt là đâu nhỉ,
Bia miệng lưu-truyền kể xiết bao.

4.— Tô-thị sơn 蘇氏山

Sất đá trơ-trơ giữa cõi trần,
Mong chồng viễn-thú dạ phân-vân ;
Chàng vừa tuổi trẻ nhanh tài võ,
Thiếp luống canh chầy đợi cửa xuân ;
Văn gấm gửi đi đường trái lối,
Non xanh đành để tuyết pha thân ;
Hằng-Nga ấy bạn tri-âm đó,
Hợp mặt canh khuya kể mấy lần.

---

(1) Tí, ngọ, mão, dậu, là năm thi chữ nho khi trước.

(2) Ngọ mùi là số sướng, tục-ngữ nói ; « người ta tuổi ngọ tuổi mùi. »

(3) Xem N.-P. số 157.

5.— Kỳ lừa thị 騏驎市

Vó câu giong-ruổi rộng đường đi,
Chơi chợ Kỳ-lư chợ kín lỳ;
Bán lợi anh Ngô lời thỏ-thẻ,
Mua danh lũ Thổ nói du-dì;
Trong sông đen đỏ ma say tít,
Ngoài cảnh choai-le khách đón gì;
Bầu rượu nắm nem vừa cạn chén,
Dặn-dò thôi nhớ lúc đương khi.

6. — Kỳ-cùng-giang 淇窮江

Vắt khúc sang Nam gốc ngọn Tàu,
Nguồn thông hai nước dễ lường đâu;
Nước dồn gió thổi lô-mô đá,
Sao ánh trăng soi thấp-thoáng cầu;
Làn sóng phong-trào nghe đã rộng,
Tấc lòng tang-hải ngẫm chừng sâu;
Mò vàng hỏi kẻ ham mê đó?
Kia mảng từ-hàng độ đã lâu.

7. — Na-sầm phố 那岑浦

Bên núi bên sông giữa đất mầu,
Sơn-hào dã-vị thiếu chi đâu;
Chợ buôn sản-vật Kinh cùng Mán,
Phố mở văn-minh Thổ lẫn Tàu;
Trong quán phong-lưu hàng sẵn khách,
Ngoài đường danh-lợi kẻ chen nhau;
Vài câu ngẫu-hứng e chưa hết,
Xe lửa nam-hồi chạy đã mau.

8.— Tuần-muội-quan 巡昧關

Sử xanh còn chép đá còn ghi,
Trận-địa năm xưa cỏ rậm-rì;
Trống giục chiêng dồn văng-vẳng lúc,
Rừng thiêng nước độc ngại-ngùng khi;
Ngàn trùng núi biếc trông mờ-mịt,
Muôn dặm cây xanh mọc kín lỳ;
Khai-hóa nhờ ơn dầm-thấm khắp,
Vui lòng viễn-thú tiện đường đi.

Bức-châu TRẦN THIẾP
(Quần-phương-trung)

Thu-dạ ngẫu-đề

Xa nghe còi ốc tóe-tòe-toe,
Đàn dế bên tai rỉ-rỉ-rỉ.
Trước giếng chão-chàng choang-choác-
Bên thềm đom-đóm lóe-lòe-loe; [choạc,
Lưng trời chớp giật nhoàng-nhoang-
Mặt nước trăng in lập-lập-lòe; [nhoáng,
Thơ-thẩn đêm thu thì-thì-thị,
Vãng đông đâu đã hóe-hòe-hoe.

Cảm-tác

Một ngọn đèn xanh mấy phiếm đàn,
Lòng riêng riêng nặng với giang-san;
Nghìn thu ghi tạc bia Hồng-Lạc,
Chín khúc mơ-màng mộng đỗ-quyên;
Dâu bể trăm năm đường biến đổi,
Non sông một gánh vẫn còn nguyên;
Hỏi ai soi đến gương đồng-chủng,
Gọi khách sông mê vội ghé thuyền.

Chơi Sơn-lâm cảm-tác

Chợt thấy đầu non đã bạc phơ,
Cảnh-tình này những những thờ-ơ;
Líu-lo chú mán cười cười gượng,
Ỏn-en đười-ươi nói nói vờ;
Nước biếc non xanh soi dấu cũ,
Ve sầu vượn hót hỏi tình xưa;
Văn-nhân tài-tử người đâu tá?
Hùm sói lâm chi đứng ngẩn-ngơ.

Tây-hồ vọng-nguyệt

Hồ tây đủng-đỉnh một con thuyền,
Gió cuốn trên ngàn mấy ngó sen;
Đáy nước như in vừng ngọc-thỏ,
Vui cùng phong-nguyệt giọc bầu tiên.

MỘNG-LAN *thôn-nữ*

Chơi cảnh Sầm-sơn

Sầm-sơn là một nơi danh-thắng đất Thang-châu, những nhà du-lãm, ai đã qua chơi cũng đã biết cái cảnh thiên-nhiên hữu-tình, hữu-cảm, có lắm nơi khiến-hứng nên thơ, nhưng thiết-nghĩ cũng nên kể tường ra đây để giúp khách viễn-phương đương xô đẩy nhau trong vòng danh-lợi, chưa rảnh thì giờ, trước khi bước tới cảnh chơi, cũng đã biết qua cái đặc-thú Sầm-sơn này là thế thế ..

Sầm-sơn là một dặng núi đất pha đá, dài độ hơn 3.000 thước, gồm có 16 ngọn núi, ngọn nào cao nhất không hơn trăm thước, thuộc xã Lương-niệm, huyện Quảng-xương, phía đông-bắc trông ra ngoài bể, phía tây-nam có bãi phù-sa, núi Voi ở mạn đông-nam, núi Cồ-rùa ở

miền đông-bắc ; trên ngọn núi này, có đền thờ ông Độc-Cước ; theo tục truyền : vốn ngài xưa là một vị cao-tăng đứng một chân trên núi tụng kinh giảng kệ, tu-hành trai-giới đã mấy nghìn năm, một ngày kia thoát bay lên tiên-cảnh, để lại một cái vết chân cực lớn in trên mặt đá, dài chừng một thước, đây là nơi ngài hiển-hiện lúc đầu tiên, còn hơn trăm đền khác thờ ngài đều có vết chân này cả. Sau khi ngài hiển-tích, đến ngày mồng bảy tháng giêng, nổi cơn giông-tố, mưa tuôn như trút, gió thổi như bão, nước bể dâng lên ngang núi, làm cho cây cối đổ nhào cửa nhà tan nát, nhân dân vùng ấy lấy làm kinh sợ ; hôm sau có người trèo lên đỉnh núi, thấy cái vết chân này của vị thần nào để lại, ai nấy hoài-nghi mà kinh-ngạc ; đến ngày mười bảy tháng ba năm ấy, trợt thấy ở đâu trôi tới tận chân núi này một trăm cây gỗ lim, dân-cư cho là sức thần ủng-hộ, bèn lợi-dụng gỗ này dựng ba cái đền (đền thượng đền trung, và đền hạ) thờ thần Độc-Cước. Đền thờ ngài tuy là uy-linh, hiển-ứng, nhưng ít có khách thập-phương đi lại, thành ra hương tàn khói lạnh, tường đổ cột xiêu, cho là một nơi u-sầm, lãnh-đạm ; thế mới biết có cảnh tất phải có người, cảnh tuy đẹp mà không người thưởng, cũng thành ra mai-một, mà có người không cảnh thì người cũng thờ-ơ mà tuyệt-hứng

Mãi đến năm Thành-thái thứ XIX, ngày tháng bảy, nhân gặp kỳ lễ thần, quan nguyên công-sứ Sec-chi-ê tỉnh Thanh, ngẫu-hứng qua chơi thấy cái cảnh-tượng thiên-nhiên ly-kỳ mà lý-thú, bèn cho làm nhà nghỉ mát ở cạnh đền thờ, và cho trùng-tu lại đền này : từ đó đến nay, những quan cai-trị kế-tục ngài dần-dần rộng mở phố phường, xây dựng lâu-đài cực-kỳ tráng-lệ. Nay có thể tạm gọi là một nơi đô-thành nho-nhỏ, có nhiều vẻ lịch người thanh, đèn điện sáng choang, ngựa xe như nước, áo quần như nêm, khiến cho tài-tử giai-nhân, vương-tôn quí-khách, danh-nhân chí-sĩ, ai cũng qua chơi, thưởng cảnh Bồng-lai của tạo-hóa mà lại có nhân-tài tô-điểm, thì ngoạn-mục là dường nào ! Núi Sầm-sơn tuy không có hang sâu bích-động như núi Kim-sơn Tử-thức, nhưng có cái thú lạ dường là ngọn gió bể từ phía đông đưa lại, khinh-khoái mà êm-đềm vô-hạn. Những người già yếu, thân-thể hao-mòn, hô-hấp cái luồng không-khí khinh-thanh này cũng hay bồi-dưỡng được tinh-thần, khí-lực. Đến buổi chiều, trèo lên đỉnh núi, bình-thản dễ đi, chứ không khí-khu nhọc mệt gì như nơi khác ; đoái trông xa dặng núi xung-quanh, cao thấp lô-nhô, thu-quát lại giống một đàn voi ăn trong đồng cỏ, nhìn ra mặt bể bát-ngát mông-mênh, buồm ngược, thuyền xuôi, tưởng hình như đàn bạch-lộ bay tà mặt nước, trông gần ngay làn sóng vỗ ngang sườn núi, thì toàn là những trai anh-hùng, gái thuyền-quyên đua bơi đạp sóng, vờn nước chơi trăng, thực đà khả-ái, ngọn bút tài-tình khôn tả hết, ngoảnh lưng lại, trông xa vào trong thành-phố thì nào ngổn-ngang xe ngựa, kẻ xuống người lên, kẻ lui người tới, chẳng khác gì mấy vòng quân chạy trong cái đền trẻ chơi tiết trung-thu vậy. bày ra trước mắt bức tranh sơn-thủy thiên-nhiên, lại thêm nhân-tích vãng-lai phồn-hoa, náo-nhiệt, mà nhất là khi vẳng tai nghe những tiếng thông reo, những làn sóng vỗ, xui nên ngao-ngán, ngẩn-ngơ mà thành cảm-súc,

Vui gì thế-sự thông reo mãi,
Oán những tang-thương bể khóc hoài

Mới gần đây, đi chơi cảnh Sầm-sơn với mấy ông bạn thi-nhân, ngẫu-vịnh mấy bài thơ sau đây :

I

Thang-châu thắng-tích nhất là đây !
Non nước nghìn xưa vẫn thế này ;
Ngoài bể lênh-đênh thuyền chủ lái,
Trên đèo thấp-thoáng bóng me tây ;
Nhác trông cảnh mới dường ngao-ngán !
Chạnh nhớ niềm xưa luống tỉnh say !
Độc-Cước liên-ông còn đó tá ?
Tang-thương có biết nỗi vơi đầy ?

II

Sầm-sơn khen khéo vẽ nên đồ !
Voi phục rùa chầu đất dễ-đó ;

Nước biếc mông-mênh thuyền đảng-
Non xanh man-mác đá lô-xô ; [đỉnh,
Gió với Lý Bạch thơ đầy tải,
Trăng gợi Lưu Linh rượu cạn hồ ;
Vởm hỏi tiên-ông còn đó tá ?
Vì ai rửa sạch cái trần-ô !

Nhân đây, trong bạn thơ mệnh cho đầu đề này «Tắm bể Sầm-sơn với ả-đào», bên vịnh bài sau đây :

Qua tới Sầm-sơn tắm vẻ chơi,
Vượt với ra bể đấu tài bơi ;
Dập-dờn cưỡi sóng không e lệ ;
Mở tỏ phơi lườn khéo lả-lơi ;
Ghẹo ngayệt nơi gương người thượng-
Vầy hoa phỉ chí lũ tân-thời ; [cổ,
Thủ riêng gắn-bó cùng ai đó,
Hẹn bể thề non nhớ những lời...

PHẠM VỌNG-CHI

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự ký

(Từ ngày 1 đến ngày 31 tháng 5 tây năm 1931)

Ngày mồng 1 tháng 5.— Ngày mồng 1 tháng năm, là ngày kỷ-niệm lao-động của thế-giới, trong suốt địa-hạt nước Pháp đều được bình-tĩnh cả, không có xảy ra sự gì hết.

— Ở *Barcelone* (Tây-ban-nha), đảng sản-nghiệp cách-mệnh (*syndicalistes*), làm biểu-tình, thành ra xung-đột, cảnh-sát phải can-thiệp vào, chết mất một người, nhiều người bị thương.

Ngày mồng 2.— Việc khủng-hoảng Nội-các ở *Bulgarie* vẫn chưa giải-quyết xong. Ông LUAPTCHEAP định lập một tòa Nội-các liên-hiệp cả các đảng, nhưng không xong.

Ngày mồng 3.— Các chính-hữu của quan thủ-tướng Pháp LAVAL có đặt một tiệc ở *La Courneuve* (hạt *Aubervilliers*), để nghênh-tiếp ngài, ngài có đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng về tình-hình nội-chính ngoại-giao nước Pháp và giải cái chương-trình hành-động của Nội-các để đối-phó với các vấn-đề hiện-thời.

— Ở *Bucarest* có khai kỳ hội-nghị «Tiểu Đồng-minh» (*Petite Entente*).

— Có tin ở *Constantinople* báo rằng tay cựu-lãnh-tụ đảng cộng-sản Nga TROTSKY bị biệt-xứ hiện trú-ngụ ở đấy, được phép đi sang Tây-ban-nha.

Ngày mồng 4.— Chính-phủ Ý đã đệ quốc-thư trả lời nước Pháp về hiệp-ước hải-quân.

— Hội-nghị Tiểu Đồng-minh họp ở *Bucarest* tỏ ý phản-đối bản hiệp-ước về thương-chánh của hai nước Áo Hung và tán-thành cái dự-án Liên-Âu của ngoại-tướng Pháp BRIAND.

— Quốc-hội nước Thổ-nhĩ-kỳ tái-bầu MOUSTAPHA KEMAL làm Giám-quốc một hạn bốn năm nữa.

— Tại Hội-nghị phòng Thương-mại Quốc-tế ở *Washington*, Giám-quốc Mĩ HOOVER diễn-thuyết nói thiết-tha về lẽ các nước nên đồng lòng giảm quân-bị.

Ngày mồng 5.— Nghị-viện Pháp nghỉ xong lại khai-nghị. Đồng-viện đều quyết-nghị tỏ lòng hoan-nghênh chính-phủ Dân-quốc mới nước Tây-ban-nha. Quan Thủ-tướng cũng thay mặt Nội-các tán-thành lời quyết-nghị đó.

— Hai chính-phủ Đức và Áo vẫn thương-thuyết về hiệp-ước thương-

chính, đương xét về các vấn-đề thuế-ngạch.

— Phế-vương ALPHONSE XIII nước Tây-ban-nha có lời tuyên-cáo tỏ ý quyết không vận-động gì để làm phiền-ngại cho chính-phủ dân-quốc nước ấy và khuyên các người trong đảng bảo-hoàng nên vì lòng ái-quốc cứ giữ cái thái-độ bình-tĩnh.

— Ở Nam-kinh bên Tàu khai hội-nghị Quốc-dân-đảng để nghiên-cứu về hiến-pháp lâm-thời.

Ngày mồng 6.— Quan Giám-quốc Pháp cùng thống-chế LYAUTEY là tổng-giám-đốc cuộc Đấu-xảo thuộc-địa, hôm nay làm lễ khai cuộc đấu-xảo ở *Vincennes*.

— Có tin nước Đức đương giục-dịch xin hoãn trả các khoản nợ bồi-thường theo chương-trình *Young*.

Ngày mồng 7. — Ở Hạ-nghị-viện Pháp, mở cuộc thảo-luận về vấn-đề hiệp-ước thương-chính Áo-Hung ; các nghị-viên NOGARO, ETIENNE FOUGÈRE, MARGAINE và YBARNEGARAY, diễn-thuyết chất-vấn Chính-phủ.

Chính-phủ Pháp duyệt-y bản hiệp-ước quốc-tế định tạm-thời không thay đổi các giá-ngạch quan-thuế cùng các thương-ước, bản duyệt-y đã đệ cho Tổng-thư-ký-cục Hội Vạn-quốc.

Ngày mồng 8. — Hạ-nghị-viện Pháp họp một kỳ đêm để thảo-luận nốt về việc hiệp-ước thương-chính Đức-Áo. Ngoại-tướng BRIAND trả lời các nghị-viên chất-vấn, biện-bạch các lẽ, rồi đến các nghị-viên SCAPINI, FRANKLIN-BOUILLON, GRUMBACH, HERRIOT và LOUIS MARIN kế-tiếp diễn-thuyết, xong rồi Nghị-viện bỏ phiếu quyết-nghị, quan Thủ-tướng đứng lên để-khởi vấn-đề tín-nhiệm; khi đầu-phiếu xong thì tính ra được 430 phiếu tín-nhiệm Chính-phủ, đối với 52 phiếu phản-đối.

— Ở Ai-cập, nhân chính-phủ có lệnh cấm đảng Quốc-gia (*Wafd*) không được họp hội-nghị, có bốn quan cựu thủ-tướng cùng 25 quan thượng-thư cũ, khởi lên làm một cái giấy phản-kháng, giấy này được thiên-hạ ký vào nhiều lắm.

Ngày mồng 9 — Tổng-trưởng bộ Thương-vụ khánh-thành kỳ hội-chợ thành *Paris*.

— Các đảng tại nghị-viện Pháp họp nhau để bàn về việc bầu quan Giám-quốc. Tả-đảng cấp-tiến thì ưng mời ông BRIAND ra ứng-cử. Đại-khái thì các đảng Cấp-tiến ở Hạ-nghị-viện đều ưng thuận như vậy cả, chỉ còn đợi Tả-đảng Dân-chủ cùng Liên-đảng Cộng-hòa ở Thượng-nghị-viện họp xong quyết-định thế nào rồi sẽ bắt đầu vận-động.

— Ở Nam-kinh tại hội-nghị Quốc-dân-đảng, tuyên-bố bãi các điều-ước bất-bình đẳng.

Ngày mồng 10.— Ở Kinh-đô Tây-ban-nha có xảy ra việc xung-đột dữ trong hai đảng quân-chủ và dân-chủ, cảnh-sát phải can-thiệp vào.

— Quốc-hội Thổ-nhĩ-kỳ duyệt-y cái chương-trình nội-chính ngoại-giao của Nội-các ISMET PACHA.

Ngày 11.— Nhân các chính-hữu khẩn-khoản, ông BRIAND công-nhiên nhận ra ứng-cử Giám-quốc. Được tin ấy, ông PAUL DOUMER là nghị-trưởng Thượng-nghị-viện cũng công-nhiên tuyên-bố ứng-cử.

— Ở Kinh-đô Tây-ban-nha lại có việc biến-động. Đảng cách-mệnh đốt phá 10 nhà tu kín, cảnh-sát ngăn không xuể, chính-phủ phải đặt quân-luật và thi-hành lệ kiểm-duyệt các báo.

Ngày 12.— Cuộc bầu-cử chức Giám-quốc ở Pháp nay công-nhiên chỉ có hai nhà ứng-cử, là Ngoại-vụ Tổng

trưởng BRIAND và Nghị-trưởng Thượng-nghị-viện PAUL DOUMER.

— Ở Tây-ban-nha đảng cách-mệnh gây ra việc biến-động gần khắp cả các nơi, thứ nhất là chủ-ý phá các nhà thờ và các nhà tu. Sốt trong nước đều phải đặt quân-luật cả.

— Hội-nghị Quốc-dân-đảng nước Tàu duyệt-y bản hiến-pháp của « Trung-hoa dân-quốc » (*République de Chine*), lấy Nam-kinh làm thủ-đô.

— Cựu-vương nước Ai-cập ABBAS HILMY II ký giấy tuyên-bố bỏ quyền tranh ngôi nước Ai-cập.

Ngày 13. — Thượng-hạ nghị-viện nước Pháp họp thành quốc-hội ở *Versailles* để bầu quan Giám-quốc mới thay cho quan Giám-quốc GASTON DOUMERGUE đã mãn-hạn. Lần đầu-phiếu thứ nhất có 902 người bỏ vé thì ông PAUL DOUMER nghị-trưởng Thượng-nghị-viện được 442 phiếu, ông BRIAND ngoại-vụ Tổng-trưởng được 401 phiếu. Hai bên cùng không được trúng lệ cả, phải bầu lại. Bấy giờ ông BRIAND xin thôi không ứng-cử nữa. Lần đầu-phiếu thứ nhì ông Doumer được 504 phiếu, trúng-cử, còn 334 phiếu về ông Thượng-nghị-viên MARRAUD, mới ra ứng-cử lần sau.

— Ở Tây-ban-nha thì tại kinh-đô đã được tạm yên, còn ở các tỉnh vẫn đốt phá các nhà thờ nhà tu. Chức đại-tư-giáo thành *Tolède* phải bỏ thành mà chạy trốn.

Ngày 14. — Ông BRIAND xin từ chức Ngoại-vụ Tổng-trưởng, cả Nội-các đều khẩn-khoản xin ông cứ giữ chức đó, ông mới nhận đi *Genève* để thay mặt nước Pháp tham-dự cuộc hội-nghị Liên-Âu.

— Chính-phủ Tây-ban-nha hạ lệnh tịch-biên cả các tài-sản của vua ALPHONSE XIII ở tại đất Tây-ban-nha.

— Ở Thụy-điển (*Suède*), có việc biến-động to trong bọn thợ làm giấy. Các thợ định khởi cuộc tổng-bãi-công.

Ngày 15. — Ở Hội Vạn-quốc khai cuộc hội-nghị Liên-Âu lần thứ ba, Ngoại-trưởng Pháp BRIAND làm chủ tịch, có đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng.

Ngày 16. — Ở hội-nghị Liên-Âu, ngoại-trưởng Đức CURTIUS thuật về tình-hình kinh-tế nước Đức để làm bằng-chứng cho cái nghị hiệp-ước thương-chính hai nước Áo Đức. Ông BRIAND trả lời lại nói rằng phàm kế-hoạch gì mà làm dao-động đến việc quốc-tế thì không nên trù-tính làm gì. Đồng-thời hội-đồng kiểm-sát của các nước đảm-bảo cho tài-chính nước Áo tuyên-bố rằng nước Áo có hai đường nên quyết chọn đường nào: một là để các nước phù-trợ cho về đường tài-chính, hai là tùy-ý muốn kết-liên với Đức về thương-chính mặc lòng, theo đàng nọ tất phải thôi đàng kia.

Ngày 17. — Hội-nghị Quốc-dân-đảng nước Tàu bế-mạc. Hội ủy-viên trung-ương chấp-hành định đến ngày 20 sẽ họp ở Nam-kinh để bầu chức tổng-thống.

Ngày 18. — Thợ dệt ở miền bắc nước Pháp bãi-công.

— Hội-đồng quản-trị Hội Vạn-quốc họp kỳ thứ 63. Thuộc về vấn-đề hiệp-ước thương-chính hai nước Áo Hung thì hội-đồng định rằng sẽ đem ra hỏi ý-kiến Thẩm-phán-viện quốc-tế ở *La Haye* đã. Thủ-tướng Áo cam-đoan rằng xin hãy tạm đình việc đó đợi cho đến khi Thẩm-phán-viện thẩm-định xong.

Ngày 19. — Thượng-nghị-viện Pháp họp thành Thượng-phán-viện để xử việc mấy ông thượng-thư cùng nghị-viện can án thông-đồng với các nhà băng, hôm nay đã nghe lời cáo-trạng về các ông RAOUL PÉRET, RENÉ BESNARD,

GASTON VIDAL và ALBERT FAVRE. Hội-đồng định rằng sau khi nghe lời buộc tội của quan Chưởng-lý và lời cãi của các trạng-sư, thì sẽ hoãn-họp để cho ban dự-thẩm tra xét thêm cho tường.— Việc bãi-công về nghề dệt ở miền bắc nước Pháp gồm tới 110.000 người thợ.

— Tại cửa *Kiel*, nước Đức làm lễ hạ-thủy một chiếc tuần-dương-hạm mới hiệu *Deutschland*.

Ngày 20. — Bản ủy-viên chấp-hành của đảng cấp-tiến xã-hội nước Pháp xét về những việc tranh-luận phát-sinh ra trong đảng, nhân vì việc bầu-cử chức Giám-quốc mới rồi, nghe lời thuyết-minh của hai viên chủ-tịch là ông HERRIOT và DALADIER, quyết-nghị biểu-đồng-tình và tuyên-bố đảng cấp-tiến đốc lòng tán-thành cái chính-sách hòa-bình của ông BRIAND.

— Ở Hội Vạn-quốc, hội-đồng Liên-Âu đã bắt đầu làm việc, bàn cách tổ-chức về Nông-nghiệp ngân-hàng; 16 nước biểu-đồng-tình nên lập một nhà băng quốc-tế để giúp cho các nhà nông ở miền Đông-Âu.

Ngày 21. — Tổng-trưởng bộ Lao-động nước Pháp triệu-tập các đại-biểu chủ và thợ nghề dệt ở miền bắc nước Pháp để điều-đình về việc thợ bãi-công.

— Hội-đồng Liên-Âu, đã định xong các kế-hoạch để giải-quyết về việc khủng-hoảng trong nông-nghiệp, hôm nay giải-tán.

Ngày 22. — Ông BRIAND đi dự hội-đồng Liên-Âu xong về *Paris*, được các chính-hữu cổ-võ hoan-nghênh lắm. — Tại trường Đại-học *Sorbonne* có làm lễ kỷ-niệm việc đặt trường Trung-học cho đàn-bà ở nước Pháp. — Các hội Nhân-quyền ở nước Pháp họp hội-nghị tại *Vichy*.

Ngày 23. — Giáo-hoàng PIE XI, tuyên-bố bản sắc-dụ đề là *Quadraginta annis* nói về các vấn-đề kinh-tế xã-hội.

Ngày 24. — Đảng xã-hội nước Pháp họp đại-hội-nghị ở thành *Tours*.

Ngày 25. — Tòa thánh (tức là chính-phủ Giáo-hoàng) kháng-nghị về việc đốt phá các nhà thờ và nhà tu ở Tây-ban-nha không thấy có kiến-hiệu, bèn quyết-nghị cho gọi chức đặc-sứ của Giáo-hoàng ở kinh-đô Tây-ban-nha về.

Ngày 26. — Ông BRIAND đi dự hội-đồng Liên-Âu về lại tỏ ý xin từ-chức Ngoại-vụ tổng-trưởng. Quan Thủ-tướng PIERRE LAVAL cố khẩn-khoản để giữ ông lại.

— Hội-nghị đảng xã-hội xét về vấn-đề quốc-phòng và vấn-đề tài-binh.

— Chính-phủ Nhật-bản có sắc-lệnh giảm công lương các người làm và thuyền-thợ.

Ngày 27. — Bộ Lao-động nước Pháp hết sức điều-đình mà không giải-quyết được việc thợ bãi-công ở miền bắc nước Pháp.

— Hội văn-sĩ các nước họp thành quốc-tế hội-nghị ở *Paris*.

— Ở Kinh-đô Ý-đại-lợi có mấy đoàn-thể đạo Gia-tô bị ngờ là phản-đối với chính-phủ Pha-si, thiên-hạ nổi lên biểu-tình đối với các đoàn-thể đó.

— Nước Ba-lan mới lập tòa Nội-các mới, do Lục-quân đại-tá PRYSTOR làm tổng-lý.

Ngày 28. — Hạ-nghị-viện Pháp thảo-luận về lời chất-vấn của nghị-viên FRANKLIN-BOUILLON về chính-sách ngoại-giao của ông BRIAND. Quan ngoại-vụ tổng-trưởng thuyết-minh về các công việc làm ở Hội Vạn-quốc, rồi đến quan thủ-tướng LAVAL tuyên-bố cả Nội-các đều giữ liên-đới trách-nhiệm về công-việc của ông BRIAND; sau cùng đến lãnh tụ đảng cấp-tiến là ông HERRIOT can-thiệp vào bác rằng tòa Nội-các không được nhất-trí, xin Nghị-viện dân-phiếu quyết-nghị; khi bỏ phiếu thì lời bác của đảng cấp-tiến phải 319 phiếu phản-đối đối

với 261 phiếu tán-thành. Bấy giờ Nghị-viện đầu-phiếu tín-nhiệm Chính-phủ, được 332 phiếu tín-nhiệm đối với 256 phiếu phản-đối.

— Ở Hội Vạn-quốc khai kỳ hội-nghị quốc-tế lao-động lần thứ 15, ông SOKAL được bầu làm chủ-tịch.

Ngày 29 — Nước Tỉ-lợi-thì có cuộc khủng-khoảng Nội-các. Quốc-vương cử ông RENKIN lập Nội-các mới, nhưng chưa xong

Ngày 30. — Ở Đức các chủ công-nghệ chế máy-móc đương thảo một cái chương-trình « phá giá » (*dumping*) đề xuất-cảng máy ra ngoài, định giảm tiền công hợ cho chế-tạo được rẻ.

—Ở Ý đại-lợi chính-phủ Giáo-hoàng với Chính-phủ Pha-sí xung-đột nhau dữ. Các đoàn-thể đạo Gia-tô bị khám xét. Giáo-Hoàng thân giao cho các chức tư giáo đứng chủ-trương các đoàn-thể và tự làm tờ kháng-nghị chính-phủ Pha-si đã phản-bội điều-ước *Latan*.

Ngày 31. — Ở Pháp, tại *Paris* cùng mấy nơi nữa có làm lễ kỷ-niệm mấy nhà bác-học cùng văn-sĩ ABBÉ GRÉGOIRE, CUER DE BALZAC, ALFRED DE VIGNY, do quan Giám-quốc cùng quan Học-bộ Tổng-trưởng chủ lễ.

Thời-cục nước Tàu. — Từ khi cánh Quảng-đông phản-đối chính-phủ Nam-kinh, hai đảng vẫn chống cự nhau không khác gì cuộc cò trai, giữ nhau từng miếng. Trước bản-chí đã nói rõ cái cớ hai bên sở-dĩ chửa đến nỗi khai chiến. Nay ở Nam-kinh lại có tin đồn rằng hai phe Nam-kinh và Quảng-đông sẽ ở Thượng-hải mở cuộc hội-nghị hòa-bình, một viên lĩnh-tụ ở Quảng-đông đã điện ước Ngô Thiết-Thành và Trương Kế đến Quảng-đông thương-nghị điều-kiện hòa-bình. Trương Kế đã điện trả lời xin phe Quảng-đông phái đại-biểu đến Thượng-hải họp bàn. Cuộc vận-động hòa bình lần này có thành công hay không, còn chờ xem biến-hóa như thế nào.

Chính-phủ Quảng-đông không nói ai cũng biết là một Chính-phủ có ý thiên về phái cực-tả. Vì là toàn do người trong phái cải-tổ chủ-trương, như Uông Tinh-Vệ là một.

Từ khi Chính-phủ Quảng-đông thành-lập tới giờ thì phong-trào cộng-sản hình như muốn sôi nổi, người Nga muốn trở qua thi-hành ý muốn của mình đã thất-bại trong hai năm 1926, 1927 trước đây.

Hiện nay ngày nào trong thành-phố nhân-dân cũng nhặt được biết bao nhiêu là truyền-đơn cộng-sản.

Các tay cộng-sản Nga thừa dịp nước Tàu có chính-biến mà lại trở qua nhiều.

Trong mấy tay lợi-hại này có một người đã từng đem chủ-nghĩa cộng-sản mà tuyên-truyền ở nước Tàu là MICHEL BORODINE (Tàu dịch là Bảo-la-đình). BORODINE là người chuyên về ban tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản ở các nước

Ngoài BORODINE ra lại có viên đại-tướng GALEN, quân-sư cố-vấn của quân Quốc-dân-đảng trong mấy năm về trước.

Như vậy tình-hình Quảng-đông rồi đây sẽ có thay đổi.

Sau khi Thạch Hữu-Tam khởi loạn ở miền bắc bị Trương Học-Lương đánh thua, bỏ chạy ra Thiên-tân rồi trốn đi Đại-liên, hoặc sang Nhật-bản. Tưởng Giới-Thạch có thông điện đi các nơi nói việc Thạch khởi loạn là do phái Quảng-đông xui-siểm, nên hôm vừa rồi chính-phủ Quảng-đông cũng thông-điện đi đề bác lại bức điện của Tưởng như sau này :

« Vừa rồi đọc bức thông điện của Tưởng Trung-Chính, rõ ra đối với cái tội ác quấy rối cả nước do hắn gây nên trong mấy năm nay, hắn chẳng có ý sám-hối chút nào. Chẳng những không

sám-hối mà thôi, trên cái đống tội ác trọng-đại kia, hắn lại chất chồng lên vô-số tội ác nữa.

« Điều đó với họ Tưởng thì vẫn không đủ trách gì, chỉ nghĩ mấy năm gần đây mỗi lần hắn làm thêm một điều tội lỗi là mỗi lần cả nước chịu thêm một kiếp lầm-than, nếu chẳng được dừng chúng tôi phải kể tội của hắn ra để quốc-dân đều rõ.

« Trước kia ở về thời-đại quân-chủ, có ai phản-đối quân-chủ thì người ta cho là đại-nghịch bất-đạo, nhưng thời qua cảnh đổi, gần như phế-vương An-phong Tây-ban-nha, xa một chút như phế-đế Tuyên-thống Mãn-Thanh đều vì người nước phản-đối mà phải bỏ ngôi cả. Cái quan-niệm « Trẫm tức quốc-gia » không còn vương-vấn ở trong tâm-não của người đời nay nữa.

« Đến ở nước dân-chủ cũng vậy, dẫu cho kẻ ở ngôi nguyên-thủ thân làm công-bộc kia, nếu một mai bị dư-luận không dung là phải buộc mình cáo lui, nhường chỗ cho người tài-năng, vì trong đó có bị khuất tức chăng nữa, cũng chỉ về nhà yên ngồi lặng nghĩ, chờ ngày đen trắng rõ ràng, chớ chưa hề có ai tham cầm quyền-vị, đem mình làm cái đích cho muôn mũi tên mà không biết tự-tỉnh chút nào ; lại càng chưa hề thấy ai vì nỗi quyền-vị của một mình mà tàn hại dân, dày vò dân mà chẳng đau đớn lòng. Mấy năm nay thiên-hạ lao-nhao, đều vì một mình Tưởng Trung-chính cả, Tưởng Trung-chính mà lui đi thì họa lớn lui ngay, trong đảng không còn sự bối-rối, trong nước không sợ còn chia xé, bốn trăm triệu nhân-dân đều được giữ cái sống của mình, mấy trăm muôn quân-nhân cách-mệnh cũng để dành lại được huyết-hãn của mình mà dùng vào việc ngăn giữ cho nước.

« Quốc-dân mà chịu sự đau đớn chẳng tại ai khác hơn Tưởng Trung-chính, Trung-chính mà có chỗ không vui chẳng gì khác hơn là sợ mất cái chức chủ-tịch, chức tổng-tư-lệnh, vì cái chức chủ-tịch, chức tổng-tư-lệnh mà Tưởng Trung-chính dành lòng hãm đảng vào sự chia xé, hãm nước vào cảnh nguy-nan, hãm nhân-dân vào cõi lầm-than, hãm cách-mệnh quân-nhân vào vòng chiến-đấu, ấy thật là nhẫn-tâm bại-lý làm những việc mà các quân-chủ đời trước chẳng dám làm, xưa nay chưa từng có ai mặt dày như thế.

« Thế mà trong bức thông-điện mới rồi, Tưởng còn lấy sự cử binh hôm nay đổ tội cho Thạch Hữu-Tam.

« Phải biết rằng trừ Cộng và đánh Tưởng là tâm-lý toàn quốc nhân-dân đâu cũng như vậy. Vẫn biết phương bắc kẻ nối Thạch Hữu-Tam nổi lên chẳng phải là thiếu người, mà các đồng-chí ở phương nam đối với cái tệ cá-nhân độc-tài tàn hại sinh-linh của Tưởng Trung chính cũng lấy làm đau đớn mà thề cùng hắn cùng chết.

« Còn như Tưởng nói rêu-rao lên là tiễu-trừ cộng-sản để mong xoay cái tầm con mắt của quốc-dân, thậm-chí đặt lời nói vu cho các bạn đồng-chí ở hai tỉnh Quảng là cùng thông tin-tức với cộng-phỉ để mong làm mờ tối người trong nước. Cái ngón bịa ra tin nhảm ấy Tưởng làm đã quen rồi. Mấy năm gần đây các bạn đồng-chí Quảng-đông Quảng-tây hết sức trừ cộng, nên trong cõi được an-tĩnh lạ-thường, đem mà so với Tưởng Trung-chính ngày ở Giang-tây tuyên-ngôn là tiễu-cộng, mà họa cộng-sản ngày càng tràn lan, thì ai tiễu-cộng ai dụng-cộng, sự thật còn rành rành đó chẳng cần phải nói chi nhiều.

« Vả chăng khi đầu bọn cộng ở Giang-tây nhóm họp chẳng đầy một vài ngàn người, thế mà đến ngày nay có đến số muôn mà kể. Thuốc đạn súng ống ở đâu mà bọn cộng có ? Tưởng Trung-chính đã bị liệt vào người giữ việc vận-tải rồi. Thế mà Tưởng lại muốn đem việc ấy vu cho người, thật là hèn nhát quá.

« Lại như hai cái án người Hàn giết hại Hoa-kiều ở núi Vạn-hữu và ở Triều-tiên vừa rồi, họ Tưởng không tự chịu trách-nhiệm xử-lý mà chỉ nỏ mồm trách người, đó là một sự thất-bại trên trường ngoại-giao. Các điều vừa kể trên ấy đủ chứng rằng thủ-đoạn độc-tài của họ Tưởng là tàn-ác, khốc-hại, họa nước họa dân không phải là nhỏ vậy. »

Nhân dịp này Tống thái-phu-nhân tạ thế, nữ-sĩ Tống Khánh-Linh là con gái phu-nhân, vợ góa Tôn Văn có về Thượng-hải để chịu tang mẹ.

Con trai phu-nhân là Tống Tử-Văn hiện sung chức tổng-trưởng bộ tài-chính : và hai người con gái nữa, một người lấy Tưởng Giới-Thạch, một người lấy Khổng Tường-Hy, tổng-trưởng bộ nông-công-thương.

Có người nói Tôn phu-nhân lần này sẽ đứng làm trung-gian để giải hòa cho hai chính-phủ Nam-kinh và Quảng-châu.

Tưởng Giới-Thạch ở Nam-xương cũng về Nam-kinh, rồi ra ngay Thượng-hải, làm lễ viếng Tống thái-phu-nhân. Tưởng có cùng Tôn phu-nhân là Tống Khánh-Linh bàn về việc Quảng-đông. Tôn phu-nhân cũng đã điện cho bọn Cổ Ứng-Phần, Uông Tinh-Vệ, Tôn Khoa chớ vì cái chính-kiến của riêng mình, chia tan sức đoàn-kết của đảng, Tôn phu-nhân chờ xong lễ tang sẽ vào Nam-kinh yết lăng tổng-lý.

Diêm Tích-Sơn trước đây trốn sang Đại-liên, vừa rồi cưỡi một chiếc máy bay bỗng tới tỉnh Sơn-tây, nói là để thăm cha bị đau.

Các nơi ở Bắc-phương lấy làm quan-tâm về việc ấy, nhất là trong lúc tỉnh Sơn-tây đương bị rối loạn.

Lại có tin ở Tinh-châu nói rằng Diêm Tích-Sơn trở về Sơn-tây lần này là do người một nước kia phiến-động.

Xét ra Diêm Tích-Sơn lần này cỡi máy bay Nhật từ Đại-liên qua cửa Hải-kinh-ký rồi theo trên không đường Thương-châu, Thạch-gia-trang vào Sơn-tây. Quốc-tế đối với việc ấy rất là chú ý, vì người Nhật làm như thế không những làm cho cuộc nội loạn của Trung-quốc cứ dằng-dai mãi, lại xâm phạm chủ-quyền ở trên không, không phải là việc mà một nước tự xưng là văn-minh nên làm.

Từ khi Diêm Tích-Sơn trở về, không xảy ra việc gì cả. Diêm nói nếu chính-phủ Nam-kinh sẵn lòng ân xá cho, thì Diêm sẽ ở yên làm thường-dân không hành-động chi cả. Có tin rằng Tưởng có ý dùng Diêm và Phùng làm cố-vấn quân-sự.

Bộ phó tổng-tư-lệnh ở Bắc-bình có tuyên-bố rằng Tưởng Giới-Thạch ủy Trương Học-Lương làm tiểu-xích-quân bắc-bộ tập-đoàn quân tổng tư-lệnh, giao toàn-quyền việc trừ cộng-sản ở miền bắc cho Trương.

Vừa rồi Trương Học-Minh (em trai Trương Học-Lương) là thị-trưởng kiêm trưởng-cục công-an ở Thiên-tân, vì lấy cái thì giờ của các nhân-viên trong việc cảnh-sát quí hơn thì-giờ của người thường, và muốn đề-xướng việc phác-thực, trừ bỏ thói phù-hoa, nên hạ lệnh cho hết thảy các nhân-viên trong các cơ-quan thuộc-hạ, nhất-luật đều phải cạo trọc đầu nhẵn thín, không còn được để tóc dở-dang theo các lối rẽ giữa, rẽ bên hay lật ngược như trước nữa. Lệnh đến ngày nào, phải lập tức theo, ai trái lệnh sẽ phải phạt nặng.

Có tin ở Nam-kinh rằng Tưởng Giới-Thạch cùng Trương Học-Lương bàn định thời-cục miền bắc : 1° Quân tây-bắc dời Sơn-tây đến đóng ở Ký-châu, khiến cho nhẹ cái gánh nặng của tỉnh Sơn-tây ; 2° Quân bộ Thương Chấn đóng ở một giải Thuận-đức Tân-lương ; 3° Giục Diêm Tích-Sơn mau mau xuất-dương ; 4° Chuẩn phát số công-trái 2600 vạn để chi về việc thiện-hậu ở Sơn-tây ; 5° Do chính-phủ trung-ương cấp cho số quân-lương tương-đương.

Điều-tra số thiệt-hại về cái án Triều-tiên.— Uông Vinh-Bảo là công-sứ ở

Nhật phụng-mệnh sang Triều-tiên để điều-tra cái chân-tướng việc người Triều-tiên giết hại Hoa-kiều, khi về đến Bắc-bình có nói chuyện rằng xét ra cái án Triều-tiên nên kể Hoa-kiều ở Bình-nhưỡng bị thiệt-hại rất nhiều, các cửa hàng buôn đều bị phá hết, số người chết có 150 người, những người bị quăng xuống sông không biết bao mà kể, số tài sản thiệt-hại chừng 200 vạn đồng bạc Nhật. Các nơi Nhân-xuyên, Phủ-sơn phần nhiều cũng có người chết và bị thương.

Uông lại nói về việc này giao-thiệp với nước Nhật, chịu kém lắm cũng phải theo ba điều sau này : 1° Bảo-chướng sau khi việc xảy ra ; 2° Chính-thức xin lỗi ; 3° Bồi-thường số thiệt-hại.

Nguyên-lý việc ấy như sau này :

Độ đầu tháng bảy tây kiều-dân Cao-ly (thần-dân Nhật-bản) và thần-dân Trung-hoa ở miền Vạn-bảo-sơn, gần Tràng-xuân (chỗ cuối đường hỏa-xa Nam-Mãn) có việc phân-tranh với nhau. Hai bên đều xung-đột nhau về một việc dẫn thủy nhập điền, người Trung-hoa cho rằng người Cao-ly (thần-dân Nhật-bản) không có quyền tạo ruộng đất ở địa-hạt Trung-hoa, vậy không được quyền khiếu-nại gì cả, vì việc phân-tranh xảy ra ở ngoài tô-giới Nhật-bản. Trong khi ấy người Cao-ly được quân lính Nhật-bản có súng trường và súng cối-xay bảo-hộ cho.

Mỗi bên nói một khác : Người Nhật thì nói vì người Cao-ly được tin ở Vạn-bảo-sơn xảy ra lôi-thôi mà đột-nhiên gây nên việc rối loạn. Lính cảnh sát hết sức ngăn cản, nên 20 người cảnh-sát bị thương. Người Trung-hoa thì nói tuy quan lính-sự và ông hội-trưởng phòng Thương-mại đã bảo trước mà các quan Nhật-bản để mãi về sau mới ngăn cản.

Chính-phủ Nhật đã từ-tạ với chính-phủ Nam-kinh nhưng chính-phủ Nam-kinh định còn tra xét về việc ấy.

Nhân các việc ấy, chắc là việc giao-thiệp Trung Nhật ở Mãn-châu lại khó-khăn thêm. Vả người Nhật cũng đã phòng bị. Bộ tham-mưu Nhật định để quân lính (một sư-đoàn) đóng luôn ở Mãn-châu, tăng số binh Nhật ở Cao-ly, và tăng số binh đóng ở Đài-loan, nhất là thêm số tàu bay. Đó là để phòng khi người Trung-hoa muốn hành-động gì về đường hỏa-xa Nam-Mãn chăng. Ngoài các mối phân-tranh ấy, còn nhiều mối nữa. Ở đường giáp-giới Mãn-châu và Cao-ly là nơi có kiều-dân Cao-ly ở, còn nhiều mối gây nên chiến-sự. Người Trung-hoa yêu-cầu kiều-dân phải theo quốc-tịch Trung-hoa mới cho được hưởng quyền-lợi công-dân. Cái nguyên-nhân việc phân-tranh là ở đó. Còn mọi việc xảy ra, báo Nhật-bản và báo Trung-hoa, mỗi đàng nói một khác, không biết đâu mà xét được.

Tưởng Giới-Thạch có phát-biểu bức thư truyền-cáo quốc-dân, đại-ý như sau này : Việc ngoại-hoạn phần nhiều xảy ra ở lúc trong nước có nạn nội-chiến, quốc-gia không thống-nhất, việc ngoại-giao tất không được thắng-lợi. Có người trách tôi là cầm giữ chính-quyền gây nên binh-sự. Nếu ai nấy đều có thể kính theo đảng-chương quốc-pháp, đốc thúc chính-phủ cố sức dẹp yên kẻ bạn nghịch, trừ bọn cộng-sản, nền thống nhất của nước nhà được thực-hiện, thì tôi tự xin từ chức lui về. Mong rằng người nước chớ nên chỉ cầm tức không, nên nhận rõ mục-đích, mới có thể chống kẻ ngoài được, cuộc thống-nhất thành công, nền hòa-bình thực hiện, thì quốc-sỉ có thể rửa được, quốc-thể tự được mạnh lên.

Tưởng lại có thông điện đi các nơi, đại-ý nói rằng trong lúc cùng đảng cộng-sản liều chết đánh nhau, bỗng tiếp được những tin người Triều-tiên giết hại Hoa-kiều, Thạch Hữu-Tam làm phản, quân Quảng-đông, Quảng-tây

tiến phạm Hồ-nam, Giang-tây, tôi lập-tức trở về Nam-xương, xem hết tin báo các nơi, mới rõ bốn việc ấy cùng làm nhân-quả cho nhau. Đang trong lúc nguy ngập này nên một lòng chống ngoài yên trong, nếu lợi đảng-quốc thì Trung-chính này xin từ chức lui về, quyết không tham quyền cố vị. Còn như lấy việc bạn-biến bán nước làm thủ-đoạn để cướp lấy, thì Trung-chính tất phải trừ đi, không tiếc một chết, để báo đảng-quốc.

Vương Chính-Đình là tổng-trưởng bộ ngoại-giao có báo-cáo rằng : Bên ngoài đối với hai cái án Vạn-Bảo và Triều-tiên trách tôi nhiều điều khó-khăn thực là không rõ chân-tướng. Các nhân-viên ngoại-giao nếu không biết chức-trách, quốc-dân chất-vấn các nhà đương-cục là việc nên có. Nhưng chất-vấn phải có phân tấc, người ta làm việc ngoại-giao như xử-lý việc quân, bên mạnh bên yếu, nên đánh nên giữ, các điều ấy cần phải hiểu rõ ; nếu chỉ biết đánh, chỉ tỏ làm cho toàn quân phải tan vỡ, không ích gì cho nước cả. Nếu lúc nên giữ thế thủ, chỉ nên giữ chặt trận - địa, dù có phải lấy cái chết báo nước cũng không từ. Gặp lúc đang có nội-loạn khó khăn như ngày nay, các người thử nghĩ nên dùng cách gì để xử-lý việc ngoại-giao, hay là chẳng nghĩ lợi hại cứ làm liều ư ? hay là nghĩ đến vấn-đề bồ-cứu từ gốc rễ ư ? Hiện-trạng Đông tam-tỉnh rất là nguy-hiểm, chúng ta bây giờ nên nghiên-cứu việc nên làm thế nào cho Đông tam-tỉnh và những nơi nguy-hiểm ở Trung-quốc được thái-bình. Tôi ra chịu trách-nhiệm việc ngoại-giao, đã ba năm nay, nếm đủ những điều đắng cay, lấy về phương-diện cá-nhân, từ-chức không khó gì, nhưng nghĩ đến phương-diện quốc-gia, không thể coi như trò trẻ con, đi lại cần phải quang-minh. Gặp việc nên hết sức, nếu có phương-pháp hay, hoặc có người tài giỏi, thì tôi vẫn sẵn lòng cầu mà không được vậy.

Ngoài việc người Triều-tiên giết hại người Tàu ra, người Nhật xưa nay vẫn hay giở những thói ăn hiếp để bắt nạt người Tàu, như mới rồi có tin ở Thẩm-dương nói rằng ngày hội miếu Nhạc-châu ở cầu Đại-thạch về Doanh-khẩu, lính cảnh-sát Nhật vượt cõi sinh sự, bắn súng chết mất bốn năm người khách hành-hương, bắt người đội-trưởng Trung-hoa mang đi.

Lại có tin rằng trước cửa nhà hội Quốc-túy, đường Liêu-ninh ở Thanh-đảo, vì vấn-đề mua cá, một đàn người Nhật cầm dao đâm 20 người Trung-hoa, hai người cảnh-sát ; ngoài mấy người bị trọng-thương, lại có một người bị người Nhật bắt đi.

Lại còn mấy người Trung-hoa đến cửa hàng Nhật mua nước đá, mà cũng có sự xung-đột. Kiều-dân Nhật mượn cớ nói là người Trung-hoa bài Nhật, họp hội tuyên-ngôn định làm cho to chuyện. Các báo Nhật cũng tùng-dũng làm cho thành ra việc to, xin chính-phủ Nhật phái tàu binh đến bảo-hộ kiều-dân. Xét ra là người Nhật có ý muốn khích nên sự biến, rồi mượn cớ để lại chiếm Thanh-đảo. Chính-phủ thành-phố Thanh-đảo đã kháng-nghị chính-phủ Nhật một cách nghiêm-trọng. Phương-diện dân-chúng dẫu tức bực lắm, nhưng vẫn giữ thái-độ vững-vàng, để làm hậu-thuẫn cho chính-phủ. Công-hội ký-giả và các đoàn-thể, sắp mở cuộc hội-nghị khẩn-cấp, để tỏ ý đối với cái án ấy.

Việc trong nước

Từ 15 Juin đến 15 Juillet 1931

Quan Toàn-quyền đi kinh-lý các tỉnh miền bắc Trung-kỳ.— *Ngày chủ-nhật 21 Juin, quan Toàn-quyền* Robin, *cùng quan Nguyên-soái Thống-binh, quan Khâm-sứ Trung-kỳ và quan Lại-bộ Thượng-thư Nguyễn Hữu-Bài đi kinh-lý khắp các miền trong tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh là những nơi mới rồi đã xảy ra sự biến-động cộng-sản. Buổi sáng đi kinh-lý các đồn binh đóng ở phủ Diễn, Bô-lưỡng, Đại-đình, Thanh-quả, Nam-đàn và Hưng-nguyên; và thăm chỗ phu-phen đương đào máng nước ở phía nam tỉnh Nghệ-an mà khởi-công từ ngày 25 Mars 1931 này, máng nước ấy đào rộng 12 thước tây, sâu 2 thước 3 tấc, hằng ngày có tới 1.500 phu làm. Buổi chiều đi kinh-lý các đồn binh đóng ở Linh-cảm, Lạc-thiện, Nam-môn Mê-đức và Can-lộc. Đi đến đâu ngài cũng hỏi chuyện kỹ các viên quản-đồn cùng các viên phủ huyện về hiện-tình các nơi và dân-tâm các nơi ra sao.*

Quan Toàn-quyền Robin về Pháp.— *Ngày 24 Juin, quan Toàn-quyền* Robin *đã từ-biệt Hà-nội, đáp chuyến xe lửa riêng xuống Hải-phòng để đáp tàu* « Cap Varella » *vào Sài-gòn, đợi quan Toàn-quyền* Pasquier *sang tới nơi thì bàn giao rồi đáp tàu* « Athos II » *về Pháp nghỉ.*

Lập bia kỷ-niệm các nhà phi-hành ở Tân-sơn-nhất.— *Ngày 24 Juin, ban trị-sự hội* « Aéro club » *đã đồng-ý với viên quản-lý công-ty* « Air Orient » *mở cuộc lạc-quyên lấy tiền lập một tấm bia kỷ-niệm ở Tân-sơn-nhất là nơi máy bay mang thư đã khởi-hành đường* Indo-chine-France *đến* Sandoway *thì bị nạn, để kỷ niệm các nhà bị nạn ấy.*

Vườn hoa René Robin. — *Quan Thống-sứ Bắc-kỳ vừa chuẩn-y lời xin của Hội-đồng thành-phố Hà-nội đặt tên vườn hoa dựng đài kỷ-niệm chiến-sĩ trận-vong bên Cột-cờ, gọi là vườn hoa* René Robin.

Lễ an-táng bà Phú-quốc-công.— *Bà Phú-quốc-công là sinh-từ đức bà Khôn-nghi hoàng-thái-hậu (Bà nhạc-mẫu đức Đồng-khánh, ngoại-tổ-mẫu vua Khải-định và ngoại-tằng-tổ-mẫu vua Bảo-đại) hưởng thọ 84 tuổi, từ lộc đã lâu, ngày 13 tháng 5 (28 Juin 1931), Nam-triều mới làm lễ quốc-táng, sơn-phần tại lăng Châu-chữ thuộc huyện Hương-thủy, gần Nam-giao.*

Nhà thương René Robin.— *Khu nhà thương đương làm ở Bạch-mai Công-vọng sẽ lấy làm nhà thương chính mà đặt tên là nhà thương* René Robin. *Khi nào làm xong, sẽ dọn các sở trong nhà thương Bảo-hộ Hà-nội xuống.*

Tiêm thuốc thí-nghiệm bệnh ho lao. — *Tại nhà thương Huế đã đem thứ thuốc thí-nghiệm bệnh lao của tòa lâm-lâm y-khoa bên Pháp chế ra mà tiêm cho tất cả các viên-chức Tây Nam tòng-sự tại nhà Y-chánh Huế để nghiệm xem cái công-hiệu của thuốc ấy đối với bệnh ấy ra thế nào. Thuốc ấy đem thí-nghiệm trồng nó vào cánh tay như là trồng đậu. Những người nào trong mình đã có bệnh lao mà chưa phát thì thuốc ấy làm cho mọc lên như là hạt đậu, ấy là những người có thể trị được tiệt nọc, nghĩa là sẽ trồng lại lần khác và chữa thuốc khác nữa. Những người nào chưa có bệnh ấy thì thuốc trồng vào không có công-hiệu, thì người ấy có thể mắc và lây bệnh ngoài nhiễm vào, những người ấy cũng chữa được, song phải dùng phương-pháp khác mà chữa mới khỏi. Thuốc đã thí-nghiệm rồi, sẽ đem ra cứu-thế.*

Quan Toàn-quyền Pasquier đã tới Sài-gòn.— *Ngày 4 Juin, quan Toàn-*

quyền PASQUIER *ở Pháp đáp tàu* André Lebon *sang Đông-dương, nay đã tới Sài-gòn ngày 30 Juin. Ngài ở Sài-gòn mười ngày, định họp ban thường-trực Hội-đồng Chính-phủ để ý mấy cái dự-án ngài đem ở Pháp sang và đã hỏi ý-kiến quan Thượng-thư thuộc-địa. Và định đi kinh-lý mấy tỉnh trong Nam rồi mới ra Bắc*

Nhà máy rượu Hà-nội đóng cửa. — *Từ đầu năm nay đến giờ là nửa năm trời, khắp các tỷ rượu ế hàng, bán không được bằng nửa mọi khi trước. Bởi vậy nhà máy rượu Hà-nội phải đóng cửa và bãi ra sáu bảy trăm người làm công đều nghỉ cả.*

Đức Bảo-đại mở cuộc dạ-yến ở bên Pháp. — *Nhân cuộc Hầu-xảo Thuộc-địa bên Pháp, đức Bảo-đại có mở một cuộc dạ-yến tại tòa Đại-lý của Đông-dương. Trong số các vị đến dự có ông Nghị-trưởng Thượng-nghị-viện* LEBRUN, *quan Thượng-thư Thuộc-địa* REYNAUD, *quan Thượng-thư tài-chính* FLANDIN, *quan Thống-chế* LYAUTEY, *công-chúa* OZÉORGES, *quan nguyên Thượng-thư* SARRAUT, PASQUIER *phu-nhân, các quan Thống-đốc* CHARLES *và* BLANCHARD DE LA BROSSE.

Đại hội-đồng kinh-tế. — *Ngày 2 Juillet, ban thường-trực của Đại-hội-đồng kinh-tế đã họp tại phủ Toàn-quyền Sài-gòn. Quan Phó-toàn-quyền* GRAFFEUIL, *quan Tài-chính tổng-trưởng* DIETHELM, *quan Bưu-chính tổng-trưởng* WALTER, *có đến dự hội-đồng*

Ban thường-trực của Hội-đồng Chính-phủ. — *Ngày mồng 3, ban thường trực của Hội-đồng Chính-phủ họp tại phủ Toàn-quyền, do quan Toàn-quyền* PASQUIER *chủ tọa.*

Đến mồng 7 này ban thường-trực của Hội-đồng Chính-phủ lại họp hội-đồng nữa.

Thượng-hội-đồng binh-vụ Đông-dương. — *Ngày 4 Juillet, Thượng-hội-đồng binh-vụ Đông-dương sẽ họp hội-đồng tại phủ Toàn-quyền Sài-gòn. Quan Toàn-quyền* PASQUIER *chủ tọa.*

Lễ kỷ-niệm bách-chu-niên ông Jules Ferry. — *Ngày 4 Juillet, ở Sài-gòn, tại nhà hát tây có làm lễ kỷ-niệm bách-chu-niên ông* JULES FERRY *và ngũ-thập-chu-niên luật ngoại-đạo, do quan Toàn-quyền chủ-tịch. Dự lễ có quan Thống-đốc* KRAUTHEIMER, *quan Học-chính* THALAMAS. *Một vị giáo-sư trường trung-học có diễn thuyết.*

Quan Khâm-sứ thăm Khải-định bảo-tàng-viện và nhà thương lao. — *Ngày 4 Juillet, quan Khâm-sứ* CHATEL *có đến thăm Khải-định bảo-tàng-viện do quan Toàn-quyền* PASQUIER *đồng-ý với đức Khải-định đã dựng từ năm 1923 để thu nhặt và lưu-trữ các đồ mỹ-thuật của xứ Trung-kỳ về đường xã-hội, tế-tự và chính-trị. Quan Khâm-sứ có ngắm kỹ những bộ đồ mỹ-thuật của người Chàm ở trong viện. Ông* RIGAUX *đại-biểu Trung-kỳ, làm Hội-trưởng hội-đồng quản-trị viện Bảo-tàng có đọc diễn-văn. Quan Khâm-sứ có đáp lại.*

Quan Khâm-sứ lại đến thăm nhà thương lao, đặt tên là nhà thương Pierre Pasquier, *có ông* RIGAUX *là hội-trưởng hội «* Ligue des Amis de l'Annam *» cùng các hội-viên hội ấy ra tiếp. Quan sáu* NORMET *là chánh-y-tế Trung-kỳ cùng với ông y-sĩ Lê Đình Tham đưa ngài đi xem các phòng. Ngài chú ý nhất về máy chiếu điện để chữa bệnh, và ngợi khen các nhà sáng-lập cùng trông-nom bệnh viện ấy.*

Việc thu thuế ở Bắc-kỳ năm nay. — *Phủ Thống-sứ có lại cáo cho mấy nhà báo rằng: Việc thu thuế ở khắp các hạt đều được như thường cả. Vì sự kinh tế khủng hoảng, nên các quan đầu tỉnh sẵn lòng nhân-nhượng chấp-nhận các đơn xin đích-đáng về việc nộp thuế hay hoãn thuế.*

Thế mà về dịp này ở tỉnh Ninh-bình cũng có xảy ra hai đám biểu-tình không quan-trọng gì.

Ngày 25 Juin, hai trăm dân ở tổng Vân-chính đến tòa sứ xin hoãn thuế. Quan Sứ và quan Tuần nhận xét đơn ấy. Bọn dân lại bình-tĩnh kéo về làng.

Ngày hôm sau, một trăm dân ở làng bên cạnh cũng làm như thế. Các đám thỉnh-cầu ấy không xảy ra việc gì cả; không có một tính-chất gì về chính-trị cả.

Trái với những tin đồn trước, các tổng-lý không có ai đem nộp trả triện, và cũng không có ai xin từ chức cả.

Quan Thượng-thư Bộ Hình Tôn-thất Đàn yết-kiến quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa bên Pháp. — *Quan Thượng-thư bộ Hình Tôn-thất Đàn vào yết-kiến quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa* Reynaud *và dâng một cái hộp trong có đựng một bức thư của quan Nhiếp-chính thân-thần và các quan Thượng-thư tỏ lời cảm tạ chính-phủ Pháp hậu-đãi đức Bảo-đại trong khi du-học ở Pháp và nhắc lại tấm lòng trung-thành với nước Pháp*

Các đại-biểu Nam-kỳ yết-kiến quan Toàn-quyền. — *Các đại-biểu phòng Thương-mại, Canh-nông và Hội-đồng quản-hạt ở Nam-kỳ và Cao-miên đến yết-kiến quan Toàn-quyền* Pasquier. *Ông Hội-trưởng Hội-đồng quản-hạt* Mathieu *có trình bày quan Toàn-quyền về tình-thế kinh-tế quẫn-bách của Nam-kỳ rồi thỉnh-cầu mấy điều rằng :*

1° Mở cuộc công-thái 100 triệu bạc tại Mẫu-quốc để cho nhà nông công vay nhẹ lãi.

2° Giảm thuế nhập-cảng và bãi thuế xuất-cảng.

3° Bảo-trợ cho các nhà đi vay.

Ông Hội-trưởng phòng thương-mại Lacaze *có khẩn-khoản về điều mở-mang việc cho vay.*

Ông Labaste *nói vấn-đề cần-cấp nhất là thóc gạo. Việc này trước ông đã xin bỏ sự tăng thuế 45%, giảm thuế xuất-cảng và cổ-động cho thóc gạo Đông-dương.*

Quan Toàn-quyền nói rồi ngài sẽ cho xét về những việc ấy.

Quan Toàn-quyền Pasquier ra Bắc-kỳ. — *Ngày 8 Juillet, quan Toàn-quyền* Pasquier *cử-hành ra Bắc-kỳ. Ngày 9, ngài hội-kiến cùng quan Toàn-quyền* Robin *ở Ba-lát. Ngày 11 qua Qui-nhơn. Ngày 12 ra làm lễ khánh-thành cái cầu mới bắc qua sông Lai-giang, cái cầu này dài 480 thước, rộng 4 thước, và có 4 dịp. Rồi ngài đi thăm các đồn mới đặt ở phía nam tỉnh Quảng-ngãi từ ngày có phong-trào cộng sản, thăm các toán lính Lê-dương cùng lính khố xanh đóng tại huyện Bức-phổ, Mộ-đức, Trung-hóa, Phú-lộc và An-mỹ ở suốt dọc đường thuộc-địa, lại thăm các đồn binh đóng tại huyện Hòa-vinh, Sơn-tịnh, An-bình và An-hòa ; buổi tối về Quảng-ngãi, lại đi thăm các đồn lính đóng trong tỉnh và cách-thức vận-tải lương-thực tại trong tỉnh. Ngày 13 thăm qua Faifoo và Tourane rồi tới Huế. Trong khi các quan đại-thần ở Huế làm lễ nghênh-tiếp chúc mừng, quan Toàn-quyền có nói rằng : « Đức Bảo-đại nay mai việc học kết-liễu, sẽ về đây quản-trị vận-mệnh xứ này. Khi bản-chức sang đây đức Bảo-đại có nhờ chuyển lời chào chung cả quốc-dân và cảm ơn những ai đã giúp cho nước được cường-thịnh, cùng là bài-trừ những việc bạo-động do ngoại-quốc truyền vào. » Ngày 14, quan Toàn-quyền dự lễ Dân-quốc khánh-niệm ; đi yết-kiến Lưỡng-tôn-cung và đáp lễ quan Phụ-chánh cùng các quan Thượng-thư và viện Cơ-mật. Ngày 15, ngài dự một kỳ hội-đồng Cơ-mật ; đến thăm hội Như-tây du-học bảo-trợ và thăm Khải-định bảo-tàng-hội. Ngày 16 và 17, ngài đi kinh-lý miền Nghệ-Tĩnh. Ngày 18 thì đi Thanh-hóa rồi ra thẳng Hà-nội.*

Đức Bảo-đại đỗ tú-tài ở bên Pháp. — *Khi đức Bảo-đại đặt tiệc tại khu của*

Trung-kỳ ở Đầu-xảo thi quan Thống-sứ CHARLES *có tuyên-ngôn rằng đức Bảo-đại vừa trúng tuyển kỳ thi tú-tài một cách rất vẻ-vang.*

Sang năm, ngài sẽ thăm khắp các miền nước Pháp, ngài tỏ ý muốn hiểu thấu rõ việc chính-trị và kinh-tế, một năm nữa ngài sẽ về nước trị vì.

Đức Bảo-đại có tuyên-ngôn rằng : « Quả-nhân rất chắc ở cái chức-trách sau này, vì quả-nhân đã cố luyện-tập cho xứng-đáng với chức-phận ấy. Quả-nhân chỉ tiếc cái tình bè-bạn của các anh em học-sinh trường tỏ ra đối với quả-nhân, cùng là những khi được tự-do nghĩ-ngợi. Còn thì quả-nhân việc gì cũng tiêm-nhiễm của Pháp cùng là thầy học quả-nhân là ông CHARLES. *Bao giờ trong ký-ức quả-nhân cũng không quên những sự ấy được. »*

Một chiếc chiến-hạm đậu ở bến Hà-nội. — *Chiếc chiến-hạm « Alerle » của Pháp ở bên Tàu sang đậu ở bến tầu Hà-nội. Chiến-hạm dài 60 thước tây, sâu xuống 2 thước 7 tấc, ở trên đặt hai khẩu súng đại-bác 100 phân, hai khẩu đại-bác 37 phân, bốn khẩu cối xay. Sau khi đón chào quan Toàn-quyền* PASQUIER *ngày 18 Juillet rồi thì vào Nam-kỳ.*

Đặt thêm đại-lý ở Hà-tĩnh và Nghệ-an. — *Ở Hà-tĩnh nay đặt thêm hai đại-lý : Đại-lý thứ nhất gồm địa-phận huyện Hương-sơn, phủ Đức-thọ và tổng Lai-thanh phía bắc huyện Can-lộc; đại-lý thứ hai coi địa-phận huyện Hương-khê. Các quan văn hay võ đứng đầu các đại-lý này thì đóng ở Linh-cảm và Chu-lễ. Trước đặt đại-lý ở Linh-cảm và Can-lộc thì nay bãi đi.*

Ở Nghệ-an cũng đặt thêm hai đại-lý: Đại-lý thứ nhất gồm coi huyện Yên-thành, Quỳnh-lưu và phủ Diễn-châu ; đại-lý thứ hai gồm coi phủ Anh-sơn và huyện Thanh-chương. Các quan văn hay võ đứng đầu các đại-lý này thì đóng ở phủ Diễn và Thanh-quả. Trước đặt đại-lý ở Đô-lương thì nay bãi đi.

Hội-đồng điều-tra tình-hình Nghệ-Tĩnh. — *Ngày 8 Juillet Hội-đồng điều-tra tình-hình phía bắc Trung-kỳ do quan chánh án* MORCHÉ *chủ-tọa, có triệu-tập mấy chục người trong các hạng nhân-đẳng ở Nghệ-an và Hà-tĩnh là những người kỳ-hào, những hội-viên hàng tỉnh, những người văn-thân, những người thợ thuyền, v. v., đến hỏi mấy câu cốt-yếu sau này :*

Theo ý-kiến mọi người thì cái nguyên-nhân tại sao mà có sự biến-động cộng-sản ?

Đối với mọi phương-pháp Nhà-nước đã dùng để tiễu loạn bấy nay, ý-kiến dân-chúng nghĩ thế nào ?

Hiện nay tình-hình tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh thế nào ?

Trong dân-chúng có còn những người bất-bình không ?

Làm thế nào mà trừ tiệt được sự biến-động cộng-sản ?

Trong bấy nhiêu câu hỏi của Hội-đồng, mỗi người trả lời một cách, Hội-đồng đều ghi lại để rồi xét liệu.

Lập đảng Bảo-sản để đánh Cộng-sản. — *Ở làng Trà-vinh thuộc huyện Mộ-đức tỉnh Quảng-ngãi, có một người kỳ-mục, củ-tập được độ một trăm người ký giấy cam-đoan với nhau hết sức đánh cộng-sản để bảo-thủ sản-nghiệp cho mình, đảng này đã xin phép quan trên cho lập đảng gọi là đảng Bảo-sản. Ngày 1er Mai nhân toán lính Lê-dương giải-tán một bọn cộng-sản ở làng này, thì đảng Bảo-sản chẹn đường bắt được 17 người cộng-sản.*

Mới khám-phá ra được một nhà in Cộng-sản. — *Các chức-dịch mới khám ra một nhà in cộng-sản ở làng Yên-lưu gần tỉnh-lỵ Nghệ-an, bắt được một cái tủ chứa đầy những truyền-đơn và các giấy-má quan-trọng cùng nhiều những*

miếng vải dỏ dùng để làm cờ cộng-sản. Một người là Đinh Hồ và một người là Thị-Quang ở nhà ấy bị bắt để xét.

Khám-phá được hai chi-bộ cộng-sản mới.— *Sở mật-thám khám-phá ra được hai chi bộ cộng-sản mới ở thành-phố Hải-phòng, một chi ở sở máy đèn, một chi ở trường Kỹ-nghệ thực-hành, cả thầy 20 người bị bắt để xét.*

Bắt được mấy người Cách-mệnh Việt-Nam ở Thượng-hải.—*Sở mật-thám Thượng-hải bắt được 5 người trọng-yếu trong đảng Cách-mệnh Việt-Nam là Nguyễn Long-Bang, Đỗ Ngọc-Du, Lê Quang-Đạt, Lưu Quốc-Long, và một người đàn bà là Lý Phượng-Dực. Trong khi họ bị bắt thì Lưu Quốc-Long từ cửa tầng gác nhảy xuống bị chết ngay, còn bốn người kia đã giải về Sài-gòn để xét.*

Bắt được những người có chân trong các đảng — *Sở mật-thám bắt được 2 người cộng-sản trọ ở hàng cơm Cửa Nam Hà-nội. Bắt được 2 người ở Kiến-an chỉ chuyên mua súng-lục và đạn-dược cho đảng cộng sản.*

Bắt được Ngô Đức-Mậu làm giáo-học phủ Tĩnh-gia, là một người đầu đảng Tân-Việt mới lập ra và bắt độ 70 người đồng-đảng nữa ở các làng về miền phủ Thọ-xuân, Quảng-hóa, Thiệu-hóa và Tĩnh-gia thuộc tỉnh Thanh-hóa.

Bắt được Hồ Văn-Tâm là người trọng-yếu của đảng cộng-sản, bấy nay vẫn đứng đầu tổ-chức nhiều cuộc biểu-tình và nhiều việc ám-sát ở vùng Nghệ-an.

Bắt được hai hội kín mới lập ở Quảng-nam là Nông-hội và Đồng-minh-hội đều ở phủ Điện-bàn, cả thảy 7 người bị bắt.

Đã hành-hình Nguyễn Xuân-Huân và Nông Văn-Sinh. — *Nguyễn Xuân-Huân là một tay trong bọn ám-sát M. Bình để cướp một số tiền hơn vạn bạc ở phố* Amiral Courbet *hồi tháng Juin năm 1930, sáng ngày 23 Juin này đã đem hành-hình.— Nông Văn-Sinh là một người thổ đã nhẫn tâm giết cả một gia-quyến 6 người của một nhà ở Cao-bằng, ngày 18 Juillet Sinh đã bị hành hình.*

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.

Mới xuất-bản :

10. — Phật-giáo đại-quan.
    (In lần thứ hai). 5 hào.

Sắp xuất-bản :

11. La Poésie annamite.